

Tập II

**PHONG THỦY
TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM**

CHƯƠNG MỘT

LOAN ĐẦU PHONG THỦY

A. NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN

I. THẾ NÀO LÀ LOAN ĐẦU?

Tập trước đã nói qua phần Lý Khí. Lý Khí tức là dùng phương vị, hào quẻ, tinh tú để xác định một vị trí lý tưởng để xây dựng một ngôi nhà hoặc ngôi mộ (Loan Đầu; nó chỉ căn cứ trên sự cấu tạo của núi đồi, sông nước qua các hình dạng của nó, mà không dùng đến phương hướng (thông qua La bàn), quái hào thiên tinh. Người xưa có câu: “Bậc nhân đức vui cùng núi non, bậc trí thức vui cùng sông nước” (*Nhân giả nhạo Sơn, Trí giả nhạo Thủy*). Sơn kỳ thủy tú có thể làm lòng người hài hòa thoải mái. Câu đó không riêng gì cho người Đông phương, mà chung cả cho loài người từ xưa đến nay. Đó cũng là ý nghĩa Loan Đầu trong Phong Thủy.

Cũng cần nên biết thêm, thuật Phong Thủy chẳng qua là sự thể hiện theo từng bước kinh nghiệm của con người về thiên nhiên. Nên trải qua một thời gian dài, những kinh nghiệm ấy có thể thay đổi ít nhiều để cho phù hợp với cuộc sống. Trước đời Đường (Trung Quốc) thuật Phong Thủy có pha trộn với mê tín. Ví dụ, khi tìm xong một cuộc đất tốt, dù biết là tốt, họ cũng phải bói nếu gặp quẻ lành họ mới an tâm thực hiện. Đến đời Đường nhà phong thủy nổi tiếng là Dương Quân Tùng mới xướng lên thuyết Loan Đầu (hình phái, hình thế). Ông nói: “Sơn và Thủy đã ăn ý với nhau, tức là thiên nhiên đã chọn sẵn cho ta một cuộc đất lành, dù có bói cũng lành, không bói cũng lành, chỉ cần phối hợp nhịp nhàng giữa Sơn và Thủy qua sự

dàn dựng của con người là đủ". Ý tưởng đó cũng khá tiến bộ. Đến đời Tống lại có phái Lý Khí ra đời. Họ chủ trương "tại trời mà cũng tại ta". Thiên nhiên không phải ở hình thể mà thôi, thiên nhiên còn có sự hiện diện của cái vô hình nữa, ví dụ như Khí, Đức,... Chính vì vậy Sơn và Thủy phải pha trộn đủ thứ vào. Và kết lại, La bàn là sản vật của phái Lý Khí, và xưa nay không một nhà Phong Thủy hình phái nào không dùng đến nó.

Tuy vậy, trong phần này chúng ta đi sâu vào thuyết Loạn Đầu một cách thuần túy.

II. SƠN

1. Sơn: Từ ngữ gọi chung cho các dạng núi khi nó chưa giữ một vai trò quan trọng nào trong Phong Thủy. Nếu Sơn dùng trong nghĩa rộng, thì một doi đất, một cụm đồi, một mô, gò, nền... vẫn dùng "Sơn". Từ đó, 24 hướng trên La bàn vẫn gọi là 24 Sơn. Vì 24 Sơn đó người ta có thể dựng nhà, xây mộ...

1) Thái Tổ Sơn: Là rặng núi lớn nhất trong các rặng núi của một cuộc đất lớn, mà những núi khác trong vùng chỉ là những hệ phái phát xuất từ rặng núi này. Ví dụ: Dãy Trường Sơn là Thái Tổ Sơn của Việt Nam.

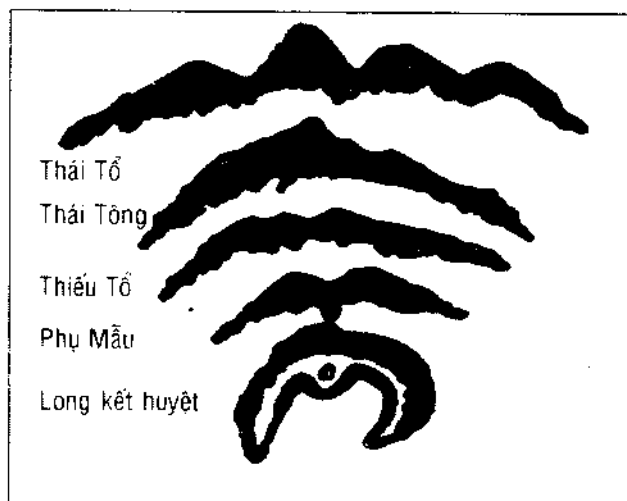
Các núi nhánh như Hoàn Sơn, Hải Vân Sơn, Đại Lãnh Sơn... đều đâm nhánh từ Trường Sơn. Người ta dùng Thái Tổ, Thái Tông, Thiếu Tổ... là có ý muốn chỉ các sơn ấy có một tinh thần, và thể hệ của nó như cơ cấu của một vương hệ. Từ ngữ này có tính phong kiến và áp đặt, bắt ta phải kính trọng, bái vọng sơn như bái vọng vương hệ của một triều đại, biết vậy nhưng ta không thể khước từ được.

2) Thái Tông Sơn: là một núi lớn được đâm nhánh trực tiếp từ Thái Tổ Sơn, nhưng nó phải cho ra được nhiều Sơn tử, Sơn tôn tốt đẹp.

3) Thiếu Tổ Sơn: núi này phát xuất từ Thái Tông Sơn, tự sinh nhiều chi điệp, mỗi chi điệp có thể sinh ra nhiều nhánh

H. 37

Các thứ bậc của Sơn



núi nhỏ, trong đó có nhánh là “Long Mạch” để sau này cho ta “Huyết”.

4) Phụ Mẫu Sơn: là nhánh của Thiếu Tổ Sơn, luôn đứng kể sau núi có Long Mạch.

Trên đây là sự phân biệt cho ta biết thứ bậc của nó. Các nhà phong thủy đã rút gọn, từ Phụ Mẫu Sơn trở lên đến Thái Tổ Sơn gọi chung là Tổ Sơn. Muốn xét một Long Nhập Thủ (Long kết huyết) lành dữ thế nào, ta khó mà đi hết ngọn nguồn của nó, chỉ cần quan sát hình dáng núi phụ mẫu là đủ. Nếu ai cất công đi tìm đến “ông Thái Tổ” thì cũng không hại gì.

Phụ Mẫu Sơn đoạn chính trang nghiêm ắt “núi con” sẽ chứa được những khí lành. Cũng có nhiều ngoại lệ, núi Cha Mẹ lở lói mà núi con vẫn tươi tốt.

2. Sơn Thế: Nói đến Sơn thế là nói đến cách thức và diện mạo của Tổ Sơn và Long Nhập Thủ. Trong Phong Thủy người ta đòi hỏi thế núi phải đoan chính uy nghi và không lở lói. Núi có mạnh mẽ thì địa khí nơi đó mới dồi dào, nếu núi lở lói thì khí bị thương tổn.



Ảnh 1: Một ngọn núi có dạng Hỏa, nguyên là một núi đá, chính quyền địa phương cho máy cào bới lấy sỏi làm đường. Không bao lâu nữa ngọn núi sẽ biến mất trên mặt Địa Cầu. Những năm còn chiến tranh, tỉnh này là nơi chịu đựng khốc liệt nhất. Hòa bình vẫn hồi, những ngọn núi vô tội cũng không được để yên. (Trong ảnh, bên cạnh núi lớn, một núi nhỏ cũng đang bị đào xới).

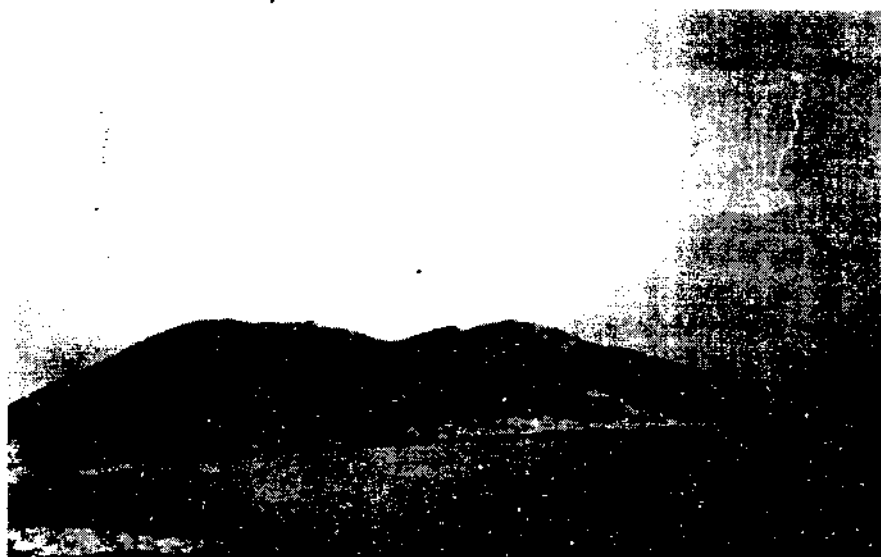
Ảnh của NNP

oOo

Những núi đá cũng không ích lợi gì trong Phong Thủy. Thế núi ấy chỉ cho những hung khí và sát khí. Từ âm trạch đến dương trạch đều phải tránh xa nó.



Ảnh 2: Núi đá. Độc giả chú ý, giữa lưng chừng núi có một luống cây xanh, chứng tỏ rằng, dưới luống cây ấy có một dòng "khí mạch" rất sống động. Hết luống cây ấy về phía tay phải (Bắc) lại có một đoạn núi rất tươi tốt, kể phía dưới đó có một bàu nước rộng 10 ha, quanh năm nước đầy. Nơi đây có hào huyết tiềm ẩn. Ảnh của NNP.



Ảnh 3: Gọi đây là một núi đá thì không đúng. Đây là một khối đá lớn nhất thế giới, mặt phía đông giáp biển thẳng đứng như bức tường, có hình dáng nửa quả dưa leo bị cắt đôi theo chiều dọc, dài ngót 1 km, cao 110m, một khoảng dưới chân núi bị cát bồi, một ít cây dại mọc ở đó. Phía trước khối đá này là một thôn (tức bên kia núi), nó không còn là "khối đá" nữa, mà là... núi! Cây cối sầm uất cũng như dân cư. Nơi này ngày nay là một khu vực trù phú. Vì hình dạng một ngọn "chủ sơn", núi không ra núi, đá không ra đá, một nửa trước là núi, một nửa sau là "viên đá tảng", nên truyền thuyết nói rằng, đây là xứ "bán thế công danh" (công danh dở chừng). Trong Guinness có ghi "khối đá lớn nhất thế giới ở Úc cao 60m, dài 600m", từng cũng nên xét lại kỷ lục đó. (1)

Ảnh của NNP

oOo

Sơn thế cần tránh nghiêng lệch. Nhà nghiêng còn có kèo cột chống đỡ, núi nghiêng thì làm sao? cũng phải tránh xa nó như tránh xa những ngọn núi trên đây. Có những khối núi, sơn thế tuy không nghiêng lệch cũng hóa thành nghiêng lệch, vì mặt chân đế của núi, không rộng, hai bên hông núi chạy thẳng đứng lên trông như bức tường, lại không có cây cối, khiến

người đứng dưới chân núi có cảm giác khối núi ấy muốn đổ ập xuống đầu mình. Những nhà cát dưới đó luôn bị đe dọa. Những cảnh tượng đó cho ta thấy đường như sát khí của núi toát ra dữ dội. Dẫu trong thành phố đông đúc, chật hẹp, nếu gặp cảnh núi như vậy cũng đành phải kính nhi viễn chi.

Ảnh 4: Khối núi này được vua Minh Mệnh tứ danh là Mộc Sơn, thật ra đây cũng là một khối đá, hai bên vách đá như một bức tường, khí, sức cũng khó mà leo được. Nhà cát sát vào Mộc Sơn, cách đây mấy năm đã có hiện tượng "đá lở" và ầm ầm lăn xuống. Vì nó nằm trong cụm Ngũ Hành Sơn nổi danh là một thắng cảnh, nên nơi đây trở thành một trung tâm du lịch quan trọng. Thổ cư, một tắc đất là tắc vàng, người ta đánh giao mạng cho Núi! (nghe đầu rằng, núi Nhan Tháp ở Tuy Hòa cũng bị sạt lở, đá đất tấn công vào người, chính quyền địa phương đã khắc phục, phung vắn lỗ đến lần thứ hai!). Xem vậy đủ biết, Sơn thế trong Phong thủy không phải bày vẽ những sự hư huyền mà đó là chuyện cần thiết trong cuộc an sinh.

Ảnh của NNP



oOo

c. Sơn Thủy

Trong Phong Thủy, Sơn và Thủy có sự liên hệ chặt chẽ với nhau qua sự tác dụng tương quan của khí. Chỉ có nước mà không có núi, thì tản khí; có núi mà không có nước thì núi cũng khô mà tươi nhuận. Thường thường giữa hai rặng núi hay có dòng sông phát sinh, và giữa hai dòng sông thường thì có rặng núi chạy men theo, hay ít ra cũng có những đồi gò – khoa Địa Chất cho đó là do sự cấu tạo của Địa Tầng – Thiên nhiên

- cũng có những sủng ái tương xứng với thiên nhiên.

Phong Thủy xem Sơn là chủ, Thủy là khách, bởi vì Sơn ở thế tĩnh, Thủy ở thế động. Khách và Chủ phải quyến luyến thân tình với nhau, có nghĩa khi dòng nước rời xa sơn, phải tỏ ra lưu luyến, và Sơn cũng phải tỏ ra vui mừng để chào đón khách. Sơn thế uy nghi hùng vĩ, Thủy thế phải dịu dàng yếu điệu. Có 5 trường hợp đáng ngại trong mối “tương giao” giữa Sơn và Thủy đó là:

- 1) Núi cao vút, nước chảy xiết.
- 2) Núi ngắn, nước phóng thẳng.
- 3) Núi lấn nước để cắt ngang dòng chảy.
- 4) Núi ngồn ngang nham thạch, nước chảy trăm lối không hình dạng gì.



- 5) Núi lồi một cách kỳ quái, nước chảy ngược.

Những nhận thức về Sơn Thủy của Phong Thủy rất gần gũi với hội họa và mỹ thuật. Nhà hội họa khi vẽ phong cảnh, họ xem núi và nước không tách rời, sông và núi như là một cặp phạm trù. Các họa sĩ cổ điển Đông phương dường như chịu ảnh hưởng rất nhiều ở Phong Thủy. Ta nhận xét hai bức tranh sau đây sẽ thấy rõ.

Tranh này của Họa sĩ Tiêu Nhất Vi (Đài Loan) mang tên “Thụ áp Văn Căn tiểu kinh thấp”, ngọn núi cao nằm trong sương khói mù mịt, dưới sơn cước có một ngôi nhà. Một khúc sông đang uốn mình trườn về phía trước. Đây là phép “Tọa Sơn hướng thủy”.

Tranh này của Họa sĩ Dao Văn Lâu, vẫn dòng sông lặng lẽ uốn lượn rất nên thơ dưới một ngọn đồi. Một ngôi nhà dựng bên bờ sông, không có dạng tọa sơn hướng thủy. Qua bố cục của bức tranh, cho phép ta đoán ý tác giả, với dòng sông thơ mộng uốn lượn yếu điệu đó không bao giờ xảy ra nạn nước dâng.



Hai bức này không kém sự thật bao nhiêu. Bạn đọc hãy so sánh hai bức ấy với bức ảnh sau đây để tìm thấy “bí quyết của Phong Thủy”.



Ảnh 5. “Sông Sơn và núi Răng Mèo” – Các chi sơn trùng điệp có nhiều dạng thuộc Ngũ Hành Kim, Thủy, Hỏa, Thổ. Dòng sông lặng lẽ uốn lượn hình chữ chi cõ, vì thế nơi đây ít xảy ra nạn lũ lụt. Hướng của dòng sông là Đông Bắc – Tây Nam, một ngôi làng nhỏ sống yên lành bên bờ sông với thế tọa sơn hướng thủy (Tọa căn hướng tốn: Phong thiên tiểu súc). Một súc tụ nho nhỏ, tuy không giàu có, vẫn no đủ cả đời.

Ảnh của NNP

III. LONG

Từ xa xưa con người từ lúc khái niệm được Thần Linh thì cũng đã khái niệm được Rồng. Giữa Rồng và Thần Linh đều có biến hóa, nhưng Thần Linh thì vô hình, còn Rồng thì hữu hình. Thần Linh có phép tắc, Rồng có uy phong. Trong cổ văn Trung Quốc có đề cập đến 3 con vật mang tính truyền thuyết đó là Phượng Hoàng, Kỳ Lân và Rồng. Ba con vật này gắn liền với lịch sử cổ đại Trung Quốc rất nhiều. Phượng Hoàng, Kỳ Lân đến nay thì bật vô âm tín. Nhưng “dấu vết rồng” vẫn còn: Thịnh linh giữa biển khơi sóng gió nổi lên ầm ầm, rồi một hoặc hai cột nước đường kính hơn 1m từ dưới nước bắn vút lên mây cao từ 200m đến 500m, cảnh tượng lạ lùng hùng vĩ đến khiếp sợ. Dĩ nhiên ngày nay giải thích hiện tượng đó theo khoa học, nhưng người xưa thì tin rằng đó là “Long quyển thủy” (Rồng cuốn nước). Người xưa tưởng tượng ra hình dáng của rồng: Mình rắn đầu ngựa, có sừng, có râu, có chân, có móng vuốt, con xanh, con đỏ, đen, vàng... rồi một loạt thành ngữ được đặt ra: Lương Long tranh châu, Thần Long bá vị, Mãnh long quá giang, Song Long xuất hải, Long hồi cố tổ, Càng Long hữu hối (Dịch)... Không riêng gì Đông phương, Tây phương cổ đại vẫn tin có rồng. Dragon, nguyên từ tiếng Latinh là Draco, hình tượng giống như con rồng Trung Quốc nhưng không có sừng, mà lại có cánh.



Rồng hút nước. Ảnh của Larousse.

Người Ấn Độ cũng có rồng – Naga. Rồng của Ấn Độ cũng biến hóa không khác gì rồng Trung Quốc. Trong kinh điển

Ảnh 6. Mũi Rồng (Pointe de Dragon). Ảnh của NNP.



Bà-La-Môn và Phật giáo đều có nhắc đến.

Nước ta chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc nên các hình tượng về rồng cũng có màu sắc của Trung Quốc, thậm chí các cách sử dụng những hình tượng ấy không hề có một sự cách biệt.

Phương của Rồng – tức Long, là phương của chòm sao Càng Kim Long là phương của 120° (Đ-Đ-N) hay là vị trí của Thìn trong vòng 24 sơn, nằm giữa Mẹo và Tốn.

Trên suốt đất nước Việt Nam chỉ có một nơi duy nhất một khối đá có hình tượng con rồng dính liền với núi. Bản đồ người Pháp vẽ từ đầu thế kỷ 20 gọi là Pointe de Dragon. Khối đá dài 120m, cao 45m, có đầu, lưng, đuôi, chân sừng gạc, khí thế rất hùng vĩ uy bức. Con rồng này để lại cho địa phương rất nhiều huyền thoại. Câu ca dao còn truyền lại: “Ngó ra Đá Dựng ai trồng, Gò Sơn ai tạo, Mũi Rồng ai xây”. Truyền thuyết nói rằng, vết chém giữa Đầu Rồng và Núi là do Cao Biền hồi còn làm An Nam Đô hộ sứ (thế kỷ IX). Một khối đá lớn như một tòa cao ốc cách mũi Rồng chừng 4km về hướng Tây Bắc, gọi là Đá Dựng là do Tủy Rồng bị chém văng đến đó. Một gò đất, đá



Hang Đầu Rồng. Ảnh của Đinh Đăng Định

Bản đồ người Pháp vẽ, địa phương này vẫn đủ "Tứ Linh": Long (Dragon), Lân (Mont de Phare - núi Hải Đăng, dân địa phương gọi là Hòn Lân hay hòn Gò Dưa cao cách mặt biển chừng 60m, dài 800m, trên đó đá và cây chen chúc nhau, trong núi có "Miếu Bà Tô"), Qui (Ile de Tortue, dân địa phương gọi là hòn Tranh), Phụng

màu đỏ cách Mũi Rồng 4km về hướng chánh Nam, gọi là Gò Sơn là do Máu Rồng bị chém văng đến đó. Con rồng này "mưu toan" kéo núi lấp cửa biển lại nên mới bị chém.

Ngay dưới cổ rồng có một cái hang, đứng bên đàng Tây trông suốt bên đàng Đông, nhà nhiếp ảnh Đinh Đăng Định gọi nó là "Hang Đầu Rồng", đó là ông đặt một tên mới, tên từ cổ lai của nó vẫn là "Móc Họng". Khối đá giữa Móc Họng giống như quả tim, cao 5m, gọi là "Hòn Tim". Cá và tôm hùm ở đây rất nhiều, nay thì đã mòn rồi!



Móc Họng. Ảnh: NNP

(Ile de Phénix), dân địa phương gọi là Hòn Đụn. Trên cao nhìn xuống giống như chim Phụng Hoàng đang sải cánh).

Cũng cần nói thêm, nơi đây là một thắng cảnh, nước trong, biển đẹp, cá ngon, cách quốc lộ I ngoài 20 km. Nơi đây vẫn có nhiều truyền thuyết về phong thủy, vì biết rằng không địa phương nào không có những truyền thuyết, nên tác giả không ghi vào đây nhiều.

Một khối đá mường tượng như đầu rồng trong những bức họa ngày xưa: Có sừng có gạc có lân có giáp (2). Ốc tượng tượng của người xưa thật là phong phú. Qua hình tượng của con Rồng đá này, ta càng hiểu thêm, tại sao người xưa gọi Núi là Long. Ta cũng cần biết thêm, "Long chẳng qua là danh gọi tượng hình, ngoài ra không ý nghĩa gì khác. Nếu quả thật có một huyết tốt, táng người thân xuống đó có phát tài lộc cao quan,



Ảnh 7. Long Đầu. Ảnh: NNP.

thì dù có gọi “Long” là “Đóng đá” cũng vẫn cứ phát!

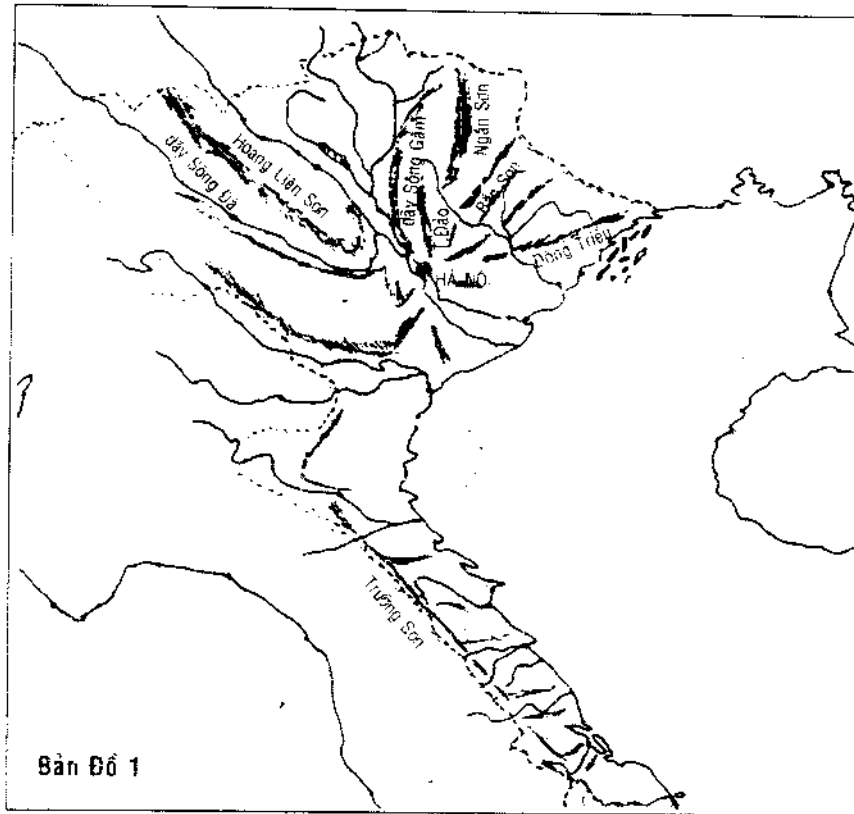
a. Long Mạch: Mạch, nguyên là đường dẫn máu di lưu trong cơ thể, vì trong đất cũng có những đường khí mạch chạy ngầm, nên người ta mượn hình ảnh mạch máu chỉ cho mạch đất. Vậy, Long Mạch là những dòng khí mạch chạy trong núi. Long Mạch người ta thường gọi tắt là Long. Riêng Tả Ao gọi Long Mạch là Mạch. Ví dụ:

*Nợ như dưới đất bình dương
Mạch thánh giác điên xem tỏ mới hay
Bình dương lấy nước làm thầy
Thứ nhất khai khẩu thứ nhì nhũ long
Thứ ba mạch thất cổ bồng
Thứ tư sơn chỉ hồi long càng tài...*

hoặc:

*Mạch có mạch âm mạch dương
Mạch nhược mạch cường, mạch tử mạch sinh
Sơn cước mạch đi rành rành
Bình dương mạch lẫn nhân tình không thông
Có mạch qua ao, qua sông
Qua đầm qua núi qua đồng qua non
Có mạch lại phát ngôi dương (không phải vương)
Nhìn xem cho tường mạch ấy làm sao
Mạch thô đi chẳng khép vào
Vốn đi một chiều mạch ấy phát dương
Ba mươi sáu mạch cho tường...*

Trong hai đoạn văn vần trên, Tả Ao đã đồng hóa Long Mạch với Mạch, hoặc Long nhập thủ với Mạch, khí mạch với mạch. Như trên đã nói, sự việc cốt ở nhận ra Huyết lạnh, chứ không cốt ở ngôn ngữ. Những nhà phong thủy Trung Quốc lại càng rắc rối hơn. Riêng Long Mạch họ chia hàng... vạn kiểu, đặt ra hàng vạn cái tên. Tôi cho rằng dù đặt hàng vạn cuộc đất



cũng không đủ, vì thực tế không có hai cuộc đất trên địa cầu này giống nhau. Tốt nhất là nên có một cái nhìn tổng hợp, và nên dựa trên đặc tính chung mà phân loại.

Xét về Long Mạch nước ta tuy vẫn từ sơn hệ của Trung Quốc chạy đến, nhưng khi vào địa phận nước ta có nhiều điểm rất bất ngờ: một hệ thống núi hình nan quạt kể từ tây sang đông: Dãy Đông Triều, Bắc Sơn, Ngân Sơn, dãy Sông Gâm, dãy Hoàng Liên Sơn, dãy Sông Đà và gần Hà Nội có dãy Tam Đảo. Tất cả đều hướng về trung tâm Hà Nội (và cũng cần nói thêm, các sông phân phối trên địa phận miền Bắc cũng theo dạng hình rẽ quạt nhắm Hà Nội mà đồng qui) (bản đồ 1). Thế

Núi và Sông như vậy nên Tả Ao nói:

Thiên sơn vạn Thủy triều lai

Can Chi Bát Quái trong ngoài tôn nghinh. (3)

Còn dãy Trường Sơn vẫn liên mạch với các sơn hệ vùng Tây Bắc VN, chạy dài xuống phương Nam uốn theo hình chữ S, và hình thế VN dường tượng như con Rồng đang giương nanh múa vuốt, đầu hướng về phương Bắc, đuôi vùng vẫy phía Nam, mà dãy Trường Sơn là cột xương sống nối liền với nã sọ Bắc Bộ. Dãy Trường Sơn dừng lại khi vào địa phận Nam Phần.(3)

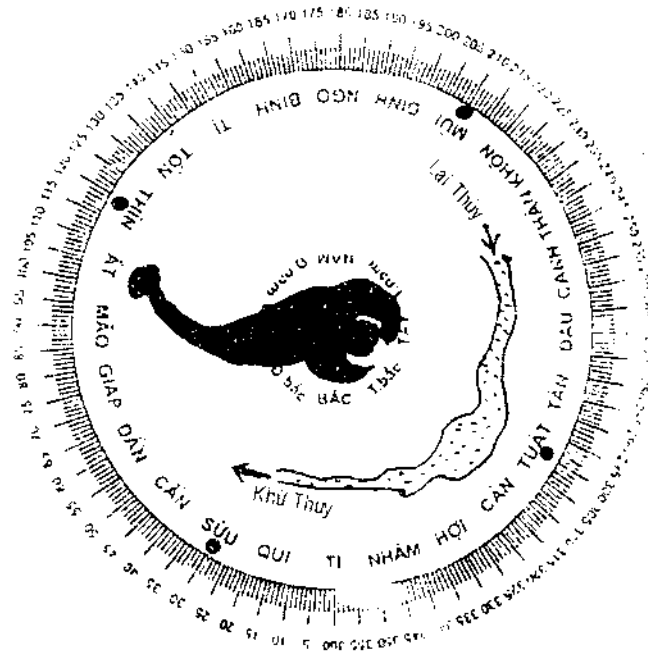
Trên suốt Trường Sơn có hàng trăm rặng núi đâm ngang hướng Tây Đông, hay hướng Tây Bắc – Đông Nam, rồi dựa theo các núi ngang ấy có rất nhiều sông suối tạo thành những đồng bằng nho nhỏ. Những cánh đồng ấy đủ sức hình thành được những huyện hoặc những tỉnh, và cũng có nhiều nơi sơn triều thủy tụ, quí địa chân Long, không bút mực nào diễn tả cho hết được.

Riêng đất Sài Gòn – Gia Định, dư khí của dãy Trường Sơn tỏa ra các tỉnh Bà Rịa, Đồng Nai, Bình Phước, Tây Ninh... tạo thành những ngọn núi nhăm vào Sài Gòn mà triều bá.

Do đó, trên bình diện Địa lý Phong Thủy, Long Mạch thì uyển chuyển – tiêu biểu là rặng Trường Sơn như Rồng đang vùng vẫy uốn lượn (hình chữ S), kéo theo bờ biển suốt từ Bắc đến Nam cũng uốn theo hình chữ S. Như vậy ngành Địa lý Phong Thủy vẫn có lúc bất kịp ngành Địa Chất học hiện đại.

Những đại Long, tiểu Long hầu hết đều linh động, uyển chuyển, thoát ẩn thoát hiện, chọt Nam Bắc, chọt Đông Tây, khi vươn mình lên đến mây, khi hạ mình đến sát biển, khi trườn tới hàng ngàn cây số, khi khoanh tròn như con linh miêu. Những thế tốt của Long là Xuyên (vượt qua), Lạc (hay Giáng: hạ xuống, đáp xuống), Truyền (chuyển, nhảy từ nơi này sang nơi khác), Biến hóa (thay đổi đột ngột). Những thế xấu của Long là khô khốc, nham nhở, dẫn độn, thô phạm. Tất nhiên có tốt phải có xấu, cũng có khi trong Long tốt lại nảy sinh một vài chi Long xấu hoặc Long xấu sinh ra một vài chi Long tốt. Người xem

Làm thế nào để phân biệt chân long (rồng tốt) ác long (rồng xấu)? Người ta thường cất công đi tìm Tổ Long. Tổ Long có uy nghi hùng vĩ thì Long tử, Long tôn ảnh hưởng cái "gène" di truyền (cũng giống như người) nên cũng khỏe mạnh hoạt bát sinh động tráng kiện. Nói thế vẫn chưa đủ. Muốn xác định một Long tốt còn cần đến thủy thể của nó nữa. Hảo long, chân long thì phải có sông suối đi theo, nếu kèm hai bên Long (trước mặt và sau lưng) thì càng tốt. Thủy thể phải tương ứng với Long thể. Long thể lớn thì Thủy thể cũng phải lớn. Thủy thể nhỏ thì Long thể nhỏ. Thủy nhỏ Long lớn, hay Thủy lớn Long nhỏ tuy không hại gì nhưng giảm phần tốt đẹp đi. Nhận



Hình 38: Càn Thủy, Ất Long (trong Tứ Cục Thìn Tuất Sửu Mùi)

rõ diện mạo Thủy và Long tức là tìm hiểu Lai Long. Lai Long là những Long Mạch từ xa kéo đến, để chuẩn bị nhập thủ mà cho huyết tốt. Do đó mà nói, muốn biết Lai Long phải biết Thủy – Long và Thủy như vợ chồng. Vì núi cao lớn dềnh dàng nên khó nhận biết, còn Thủy nằm trên mặt đất, ta dễ biết hơn.

Về phong thủy muốn xem nước phải xem qua Huyền Không Ngũ Hành (tập I đã nói đến) đếm qua Vòng sao Trường Sinh để xác định Sinh, Vượng, Tử, Tuyệt của nó. Như vậy Sinh Vượng Tử Tuyệt tùy theo Âm Dương mà nằm trong Thìn Tuất Sửu Mùi. Nhưng Thìn Tuất Sửu Mùi được gọi là 4 kho (Tứ Khố hay Tứ Mộ, gọi tắt là Mộ Khố). Trên giòng lưu thủy nơi nào là khố? Đó chính là Thủy Khẩu! Thủy Khẩu là nơi nước tụ đến đồng thời là nơi nước chảy đi. Vậy Thủy Khẩu đóng tại tứ Mộ Khố (tức Thìn Tuất Sửu Mùi). Trên thực tế thủy khẩu không phải là một điểm mà là một vùng nhận Tứ Mộ là chính. Do từ kinh nghiệm trên thực tế mà họ có công thức như sau:

1. Nếu Thủy Khẩu đóng tại Tân, tại Cấn (để ý: Thủy Khẩu đóng tại Tuất có thể trườn tới một trong hai điểm hoặc qua Cấn nếu là chảy thuận, hoặc qua Tân nếu là chảy nghịch. 3 trường hợp sau cùng xét như vậy) thì ta biết đó là Ất Long (Ất đối diện với Tân).

2. Nếu Thủy Khẩu tại Quý, tại Cấn (Quý, Cấn nằm 2 bên Sửu, cũng giống như Tân Cấn nằm hai bên Tuất), ta sẽ có Đinh Long (Đinh đối diện với Quý).

3. Nếu Thủy Khẩu tại Ất tại Tốn (Ất, Tốn 2 bên Thìn), ta sẽ có Tân Long (Tân đối diện với Ất).

4. Nếu Thủy Khẩu nằm tại Đinh, tại Khôn (Đinh Khôn hai bên Mùi), ta sẽ có Quý Long (Quý đối diện với Đinh).

Vậy, ta đã hình thành được Tứ Cục Thủy.

Tứ Long trên đây, nếu Long nào từ xa đến, thế núi hùng vĩ tráng kiện, cây cối trên Long đó sinh động tươi tốt đều được xem là sinh, vượng (sinh, vượng = tươi tốt mạnh mẽ, nguyên là

Trường Sinh, Đế Vương được dùng như một tinh tú). (4) Long nhập thủ mà phản với Sinh Vương ắt là tử tuyệt (tử tuyệt = chết, dứt. Nguyên Tử và Tuyệt nằm trong vòng sao Trường Sinh, ở đây được dùng như một tinh tú). Thật ra Phong Thủy ở đoạn này có pha lẫn với Lý Khí tức là vẫn dùng đến phương vị, trên thực tế đâu phải Tứ Long, Tứ Thủy? Đây người ta dựa trên lý thuyết mà chia làm 4 cục chính, chứ nó đến 24 Sơn. Lại trong 24 Sơn ấy phải kỵ “bát sát” (8 phương vị nguy hiểm) đó là:

- Cấn Long tọa Thân – Li Long tọa Tị
- Khâm Long tọa Tuất – Khôn Long tọa Dậu
- Chấn Long tọa Dần – Đoài Long tọa Hợi
- Tốn Long tọa Mẹo – Càn Long tọa Tị

(Dùng phương vị Hậu Thiên). Tám Long đã nêu trên nếu tọa vào phương vị đã ghi chép trên đây, đều bị “Sát Long” (Long bị giết), rất nguy hiểm. Thông tin cổ điển này phần đông các sách phong thủy nước ngoài đều ghi như vậy, nhưng họ không giải thích tại sao lại có những hiện tượng đó. Ta trở lại phần “Hương huyết” (tập I), thì sẽ thấy 7 long trên (trừ Đoài Long) lần lượt không hề có:

- Cấn Long tọa Thân hướng Dần – Li Long tọa Tị hướng Hợi.
- Khâm Long tọa Tuất hướng Thìn – Khôn Long tọa Dậu hướng Mẹo.
- Chấn Long tọa Dần hướng Thân.
- Tốn Long tọa Mẹo hướng Dậu – Càn Long tọa Tị hướng Hợi

Duy có Đoài Long (tức Dậu Long) trong Hồng Vũ Cấm Thư và trong Địa lý Tả Ao ghi là: “Đoài Long có “Hương Huyết” là Tị (tức là Tọa Hợi hướng Tị). Điều này trong Địa Lý Toàn Thư không ghi (xem lại Hương huyết). Những việc

này thuộc về phần Lý Khí. Xem vậy đủ biết người ta không thể nào tách riêng Lý Khí với Loạn Đầu. Trong phong thủy có lời căn dặn: “dù Long tốt Mạch tốt huyết tốt mà Long Mạch phạm một trong 8 sát đều đưa đương nhân đến chỗ nguy hiểm”.

Cách sát phong Thủy Trung Quốc chia Long Mạch ra làm không biết bao nhiêu dạng, mỗi thầy tự ý chia mỗi khác, còn Tả Ao phân nó ra làm 36 mạch (không giải thích những mạch đó như thế nào), nhưng gom lại chỉ còn hai mạch (2 long): đó là mạch Tử, mạch Sinh (Long Tử, Long Sinh):



H. 38b Sinh Long (Theo Tả Ao)

Sinh Long (mạch sinh) có hình dạng như một con dơi thú đang vung đầu múa sừng vùng vẫy, tư thế rất sinh động hùng tráng. Gặp được Sinh Long có giòong thủy lưu yểm trợ chẳng khác rồng gặp mây, còp gặp gió chủ phú quý phúc đức.



H.39 Tử Long (Tử Mạch)

Hình dáng như một con dơi nằm “chết”, tất cả các bộ phận đều lệch về một bên thò kệch nham nhở dần dần một mối. Tất cả ý nghĩa đều ngược lại với Sinh Long.

Các sách Phong Thủy ở Trung Quốc chia Long Mạch ra làm nhiều dạng, duy chỉ Liêu Hi Ung trong “Táng Kinh Dục” thực tế hơn chia làm 9 dạng:

1. Hồi Long: còn gọi: Long Hồi Cổ Tổ; Long Hồi Cổ; Thần Long Bái Vĩ tức là dạng Long đang đi ngon trớn, chợt quay đầu lại như nhìn về chốn quê xưa, như “liếm đuôi”, như bái lạy cái đuôi, đây là dạng Long Mạch rất quý. Tả Ao tiên sinh liệt kê nó vào hàng “thứ tư” (thứ nhất khai khẩu thứ nhì như Long, thứ ba mạch thất cổ bông, thứ tư Sơn chi Hồi Long càng tài). Sơn chi Hồi Long, là nơi núi dừng rồi Long quay ngoặt lên:



H.40 Hồi Long

Dạng Hồi Long này ngoài thực tế không hiếm, nhưng vì trên một địa bàn quá lớn rộng, không có mấy ảnh nào thu được cho dù trên máy bay cũng chịu. Xin mách bạn đọc để tham khảo: Một dãy Hoàng Liên Sơn cùng với sơn hệ của nó chạy dọc theo phía Tây sông Hồng đến Đèo Cón hạ thấp dần đến

Hồ Sông Đà, trườn qua thị xã Hòa Bình rồi ngoặt lên phía Việt Trì để liên thông với Tam Đảo. Hai: Một rặng khác từ cao nguyên Lai Châu chạy đến Mộc Châu liên thông với sơn hệ Cúc Phương, rồi ngoặt lên Hòa Bình liên thông với Hoàng Liên Sơn, cùng châu về Hà Nội. Đó là 2 dạng Hối Long. Ở miền Trung còn một rặng nữa cũng đáng lưu ý: nguyên đèo Ngoan Mục là do sự cấu tạo của 2 cao nguyên Lâm Viên và Di Linh rồi đổ dần xuống Tây Nam giáp Vinh Hảo (H. Tuy Phong) rồi ngoặt lên hướng Bắc làm thành núi Mũi Dinh chạy lên đến Phan Rang – Ninh Chữ...

2. Xuất Dương Long: Hình thể loại Long này bay nhảy hoạt bát, vùng vẫy thoải mái. Ở nước ta có thể hình dung nó qua Hải Vân Sơn, Đại Lãnh Sơn...

3. Giáng Long: Còn gọi là Lạc Long, đó là những “con rồng” đáp xuống với dáng điệu thanh tú, uy nghi cốt cách đường bệ như rặng Hoành Sơn (Đèo Ngang), An Khê Sơn (Bình Định), Yên Tử Sơn (Quảng Ninh) nằm trong sơn hệ Đông Triều.

4. Sinh Long: Hình dạng và cốt cách như đã nói ở trước.

Ngoài ra còn có các dạng như Phi Long, Đằng Long, Ẩn Long, Nga Long, Quân Long. Có thể hình dung ra được các dạng Long đó nhưng khó vẽ được những hình ảnh thiết thực.

Trong khi đó Địa Lý Toàn Thư đưa ra một loạt long như: Sinh Long, Cường Long, Tiến Long, Thuận Long, Phúc Long (đó là 5 loại rồng tốt) và: Tử Long, Nhược Long, Bệnh Long, Thoái Long, Nghịch Long, Sát Long, Kiếp Long, Hung Long (8 loại rồng xấu). Cách trình bày hình vẽ của họ không cách nào phân biệt được. Ví dụ:



Sinh Long



Cường Long



Thuận Long



Tiến Long

BẢNG SO SÁNH C

24 SƠN	CAN CHI NGŨ HÀNH					HỒNG - PHẠM NGŨ HÀNH					CHÍNH NGŨ		
	MỘC	HÒA	THỔ	KIM	THỦY	MỘC	HÒA	THỔ	KIM	THỦY	MỘC	HÒA	THỔ
Nhâm +					X		X						
Tí +					X					X			
Quý +					X			X					
Sửu -			X					X					X
Cấn -						X							X
Dần +	X									X	X		
Giáp +	X									X	X		
Mão -	X					X					X		
Ất +	X		X				X				X		
Thìn +										X			X
Tổn -										X	X		
Tị -		X				X						X	
Bính -		X					X					X	
Ngọ +		X					X					X	
Đinh -		X							X			X	
Mùi -			X					X					X
Khôn +			X					X					X
Thân +				X						X			
Canh -				X				X					
Dậu -				X					X				
Tân -				X						X			
Tuất +			X							X			X
Càn -									X				
Hợi -					X				X				

Chú: Dấu + và - là những qui ước Dương Âm của 24 Sơn trong Phong Thủy

ẠI NGŨ HÀNH

BÁT QUÁI NGŨ HÀNH					SONG SƠN NGŨ HÀNH					HUYỀN KHÔNG NGŨ HÀNH				
MỘC	HỎA	THỔ	KIM	THỦY	MỘC	HỎA	THỔ	KIM	THỦY	MỘC	HỎA	THỔ	KIM	THỦY
	X								X					X
				X					X					X
				X				X		X				
			X					X				X		
		X				X				X				
	X					X								X
			X		X					X				
X					X								X	
		X							X		X			
				X					X					X
X								X						X
			X					X						X
		X				X					X			
	X					X							X	
			X		X						X			
X					X							X		
		X							X				X	
				X					X					X
X								X				X		
			X					X			X			
X						X								X
	X					X						X		
			X		X								X	
X					X					X				

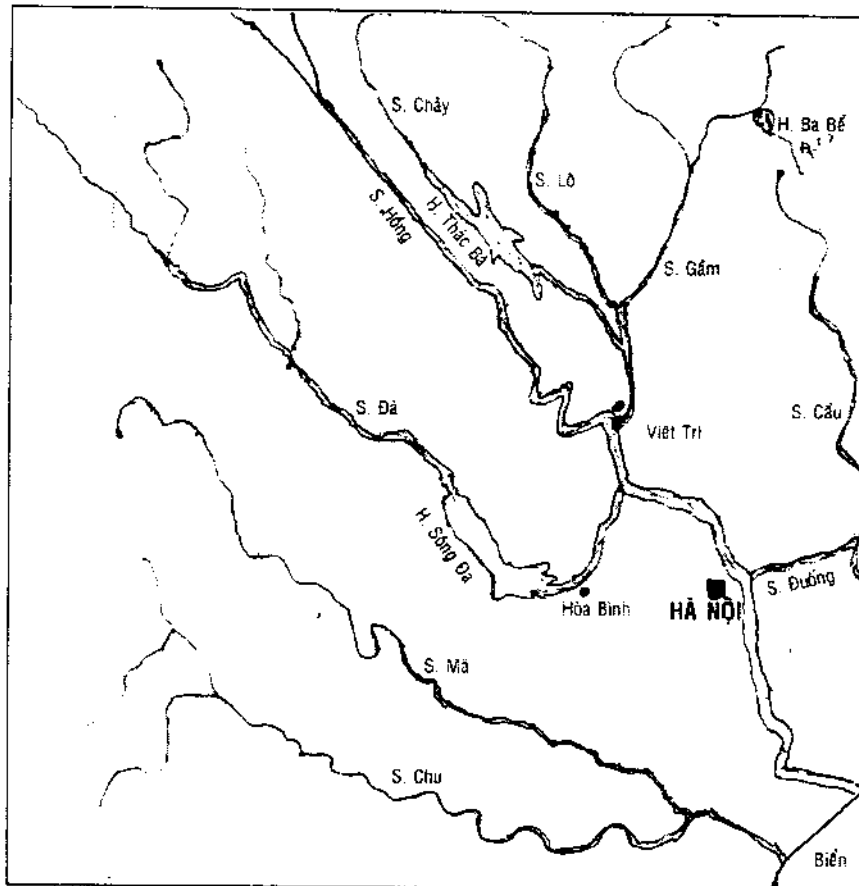
Nhìn các hình vẽ trên đây của Toàn Thư thì làm sao phân biệt được các loại Long đó? Trên thực tế các dạng long đó chiếm một diện tích khoảng một vài trăm cây số vuông, lại càng khó phân biệt. Các tác giả Toàn Thư chỉ ngồi một chỗ tưởng tượng ra, mà sự nắn hình ấy tự mình cũng không phân biệt được, thì người đọc làm sao phân biệt được đây? Suy đi xét lại chỉ có cụ Tả Ao nhà ta là có lý hơn cả. Trong các thể Long, Toàn Thư vẽ hình đến trên 300 kiểu, tên thì tạm phân biệt nhưng hình thì trùng lặp. Suy ra, không tin được.

b. Thủy Long: Người xưa cho rằng, Sơn và Thủy là hai thần khí của Thiên Địa có sự linh hiển lạ lùng. Ngôn ngữ ấy còn truyền đến ngày nay: “Đầy miếu đền từ vạn cổ xa xôi, là vạn kỷ khí thiêng hồn đất nước” (T.H.). Đất và Nước chính là Sơn, Thủy. Người xưa tin là có Thủy thần, có Hà Bá (Thần coi về sông), có Long Hải, Long Giang, Long Hồ, Long Tinh (Thần Rồng coi giếng)... Thủy Long là nói về những giòng lưu thủy chảy sinh động như rồng. Sơn Long và Thủy Long có tương quan với nhau. Điều ấy hẳn nhiên. Vd. Giòng sông đang chảy theo hướng Đông Bắc – Tây Nam, chợt có dãy núi với hướng Tây Bắc – Đông Nam, bắt buộc sông phải đổi chiều. Long Mạch có đi có dừng, có vươn, có co, có ngoái đầu, có lặn hụp (khởi phục) thì Thủy cũng vậy. Thủy Long có lúc chạy thẳng tắp tới, có lúc xoáy tròn tạo thành ao hồ, đầm vũng, có lúc, cũng “Chín khúc bồi hồi” (Cửu khúc bàn hoàn) quanh co uốn lượn.

a. Miền Bắc: Thủy lưu của nước ta có nhiều đặc tính: Miền Bắc các giòng sông có khuynh hướng hội tụ như hình rẽ quạt. Hướng Tây Bắc – Đông Nam có sông Đà, sông Hồng; Hướng Bắc-Nam thì có sông Lô, sông Gâm, sông Cầu; hướng Đông Bắc – Tây Nam có sông Thương, sông Lục Nam... Hướng sông quện cùng hướng núi. Sơn Long giao hòa với Thủy Long. Cả sông và núi như cất ca tiếng hát kỳ diệu. Trong đó sông Hồng là động mạch chủ.

Điểm hội tụ của các sông nhắm hướng về Hà Nội. Kìa nhu sông Hồng chạy thẳng tắp một hướng Tây Bắc – Đông Nam từ Vân Nam đến, đến mùa lũ thì sự đe dọa cả ngàn cân treo trên

Bản đồ 2 Sông ngòi miền Bắc (một phần)



sợi tóc, thế mà trước khi đến Việt Trì, giòng sông bỗng nhiên uốn lượn nhiều đợt để hãm lại sức nước, và trước khi vào Hà Nội, sông cũng uốn cong thêm lần nữa, lại có sông Đuống chia bớt nước để chảy vào sông Thái Bình; Việt Trì hẳn là cái ao lớn của nước ta thời trước, nơi tụ điểm của 5 giòng sông lớn. 4 sông kia, Hồng, Chảy, Lô, Gắm theo thuận thế mà tụ lại ở Việt Trì đã đành, còn sông Đà can gì đã chảy về đến Hòa Bình rồi lại theo thế "hồi đầu" để uốn mình lên đến Việt Trì rồi cùng châu về Hà Nội? Núi châu sông tụ trăm phần quý hiển

chưa một thủ đô nào trên thế giới sánh kịp. Hình ảnh sông núi hướng về thủ đô ngàn năm văn vật ấy cũng là nguyên nhân của sự tồn tại dân tộc Việt đến hôm nay.

Trước đây hơn 1100 năm, Cao Biền làm Đô hộ sứ nước ta gửi bản “Tấu Thư” về cho vua Đường Ý Tông, có tổng kết rõ (5): Nước Việt ta thời đó (từ Thanh Hóa trở ra) có cả thảy là 632 huyệt chính (huyệt chính tức là những huyệt phát Đế, Hậu) và 1517 huyệt bàng (huyệt phát quan – lại, phú quý)! Cao Biền là nhà địa lý nổi danh thời đó, những việc u huyền như vậy không có cơ sở kiểm chứng. Cho dù sự việc có đúng chăng nữa cũng chỉ đúng với thời đó mà thôi. Ta có thể tin rằng, giang sơn rộng lớn thế kia, sơn kỳ thủy tú thế đó, Cao Biền đâu có tài thăng thiên độn thổ, giá vũ đằng vân cũng không thể thấy hết được những địa thế mầu nhiệm qua cặp mắt của kẻ khuy du. Truyền thuyết cũng nói rằng, Cao Biền đã vâng lệnh vua Đường đã trấn yểm những linh huyệt ấy, nhưng đó chỉ là truyền thuyết. Bằng chứng sau Cao Biền không đầy trăm năm nước ta lấy lại nền tự chủ cho đến ngày nay.

oOo

b. Miền Trung nước ta phía Tây có dãy Trường Sơn che chắn, lại có nhiều núi non ngang dọc nên sông ngòi nơi đây ngắn và triền dốc, chưa có sông nào dài quá 300 km. Đầu miền Trung có sông Mã, Chu, Cả. Thu Bồn, Trà Khúc, Lại Giang, Côn, Đà Rằng... Mỗi sông là một động mạch của tỉnh. Tuy vậy các thầy phong thủy vẫn cho rằng, “huyệt tốt không cốt phải núi cao sông dài, mà cốt ở tương xứng ứng hợp”. Thậm chí họ còn nói, “ở bình nguyên nhiều nơi không có lưu thủy, chỉ cần một bát nước cũng thể có được huyệt lành...”. Với những nhà phong thủy dạn dày kinh nghiệm thì miền Trung là nơi có nhiều cuộc đất phát tích để sinh ra những bậc thánh vương.

Ta cũng chú ý một điều, cổ nhân nhìn địa thế thường nói:

“Với phong cách như thế như thế... ắt phát sinh những bậc anh tài”. Trong phong thủy người ta cũng đề cập những việc ấy, huyết dùng để mai táng người mất có thể phát tích cho một giòng họ đã đành, nhưng còn với phong cảnh hùng vĩ uy nghi sông linh núi thiêng (mà không cần phải mai táng) thì địa thế ấy cũng phát sinh những bậc anh tài vậy. Hơn nữa, với một cuộc đất mà mặt bằng (bình diện) rộng rãi khoáng đạt, núi non che chắn, sông nước hoạt lưu, nhiệt độ ôn hòa, cây cối sum sụ thì cũng có thể xây dựng nơi đó làm đô thị, thị xã, thị trấn, thị tứ, và nhân tài nơi khác đều qui tụ về đó. Tả Ao tiên sinh cũng đã nói:

*Có mạch lại phát ngôi dương
Nhìn xem cho tường mạch ấy làm sao
Mạch thô đi chẳng khép vào
Vốn đi một chiều mạch ấy phát dương.*

Ý tác giả muốn nói là, không cần phải qua việc chôn cất (âm phần), có rất nhiều loại Long Mạch, Thủy Long tạo địa phương ấy thành một vùng đồng bằng để dựng xây thành thị (ngôi dương, dương cơ). Chính vì vậy mà long mạch phải bẻ ra (tức là “chẳng khép vào” – để có cuộc đất rộng rãi) đó chính là nơi phát triển thị trấn tỉnh thành (phát dương). Những nhà phong thủy có kiến thức phải nhìn thấy điều ấy. Năm 1910, Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long (Hà Nội bây giờ) là đã nhận được địa cuộc kỳ vĩ ở nơi này. Hơn 300 năm trước đây các chúa nhà Nguyễn khai khẩn đất miền Nam thiết lập một nền hành chánh trên đất Biên Hòa (họ gọi là Đông Phố), Sài Gòn bấy giờ chỉ là miền phụ cận. 80 năm sau giám mục Bá Đa Lộc (Evêque d'Adran) khuyên chúa Nguyễn Ánh, “hãy coi đất Sài Gòn Gia Định là chính, vì nơi đây có thể xây dựng được kinh đô”. Nguyễn Ánh nghe theo bèn cho xây dựng “Gia Định kinh thành” (tức là Bát Quái Thành, còn gọi là Qui Thành) (6) vào năm 1790. Thành này có cả cung vua, cung hoàng hậu, cung thái tử, y viện, võ khố... Cho nên trong Địa Lý không hạn hẹp ở chỗ mai táng.

c. Miền Nam: Sông ngòi

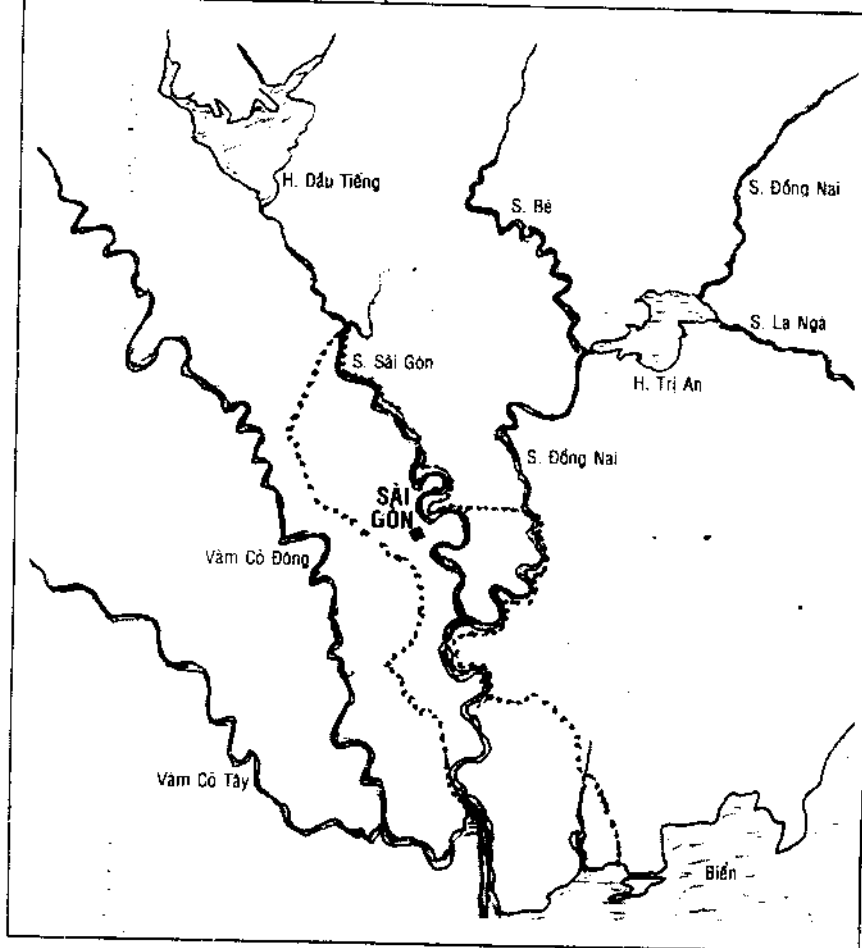
Sài Gòn nằm giữa một bình nguyên bát ngát, bình nguyên ấy rộng ngót 65.000 cây số vuông, chiếm 1/5 tổng diện tích cả nước. Dọc vùng biên giới Campuchia lúa thừa vãi rặng núi. Về phía Đông và Đông Bắc giáp ranh với lần mức cuối cùng của dãy Trường Sơn. Suốt 65.000 cây số vuông đó vùng bình nguyên này không hề có đèo gò núi, một vùng bình nguyên thuần khiết, cao hơn mặt nước biển từ 0m đến 5 mét. Đặc chất này không hề có ở những bình nguyên khác trên thế giới (6').

Đất Sài Gòn – Gia Định về phía Đông dựa trên 2 sông Sài Gòn và Đồng Nai. Về phía Tây có giồng Vàm Cỏ Đông làm thế che chắn. Sông Vàm Cỏ và sông Đồng Nai chẳng khác gì Tả Phụ, Hữu Phụ đối với Sài Gòn. Bán đảo Vũng Tàu và hồ Dầu Tiếng có thể gọi là Án Thủy Triều Sa đối với Sài Gòn. Các sông suối chung quanh đều có khuynh hướng hội tụ về đó. Một điều đặc biệt các sông Bé, Đồng Nai, Sài Gòn, Vàm Cỏ khi tiến vào vùng đất bình nguyên này không hề bị núi đồi che chắn thế mà vẫn uốn lượn yếu điệu, đó là dấu hiệu tốt đẹp của đại địa. Vì sự yêu cầu của Thủy Long là phải có “chất Rộng”, là phải múa lượn vùng vẫy, khiêu vũ tung tăng.

Còn hệ thống sông ngòi miền Tây Nam Bộ không kém phần mỹ quan.

Vùng đồng bằng miền Tây Nam Bộ ngày nay gọi là Đồng Bằng Sông Cửu Long. Sông Cửu Long, là một sông lớn nổi danh trên thế giới, dài hơn 4200 km, phát nguyên từ Tây Tạng chảy qua các nước Trung Quốc, dọc theo biên giới Mianma, qua Thái Lan, Lào, Campuchia, trước khi vào địa phận Việt Nam, MêKong chia làm hai nhánh Tiền Giang và Hậu Giang. Hai sông này lập tức chia làm nhiều nhánh chảy ra 9 cửa biển. Trong khi đó, sông Tiền thì ngoằn ngoèo uốn khúc như Rồng đang vùng vẫy đùa giỡn với nước. Cả hai sông đều chảy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam, và chính xác hơn là hướng Càn-

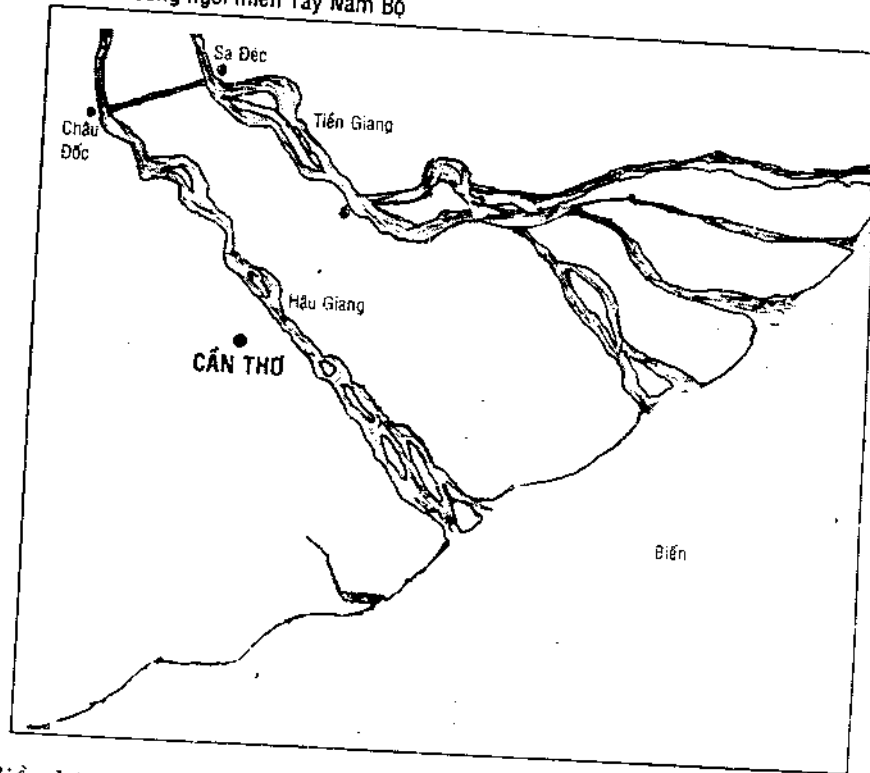
Bản đồ 3. Sông ngòi miền Tây Nam Bộ



Tôn. Khi vào đến, địa phận Sa Đéc, sông Tiền đổi giòng chảy theo hướng Tây Đông, đến gần Vĩnh Bình nứt thêm vài nhánh nhỏ chảy nhập vào sông Vàm Cỏ để hướng về Sài Gòn..

Sông Hậu, dạng nó là một giòng thủy lưu sông đuột, chảy thẳng mạch từ Châu Đốc ra đến biển. Giang thế như vậy rất bất lợi, nhưng vì mặt sông rộng, lòng sông sâu lại có những giang đảo (Delta) che chắn giữa giòng, nên điệu nước được

Bản đồ 4. Sông ngòi miền Tây Nam Bộ



điều hòa. Tuy vậy về lâu về dài cũng khó tránh được những tai biến, một phần do con người gây nên, một phần do tính xâm thực của sông.

Thành phố Cần Thơ tương đối đất hơi cao (từ 3m đến 5m), địa thế bằng phẳng rộng rãi, trở thành một trung tâm quan trọng nhất của Đồng Bằng Cửu Long. Cần Thơ chưa một ngày được là kinh đô của Việt Nam, nhưng dân chúng rất ngưỡng mộ thành phố này nên gọi Tây Đô (7).

Ngoài những sông ngòi thiên nhiên, người ta còn đào thêm hơn 3.000 km kênh lạch (con số này chỉ ước đoán, và thiếu chính xác. Tổng đường dài của các lạch cho đến hôm nay được tổng kê là 5500 km), trong đó kênh đào dài nhất từ chợ Vàm

(thuộc An Giang, bờ Tây sông Tiền) chạy về đến Vàm Cỏ Tây.

Ta có nghiệm thấy một điều rất tự nhiên, nơi các lưu thủy tụ hợp thì dân cư tụ hợp đông đúc, lưu thủy phân tán dân cư cũng phân tán theo. Như thế có quyền nói lưu thủy có tương quan mật thiết với con người, họa và phúc một phần được nảy sinh từ đó. Giòng thủy lưu nông sâu, uốn lượn hay xối thẳng, triều dốc, hay êm đềm rất có quan hệ đến tình hình sinh sống của dân cư. Trong phong thủy, về thủy pháp tối kỵ một điều, dòng nước suông đuột, vô tình, bắn thẳng đến khu vực dân cư hay mộ phần. Kiểm tra trên thực tế hoàn toàn có sức thuyết phục.



Ảnh 8: Một đoạn sông lở – Giòng nước từ phía trên dầm thẳng xuống sức mạnh như vũ bão có khuynh hướng tàn phá những chướng ngại của con người ra sức chống lại nó. Nếu sự xây kè đắp bờ mà không kiên cố đó là sự khiêu khích đối với... Thủy thần! Đoạn sạt lở trên đây dài 2 km, và bị chôn xuống sông 50m bề ngang. Hình ảnh này tất nhiên vẫn còn tiếp tục. Một khi dòng thủy lưu đã khởi sự tàn phá thì khó mà gia cố lại được! Nếu người ta đứng chủ quan, ngay từ lúc đầu đem hết tâm lực ra phòng thủ kiên cố thì cũng không đến nỗi bị triệt hạ mau chóng. Còn rất nhiều nơi như trường hợp này.

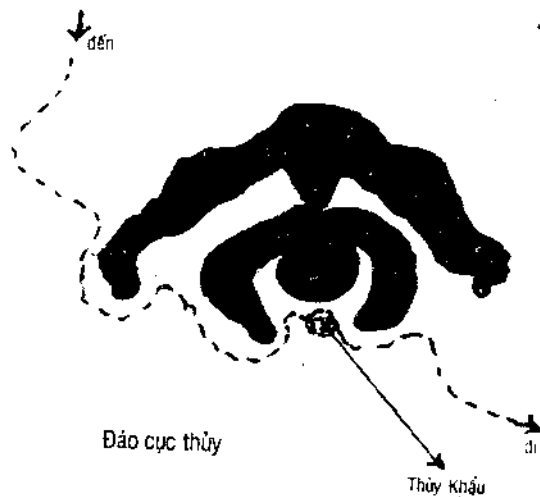
Ảnh: NNP

d. *Các dạng thủy*: Vì thủy có tính lành dữ, nên người ta căn cứ vào kinh nghiệm thực tế mà chia ra rất nhiều dạng Thủy. Riêng bộ Địa Lý Toàn Thư chia đến 60 dạng! Dẫu chia đến 60 dạng cũng không thể nào đủ được. Chúng ta cần dựa trên sự tổng quát nhìn nhận có các dạng sau đây:

a) *Phát nguyên thủy*: Quan sát nguồn nước phát xuất từ đâu chảy tới. Chỗ phát nguyên của nó lớn, thì thân thể nguồn nước ấy phải lớn, hoặc ngược lại. Nguồn nước chảy tới có sâu, dài, rộng, uyển chuyển thì sự cung cấp khí lực của thủy cho mộ phần, làng xóm, huyện tỉnh... phải lớn. Nguồn nước đến gần, thẳng, tức, ắt phải đề phòng thủy tai. Riêng về âm trạch rất kỵ nguồn nước chạy xộc tới hướng mộ. Trên thực tế ngày xưa các thầy phong thủy khó mà đi đến đầu nguồn của giòng nước.

b) *Đảo Cục*

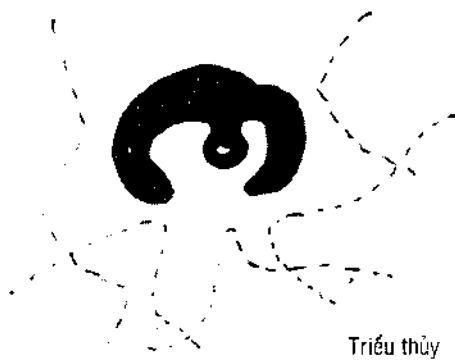
Thủy: Đó là giòng thủy lưu chảy đến Minh Đường (Minh Đường là nơi trước mộ huyết, đó là cuộc đất phải bằng phẳng, êm đềm). Yêu cầu đối với giòng thủy lưu đó phải uốn lượn lặng lẽ, khi đến tiếp cận với Minh Đường phải tạo ra một vùng thủy khẩu rồi mới chảy đi. Nguồn nước chảy đi cũng phải quanh co uốn khúc như nguồn nước đến mới thật sự cát lợi, quý hiển. Các nhà phong thủy giải thích: Sự uốn lượn của nguồn nước chảy đến để tiêu giảm sát khí của thủy (tức là tránh đi thủy nạn), còn nước chảy đi cũng phải uốn lượn để chứng tỏ "hiện tượng lưu luyến" của nước. Long thế có uốn lượn



thì thủy thế mới uốn mình theo. Long tức là sự uốn lượn vậy. Vì thế núi quá lớn người ta khó thấy trọn vẹn khí thế của núi, dầu núi gần, núi xa cũng vậy, ắt phải nhìn nguồn nước chảy. Nếu nguồn nước chảy tới chưa kịp tiếp cận với mình đường, đã vội vàng bỏ đi, thì gọi là “bất đáo đường” thà coi như không thủy còn hơn.

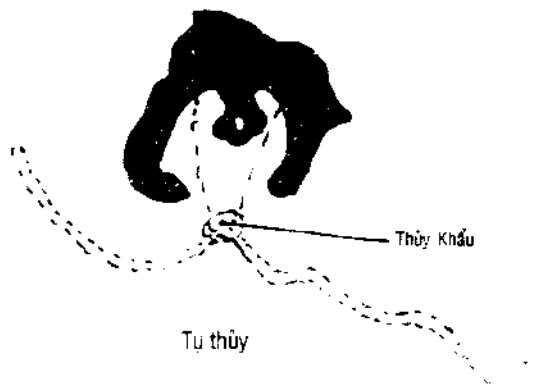
– Triều thủy: Triều thủy là những lưu thủy nhắm vào hướng huyết mà đến châu. Vd để rõ thêm, lấy Hà Nội là tám diêm, thì các sông Đà, Hồng, Chảy, Lô, Gâm, Thanh Giang... gọi là Triều Thủy. Riêng sông Hồng, vừa là đáo cục Thủy vừa là

Triều Thủy. Hà Nội có thể nói một đại địa đầy đủ cát mỹ. Càng nhiều triều thủy càng tốt, dầu có ít chẳng nữa cũng được một hai giòng. Triều Thủy không luận sông, lạch, khe suối. Nếu như chỉ có đáo thủy mà không có triều thủy thì không được hoàn hảo.



Triều thủy

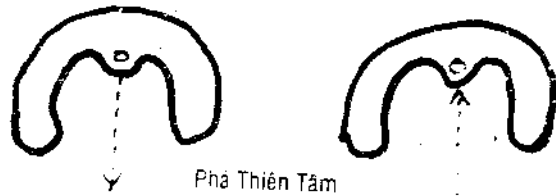
– Tụ Thủy: Là nơi nước tụ lại trước Minh đường để tạo thành Thủy Khẩu, có thể đó là hồ, đầm, bầu, trảng, vũng, vực. Nếu là vũng, vực nước có xoáy, có cuộn thì càng tốt thêm. Chỉ sợ 2 nguồn nước xa lạ gặp nhau không tạo thành vũng vực, mà lại nổi sóng ầm ào ắt sẽ gây lục đục cho gia đình có thân nhân mai táng ở huyết đó.



Tụ thủy

- Xú uế thủy: Đó là chỗ nước tù hãm có mùi tanh hôi t nhiên, hay do súc vật quậy nổi bùn, nổi bọt, màu nước đen đục. Những nơi đó thuộc về hung cách, không nên mai táng hay cá nhà ở đó. Nếu là hồ ao đầm trảng không có nước đến có nước đi, nhưng nước quanh năm vẫn trong xanh, thì địa cuộc đó rất tốt, vì nơi đó tất nhiên có mạch nước ngầm. Xú uế thủy còn c một dạng nữa, không phải là một vùng nước bùn, đôi khi nó l "con đường bùn" sên sệt bốn mùa, không thấy nước, nhưng, dầm lên thấy ướt chân, lại có mùi khó ngửi. Hung!

- Thiên Tâm Thủy: Thiên tâm là phần đất nằm trên minh đường, ngay trước mộ huyết. Nếu nơi đó có giòng nước chảy thẳng ra, hoặc có giòng nước chảy thẳng vào đều gọi là "thủy phá thiên tâm". Trường hợp



nếu có án sa chặn phía trước, nước từ thiên tâm chảy thẳng ra, gặp sa chắn lại, giòng nước uốn mình chảy đi thì cũng không hại gì. Hoặc trước đó cũng một vùng nước tụ thì cũng khá tốt.

- Hải Triều Thủy: Mọi sông suối dù lớn dù nhỏ đều, cũng phải chảy vào biển. Nơi suối tụ hợp (cửa biển) ắt là thủy khí nơi đó rất thịnh. Yêu cầu đối với Hải Triều Thủy là, sóng nơi đó phải vun ngọn, bạc đầu. Mỗi đợt sóng như một con mãnh xà hùng hổ xông lướt vào bờ. Nơi đây, nếu tìm được huyết, thì đó là chân huyết, không phải tâm thường.

Nhận xét của NNP:

Thông thường gặp những buổi trời im, gió lặng thì biển không hề nổi sóng, chỉ một vài lần sóng bờ thông thả dội vào bờ để gây thành một âm thanh vui tươi thiên thu bất tuyệt, khó tìm ra những ngọn sóng bạc đầu (trừ lúc biển động). Trường hợp ở những nơi "bãi ngang", tức là lòng bãi đối diện với hướng Đông hai đầu Nam Bắc không có những ghềnh đá che chắn (như bãi Tuy Hòa) thì dù trời im gió lặng vẫn nổi sóng như thường. Nhưng những bãi ngang không hẳn đã có huyết tốt.



Ảnh chụp lúc trời yên gió lặng (nhìn các đợt dương liễu thì hiểu), nhưng sóng vẫn nổi ngọn bạc đầu. Một hòn đảo mù xa có một "đường đá" chạy thẳng vào bờ đó là dư khí của Long Mạch chạy ra đến đó để tạo thành đảo. Rất tiếc nơi đó cây cỏ thì ít mà đá thì ngổn ngang, chỉ có một iôm gần ở đỉnh là đất cứng và không cộ một ngôi nước nào. Dù một nhà Phong Thủy tài ba cũng không dám lấy huyệt trên đảo đó. Có thể tìm huyệt trên đất liền đối diện với đảo.

Ảnh 9: Ảnh NNP

Ngoài ra còn nhiều dạng thủy khác như Thái Cực Hồn Thủy, Triều Hoài Thủy, Nguyên Thần Thủy, Vệ Thân Thủy, Cung Bồi Thủy v.v... rớt rồi cũng chỉ làm rối trí người đọc mà thôi. Đó chẳng qua là những dạng thủy đã gặp trước đây chỉ đặt lại cái tên khác, hoặc tưởng tượng ra một thứ thủy nào đó mà địa cầu chưa từng có. Vd như Thái Cực Hồn Thủy, giải thích là: "Một loại thủy ở xa nhìn thấy nước mà lại gần thì không". Khoa học cho đó là "ảo ảnh của sa mạc". Thật ra cũng không cần ở tận ngoài sa mạc, ngay trên các đường nhựa, vào buổi trưa nóng bức thì sẽ thấy như có nước trên đường nhựa lênh láng, không có gì lạ. Liêu Khắc Thành (Tống) trong quyển "Thiên Bảo Kinh ngoại truyện" nói: "Nếu dùng cuộc mà đảo bói chỗ đất có Thái Cực Hồn Thủy thì kiến mối sẽ xâm nhập

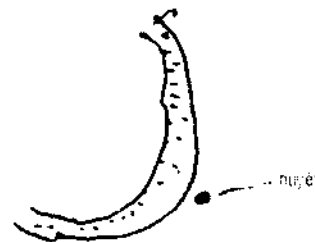
quan tài". Do đó ta biết rất nhiều nhà phong thủy đời xưa hay bày vẽ những chuyện để thiên hạ giật mình. Kiến thức khoa học không có để gây nên những việc mê tín.

c. Lành và dữ của thủy long: Kinh điển phong thủy có nói: "Nguồn nước đi xa thì khí vượng, khí vượng thì phúc sẽ phát lâu dài". Nhưng ông Ngô Khắc Thành tại quyển "Ngô Công Giáo tử thư" lại nói: "Thủy chảy đến gần và thẳng, thủy chảy đi thì dài, mạnh thì chẳng có lực lượng gì cả". "Lực lượng" ở đây chỉ cho sự tác dụng của thủy để phát phúc. Câu này nhằm giải thích câu trên, nước từ nơi phát nguyên đến nơi Long huyết phải xa hơn từ Long huyết đến chỗ tiêu thủy. Vấn đề này trở nên rắc rối. Nguồn nước chảy đến và chảy đi đều thăm thẳm làm sao biết đoạn nào dài hơn đoạn nào? Ta cứ tin vào đại đa số các nhà phong thủy hữu danh đã nói: "Chỉ cần có long chân huyết đích thì dù nước đến hoặc đi, nguồn nước nào dài hơn cũng chẳng cần thiết, miễn là nước có ôm huyết, có "cửu khúc bàn hoàn" là tuyệt hảo rồi". Rất nhiều dạng nước để gọi là tốt:

- Nước chảy đến thì uốn lượn, nước chảy đi thì lưu luyến (đã nói rồi).

- Nước chảy đến thì quanh co, nước chảy đi đột nhiên quanh trở lại nguồn rồi mới từ từ chảy đi (cũng gần giống với trường hợp trên).

- Nếu là nước suối thì phải êm đềm phẳng lặng, hoặc phát ra những âm thanh vui vẻ.



- Nếu là nước hồ, thì nước phải trong, mặt nước bằng phẳng bình tĩnh (dĩ nhiên là nước trước huyết).

- Nước là vùng nước thiên nhiên hoặc nước giếng, thì nước ấy phải có quanh năm dù trời nắng hạn.

- Nếu là địa huyết nơi bờ biển, thì biển phải không có sóng bạc đầu dù trời im hay trời động.

– Mọi nguồn nước đều phải sâu.

Cũng có nhiều dạng nước để gọi là xấu:

– Nước chảy đi không có tình (đã nói. Đó có nghĩa là nước không tỏ ra lưu luyến: “Khuất khúc chi (之), huyền (玄) hiệu thủy thành. Bàn hoàn cố trạch tự đa tình” mới gọi là nước tốt).

– Nước chảy đến mà xông thẳng ào ào như tên bắn.

– Nước chảy xiết kêu réo âm ào.

– Nước như cánh cung bật ngược, gọi là phản cung thủy.

– Nước tù hãm, nước có mùi hôi.

– Nước đục như quây bùn.

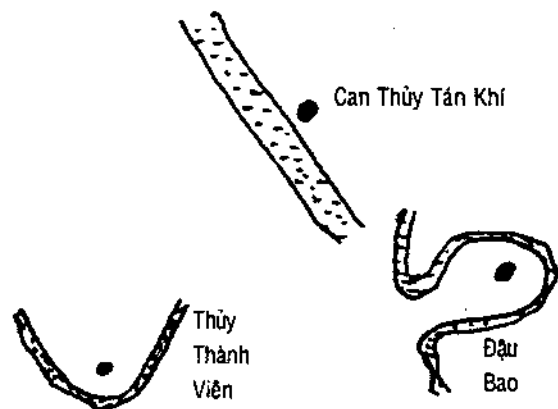
Phong thủy rất chú trọng đến nước. Nước lành thì mọi việc đều lành. Nước dữ trước sau gì việc dữ cũng đưa đến.

Trên đây là những thế nước ta thường gặp. Sau đây còn có nhiều loại nước khác. Luận về nước có người nói: “Nước trong như mắt mèo, màu ngọc bích, ném vào thấy vị ngọt thơm, chủ thượng quý. Nước có màu trắng vị thanh tạm quý”.

Các nhà phong thủy thời xưa luận về nước, kẻ thì luận dài, người thì luận ngắn, nhưng tựu trung thường giống nhau. Xin theo sách xưa mà vẽ ra mấy kiểu:

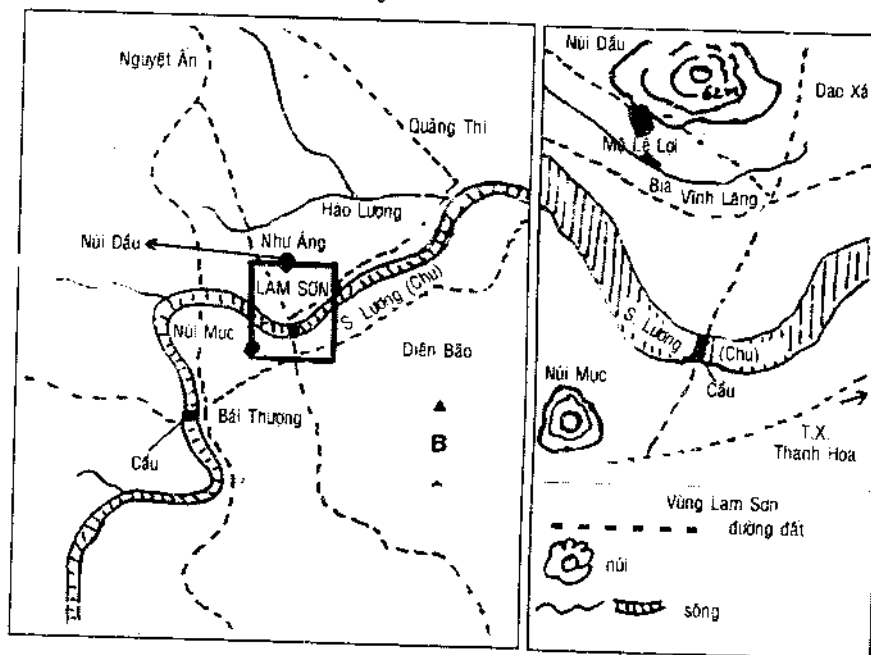
a) Can Thủy Tán

Khí: Can thủy là giòng nước chính (khác với chi thủy là giòng nước nhánh từ trong can thủy chảy ra). Nguồn nước này chảy thẳng đuột như cây cột cờ nằm xuôi, thì khí của thủy long sẽ tiêu tan. Mộ huyết lập gần đó ắt gieo nỗi họa hại cho người nhà.



– Đậu Bao: Nguồn nước chảy đến, bao gần hết mộ huyết thì gia đình đương nhân phát phú quý.

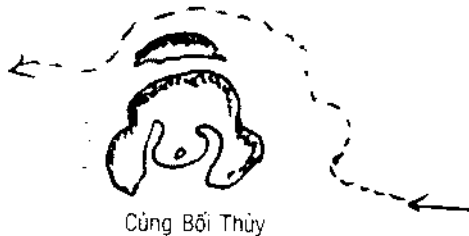
– Thủy Thành Viên: Thủy thành của giòng nước gần giống như đậu bao, đỉnh nước lặn thành hình cong đều (như dạng Parabol), gia đình đương nhân cũng phát phú quý. Mộ của Thái Tổ Lê Lợi có dạng thế này.



Mộ Lê Thái Tổ (Tài liệu vẽ theo của Phan Huy Lê và Phan Đại Doãn, trong Lam Sơn khởi nghĩa – Hà Nội 1962).

Ngôi mộ nằm ở vị thế tọa sơn hướng thủy, Chấm là Núi Dầu, Ấn là Núi Mực, triều thủy là sông Chu, thủy khẩu tại cây cầu. Tuy không đủ Tả Long, Hữu Hổ, ngôi mộ này vẫn tránh được gió. Ngoài ra, còn có nhánh sông Hào Lương bao qua Núi Mực. Thuật ngữ Phong Thủy gọi là “Thủy Lưu Huyền Vũ”, phú quý lâu dài.

– Cung bói thủy: Cũng là chấp tay bái lạy. Cung bói thủy là

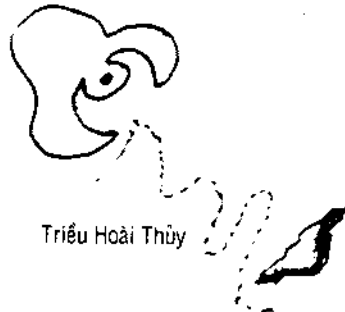


Cung Bối Thủy

"Gia đình nào phát phúc nhiều đời, nhất định phải có thủy bao Huyền Vũ".

- Triều Hoài Thủy: Đây là dạng thông thường đã từng đề cập đến. Triều Hoài Thủy là dạng Thủy từ xa chạy tới, đến châu ở trước mình đường, cũng có thể vào đường tâm như đảo cục thủy.

nguồn nước chảy tới sau lưng Huyền Vũ như để ngấm vái lạy (ám cúng). Ngôi mộ của Lê Thái Tổ có được cung bối thủy. Bốc Tắc Ngụy (Đường) viết "Tuyết Tâm Phú" có nói:



Triều Hoài Thủy

- Vệ Thân Thủy: Vệ Thân



Vệ Thân Thủy

Thủy (giòng nước hộ vệ thân thể), loại Thủy này có phần đặc biệt, kỳ lạ, ngay giữa hồ nhô lên một cù lao, hay nói cách khác, chung quanh một cái gò (có cây cối, hoặc không có cây cối cũng được) luôn luôn có nước bao bọc. Trong gò đó ắt có một huyệt lành. Nhân gian có câu: "Vàng trắng nằm trong đáy nước (chỉ cho gò đất); Thủy Thần quây nổi sóng lên.

Đóa sen dâng lên trên trước; đời sau con cháu sướng như tiên".

Cũng cuộc đất đó, nếu có núi 4 bên, thì gia đình có cha con đều đỗ đại học (cử nhân, tiến sĩ):



Vệ Thân Thủy

*Trắc thân thủy thượng hạ liên hoa
 Quang chiếu hồ trung khởi lãng ba
 Ngoại hữu qui ngư triều tác án
 Nhất gia phụ tử cộng đăng khoa*

Tạm dịch:

*Soi mình trên nước bóng hoa sen
 Ánh sáng-lung linh gợn sóng lên
 Ngoài có cá rùa, Long, Hồ tiến
 Cha con đều phúc phận làm quan.*



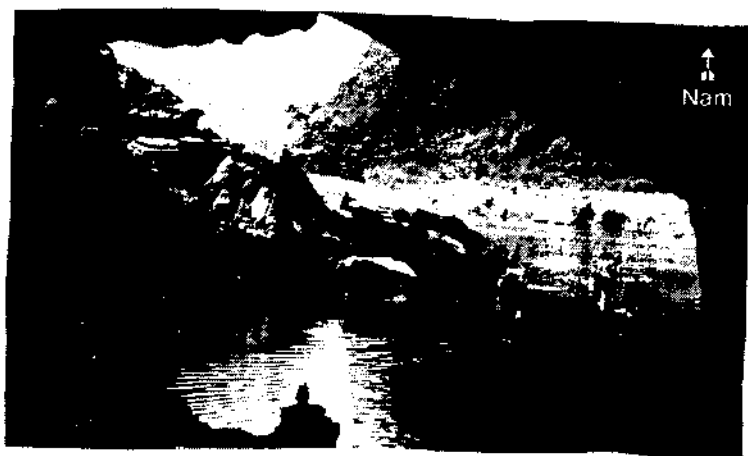
Vệ thân Thủy. Ảnh: NNP.

Gò này rộng chưa tới 1 sào, trên gò cây cối xanh tốt. Trong đó có nhiều chỗ đất bằng phẳng, chưa từng ai chôn cất hoặc làm nhà. Chung quanh gò hoàn toàn là nước bao bọc, bốn phía đều có những ngọn núi nhỏ cao chừng trăm mét đổ lại làm Long Hồ triều án.

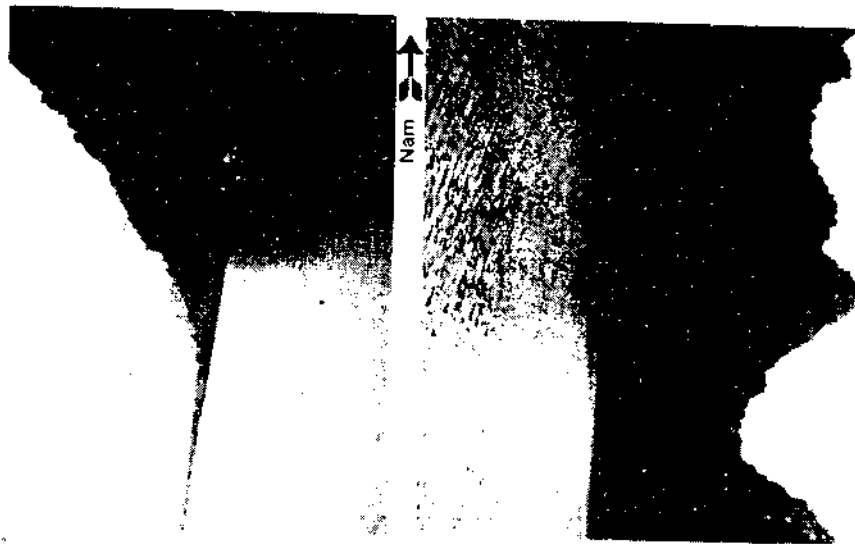
Sơ đồ như hình bên:



f. *Thủy Khẩu*: Trong Phong Thủy, nói đến huyết mộ hay gia trạch, tức là xét đến Tọa Hướng. Tọa hướng chính là Tọa Sơn Hướng Thủy. Từ đó ta hiểu, trước mộ hay trước nhà cần phải có nước mới là tốt. Đã có nước thì ta phải để ý đến Thủy khẩu (trừ tinh thủy, thì thủy khẩu chính là vũng nước đó). Thủy khẩu là nơi nước chảy đến cũng là nơi nước chảy đi. Có người hỏi, trên một giòng thủy lưu, thì nơi nào chẳng có nước chảy đến và chảy đi? Do đó, nói đến Thủy khẩu tức là phải nói đến điểm gì đặc biệt. Trước mặt huyết có một giòng thủy lưu lượn trước mình đường, nơi chỗ uốn lượn ấy phải sâu hơn bất cứ nơi nào cùng trên một giòng chảy, thì đó chính là Thủy khẩu. Nhiều lúc Thủy khẩu không nằm chính trước huyết, mà lệch về một bên, thì đó là thủy khẩu lệch, tuy không tốt bằng khẩu trước mình đường, nhưng nó vẫn tốt hơn không có thủy khẩu. Nước từ xa đổ về thủy khẩu bao giờ cũng ưu tiên cho sự uốn lượn lặng lẽ – tất nhiên là để tránh thủy phá. Nước chảy đi (khứ thủy) cũng đòi hỏi như vậy để cho nước chúng ta có sự bồi hồi lưu luyến.



Ảnh 11 (sưu tầm): Thủy khẩu. Vị trí này trước cửa động, nước đến và nước đi lặng lẽ và uốn khúc. Qua bức ảnh chúng ta đang nhìn về hướng Nam. Núi 2 bên bờ sông đó là Hữu sa và Tả sa, gọi chung là Thủy Khẩu Sa...



Ảnh 12: Tả Sa

Ảnh 13: Hữu Sa

Có Thủy khẩu ắt có thủy khẩu sa, dù cao hay thấp. Thủy khẩu sa càng cao, tình hình càng tốt đẹp. Sa hai bên bờ phải đối ứng nhau, lệch nhau như răng chó răng mèo. Hình tượng của sa cũng phải uy nghi hùng vĩ, phải giống như cái ấn cái hốt, phải hùng dũng như tướng quân xuất trận, phải trùng điệp như ngựa xe nối đuôi nhau, dồn dập như ba quân xông tới, trông khí thế của sa mà phải kinh khiếp giật mình.

Như vậy, Thủy Khẩu Sa là những núi non dọc hai bên bờ. Nếu Thủy Khẩu vươn dài đến vài chục cây số, thì rõ ràng nơi đó có trọng huyết, và Thủy Khẩu sa bấy giờ cũng vươn dài

Ảnh 14: NNP

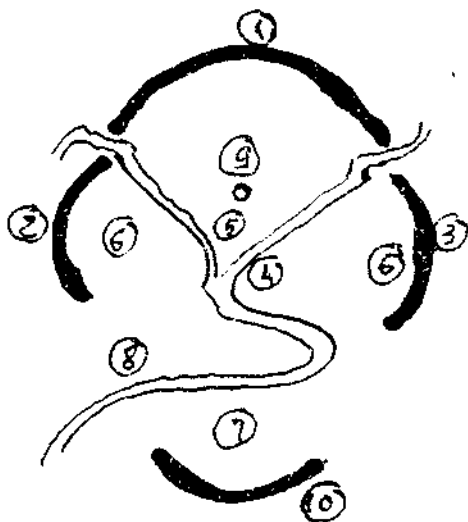


theo, và trở thành là hộ tổng sơn (Núi hộ tổng nước).

Trên giồng chảy này, nếu núi vào chắn trước mặt, bắt buộc giồng chảy phải đổi chiều, thì núi ấy chính là **ÁN SƠN** (có thể gọi là **Ấn Sa**).

Ấn Sơn: Từ Ảnh 11 đến Ảnh 14 trong cùng một cảnh địa. Ấn sơn là núi đối diện với Thủy Khẩu. Bạn đọc tự nghiệm lấy Huyệt địa nằm ở vị trí nào.

g. **Minh Đường:** Minh Đường, nghĩa nguyên thủy của nó là nơi vua ngự cùng với quần thần bàn việc triều chính. Vậy trọng điểm của vua ngồi nơi Minh Đường phải là một vị trí tôn quý. Chung quanh Minh Đường cả trong và ngoài được canh giữ nghiêm mật. Các nhà phong thủy lấy từ ngữ đây ẩn tượng đó đặt cho một nơi có chứa long huyệt. Vậy huyệt là nơi tôn quý nhất trong thuật Phong Thủy (chẳng khác nơi vua ngự ở nhà Minh Đường) nằm trên Minh Đường.



Minh Đường của một cuộc đất đầy đủ gồm có 3 phần:

- **Nội Minh Đường** cũng gọi là **Chính Minh Đường** hay là **Tiểu Minh**

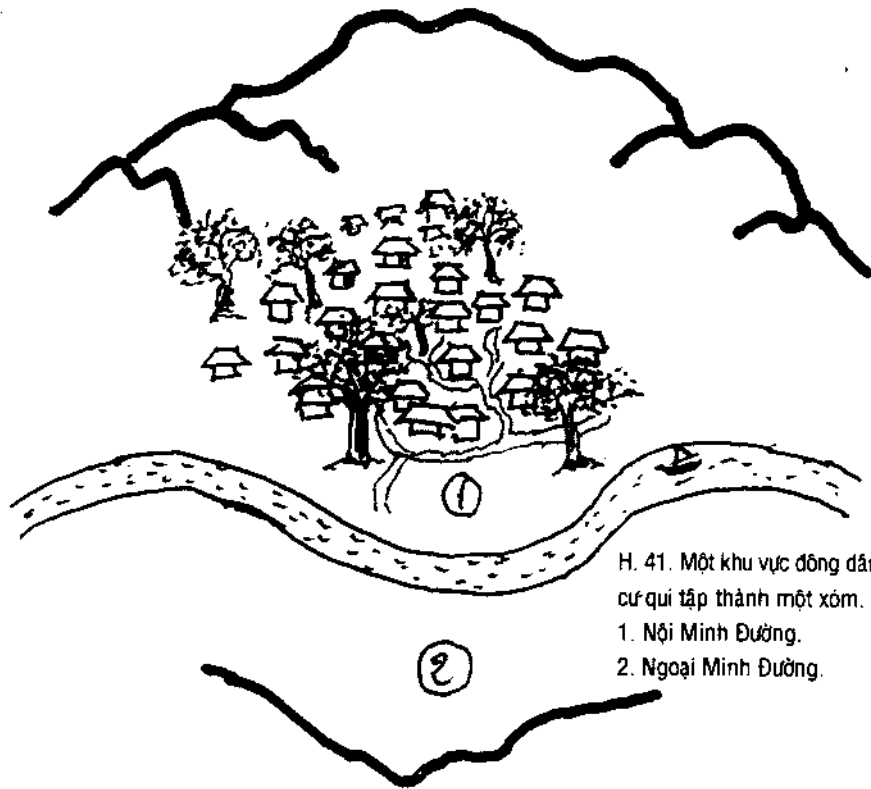
Đường, đây là phần chính của cuộc đất. Muốn xem một cuộc đất có tốt hay không đều phải qua phần này. Vì thế nó mang một cái tên dứt khoát là **Minh Đường**. Còn hai loại Minh Đường kia khi nào cần thì gọi tên đầy đủ.

1. Long nhập thủ 2. 3. Tả Thanh Long, Hữu Bạch Hổ 4. Thủy khẩu 5. Minh Đường (Nội Minh Đường, Tiểu Minh Đường) 6. Trung Minh Đường 7. Ngoại Minh Đường (Đại Minh Đường) 8. Giồng chảy 9. Huyệt (Long Huyệt)

- Trung Minh Đường là phần đất nằm bên trong tay Long tay Hổ. Trung Minh Đường không có nhiệm vụ gì lớn trong cuộc đất, nhưng không thể không có nó. Các nhà phong thủy thường hay cường điệu gọi Trung Minh Đường là phần tối quan trọng (!).

- Ngoại Minh Đường: là phần đất trước án sơn giới hạn bởi giòng chảy (nếu có). Đây chẳng khác gì phần đất bên ngoài thành vua. Phần đất ấy có các trại lính trấn giữ, bảo vệ thành trì.

* Tính chất của các Minh Đường: Một cuộc đất tốt thì Minh Đường phải bằng phẳng, sáng sủa, sắc thái phải tươi nhuận, Tiểu Minh Đường không nên rộng lắm để bảo vệ khí



khỏi lậu lợt. Nếu Tiểu Minh Đường rộng rãi quá lại có vẻ hoang phế gọi là Minh Đường khoáng đảng, không lợi cho việc mai táng.

Trung Minh Đường cân đối vừa phải không cao lắm để khỏi ức chế Tiểu Minh Đường.

Ngoại Minh Đường tức là Đại Minh Đường cân phải rộng rãi, càng rộng càng tốt, vì nơi đây cần dung nạp triều sa, triều thủy.

Đối với dương cơ, khi dân cư tụ tập trong thôn ấp thì thôn ấp ấy cũng phải có Minh Đường (một kiểu đồng dạng với Minh Đường mồ mả). Bên này sông là nội Minh Đường, bên kia sông là ngoại Minh Đường. Nếu không có sông phân chia thì nội ngoại Minh Đường là một.

Giòng nước đối với xóm dân cư đó có dạng “Thủy Thành Viên” (xem lại “Sự Lành Dữ của Thủy Long”, tức là dạng nước tốt).

Qua hình vẽ này ta thấy vai trò của Minh Đường quan trọng lắm. Người ta không thể lẩn sát nhà ra bờ sông (vì còn ngại lũ lụt, và làng xóm cần một chỗ đất trống làm khu sinh hoạt vui chơi). Hai bên tả hữu của làng cần một vài ngọn núi để chắn gió. Ấn sơn làm tăng vẻ tôn nghiêm cho làng. Nếu cho rằng thuật phong thủy không ảnh hưởng gì đến mồ mả, thì ít ra phong thủy cũng giúp được cho con người trong việc xây dựng làng xóm.

h. Các dạng của Minh Đường: Nhiều nhà phong thủy rất chi li về Minh Đường. Có tác giả chia Minh Đường ra làm 180 kiểu, có người chia làm 81 kiểu. Nếu chia như vậy thì không... đủ! Muốn đủ ắt phải dựa vào tính tổng quát.

Ta chia như sau:

a) Minh Đường giao tỏa: Những ngọn núi trước Minh Đường lần lượt che chắn cho nhau một cách cẩn mật. Lớp ngoài bảo vệ lớp trong, lớp trong bảo vệ lớp trong nữa. Lớp trong cùng bảo vệ long huyết. Loại



Minh Đường giao tỏa



Hình 15 (NNP): Làng xóm và bãi cát. Đối chiếu với lý thuyết, làng xóm này có một Minh Đường. Nước bao quanh Minh Đường rất phẳng lặng. Làng người Việt này định cư ở đây ngoài 400 năm. Xóm làng ngày càng phát triển, vẫn có người trong làng xuất chính làm quan, có người đỗ đạt cao.

Minh Đường này chỉ dành cho sự mai táng, làng xóm mà chui vào đó thì quả thật thì bất tiện! Trong sách còn có thêm dạng Minh Đường Châu Mật. Châu Mật có nghĩa là bao dung quanh một cách kín đáo, không khác so với Minh Đường giao tỏa. Đây là sự trùng lặp.

– Minh Đường khoáng dã: Trước huyết không có gì che chắn lại còn phơi lòng ra để hứng gió. Minh Đường này dầu có bằng phẳng cũng không nên ham.

– Minh Đường Triều Tiến: Sông và Núi cùng tiến về trước Minh Đường như để triều cống hiến dâng. Đây là loại Minh Đường rất quý.



Minh Đường khoáng dã



Minh Đường triều tiến

– Minh Đường Quảng Tụ: Nhiều núi nhiều sông như muốn chầu về trước huyết. Dạng Minh Đường này tuy quý, nhưng trên thực tế rất hiếm có. Núi non trùng

diệp là chuyện đã đành, nhưng sông núi đều muốn qui về một điểm, núi non như thế rất hiếm trở, ai lặn lội vào đó mà quan sát? Đó là chưa kể Minh Đường Đại – Hội – Tụ! Chẳng khác gì cái mạng nhện. Loại Minh Đường này chỉ có trong tưởng tượng.

– Minh Đường Kiếp Sát: Đứng trước Minh Đường này có nhiều đá vỡ vụn, có những ngọn núi nghiêng ngửa chiếu vào, hoặc những khối đá quái dị hướng vào, ngoài ra có những giòng nước bắn thẳng, tới. Dạng Minh Đường Phá Toái cũng chẳng khác dạng kiếp sát. Tả Ao tiên sinh nói:

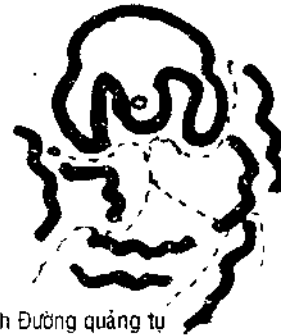
*“Huyết hung Minh Đường bất khai,
Sơn tà thủy xạ hướng ngoài tà thiên”*

Minh Đường bất khai là loại Minh Đường không nở, không tiếp nhận được nguồn nước đến.

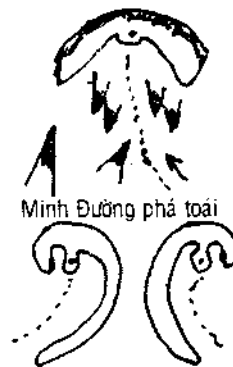
– Minh Đường khuynh đảo: Một trong hai tay Long hoặc hổ nghiêng lệch lấn át tay kia, khiến giòng nước chảy “nghiêng”, ý nói nước chảy không chính hướng, không chầu về huyết. Sách cổ nói: “Nếu gặp loại Minh Đường này, dù huyết vị có tốt cũng vứt đi”! Khuynh đảo có hai dạng, huyết nghiêng trái, hoặc nghiêng phải.



Minh Đường đại hội



Minh Đường quảng tụ



Minh Đường phá toái

Minh Đường khuynh đảo

Ngoài ra còn rất nhiều dạng như Minh Đường Khoan Sướng, MĐ Bức Trách, MĐ Phản Bối (quay lưng), Đầu Tả... chia làm nhiều dạng chỉ làm thêm rối loạn. Tả Ao chỉ nói gọn:

"Thấy đâu Tả Hữu triều lai,

Minh Đường thủy tụ huyết tài mới hay".

Thế là đủ.

IV. HUYỆT:

Huyệt 穴 - nghĩa nguyên thủy của nó là bộ phận sinh dục của người đàn bà, để viết chữ "huyệt", người ta mô phỏng theo hình bán thân của phụ nữ từ rốn trở xuống (gồm phần trên là bộ Miên chỉ cho sự che đậy, và chữ Bát là kín đáo chỉ cho cặp giò). Bên trong vật che đậy đó chính là "Huyệt". Về sau, "huyệt" càng rộng nghĩa thêm:

- Huyệt là một tiểu bộ phận trong cơ thể, nơi tiếp giáp với thần kinh hoặc tiểu thuyết quản.

- Huyệt: lỗ, hang, ổ (sào huyết).

- Huyệt: một loại nhà ở của người thời cổ (huyệt cư: ở hang, ở lỗ).

Thời cổ đại người ta cho rằng, con người được sinh ra từ "nơi đó", nên khi chết thân xác phải về "nơi đó". Cổ ngôn có câu: "Thiên sinh nhất nhân, địa sinh nhất huyết". Thuật phong thủy dựa vào quan niệm này, coi huyết là nơi tôn quý nhất để tích tụ những tinh hoa, tụ tích sinh khí, và chuyển hóa những tinh hoa ấy theo con đường màu nhiệm nhất của thiên nhiên, đến những lớp người mai hậu có tương quan đến nó.

• Muốn xác định huyết ta lưu ý đến mấy phần chính sau đây:

- Cần xác định Chân Long: Vì có Chân Long mới có được đích huyết. Chân Long thường là chi núi cuối cùng của một sơn hệ. Châu Long phải có Thủy đi kèm theo. Gọi là Chân Long, vùng núi có huyết, tối thiểu cây cối phải tươi tốt. Tuyệt đối lưu ý, Chân Long không nằm trong những ngọn núi quái gở.

Núi nghiêng là một trong những hình thức quái dị của núi. Cũng rất khó tìm một ngọn núi nghiêng thứ hai. Về mặt phong thủy ta hiểu, hễ có quái long, ắt có quái huyết, vậy ắt có nhân tài thượng thừa.



Ảnh 16: Núi nghiêng (NNP)

– Cần xác định Minh Đường: Minh Đường là một tín hiệu có chân huyết. Vì đã thừa nhận Minh Đường là thừa nhận tất cả các dữ kiện của nó, có đảo cực thủy, có nhập thủ long, có tả Long hữu Hổ. Khi thấy được Minh Đường, ta không nên nôn nóng, hồi hộp hấp tấp. Thiên nhiên vẫn có cách lừa dối độc đáo. Vd, gặp trường hợp một “Minh Đường kép” (trên thực tế vẫn có kiểu này, nhưng sách vở không nói đến), vẫn có triệu thủy án sơn, vẫn có Long, Hổ,

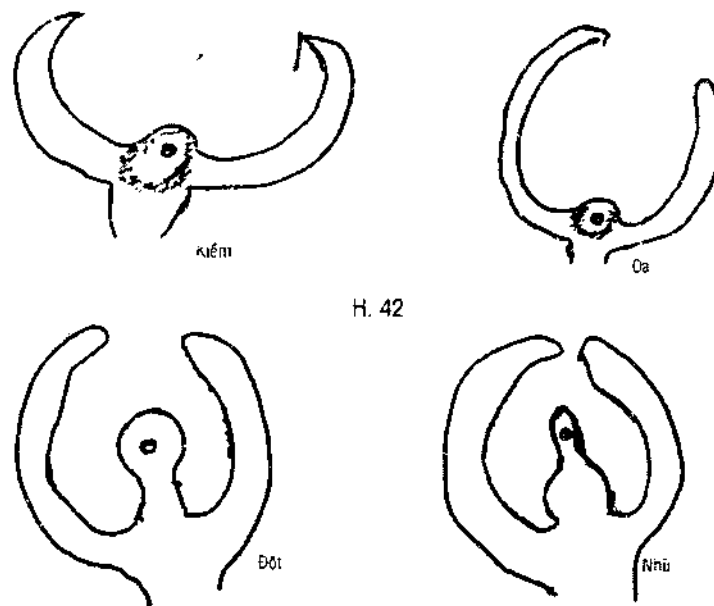


thì biết chọn nơi nào là huyết? Tất nhiên ta phải nhìn Đông ngấm Tây, xét Long, xét Hổ, xét hết mọi chi tiết ta đã gặp trong lý thuyết, tất nhiên rất khó phân biệt. Người ta nói: “Ba năm tìm long, mười năm điểm huyết” là trường hợp khó khăn này. Phương pháp của các thầy ngày xưa thường họ làm theo kiểu “thực nghiệm”, thường họ trồng nơi chỗ họ nghi là huyết những cây, thời gian chừng dăm ba tháng họ xem lại, cây nơi nào tươi tốt sồn sồn hơn, thì nơi đó họ cho là “chân huyết”. Trước đây phần lý thuyết cũng đã nói, nói có huyết lạnh ắt có chân khí tụ ở đó (8). Đó là cách ứng xử thông minh, sự thật chưa chắc đã ứng nghiệm như vậy.

Các nhà phong thủy lỗi lạc nhận diện huyết bằng vào các tiêu chuẩn sau đây:

Huyết ở nơi sơn cước (hay các vùng rừng núi) thường có dạng “Oa”, “Kiềm”. Oa là dạng lõm như tổ chim, còn Kiềm hơi lõm nhưng hơi bè một chút.

Còn Nhũ và Đột thường ở dưới bình dương (biển bằng,



H. 42

giống như bình nguyên). Vì sao ở cao nguyên lại hay có dạng Kiềm, Oa và dưới đồng bằng hay có dạng Nhũ, Đột? Thấy phong thủy đứng trên mặt Âm Dương của Phong Thủy mà giải thích, Oa, Kiềm giống như sinh thực khí của người đàn bà. Bề lõm của Oa, Kiềm hướng lên không trung là để nhận khí dương của trời. Vì Oa, Kiềm vốn ở trên cao, nên bản thân Oa Kiềm phải thuộc Âm (mà trong Âm có Dương); còn Nhũ Đột vốn ở bình nguyên (vị trí của bình nguyên thấp so với cao nguyên), nên bản thân của Nhũ, Đột là Dương (mà trong Dương có Âm, hơn nữa dạng Nhũ, Đột giống như sinh thực khí của đàn ông) nên có cần đón khí âm. Có Âm có Dương, tất có sự phối dụng mà biến hóa ra.

Kinh nghiệm của Tả Ao tiên sinh về điểm này đã đúc kết bằng mấy câu văn vần cũng đáng cho chúng ta suy gẫm:

*Âm Dương lại có phép kia
Âm lai Dương thụ, Âm xu Dương hồi
Âm là gò đống đất ghềnh
Dương là ruộng phẳng đất bằng như lai
Núi non kia cũng âm hoài,
Long cường thì chớ huyết nơi cao cường
Long nhược nơi thấp chớ màng...*

Mấy câu quyết này đã tạm giải thích ở trên, giờ xin nhắc sơ lại:

– Âm lai dương thụ: Khí Âm lại nơi huyết dương để giao hòa.

– Âm xu dương hồi: Khí Dương tiến về nơi huyết Âm cũng cùng một ý nghĩa như trên. Đây là sự “tỉ hóa”, dùng tính sinh lý mà giải thích.

– Núi non kia cũng âm hoài: Theo phương pháp Âm Dương, lý ra vật nào cao là nhiều chất dương, vật nào thấp lùn là nhiều chất âm. Núi cao đáng lý là dương, nhưng các nhà phong thủy vẫn nói là âm, không phải sai, mà họ đứng trên mặt “nhị nguyên”, vì “dáng bên ngoài” núi là dương, thì “chất trong núi” là âm, do đó các nhà phong thủy cho núi là âm, mới có Oa,

Kiểm là âm mà hóa thành dương. Cách lý luận về đồng bằng cũng tương tự như vậy.

– Long Cường thì chớ huyết nơi cao cường: Long cường chỉ cho Long nhập thủ, ý nói, Sơn Long thế khí – thế mạnh mẽ, như vậy phải tìm các huyết Oa Kiểm.

– Long nhược nơi thấp chớ màng: Long nhược, chỉ cho Long nhập thủ yếu, như vậy Long nhập thủ này chắc chắn phải ở bình nguyên. Do đó, ở bình nguyên phải tìm các dạng huyết Nhũ Đột.

Mặt khác Tả Ao đã lưu ý cho ta: “Sơn cước Mạch đi rành rành, Bình Nguyên Mạch lẫn nhân tình không thông”. Mạch ở sơn cước mạnh mẽ (Long Cường), còn ở bình nguyên thì mạch kín đáo. Vì vậy mà lập đi lập lại cách nhận huyết:

Ở trên Sơn cước non cao

Cường Long thô mạch thế nào mới hay?

– Tìm nơi mạch nhược Long gãy

Nhất thì Oa huyết, nhì thời Tàng phong.

Mới có cát địa chân long

Táng cho phải phép anh hùng giàu sang!

Đó là cách xử lý các huyết mạch ở sơn cước. Còn ở bình dương (tức bình nguyên) núi non vốn ít hoặc không có, muốn xác định huyết, ông bày:

Bình dương lấy nước làm thầy

Thứ nhất khai khẩu, thứ nhì nhũ long

Thứ ba mạch thất cổ bổng

Thứ tư sơn chỉ hồi long càng tài.

Giải thích lần lượt như sau:

– Nơi bình nguyên ta nhìn đến các giòng thủy lưu. Khoảng giữa hai giòng thủy lưu (lớn nhỏ không thành vấn đề) ắt phải có cuộc đất, hãy chú ý xem nơi nào có giồng đất cao hơn bình thường, thì giồng đất ấy xem như là Long, và hãy áp dụng lý thuyết về Sơn, Thủy mà nhận dạng nó có phải là Long nhập thủ không (tức là phải dựa vào triều thủy, đáo cục thủy (thủy đến Minh Đường, còn gọi Minh Đường thủy). Nếu thấy được dạng Minh Đường, thì xem Minh Đường có mở được thủy khẩu

(khai khẩu), nếu có Thủy khẩu, người ta nói Minh Đường đã khai hoa, nên có những từ ngữ chỉ cho “Minh Đường khai hoa là: Đường tâm, Hoa tâm, Hoa khai... Đó là “khai khẩu” một quyết điểm đầu tiên. Tiếp theo là: thứ nhì Nhũ Long, thứ ba Mạch thất cổ bông”, Nhũ Long chỉ cho huyết kết nhũ, thất cổ bông chỉ cho huyết Kết Đột. Như vậy Nhũ và Đột Chỉ dùng cho ở bình dương. “Thứ tư sơn chỉ, hồi Long cang tài”: Núi dừng và Long quay đầu về núi Tổ, và thủy lưu quay theo ắt là đại phú quý!

Về phần các dạng huyết, Tả Ao nước ta cùng một số tác giả có uy tín ở Trung Quốc chia ra 4 dạng Oa, Kiềm, Nhũ, Đột; Còn lại một số các thầy địa lý Trung Quốc khác thì phân là Cái, Niêm, Ý, Chàng (Cái: che dầy, cái lọng, cái dù; Niêm: dính vào; Ý: tựa vào; Chàng: đeo gót, cái chàng, cái đục). Họ thuyết minh: Cái có dạng thiên huyết; Niêm có dạng địa huyết; Ý, Chàng là nhân huyết. Mỗi tiêu chuẩn chia làm 4 loại... Sách đời Tống (Liêu Ngụ, Tạ Hòa Khánh) đồ cho Dương Quân Tùng (Đường) chủ xướng. Tư Mã Đầu Đà (Thanh) hết sức tán dương lối phân chia này, rồi xúm lại chỉ li thêm vớ số kiểu cách khác, không có một qui tắc nhất định. Cuối cùng họ vẫn dùng theo phương pháp cổ điển của Quách Phác và Quán Lộ là Oa Kiềm Nhũ Đột. Oa Kiềm Nhũ Đột đến hôm nay là dạng thống nhất của ngành Phong Thủy.

Những nhà phong thủy có thực tài nhìn ra chân huyết từ trong đầu óc của họ. Nhờ đâu mà có được điều đó? Đó là nhờ vào Núi, Sông. “Hình dáng của Núi Sông là vuông, tròn, cong, thẳng; hình thể của Núi Sông là gần xa cao thấp, thể chất của Núi Sông là đất, đá, nước, mạch; biến hóa của Núi Sông là khi ẩn khi hiện (lộ, hiển); tính của Núi Sông là Chế, Hóa, Sinh, Khắc” (Huyền Nữ Thanh Nang Hải Giác Kinh). Như vậy căn cứ vào các tính lớn của Núi Sông (Hình Dáng, Hình Thể, Thể Chất, Biến Hóa, Tính Khí) mà xác định chân huyết. Ngoài ra, trong nội tình đất ở huyết cần đạt được những điều kiện: đất không tới vụn, ngay tại huyết đảo (sâu trung bình từ 1,2m đến 1,6m) đất phải có nhiều tầng, màu đất phải tươi nhuận (tức đất

có “hoa văn” và màu sáng), dù ở bình nguyên hay cao nguyên, huyết phải kín gió.

IV. NHỮNG YẾU TỐ PHỤ CỦA PHONG THỦY

Trong thuật Phong Thủy thuần túy các phần chính là Sơn, Thủy, Long, Huyết, chúng ta đã khảo qua tạm đủ, nhưng còn các yếu tố phụ để bổ túc cho các phần Sơn, Thủy, Long, Huyết không thể không nói đến.

1. Tứ Tượng: Trong Dịch lý nói đến tứ tượng là nói đến sự biến hóa tiêu trưởng của Âm Dương, đó là 4 dạng Thái Âm, Thiếu Âm, Thái Dương, Thiếu Dương. Nhưng trong Thiên Văn và Phong Thủy, từ ngữ Tứ Tượng chỉ cho 4 chòm sao trên trời nằm về 4 phương chính tượng hình 4 con vật:

a) Phương Đông gồm 7 sao: Giác, Cang, Đê, Phòng, Tâm, Vị, Cơ: 7 sao này hợp lại giống hình con rồng trong truyền thuyết. Vì ở phương Đông thuộc Mộc có màu xanh, do đó gọi là Thanh Long (còn gọi là Thương Long, Thương: xanh).

b) Bạch Hổ: Bảy ngôi trong chòm sao phương Tây đó là Khuê, Lâu, Vị, Mão, Tất, Chủy, Sâm. Bảy ngôi này hợp lại giống hình một con thú, để hình tượng hóa người ta gọi nó là con hổ, vì ở phương Tây thuộc Kim màu trắng, nên gọi nó là Bạch Hổ.

c) Chu Tước: Bảy ngôi trong chòm sao phương Nam đó là Tinh, Quì, Liễu, Tinh, Trương, Dực, Chấn – Bảy ngôi này hợp lại giống hình chim (như con công, hoặc chim sẻ), vì phương Nam thuộc Hỏa màu đỏ, nên gọi nó là Chu Tước.

d) Huyền Vũ: Bảy ngôi trong chòm sao phương Bắc đó là: Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Ngụy, Thất, Bích. Bảy ngôi này hợp lại như giống hình con rùa (loài có mai), gọi chung là “vũ”, vì phương Bắc thuộc Thủy màu đen, nên gọi nó là Huyền Vũ.

Sự quan sát Thiên Tượng đã có từ xa xưa, còn đặt tên cho các con vật ấy không biết xảy ra từ lúc nào, nhưng trong Lễ Ký (Chiến Quốc) thấy chép: “Khi đi, trước mặt là Chu Tước, thì sau lưng là Huyền Vũ, bên trái là Thanh Long, bên phải là Bạch Hổ”. Câu này xét về nguyên ủy thì có nhiều ý nghĩa lắm:

– “Khi đi, trước mặt là Chu Tước”, tác giả của Lễ Ký không nói về hướng đi mà vẫn thừa nhận “trước mặt là Chu Tước” thì ta phải hiểu bất luận là hướng nào, trước mặt vẫn là Chu Tước. Từ đó ta hiểu thêm, huyết đóng bất kể là hướng nào (chứ không cần phải hướng Nam, vì mọi huyết đều phải lúc nào cũng quay về hướng Nam) thì trước mặt vẫn là Chu Tước, vậy sau lưng là Huyền Vũ, bên trái là Thanh Long, bên phải là Bạch Hổ. Giả sử huyết vị quay về hướng Bắc thì hướng Bắc là Chu Tước, hướng Nam là Huyền Vũ, hướng Tây là Thanh Long, hướng Đông là Bạch Hổ. Bấy giờ không dùng đến tinh tượng, mà chỉ dùng đến khái niệm của tứ thú.

– “Khi đi, trước mặt là Chu Tước”, nói chung quá trình của loài người là một cuộc thiên cư lớn, từ phương Bắc lạnh lẽo về vùng đất ấm phương Nam, vì thế Lễ Ký đã có câu khẳng định như vậy.

– Ta cũng biết rằng, vua chúa khi thiết triều ngồi quay mặt về hướng Nam, tuy rằng họ áp dụng theo Kinh Dịch: Càn tượng trưng cho Trời, cho vua. Theo Tiên thiên Càn ở phương vị chính Nam, theo quan niệm Trời ở trên cao, vua ở trên mọi người, nên các triết gia cổ đặt phương Nam lên trên, phương Nam là Ngọ, (lúc mặt trời nằm ở đỉnh cao nhất – Zénith). Tới đây ta vỡ ra rằng: Hướng thiết triều của Đế Vương cũng là hướng thiên cư của đại khối dân chúng! Vậy thiên cư là gì? Đó là cuộc chiến tranh sinh tồn, chiếm lấy đất đai, giành lấy sự sống! Kinh Dịch đã thuyết minh quan điểm này:

“Đế xuất hồ Chấn, tề hồ Tốn, tương kiến hồ Ly, chí dịch hồ Khôn, thuyết ngôn hồ Đoài, chiến hồ Càn, lao hồ Khâm, thành hồ Cấn”. Hướng Càn của Tiên Thiên là hướng Nam, đó là hướng của chinh chiến. Cái đích nhằm của các đế vương Trung Quốc là hướng Nam! (9)

Ta còn thấy trong một quyển sách cổ khác, “Ngô Khởi Bình Pháp” (khoảng 2350 năm trước đây) ở thiên “Trị Bình”, Ngô Tử viết: “Vô đương Thiên Táo, vô đương Long đầu. Thiên Táo giả, đại cốc chi khẩu; Long đầu giả, đại sơn chi đoạn, tất “Tả Thanh Long, hữu Bạch Hổ, tiền Chu Tước hậu Huyền Vũ”. Chiêu dao tại thượng, tông sự ư hạ” (10)

Riêng về Phong Thủy, ý nghĩa của Tư Tượng có phần gia giảm:

* Thanh Long (tả) và Bạch Hổ (hữu) là chỉ cho 2 sơn phụ ở 2 bên huyệt, không đòi hỏi to lớn như Long Nhập Thủ, chỉ đòi hỏi vừa phải để bảo vệ huyệt (che chắn gió), cũng không đòi hỏi 2 sơn này có dạng rồng cọp, mà có dạng cong cong như lưỡi liềm, như sừng trâu. Câu phương ngôn về Phong Thủy của nước ta diễn tả Thanh Long, Bạch Hổ:

“Bên trên ruộng đỗ, bên dưới lỗ cấy chiêm, hai bên lưỡi liềm câu lại”. Ngay giữa bốn bên đó là huyệt (đồng bằng). Một thuật ngữ trong Phong Thủy để chỉ Thanh Long, Bạch Hổ là: “Ngưu Giác loan cung” (sừng trâu ôm vòng).

Nhưng nếu hình dáng của Long Hổ tương đối hơi giống “Rồng Cọp” thì Thanh Long phải uốn lượn, Bạch Hổ phải có dáng đi thông thả, không nên có dạng hổ ngồi. Hổ ngồi người ta gọi là “hổ hàm thi” (hổ ngậm xác chết). Người ta còn nhân thêm dáng cách của Long Hổ:

– Long Hổ mà cao vút tròn trịa thì gọi là “Âm Dương hợp chiếu” (Thái Âm Thái Dương cùng chiếu vào huyệt): tốt.

– Long Hổ có dạng như Bút như Cờ dựng hai bên tả hữu huyệt thì gọi là “Văn Vũ thị tàng” (văn võ đàn châu).

– Long Hổ ở hai bên Long Nhập Thủ thì gọi là Thiên Ất, Thái Ất.

– Long Hổ ở hai bên suối ghềnh trước huyệt thì gọi là Thiên Hồ, Thiên Giác.

– Long Hổ đứng (tách rời khỏi Long Nhập Thủ) về phía trước và có khuynh hướng châu vào huyệt thì gọi là Kim Ngô Cháp Pháp (kiếm vàng đợi lệnh).

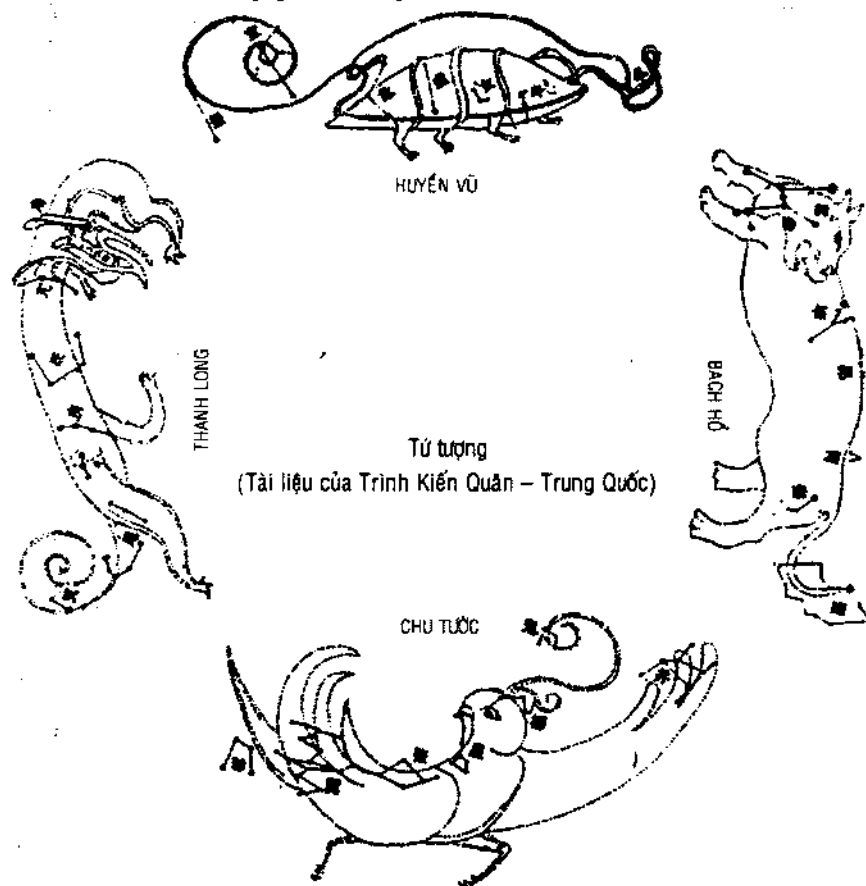
– Long Hổ ở hai bên Thủy khẩu gọi là Hoa biểu, Hân môn!

Nói chung, nhiệm vụ của Long Hổ làm sao cho thuận cách, cho ứng hợp.

* Huyền Vũ, Chu Tước: Hai tinh tượng được dùng trong Phong Thủy. Chu Tước và Huyền Vũ là hai sơn nằm ở trước và

sau huyết. Huyền Vũ, thực tế phải là gò đồi, còn Chu Tước nếu không được là gò, đồi thì nó phải là vũng, vực, ao, hồ (hướng thủy). Huyền Vũ phải ngẩng đầu, Chu Tước phải phi hồi (bay về, chứ đừng vỗ cánh bay đi). Nếu Chu Tước bằng phẳng nằm bên kia sông thì gọi Ân, nếu xa hơn nữa và cao có khuynh hướng châu vào huyết thì, gọi là Triều. Rộng thêm cho “Triều” tất cả các sa sơn quanh huyết có ý muốn châu vào huyết đều gọi là Triều. Tả Ao nói:

*Tiền Quan, hậu Quỷ sắp bày
Ân này phải thấp, Triều rày phải cao.*



Quan và Quỷ là các sa phụ của Chu Tước và Huyền Vũ. Cũng nên nói thêm các bộ phận phụ của Thanh Long là “Cầm”, của Bạch Hổ là “Diệu”. Nếu địa thế được như vậy thì nguy nga biết bao nhiêu!

2) Hình Thế: Địa Hình và Địa Thế viết gọn lại. Dài, rộng, xa gọi là Thế. Ngắn hẹp, gần gọi là Hình. Ngàn thước gọi là Thế, trăm thước gọi là Hình. Viên cảnh là Thế, cận cảnh là Hình. Hình là một tiểu tổ chức của Thế. Thế là một tập hợp của nhiều Hình. Hình nằm trong Thế. “Chinh Phụ Ngâm” viết:

Hình khe thế núi gần xa

Đứt thôi lại nối, thấp đà lại cao.

Viết như thế có nghĩa là Hình gần mà Thế xa. Với Phong Thủy, người ta chọn dạng “thế đến”, chứ không chọn kiểu “thế đi”! Thế đến chính là “Lai Long”. Chung quanh chỗ kết huyệt chính là hình. Thế đến mà hãm hờ, mạnh bạo là đắc địa, là vượng địa, là miếu địa, là linh địa! Khí thế tấn mất, suy nhược, gượng gạo là hung địa. Nhà phong thủy khi nhận diện núi sông phải có cặp mắt phân biệt. Đối với Hình cũng vậy. Hình là một tiểu bộ phận của Thế. Thế mạnh thì Hình phải mạnh. Nhưng đòi hỏi của Hình cần thêm một điều nữa là không được lộ liễu. Vì sao? Vì Hình là nơi sắp tụ huyệt. Một ví dụ để hiểu rõ thêm: một thiếu nữ đẹp, chỉ đẹp đơn thuần chưa đủ. Đẹp hết cả thân thể, dù nàng có thướt tha yếu điệu, nhưng phải bảo đảm là không bệnh hoạn, suy nhược, nghĩa là có khí lực bên trong. Các bộ phận cũng đều vậy. Mỗi bộ phận chính là Hình. Duy có “hình” quan yếu nhất là bộ sinh dục. Nơi đó cũng phải đẹp, kín đáo và cũng có chất khỏe mạnh mới đáng gọi là quý (9b). Phong thủy và sinh lý có sự đồng dạng với nhau. Quanh huyệt phải có cây cối tươi tốt chứ không thể mảnh đất trơ trọi, phải có khe suối sông ngòi, để bảo đảm một huyệt tốt phải có gò đồi đẹp mắt, không thể là một ngọn đồi lởm chởm toàn đá và đá! Phân biệt được Hình và Thế, nhà Phong Thủy dễ nhận ra huyệt.

3) Sa: Sa – 砂 – có nghĩa là gò đá hay đồng đá, được dùng để thay thế vai trò của “Sơn” khi những sơn ấy đóng xung

quanh huyết. Thường người ta gọi chung Thanh Long, Bạch Hổ, Chu Tước, Huyền Vũ, Triều, Ấn, Quan, Quỷ, Cầm, Diêu... là những sa. Tùy theo vị trí của sa mà đòi hỏi hình dáng của nó. Như Ấn Sa thì phải thấp và bằng mặt (giống như hình cái bàn), Triều Sa thì phải cao và có khuynh hướng quay về với huyết. Hãn môn (còn gọi là Cấn môn), Hoa biểu càng cao vút càng tốt. Người ta có thể gọi Long Sơn, Hổ Sơn, Ấn Sơn, Triều Sơn... là Long Sa, Hổ Sa, Ấn Sa, Triều Sa... Xem như vậy đủ biết các thầy phong thủy hay có “ngũ bệnh”. Phong Thủy vốn đã mơ hồ rắc rối họ còn đánh hỏa mù thêm cho sự việc càng thêm rối rắm. Sa hay Sơn cũng chừng ấy vai trò.

4) Đảo Trượng pháp: Trượng, nghĩa nguyên thủy của nó là cây gậy, rồi sau biến nghĩa dần thành đơn vị đo chiều dài, dài bằng 10 thước Tàu (10b). “Đảo Trượng Pháp” không dùng để đo đạc mà để... múa! Sách vở giải thích rằng, trượng là cái “móc cắm” dùng để nhắm huyết và phương hướng, tùy theo khí mạch mạnh yếu, cường bạo xung sát hay điều hòa. Nhà phong thủy sử dụng trượng phải điều chỉnh, đưa qua đưa lại, xích tới, xê lui. Ta hãy xem một đoạn giải thích về “Ly Trượng Pháp” như sau: “Long Mạch cường bạo khẩn cấp, liên tục tuôn ào ạt xuống đất bằng, sinh khí thoát hết ra ngoài và trôi tuột về phía chân núi. Do đó phải thuận theo đất bằng mà điểm huyết, phương pháp đó gọi là ly trượng”!

Làm sao họ thấy được sinh khí tuôn ào ạt? Làm sao thấy được “Long mạch cường bạo khẩn cấp”? Nếu quả có những hiện tượng đó thì Oa Kiềm Nhũ Đột để làm gì? Đã có Oa Kiềm Nhũ Đột là đã có sự bình ổn của Long huyết rồi thì sử dụng trượng làm gì? Còn nếu “múa trượng” có hiệu lực để gia giảm chân khí, tiết chế sát khí thì cần gì phải Oa Kiềm Nhũ Đột? Theo họ trong phép Đảo Trượng có “khai trượng” là khó nhất, có câu quyết như sau:

*Trục xung trung sát bất kham thiên
Đường khí qui tùy tại lương biên
Y mạch tiêu ly nhị tam xích
Pháp trung khai trượng tối tinh nguyên*

*(Ở giữa xung sát bắn thẳng tới không thể né tránh được
Nên khi vào mình đường phải cho rẽ qua 2 bên
Chỉ cách huyết chứng hai ba thước
Đó là cách khai trương hiệu nghiệm nhất)!*

Nghe nói người đề xướng Đảo Trương pháp là Dương Quân Tùng (Chỉ Nam Đồ Phả), nhưng nhiều học giả nghiên cứu cho biết, đây là bộ mạo danh. 12 Đảo Trương pháp rất thịnh hành ở đời Tống. Các ông Lại Văn Tuấn, Lại Bá Thiệu (hai ông họ Lại này, đại đa số cho là một nhân vật, cùng một hiệu Lại Bồ Y) viết sách tán dương Đảo Trương Pháp. Lại Văn Tuấn viết Thôi Quan Pháp (phép cấm huyết sao cho mau ra làm quan) đã nói rằng, muốn mau ra làm quan bắt buộc phải dùng Đảo Trương Pháp. Có tất cả 12 bài “múa gậy” (Đảo Trương Pháp), đó là: Thuận Trương, Xúc Trương, Nghịch Trương, Xuyết Trương, Xuyên Trương, Ly Trương, Một Trương, Đối Trương, Khai Trương, Tiệt Trương, Đốn Trương, Phạm Trương. 12 Đảo Trương hoàn toàn phản khoa học, một loạt mê tín và tà thuyết ấy dần dần bị đời sau loại trừ, giờ chỉ còn sót lại các ông thầy chủ tang và chấp kích (người cầm trượng múa để đưa ma) làm trong việc nghi lễ của buổi đưa ma, theo dấu hiệu của gậy mà nâng quan tài lên, hạ quan tài xuống, làm thăng bằng trước sau tả hữu cho đến lúc đặt quan tài nằm thẳng bằng dưới mộ. Chúng ta tôn trọng cổ học nhưng cũng phải dãi lọc nó mới được.

5) Triều Sơn: là những ngọn núi cao nằm ngoài vòng đai Long, Hồ và Ấn Sơn, có khuynh hướng như châu về huyết. Triều Sơn ví như khách, còn Nhập Thủ Long ví như chủ đang đối diện nhau. Chủ có vẻ ân cần tha thiết, khách có vẻ tôn kính lưu luyến. Cuộc đất như thế sẽ đại phú đại quý.

6) Hoa Biểu: là ngọn núi cao vút có hình dáng kỳ lạ như cổ tháp như cột cờ ở trong Thủy Khẩu, như tháp canh trấn giữ cung điện. Cuộc đất nào có được hình dạng như thế, ắt là quý hiển.

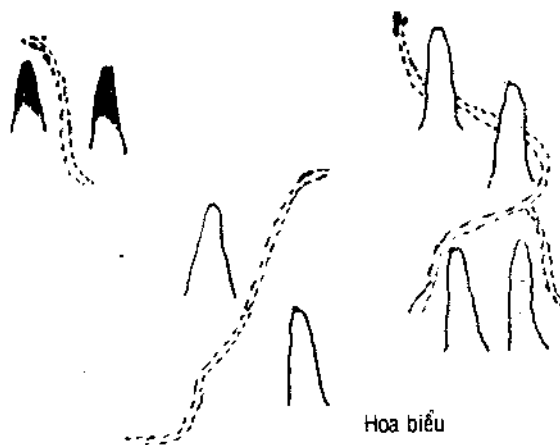
7) Hãn Môn: Hãn Môn hay Cản Môn, là hai hay nhiều quả núi nằm ở 2 bên thủy khẩu như để bảo vệ Long huyết, Long

mạch. Hoa biểu và Hân môn không khác nhau bao nhiêu.

Hình thức Hoa biểu và Hân môn chỉ là phần trợ



Hân môn



Hoa biểu

duyên trợ cảnh chứ không phải cuộc đất nào cũng có nó mới nên. Trong Phong Thủy người ta phải nói cho đủ dạng. Một đại địa như kinh đô, tỉnh lỵ, thành phố... ắt phải có Hoa biểu, Hân môn, An Sơn, Triều Thủy mới gọi là quý cách.

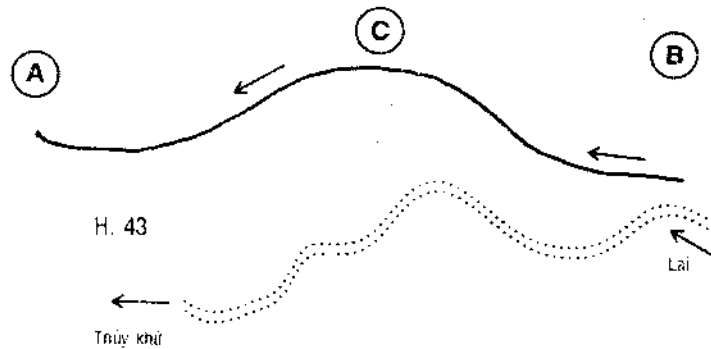
8) Bình Dương: Nơi chỗ đất bằng và có nước. Bình Dương không có núi thì xem gò, không có gò thì xem giồng đất cao, nếu không có giồng đất nào cao thì sao? Đây là điều rất lạ. Sách nói: "Nếu ở nơi miền núi thì đứng mà xem, còn nơi bình dương thì nằm àm xem! Dù cao hơn một tấc vẫn được xem là Sơn". Vì Sơn, Sa hiếm như vậy nên Tả Ao nói:

...
*Ruộng cao uốn xuống thì Mạch tán lên
 Ruộng thấp uốn lên thì Mạch rớt xuống
 Bình dương, mạch chẳng nề chằm án
 Hễ có chính long thì tả hữu triều lai!
 Đâu có chính long thì có sơn thủy gối vào...*

Đoạn này cho ta hiểu rằng, tuy ở nơi bình dương ắt cũng có nơi cao nơi thấp. Lập huyết không thể lập tại giữa thôn xóm mà phải chọn nơi đất trống gò cao. Ca dao nói:

“Ở trên đám đồ, ở dưới có lỗ cây chiêm, hai bên lười liềm câu lại”.

Hai câu trên của Tả Ao từ “ruộng cao đến ruộng thấp” hình thành một cái dốc có hai sườn, không hiểu chiều đi của khí là chiều nào, ắt phải xem nguồn nước. Nước chảy theo chiều nào thì khí lưu thông theo chiều đó.



Vd: Một con dốc gồm hai sườn, đỉnh dốc là C. Con dốc ấy nằm theo chiều giòng nước chảy (H.43). Ta đừng tưởng rằng, với dốc CB sẽ có khí mạch chạy từ C tới B! Khí luôn luôn lưu thông theo chiều giòng nước. Người ta có khuynh hướng mai táng người mất, đầu tựa vào điểm cao. Nếu như làng B có người mất chôn ở dốc B đầu gối vào đỉnh C, thế là hỏng! Vì sao? Vì ta thường nghe chữ “nhập thủ”. Long nhập thủ, Mạch nhập thủ. Nhập thủ có nghĩa là khí mạch chạy vào đầu, đằng này mai táng kiểu đó, tức là khí mạch chạy vào chân, tức là “thoát khí” (Xem phần Phán Kim tập I). Làng bên A nếu có người mai táng đầu gối vào C là hợp lý. Do đó Tả Ao Tiên sinh nói:

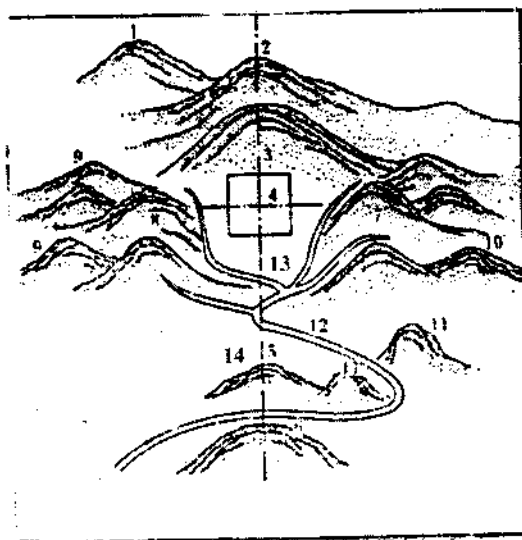
“Bình dương lấy nước làm thầy”

là có ý nhắc nhở ta như vậy.

Trong các sách cổ đều nói, “vì ở bình dương nước chảy nhiều, phần đông là nước chảy thẳng đuột, vậy yêu cầu là giữa giòng chảy phải có nghịch thủy sa, mục đích là để làm cản giòng chảy, làm cho giòng chảy uốn mình. Ngoài ra, Thủy phải giữ được các tính chất mà ta đã biết từ trước. Vd như: nước phải có dạng đậu bao, thủy thành viên; giòng chảy phải hướng về nơi tứ khố (tứ mộ Thìn Tuất Sửu Mùi).

9. La Thành Viên Cục: một thế cục rộng lớn, giữa là long huyết chung quanh có triều sơn thủy châu trước nâng sau như bức tường thành như màn giăng sáo rú tạo thành một thế giới riêng biệt (biệt hữu Thiên địa).

10. Quan, Quĩ, Cầm, Diệu: Trước đây đã nhắc sơ lược về 4 tinh sa này. Nguyên nó là dư khí của Long mạch phát tỏa ra. Sa trước huyết nằm ngoài Ấn sơn gọi là Quan. Quan phải kề bên Ấn sơn (theo thứ tự: huyết, ấn, quan), Quan phải nhỏ hơn Ấn và phải cao hơn Ấn; Quĩ nằm sau Huyền Vũ (theo thứ tự: huyết, huyền vũ, quĩ) và cũng phải liền kề với chẩm. Quĩ phải cao hơn Chẩm. Cầm liền kề với Long sơn về phía sau. Diệu



H. 44. Long Mạch Sa Huyết thị ý đồ

(1) Tổ Sơn. (2) Thiếu Tổ Sơn. (3) Châu sơn (Long mạch, Long nhập thủ). (4) Vị trí của huyết và minh đường. (5) Ấn Sơn. (6) Triều sơn. (7, 8) Tả hữu Tí Sa (Long Hổ). (9), (10) Tả hữu hộ sơn. (11) Thủy khẩu sa. (12) Thủy lưu. (13) Thủy khẩu. (14) Ngoại minh đường.

Chú ý: Sơ đồ trên đây chỉ là tượng trưng, thực tế không có một cảnh xứ vuông vức cân đối như vậy.

liền kề với Hồ sơn về phía sau. Huyện nào có một trong bốn sa này thì rất tốt. Trung Quốc là một nước rộng gấp 40 lần nước ta, thế mà những ngôi mộ của các đế triều của họ không có mộ nào hội đủ Long Hồ Vũ Tước Quan Quỷ Cẩm Diệu đừng nói chỉ thêm Hoa biểu Hân môn Chấn Ấn, Sơn triều Thủy tụ. Trên nguyên tắc phải nói cho đủ, chứ bói đâu ra cảnh “biệt hữu thiên địa” ấy? Để đúc kết phần “Khái niệm cơ bản” xin mượn sơ đồ trong “Lịch sử thượng đỉnh phong thủy thuật” của tác giả Thái Đạt Phong (H. 44).



Ảnh 17 (NNP) Hoa biểu sơn. Một thị trấn trên sông nước gần bên Hoa biểu sơn. Cách Hoa biểu vài cây số về phía Tây có một cảnh địa khá lý tưởng.

Chú thích:

(1) Theo sự khảo sát riêng của tác giả, nơi đây có một hiện tượng địa chất rất lạ: Trong ảnh ta thấy một bãi cát trắng, sự thật nó vừa cát vừa sạn. Hạt sạn lớn bằng hạt muối. Người ta đã khai thác đến hàng ngàn tấn sạn một thời gian ngắn sau sạn vẫn dồn lên như cũ.

(2) Chỗ cao nhất của đầu rồng chỉ cách mặt nước chừng 45m, nếu lên từ đuôi rồng thì người ta lên đến nơi được nhưng chưa có một người nào đã “chinh phục” được nó, kể cả du khách. Người ta muốn lên đó lắm nhưng không ai dám lên vì nghe nơi đó thiêng lắm.

(3) Hai câu này trong Địa Đạo Diễn Ca của Tả Ao. Địa Đạo Diễn Ca là một tác phẩm chuyên về Long đầu, nhưng hai câu này lại pha thêm chất lý khí. “Can Chi Bát Quái” là nói đến phương vị, lý khí. Sự thật trong phong thủy người ta không thể tránh được điều này.

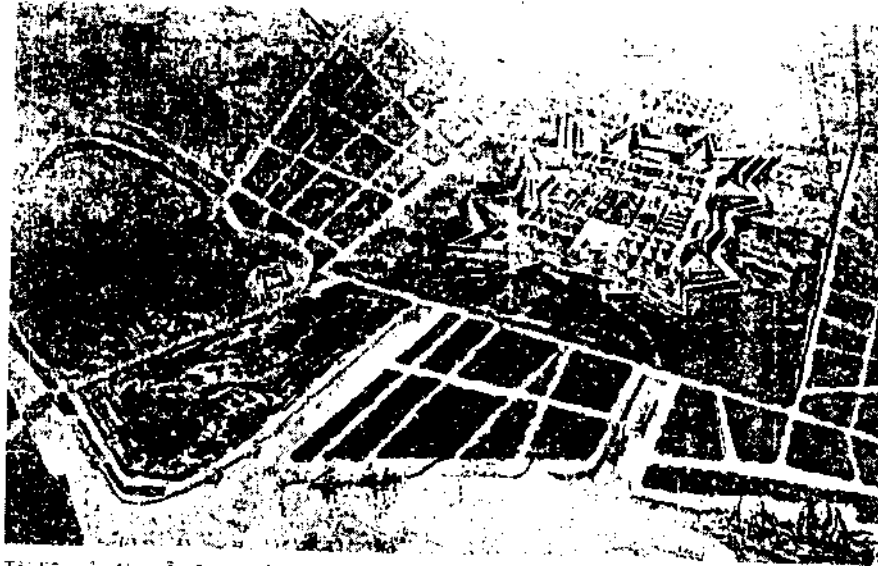
(3) Hình thể nước ta có dạng chữ S, và nhìn thật kỹ cũng khá giống hình con Rồng trong truyền thuyết. Và truyền thuyết cũng nói rằng dân tộc ta thuộc “con Rồng cháu Tiên”. Truyền thuyết ấy có từ thời thượng cổ. Bờ cõi của ta từ thời Hùng Vương về trước, phía Nam chưa qua khỏi Ninh Bình, phía Bắc vượt qua khỏi ranh giới quốc gia hiện thời, thuở ấy quốc gia chưa có hình dạng chữ S, nhưng vẫn là con cháu của... Rồng! Thì ra truyền thuyết vẫn linh thiêng lắm vậy!

(4) Vẫn pha lẫn chất lý khí. Khi nhắc đến Sinh Vương thì phải nhắc đến Tử, Mộ, Tuyết.

(5) Tài liệu này chưa biết chính thư hay man thư, tôi sẽ trích ra một phần làm tài liệu “Bài đọc thêm” ở phần sau để bạn đọc tiện việc tham khảo.

(6) “Sơ đồ Gia Định Kinh Thành” (Còn gọi là Bát Quái Thành hay Qui Thành) được xây dựng từ năm 1790. Thành tọa lạc tại vị trí dinh Thống Nhất bây giờ. Thành bị phá vào năm 1835 sau vụ khởi loạn của Lê Văn Khôi (1832-1835). Qua năm sau - 1836 vua Minh Mệnh ra lệnh xây lại Phụng Thành. Chưa đầy 23 năm sau, thành này bị Pháp phá tan thành bình địa (1859). Đặc điểm của Phụng Thành là:

- Thành có dạng hình vuông.
- 4 cửa chính.



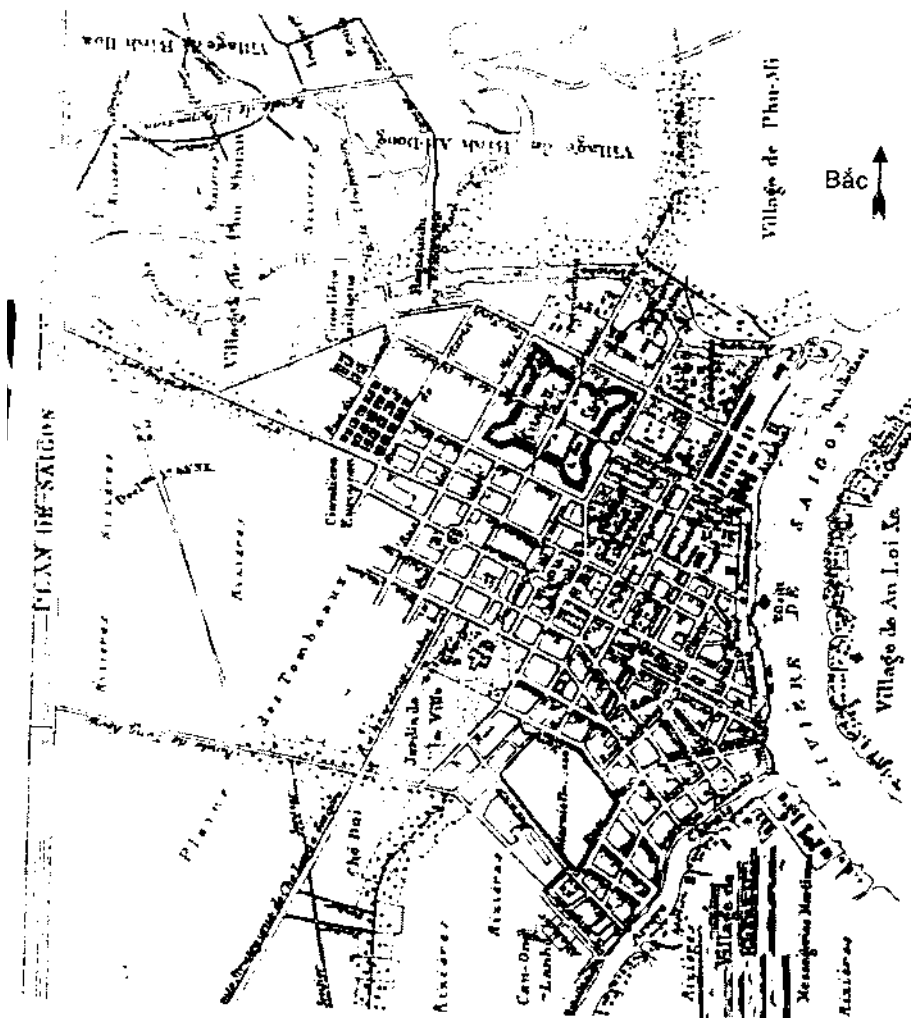
Tài liệu của Nguyễn Đình Đầu

- Tọa Càn hướng Tốn (theo Quốc Sử Quán triều Nguyễn)
- (Vấn dựng trên nền đất của Qui Thành)

Căn cứ các bản đồ về thế kỷ 19, Phụng Thành ở vào hướng Thìn Tuất (120° – 300°) nhưng cho rằng tọa Càn hướng Tốn cũng không sai. Vì hướng Tốn bao quát từ $112^{\circ}5$ đến $157^{\circ}5$. Có điều ta để ý, nếu Phụng Thành tọa Càn hướng Tốn như Sử nói, thì sẽ gặp sông Sài Gòn (tức là Rạch Thị Nghè bây giờ) có dạng “Thủy Thành Viên”. Dù sao cái tốt của một con rạch không bằng cái hại của con sông lớn (xem bản đồ dưới đây).

Và cũng theo tài liệu cho biết Qui Thành và Phụng Thành cùng một tọa hướng, tức là hợp thành quái Phong Thiên Tiểu Súc, quái Tiểu Súc thì không hại gì (Phong Thiên Tiểu Súc: nuôi nấng) nhưng bị hãm bởi hướng sông Sài Gòn, gọi là Phán bồi thủy (Bồi còn đọc là Bội).

Tuổi thọ của Qui Thành là 45 năm, tuổi thọ của Phụng Thành là 23 năm.



Bản đồ TP Sài Gòn do Charles Lemyre vẽ 1884 (Tài liệu của Nguyễn Đình Đầu)
Phụng Thành

Ngày 23-2-1863 trên nền đất Phụng Thành, Trung tướng Hải Quân Đô Đốc De Lagrandière cho xây dựng thành Dinh Norodom đến năm 1869 thì xong. Nay là Dinh Thống Nhất (hướng Dinh cũng khác với hướng Thành).

(7) Trên thế giới vẫn có nhiều đồng bằng lớn hơn đồng bằng Nam Phần, nhưng trong những đồng bằng đó vẫn có những tiểu cao nguyên hay những vùng núi non. Chưa một đồng bằng nào “nguyên chất” phù sa như đồng bằng miền Nam nước ta.

(8) Truyền thuyết nói rằng, nội tổ của Chu Nguyên Chương (sau này là Minh Thái Tổ) nằm ngủ trong một hang đá. Vào một buổi trưa, có hai thầy phong thủy đi qua đó thấy cuộc đất tốt, họ tìm ra được huyết rồi, bẻ một nhánh cây cắm vào huyết và nói: “Nếu nhánh cây này mà không héo, thì đây chính là huyết đế vương”. Ông lão họ Chu nghe trộm được điều này, bèn để ý. Vài ngày sau ông tới đó thấy nhánh cây vẫn tươi tốt, ông vừa mừng vừa sợ, bèn lấy một nhánh cây khô cùng loại cắm vào đó để tráo. Nửa tháng sau 2 thầy phong thủy trở lại, thấy cây héo, cho là huyết giả, bèn không bận tâm đến nữa. Sau ông lão họ Chu chết được táng vào đó. Nhờ vậy mà ngày sau Chu Nguyên Chương được làm vua. Truyền thuyết này chưa chắc là sự thật. Nhưng nếu là sự thật cũng không có gì lạ, vì rất nhiều loại cây người ta trồng nhánh vẫn sống. E rằng đây là đòn phép tuyên truyền của đám Chu Nguyên Chương. Vì Chu Nguyên Chương cũng là một tay đại quỷ quyết. Trong quyển “Nước non Bình Định”, Quách Tấn có kể một câu chuyện thuộc về truyền thuyết tương tự về Nội tổ của vua Thái Đức Nguyễn Nhạc.

(9) Câu trong Kinh Dịch: “Đế xuất hồ Chấn, tề hồ Tốn, tương kiến hồ Ly, chí dịch hồ Khôn, thuyết ngôn hồ Đoài, chiến hồ Càn, lao hồ Khảm, thành hồ Cấn” (“Đế Vương sinh ra ở phương Chấn, giúp việc phương Tốn, gặp gỡ ở phương Ly, chỉ để ở phương Khôn, ăn nói ở phương Đoài, đánh dẹp ở phương Càn, lao nhọc ở Khảm, thành công ở Tốn”). Tuy là mô hình của Hậu Thiên Bát Quái, nhưng vẫn đậm chất của Tiên Thiên! Vì vậy mới biết rằng các sách diễn dịch ý của câu trên ra không sát nghĩa! Câu trên đây trong Hậu Thiên Dịch là lời của Văn

Vương Cơ Xương giới thiệu. “Đế” ở đây không phải chỉ các bậc đế vương vua chúa, mà chỉ cho vua “Hoàng Đế” thời thượng cổ Trung Quốc. Theo sử Trung Quốc, Hoàng Đế là người tỉnh Hà Nam, còn nhà Chu phát xuất từ huyện Kỳ Sơn tỉnh Thiểm Tây, nằm về phía Tây tỉnh Hà Nam. Nơi Hoàng Đế ra đời đối với Kỳ Sơn thuộc về Đông Nam, chứ không phải là hướng Đông. Cứ dịch theo chữ: “Đế xuất hồ Chấn”, nghĩa là vua Hoàng Đế sinh ra ở hướng Chấn (đó là nói theo phương diện địa hình một cách tổng quát). Và câu trên diễn tả lại sự nghiệp của vua Hoàng Đế. Vua Hoàng Đế đánh dẹp mở mang lao tâm lao lực để hình thành một đế chế tối sơ. Sử nói: “Hoàng Đế đánh Xuy Vưu ở cánh đồng Trác Lộc, rồi hội chư hầu ngay ở đó” (sách Đại Đối Lễ Ký), nhưng Trác Lộc với Bản Tuyên là một đất, vậy thì Xuy Vưu và Viêm Đế là một ông. Mà Viêm Đế là “Vua Phương Nam”, chứng tỏ Hoàng Đế đã đem binh xuống phía Nam để đánh Viêm Đế (hoặc ít ra Viêm Đế dẫn quân từ đất mình lên đánh phương Bắc cũng không xa lắm), vì vậy mà “chiến sự ở Càn” là đánh nhau, ở phương Nam (theo Tiên Thiên). Đây chính là hội hám của Tiên Thiên. Còn “tương kiến hồ Ly” thì sao? nghĩa đen là gặp nhau ở phương Ly – nếu qua nghĩa Hậu Thiên thì phải hiểu một cách trực tiếp là “Hội chư hầu ở phương Nam”. Nhưng hiểu theo nghĩa của Tiên Thiên thì lại là: “ra mắt nhau ở phương Ly”. Ly ở Tiên Thiên nó là phía Đông, và có nghĩa là lửa (khảm ở phía Tây có nghĩa là nước). Cái thời cách đây hơn 5.000 năm việc làm ra lửa rất khó khăn, vả lại thời đó vẫn còn là thời du cư, du lập, du mục, người ta khó mà giữ lửa một cách liên tục được. Vua Hoàng Đế có lẽ là ông vua đầu tiên thiết lập chế độ định cư, nhưng chắc chắn không thể nào định cư toàn diện được, nên việc xin lửa, nuôi lửa, giữ lửa vẫn coi là việc sinh tử không khác gì thực phẩm (thực phẩm còn dễ tìm hơn việc làm ra lửa). “Tương kiến hồ Ly” nói thật nghiêm chỉnh, gặp nhau chỉ vì nhu cầu lửa mà thôi! Để nhớ ơn Hoàng Đế, vua Văn Vương nhà Chu cho lập

miếu thờ trên núi Kiều Sơn ở Thiểm Tây. Đời này truyền đến đời kia đến nay vẫn còn.

(10) Câu này có nghĩa: “Không cự nổi với “bếp trời”, không chống nổi với “Đầu Rồng”. Bếp Trời chính là miệng hang lớn, Đầu Rồng chính là núi lớn, tất phải có Long Hồ Vũ Tước. Ở trên cao mà vẫy gọi, thì ở dưới thấp phải chiều theo! Ngô Khởi và Tôn Vũ là hai nhà binh học cổ điển lỗi lạc đã áp dụng tính phong thủy trong quân sự.

(9b) Dĩ nhiên là vậy. Vì trong phong thủy, huyết vẫn có huyết bệnh, bên ngoài ngó có vẻ nghiêm chỉnh lắm, vẫn có Long Hồ chấm án, nhưng bên trong đất tơi xốp, rời rạc bùn mùn khó mà chiêu tập được khí lành, nên phải “xa lánh” gấp! Còn thiếu nữ mà “nơi đó” bị bệnh cũng rất “khó dễ” với ý trung nhân lắm!

(10b) Thước Tàu không có tiêu chuẩn nên không cố định, hơn nữa nó thay đổi theo từng triều đại do Bộ Công của triều đại đó qui định. Còn thước Lỗ Ban có tiêu chuẩn hẳn hoi, nhưng tiêu chuẩn ấy lại thay đổi, nên thước Lỗ Ban đến nay chưa chắc đã đúng. Những định nghĩa theo Lỗ Ban:

– Thốn: độ dài của đốt dưới cùng của ngón tay giữa thuộc bàn tay trái của người con trai trưởng trong mỗi gia đình!

– Xích (thước): độ dài của 10 thốn.

– Bộ: là độ dài của 4 xích với 5 thốn (4 thước rưỡi theo Lỗ Ban)

– Kiến: độ dài của 1 bộ.

– Trừ: 2 bộ

– Mân: 3 bộ

– Bình: 4 bộ

– Định: 5 bộ

– Cháp: 6 bộ

– Phá: 7 bộ

– Nguy: 8 bộ

- Thành: 9 bộ
- Thu: 10 bộ
- Khai: 11 bộ
- Bế: 12 bộ
- Kiến: 13 bộ
- Trừ: 14 bộ

...
Các đơn vị đo chiều dài suy từ lòng tay (có nơi dùng gang tay làm chuẩn) mà ra. Thử hỏi làm sao mà chính xác? Ngày nay đơn vị chiều là “mét” được thống nhất bằng cách đo theo tiêu chuẩn “độ dài sóng λ ” của ánh sáng! Chính xác tuyệt đối.

Chúng ta để ý, các đơn vị Kiến, Trừ, Mãn, Bình, Định, Cháp, Phá, Nguy, Thành, Thâu, Khai, Bế chính là các Trục nhất trong mục THỜI GIAN đã bàn qua tập trước. Vậy, hẳn giữa đại lượng bề dài và thời gian ắt có sự tương quan. Trục nào hung thì chiều theo đơn vị độ dài mang tên đó có lẽ cũng hung, hoặc ngược lại cũng vậy. Vấn đề này ta còn có dịp khảo sát lại sau.

BÀI ĐỌC THÊM

TỬ PHÁP TÂM KINH

Liêu Vũ [Tống]

Muốn khảo sát Núi Sông theo Phong Thủy, trước nhất nên xem xét hình thái diện mạo của vùng đó, kể đến xem xét sơn thủy chung quanh huyệt, nhận xét kỹ về hướng, diện, bối của Núi Sông ở đó. Đây là việc đầu trước khi chọn Long Mạch, Long Huyệt.

Nếu tại bình dương nên chú ý đến sự xuất một (mọc lặn – ý nói nhấp nhô) của Long. Dù Long ở bình dương khác với Long ở vùng sơn cước, nhưng có một sự luôn luôn tương đồng là, phải có những thủy lưu giao hội.

Tuy rằng sông lớn, sông nhỏ vùng đất hai bên bờ sông đều cao, nhưng cái cao ấy (bắt buộc có) khác với cái cao của giống đất bình dương. Chỉ có mạch đất bình nguyên giống lên mới kỳ diệu dù dài dù ngắn.

Long mạch có nội cục thủy tưới vào, và hợp với các dòng thủy bên ngoài thì cấm huyệt không hại gì. Nếu ngoại thủy giao hội ở thủy khẩu, đầu thủy khẩu có bé hẹp vẫn chọn huyệt được. Long Mạch có ngoại thủy rót vào, án sơn vững vàng, sáng sủa thì lập huyệt được.

Nếu thủy không đáo cục thì không lập huyệt. Nếu sơn mạch không lưu khí (tức là sơn có vẻ tản mát ẩm đạm) thì không lập huyệt.

Nhận thức được các điều vừa nói trên thì có thể nhận thức được chân giả của huyệt.

Sơn không cần đặt nặng về “tinh diệu” (hình tượng của các ngôi sao), quý ở chỗ bình tĩnh uy nghi. Thủy quý ở chỗ uốn lượn dù thủy lai hay khứ. Sơn nghịch thủy thì rất cần minh đường khoáng dăng, sáng sủa. Sơn thuận thủy rất cần án sơn chắn trước mặt (buộc nước phải trở mình, buộc khí phải trở lại).

Triều sơn quanh co càng tốt, triều thủy bắt buộc phải uốn éo, không thể xông xộc chảy tới. Mọi sa sơn đều không được nghiêng lệch.

Nhưng long sơn yếu ớt không có thủy hộ tổng thì bỏ đi.

Nếu sơn nghịch với thủy thế thì cần nước của các nguồn hội tụ ở sau sơn. Nếu sơn thuận với thủy thế thì chúng hội tụ ở trước sơn. Sơn từ bên trái chạy tới thì các giòng chảy phải hội tụ bên phải. Sơn từ bên phải chạy tới thì các giòng chảy hội tụ bên trái. Tóm lại, cần phải có thủy hộ tổng hoặc bảo vệ (bao bọc) sơn.

Nếu Long mạch chạy tới thẳng tắp thì huyết phải ở chính diện. Nếu Long mạch chạy tới theo hình vòng cung thì huyết phải nằm trong vòng cung.

Nếu khởi điểm của hai giòng thủy lưu tương đương thì huyết sẽ là chính huyết; nếu một dài một ngắn thì sẽ có bàng huyết. Tất nhiên bàng huyết không thể ví với chính huyết.

Có Long tựa như các lớp màn trướng, tựa như chim bay lượn, nhấp nhô nhấp nhô biến hóa khôn lường đây là loại Long mạch thượng thừa.

Sơn mạch tề chỉnh đoan trang thì xuất công hầu. Long mạch thanh tú khả ái thì xuất văn nhân, quan văn. Long mạch hùng vĩ thì xuất tướng lãnh.

Long mạch trong khi vận hành, đột ngột qua một chỗ: "hiệp" (hẹp lại) đó là dấu hiệu kết huyết. Long mạch không quá hiệp (qua nơi hẹp) mà kết huyết, thì đó là huyết giả.

Long mạch chạy vào rừng núi non dày đặc bốn phía, cu dăng như "biệt hữu thiên địa", như La Thành Viên Cốc, chắc chắn có quý huyết, nếu lặn lội đi tìm thì có thể gặp. Trường hợp này nếu có thủy lưu thẳng tắp chạy tới, nếu có huyết cũng chỉ là hung huyết; thủy lưu chạy tới thẳng tắp mà có án, triều chống đỡ, tất nhiên nước sẽ khuất khúc quanh co, ắt có chân huyết.

Sa, sơn quý nhất là quay mặt châu về (có tình), đáng sợ nhất là quay lưng lại (vô tình, tàn nhẫn). Long mạch có dạng như vòi voi (cuốn mình) thì cát, nghiêng lệch (ở ngọn núi) thì hung.

Đồi núi có mặt bằng đầu có gió là việc bình thường, huyết nằm trong hẻm núi mà có gió lửa mới đáng sợ. Nơi bình dương thì không sợ gió thổi (vì bốn phía đều trống). Thứ gió mà người ta cần tránh là gió lửa, lốc xoáy. Ở nơi các hẻm núi phải coi chừng gió tụ (*).

Thủy khẩu là môn hộ. Nếu thủy khẩu trước mặt Minh Đường là đại quý, vì thủy khẩu là hiện thân của Tứ Khố (tứ mộ = Thìn Tuất Sửu Mùi). Cần biết rằng ở nơi sông hồ biển thì sơn rất quý thủy, còn nơi bình dương thì thủy rất quý sơn. Họ bảo với nhau rằng, ở bình dương chỉ cần cao một tấc cũng là sơn rồi.

Sơn mạch chạy tới thẳng, không đứt đoạn, không dừng, cao sừng sững thì dừng táng.

Triều sơn được coi là tân khách thì phải chạy từ xa tới, còn tại chỗ thì ít hay. Cũng nên hiểu điều đó cho triều thủy.

Dù long mạch long huyết tốt đến bậc nào chăng nữa, con người phải cần tu tâm dưỡng tính thì cái khí mới hỗ trợ được cho cái đức, còn không cũng chỉ như bỏ một khúc gỗ xuống huyết lấp lại mà thôi!

(*) Ở nước ta có một vùng gió lửa dữ dội đó là xứ Tu Bồng thuộc tỉnh Khánh Hòa. Đầu thế kỷ 17 dân Việt Nam theo đoàn quân Chúa Nguyễn vào mở mang phương Nam, một số đã dừng chân nơi đây sống định cư, đặt xứ này là Tụ Phong. Cuối thế kỷ 19, trong việc hành chánh, người Pháp phiên âm chữ Tụ Phong thành Tu-pong (Huy Genault), từ đó các thế hệ sau đọc lại là Tu Bồng. Tụ Phong có nghĩa là "nơi gió tụ lại". Sự cấu tạo núi non ở nơi này có hình rẽ quạt, các khe gió đều đồng qui về Đại Lãnh Tu Bồng. Năm 1973 trong cơn bão số 9, gió thổi một chiếc thuyền máy đang neo ở biển Đại Lãnh bay gác lên đầu núi Đại Lãnh!

B. NHỮNG CUỘC ĐẤT KIỂU MẪU

Dựa vào lý thuyết Phong Thủy, nhất là kiến thức và kinh nghiệm của Tả Ao tiên sinh, tôi có tham khảo thêm nhiều sách, xin trích ra đây để cống hiến bạn đọc, tất nhiên nòng cốt vẫn là của Tả Ao.

Toàn bộ tác phẩm của Tả Ao đặt nặng vấn đề Long huyết ở bình dương. Nơi đây ta có hai vấn đề chú ý:

Một là, dù ở đồng bằng hay ở vùng sơn cước cách thức xét Long, xét Huyết không khác nhau mấy; vẫn Minh Đường, Long Hồ, Triều Án, Thủy Khẩu, Vũ Tước, thuận Long nghịch Thủy, nghịch Long thuận Thủy...

Hai là, trên thực tế ở bình dương vẫn có núi non đồi gò, bằng chứng là các vùng bình nguyên ở miền Trung, miền Bắc núi non vẫn chiếm lĩnh ở đồng bằng.

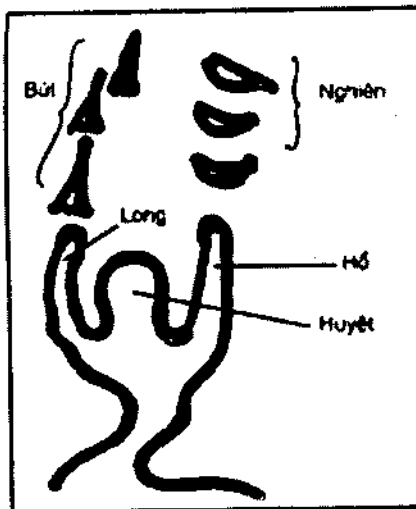
Sau đây ta lần lượt khai triển từng đoạn văn văn của ông có liên quan đến những cuộc đất đầy mẫu nhiệm.

1. CUỘC ĐẤT THỨ NHẤT

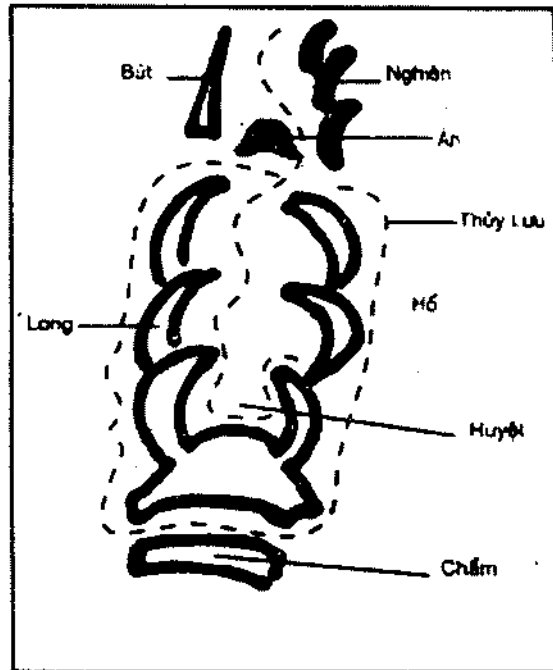
Muốn cho con cháu Tam khôi

Phương Đông có bút phương Đoài có nghiên (1)

Chú thích: Sở dĩ tác giả nói phương Đông phương Đoài là có ý muốn nói đến Tả Long, Hữu Hồ. Các hình vẽ dùng để miêu tả cuộc đất chỉ là tượng trưng, ước lệ mà thôi. Phương Đoài phải dùng hình ảnh tượng trưng là "nghiên", đó là đồ đựng mực hình dáng hơi tròn để hợp với Đoài thuộc Kim, tượng tròn. "Phương Đông có bút". Bút vừa nhọn, vừa thẳng. Nhọn thuộc Hỏa, thẳng thuộc Mộc. Trên thực tế những ngọn bút lông thời xưa ẩn ước có



tượng “Mộc” nhiều hơn, có thể mới hợp với phương Đông. Tuy vậy có nhiều cuộc đất không theo ý muốn, chẳng hạn phương Đông có nghiên, phương Đoài có bút cũng không sao.



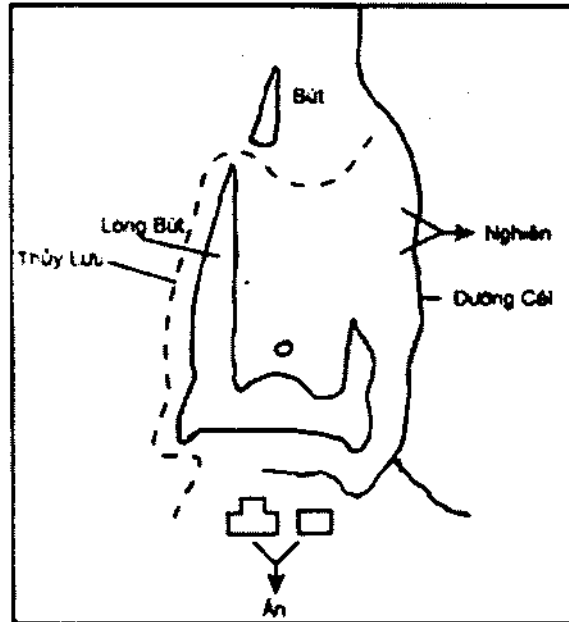
Cuộc đất Trang Nguyên

Hồng Vũ Cấm Thư thuyết minh cuộc đất đó như sau:

*Cửu khúc Minh Đường địa đạo thành
Nhất triều hỉ kiến Trang Nguyên danh
Long lai tam cổ long sinh bút
Hồ bao tam kiêm hồ đắc khanh
Hảo nhập thời lai kiêm hảo địa
Đắc thành đắc cách đắc sơn thanh
Nhuộc năng đắc thế triều lai hướng
Tất dã nhi tôn bả lệnh danh.*

Xin tạm dịch:

*Khuất khúc minh đường huyết tác chân
Trạng nguyên một sớm bỗng danh lừng*



Thanh Long sinh bút nam-khoa giáp
 Bạch hổ vờn nghien nữ xuất quân
 Thời đến đất lành vui cá nước
 Công thành danh toại báo quân thân
 Được thêm các thể năng triều bái
 Hòe quế rồi đây chặt nịch sân!

Chú thích: Địa đạo thành = kết huyết tốt.

Cuộc đất này Tả Ao gọi “đất phát Tam khôi” (ba lần đỗ đầu). Hồng Vũ Cấm Thư gọi là “Trạng Nguyên Địa”. Lại có thêm một cuộc đất nữa:

Bút lập đình tiên hiệu bút hoa
 Danh vi thần bút trúng khôi khoa
 Nghịch Long thủy xuất chân vi diệu
 Thuận hổ nhân lai tín khả gia
 Nhất tự thặng quan cao phẩm trật
 Đoan do địa lộ thủy phân la
 (Lược bỏ hai câu 3, 4: dư)

Tạm dịch:

*Ngon bút cao cao giống cột cờ
Khôi khoa nhờ đó có ai ngờ?!
Thanh Long nghịch thủy càng vi diệu
Bạch Hổ đưa người đỉnh ước mơ
Một bước quan sang cao phẩm cách
Cũng do đường, nước lượn quanh mô!*

2. CUỘC ĐẤT THỨ HAI

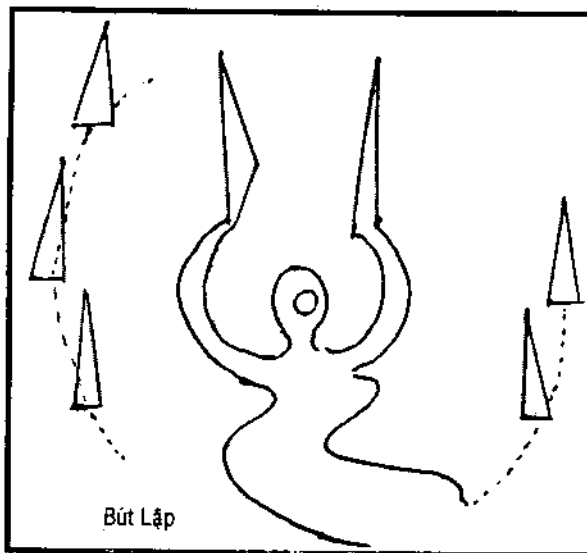
Muốn cho con cháu Trạng Nguyên

Thì tìm bút lập hai bên sắp bày

Nhất là Tân, Tốn mới hay

Bính Đinh Đoài Cấn sắp bày đột lên

Chú thích: Bút nghiên tượng trưng cho sự học vấn, khoa bảng. Cuộc đất này ắt sinh văn Trạng Nguyên. Ta để ý sẽ thấy là: Tốn nạp Tân, Đoài nạp Đinh và Cấn nạp Bính. Theo Bát Quái Ngũ Hành thi Đoài Đinh thuộc Kim, Tốn Tân thuộc Mộc và Cấn Bính thuộc thổ. Trong 4 câu trên có chữ “hai bên” ý nói là Tả Hữu. Ngoài Đoài Chấn ra, các phương vị vừa kể trên sắp theo hai bên Long Hổ. Hình tượng cái nghiên trong bức đồ không có, nhưng các phương vị Cấn Bính (Thổ chỉ cho thời mục) và Đoài Đinh (Kim tượng trưng cho nghiên) cũng thuộc dạng văn phòng tứ bảo. Đây chẳng qua là kể cho



đu bộ. Sự thật thì khó có cuộc đất nào nhiều ngọn núi nhọn như đao như kiếm chìa thẳng lên trời như vậy, họa may ở ải Ngọc Môn quan (huyện Lương Châu, Cam Túc, Trung Quốc) (2). Tả Ao tiên sinh ít khi phóng đại, với số núi bút ấy ta giảm đi vài ba cái chắc không hại gì. Muốn xác định các phương đó tất nhiên tâm la bàn phải trùng với tâm huyết. Cuộc đất này bằng bạc trong các sách Phong Thủy chỉ giới thiệu qua chứ không có hình vẽ.

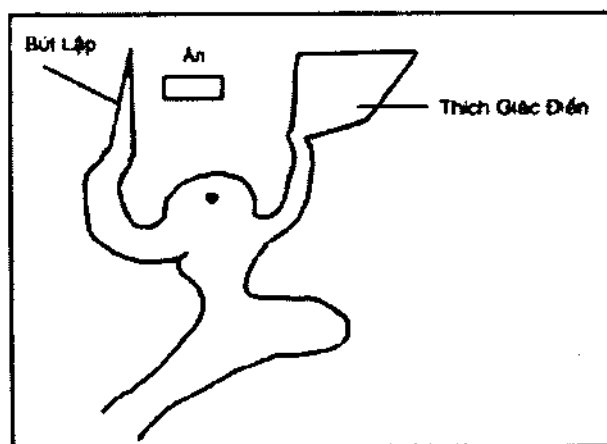
3. CUỘC ĐẤT THỨ BA

Bút lập là bút Trạng Nguyên

Bút thích giác điền là bút Thám Hoa

Chú thích: Đây chỉ cho mạch ở bình dương huyết kết ở tại đồng bằng. Thích Giác điền chẳng qua là đám ruộng cao, cao hơn những đám khác. Có một vài góc nhọn chìa vào một vài đám ruộng khác. Chưa thấy sách vở nào nói đến Thích Giác điền. Có lẽ đây là sự khám phá riêng của tiên sinh (và ít ra phải là vậy mới có giá trị, miễn sao sự khám phá ấy có hiệu nghiệm. Phương Bắc có Thánh Hiền thì phương Nam cũng có Thánh Hiền!).

Trong Hồng Vũ Cấm Thư còn có thêm 2 cuộc đất Trạng Nguyên nữa. Sau đây ta theo dõi cuộc đất Trạng Nguyên thứ ba, cuộc đất này có hình dạng của Thích Giác điền (mặc dù không gọi tên).



Có bài thơ làm chứng:

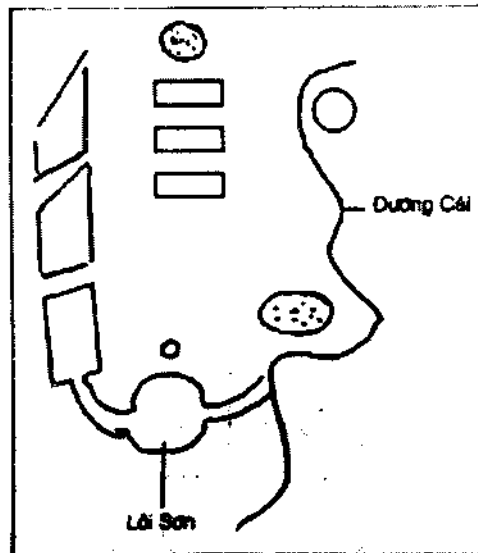
*Tam bằng tiền hồi đệ nhất danh
Nhất triều xuất nhập phụ quân minh
Long biên khuê hốt ẩn thiềm thủy
Hổ bạn trì hồ lộ dẫn tinh
Hậu hữu Lôi tinh đằng thượng dự
Triều lâm thủy diện hướng trung đình
Toán lai công nghiệp tảo thành sự
Doan bản Âm phù địa đức danh.*

Tạm dịch:

*Bằng vàng ba tấm sắp đệ danh
Đặt trước triều môn án huyết lành
Thanh Long khuê hốt như sao nháy
Bạch Hổ hồ ao nước rợn xanh
Tiền thủy châu đường nâng bảo địa
Hậu lôi tinh khí, vút thiên thanh
Xem qua cảnh trí như hoa hiện
Âm đức ai người được phúc nhanh?!*

Chú thích:

Khue, hốt là nghi vệ phẩm của những bậc công hầu ngày xưa cầm trên tay để triều kiến nhà vua. Đó chỉ là những gò, núi đồi có dạng như vậy. Người thì tưởng tượng đó là “Thích Giác điện”, người thì tưởng tượng đó là khuê hốt. Tất nhiên khuê hốt gắn với văn chương và quan cách hơn. Còn “Thích Giác điện” là tiếng thông dụng của thời xưa trong giới bình dân. Tả Ao muốn



diễn tả một hình ảnh để người bình dân dễ hiểu.

Và, nhìn lại hình vẽ trên đây, ta vẫn thấy trên Sa Long có những đoạn mộc (mộc tiết: lóng cây, đốt cây), và trước Minh Đường vẫn có những mộc án. Bây giờ cảnh cuộc đã rời khỏi “Thích Giác điền” và tác giả quay lại với Mộc, vẫn vụ án “Trạng Nguyên”.

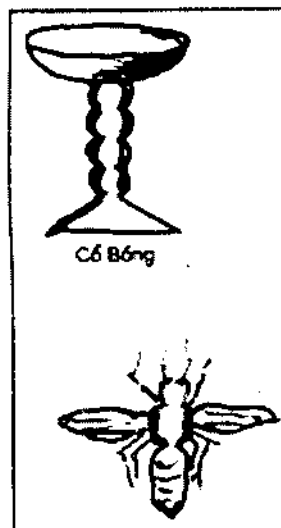
4. CUỘC ĐẤT THỨ TƯ VÀ THỨ NĂM

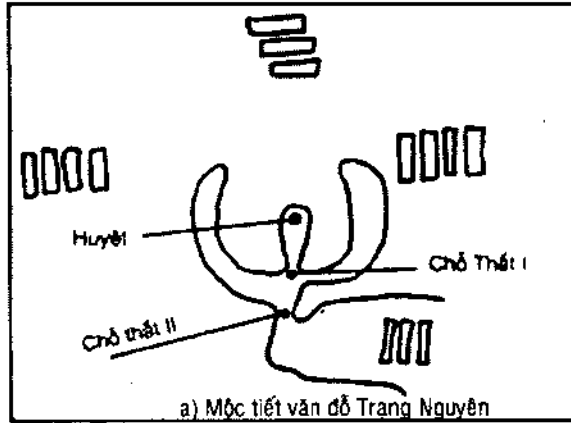
*Thắt cổ bông phòng ra huyết kết
Xem cho biết mộc tiết, kim loan
Mộc tiết văn đồ Trạng Nguyên
Kim Loan võ được tước quyền quân công
Con Mộc vốn ở phương Đông
Con Kim vốn nó về giòng phương Tây*

Chú thích:

a) Cổ bông là cái mâm có giá cao, dùng để đặt xôi quả để cúng. Thân giá có nhiều đốt phình ra thắt vào. Phàm các Long mạch trước khi kết huyết, ít nhất cũng phải qua một lần “thoát xác” để đi vào chỗ hẹp (gọi là quá hiệp) sau đó mới kết huyết. Dạng thắt cổ bông cũng còn gọi là dạng “phong yêu” (lưng ong). Trong các dạng kết huyết chỉ có lưng ong (phong yêu) là tốt hơn cả. Phong yêu là dạng Nhũ Đột.

Mộc thuộc hướng Đông – Mộc tiết là lóng cây, khúc cây, khúc gỗ, lóng gỗ, hình dài và thon nếu thu nhỏ lại nó giống như quân bút. Bút tượng trưng cho sự học hành. Trong đồ hình tất cả những quân bút không cần phải liệt về cả phương Đông, mà rải rác các phương kia đều có ít nhiều, riêng phương Đông có nhiều





Mộc tiết hơn. Chúng ta có thể tham khảo cuộc “đất Trạng Nguyên” của Cầm Thư trên đây.

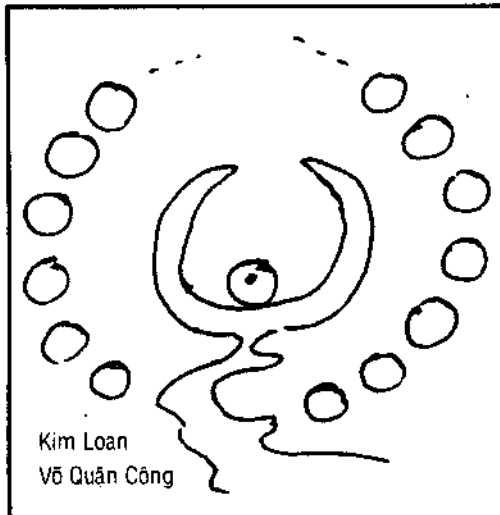
Trong sơ đồ ta thấy bốn cụm mộc tiết, thật ra nó có thể nhiều hơn hoặc ít hơn, có thể gần hơn hoặc xa hơn, và bốn bên như có tính

chất triều cung. Tuy trên sơ đồ không có thủy (trong bài không nói), nhưng ta ngầm hiểu rằng chắc chắn phải có những giòng chảy để ứng với địa cuộc (bởi vì giòng chảy trên lý thuyết luôn phải có).

b) Kim Loan vô được tước quyền Quận công. Kim Loan là những hình tượng kim có dạng cong, tròn (loan: cong, vòng). Kim tượng trưng cho vũ

khí, thuộc về vô ban. Nếu cuộc đất mà gò đồng đều có dạng tròn, gọi là cuộc đất hình Kim. Khi phân cục, các con kim nằm bên Đoàn nhiều hơn các nơi khác.

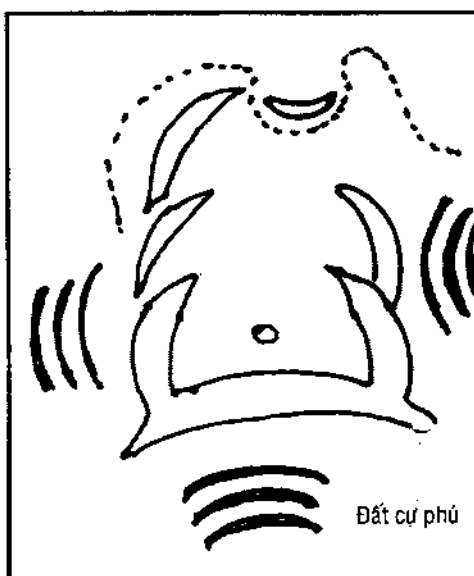
Mô phỏng theo lời văn của tiên sinh, hình vẽ trên đây cũng chỉ là ước lệ. Tạo hóa dù có khéo tay đến đâu cũng khó mà có được những quả trứng khổng lồ nằm thành chuỗi như vậy.



Cũng cuộc đất ấy, Cầm Thư minh họa và phát biểu như sau:

*Tứ thế câu hồi thị tứ Kim
Toàn gia nam nữ lộc tài lâm
Trung tâm ẩn huyết tản phân biệt
Phủ quý lưu truyền vạn đại tâm
(Tứ thế bây giờ hóa tứ kim
Một nhà con cháu lộc tài thêm
Cân phân huyết kết ranh phân biệt
Phủ quý như ông lăm kẻ thêm!...).*

Theo hình vẽ này, bốn phía đều có những hình tượng cong, cong đến cả giòng chảy. Có điều, giữa Tả Ao và Cầm Thư khác nhau về nhận định. Một bên cho rằng phát vô quan, còn một bên cho rằng phát kim ngân. Vũ khí cũng như kim ngân đều là kim loại. Phát quan còn có thể phát giàu được, còn phát giàu trong đời đó khó có thể làm quan, dù có tiền cũng khó mua được chức quận công. Hai tài liệu này đáng để được tham khảo.



5. CUỘC ĐẤT THỨ SÁU

Muốn cho con cháu sống lâu

Thì tìm Huyền Vũ đằng sau cao dày

Dù chỉ 2 câu gọn gàng ấy nhưng ta phải ngầm hiểu rằng, các bộ phận chính cũng phải xuất hiện đồng thời với Huyền Vũ, tất cả đều tề chỉnh. Tại sao phải nói “Huyền Vũ cao



dày” con cháu mới sống lâu? Bởi vì, Huyền Vũ là nơi tiếp giáp với Long Nhập Thủ, nó là chính Long, là cái gốc. Cha mẹ có bẩm thọ (nhất là mẹ) có phúc đức, thì con cháu mới sống thọ được, đó là việc tất nhiên.

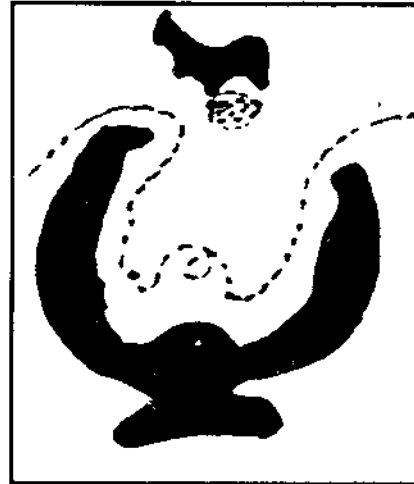
Huyền Vũ cao dày

6. CUỘC ĐẤT THỨ BẢY

Muốn cho con cháu nên quan

Thì tìm Thiên Mã phương Nam đứng châu

Chú thích: Nếu trước Minh Đường của cuộc đất có Ấn Sơn hoặc Triều Sơn hình dáng dài hiện ngang trước đường môn, nom na ná giống hình con ngựa, gọi là “mã đáo hiên tiền” (ngựa đến bên hiên) chỉ cho có hỉ tín về đường quan cách. Nhưng tại sao phải là “con ngựa phương Nam”? Là vì, Ngọ tượng là ngựa thuộc hướng Ly. Nếu phương vị huyết quay về Nam, mà có núi dáng ngựa (Thiên Mã) thì còn gì hay hơn?



Cấm Thư cùng có cuộc đất như vậy:

Long hành uyển chuyển bút sinh biên

Chính thị thần đông trạc thiên niên

Hổ ấn xuất mao hình dĩ lập

Tước khiên mã tử thế tranh kiên

Vân phong cao ngoại thần đông xuất

Nguyệt chiếu giang trung ngọc nữ truyền

Nhược kiến án sơn hoàn tác án

Nghiêm nhiên phụ tử thế gia toàn.

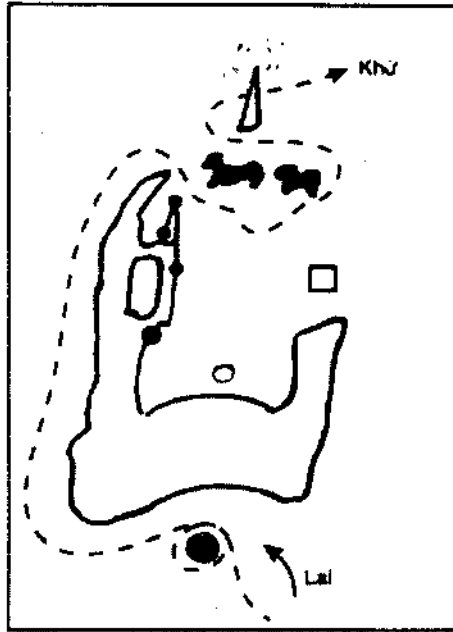
Theo dõi hình vẽ dùng để minh họa bài thơ ta thấy:

– Thanh Long có bút.
Bạch Hổ có ấn.

– Huyền Vũ có Lô sơn
(tức Quỷ).

– Đằng trước mẹ con cặp
ngựa làm Ân Sơn, lại có ngọn
bút lập rất chỉnh tề.

– Một giòng thủy lưu
lặng lẽ uốn lượn cộ mình vào
toàn bộ Lô Sơn (Quỷ sa), rồi
bao quanh Thanh Long,
quấn quít Thiên Mã, trước
khi vòng qua ngọn bút,
giòng nước uốn mình xuống
châu về Minh Đường rồi mới
đồng đánh ra đi. Bút Sơn
giờ này biến thành Hoa biểu,
Hân môn... Theo Cấm Thư đây là cuộc đất khoa bảng, quý
hiển.



Xin dịch:

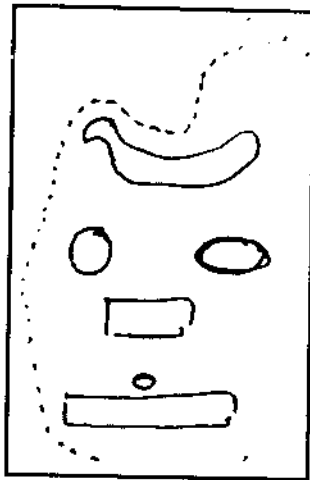
*Dáng Rồng uyển chuyển bút là vi
Nổi tiếng thần đồng tự ấu nhi
Hổ Ấn án Tây treo thách thức
Mẹ con Thiên Mã quyết phong phi
Đỉnh Cao Thiên bút mây vờn vờ
Đáy nước trắng soi dáng ngọc quỷ.
Ở nhĩ! Trường giang bao bọc án
Cả nhà khoa bảng sử xanh ghi*

Lại còn một cuộc đất nữa có liên quan đến cuộc đất này gọi là “Tướng Quân Xuất Tái”.

– Huyền Vũ như một tấm ván hình chữ nhật (chỉ cho tư thế vững vàng).

– Sa Long tròn như bánh xe, Sa Hồ như cái lọng.

– Đàng trước có núi giống hình yên ngựa (ta có thể xem đó



là Thiên Mã cũng được) có thể xem là chính án, vì nó nằm trước Long Hồ, còn sa vuông thứ hai nằm trước huyết có thể xem là Ân phụ. Có con sông chảy từ Huyền Vũ đến Yên ngựa quần qua ngã Thanh Long rồi đến đầu ngựa. Người ta thấy như Thiên Mã muốn gặp gỡ Thanh Long để uống nước sông Ngân. Thế này gọi là “Tướng Quân Xuất Tái” (Xuất tái chứ không phải xuất trận, vì thiếu binh sĩ. Xuất tái tức ra khỏi ải). Không có tướng quân, nhưng vẫn hiểu là tướng quân đang ngồi trên ngựa.

7. CUỘC ĐẤT THỨ TÁM

Muốn cho kẻ thế công hầu

Thì tìm chiêm trống dàn châu hai bên.

Chú thích: Hai bên Thanh Long, Bạch Hồ có những đồi gò tròn trịa giống như hình cái trống. Nhiều trống quá thành ra trống trận lại có những gò có dạng hình chữ nhật, hình tam giác tượng trưng cho cờ xí. Án sa là hình Thiên Mã, phía sau Huyền Vũ có rặng núi hình Thủy. Cuộc đất này nếu nói là bút nghiên thì cũng đúng. Hình không vẽ thủy lưu nhưng ta ngầm hiểu rằng chắc chắn phải có. Bởi vì quý địa không thể nào không có nó. Đây là cuộc đất phát cả vô lẫn văn. Dĩ nhiên trên thực tế người ta khó tìm những cuộc đất như sắp đặt thế này lắm.

Trong Cấm Thư có rất nhiều dạng cờ trống, trong khi đó các quyển phong thủy khác khi viết về huyệt thì họ dùng những hình tượng khó hiểu, từ hình tượng sao trên trời (thiên tinh) đến hình tượng núi dưới đất phải đồng dạng hay đồng hình, rất mơ hồ và xa hăn với thực tế. Địa Lý Tả Áo và Hồng Vũ Cấm Thư có những cảnh tượng đối gần với thực tế hơn. Nay xin trích thêm vài kiểu đất có cờ trống nữa trong Cấm Thư:



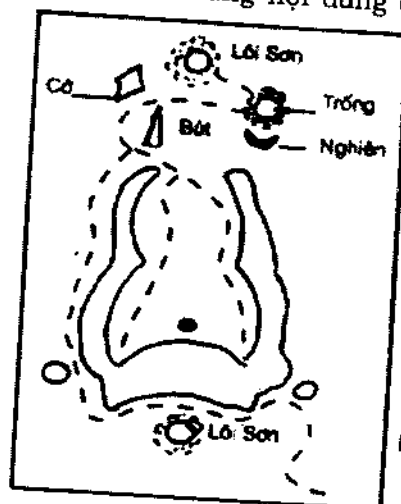
Cuộc đất “Kỳ Cổ Phô Tiên” có bài quyết như sau:

*Lôi vân tiên hậu dĩ vi kỳ
 Nghiên bút môn đình dị sở vi
 Kỳ cổ phô tiên văn quá vũ
 Thủy Long bao hậu soái vi sư
 Nam nhi tất đắc tọa triều phủ
 Nữ tử hoàn thành nhập hậu phi
 Nhược luận địa hình hà tối bản
 Thủy ư hậu nhiều liệt đường qui!*

Tam dịch:

*Lôi sơn sau trước vút từng mây
 Nghiên bút dành cho vận hội này
 Cờ trống đàn chào văn vũ nhóm
 Soái sư định phận Thủy long vây,
 Anh tài đắc dụng nơi kinh nguyệt
 Thục nữ hòa duyên chốn điện tây
 Cuộc đất bởi đâu mà tuyệt hảo?
 Nhập đường còn nước mặc vui đây.*

Hình vẽ dưới đây theo đúng nội dung của bài quyết.



Kỳ Cổ Phô Tiến

Cuộc đất "Kỳ Cổ Vạn Lý Bình" có bài quyết như sau:

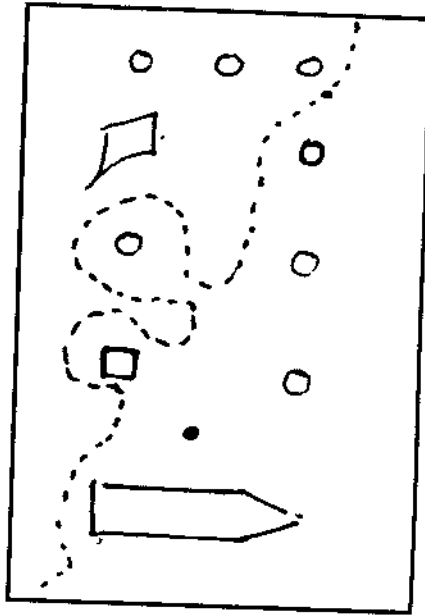
*Kỳ cổ hình như vạn lý bình
Tiên nhân nghiệm nhược tọa bóng đình
Long châu bàn tại hải trung thủy
Hổ thể viên như thiên thượng tinh
Chinh án ký thành như phẩm tự
Bản sơn tất vấn thị tam đình
An bài tuy xuất kiên khôn ý
Yếu tại tiên sinh nhân lực tinh*

Từ Long Hồ cờ trống đến giòng chảy tất cả đều lạ, mọi phần tử như có vẻ rời rạc mà kỳ thật là quá sức châu mật. Các gò đồng có một tổ chức đặc biệt, ngay ngắn, khuôn phép như doanh trại của một đoàn quân thiện chiến!

Tạm dịch:

*Doanh trại trùng trùng vạn dặm mây
Trưởng hùm chủ soái định mưu hay
Nước vờn châu ngọc lung linh sáng
Núi dựng trắng sao rạng rỡ bày*

Chính án đã dành hình chữ phẩm
 Bản sơn còn hỏi thể tam tài
 An bài tuy dó lòng Thiên Địa
 Nhân lực cao thâm cậy sức thấy



Ký Cổ Vạn Lý Bình

Cuộc đất "Tam Quân Xuất Trận".

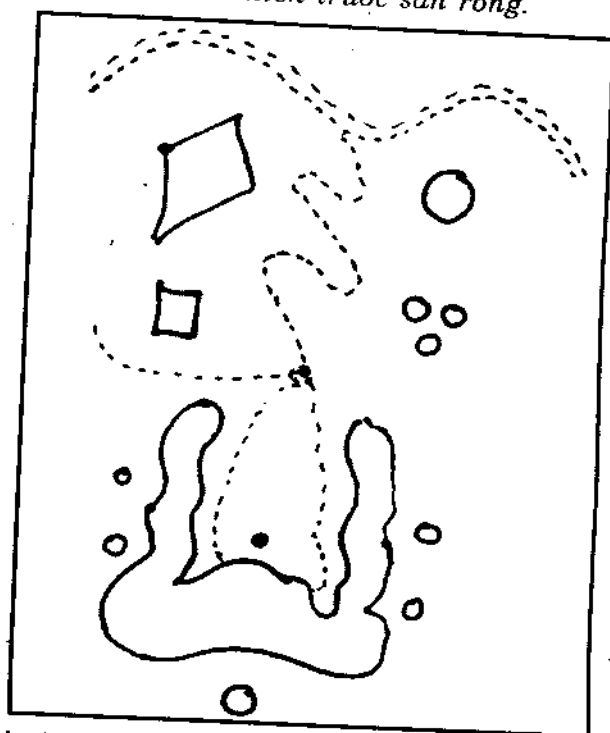
Tam quân xuất trận tướng uy quyền
 Chính thị thần linh phù lương kiên
 Kỳ tại tả biên quan tất đắc
 Cổ sinh hữu vạn lộc vinh tiên
 Dương triều tả thủy thiên tâm cận
 Âm ứng vân phong trùng điệp liên
 Tả hữu viên hoàn hồi nhiều bão
 Vinh hoa đại đại lập triều thiên.

Cuộc đất này sơn thủy tạo một cảnh cực đặc biệt, đồi núi tròn vuông có thứ lớp, cao thấp lớn nhỏ nằm trong một trật tự,

mường tượng doanh trại của một đạo quân, cờ xí uy nghi, trống
chiêng rộn ràng. Đây là cuộc đất phát võ.

Tạm dịch:

Ba quân hùng hổ tướng oai phong
Núi dựng hai bên giữa một giòng
Cờ tại tả biên quan chức tiến
Trống thừa hữu dục thịnh huân công
Khí dương giang tả Minh Đường đón
Mây ấp đầu non núi chiếu sông
Sông ấy núi đây vương vấn mãi
Cân đai triều kiến trước sân rồng.



Tam Quân
Xuất Trận

Xét lại câu của Tả Ao nói chẳng khác gì ý của Cầm Thư.
Với Tả Ao:

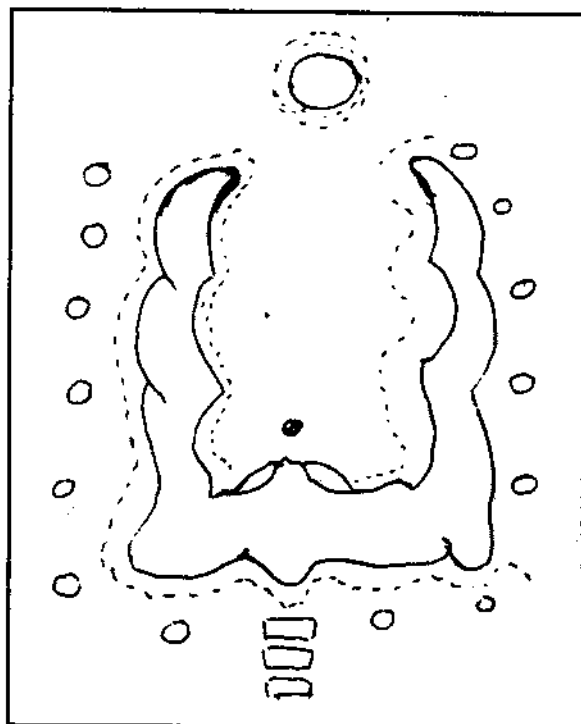
*Muốn cho kẻ thế công hầu
Thì tìm chiêng trống dàn châu hai bên*

Với Cấm Thư;

*Cờ tại tả biên quan chức tiến
Trống thừa hữu đức thịnh huân công*

Như vậy đủ biết, lời vận của Tiên sinh bình dị nhưng ý nghĩa không thiếu.

Cuộc đất “Tứ Thủ Hồi Hoàn”



Tứ Thủ Hồi Hoàn

*Kỳ địa như hà xuất vô quan?
Tu tri tứ thủ yếu hồi hoàn
Thanh Long uyển chuyển lai hồi cố
Bạch Hổ xà đình phục tác sơn*

Bình mã phô trần Long Hồ ngoại
Cổ chinh viễn lập tước long gian
Danh vi tập trận tướng quân địa
Thủy ngoại trùng trùng sơn hữu sơn

Xin nói thêm, những cuộc đất này chỉ có trên bản đồ, chú
ngoài thật đó là chuyện... không tưởng. Vậy phải gia giảm sao
cho hợp.

Tạm dịch:

Cuộc đất thế nào vô phát nhanh?
- Mối hay tứ thú chạy vòng quanh
Rồng bay uyển chuyển nhìn quê cũ
Hùm ẩn im lìm giữa núi xanh
Bình mã trùng trùng ngoài cõi núi
Trống chiêng inh ỏi dậy quân doanh
Gọi rằng chiến địa quân bày trận
Núi dựng sum nghiêm thủy nhập thành.

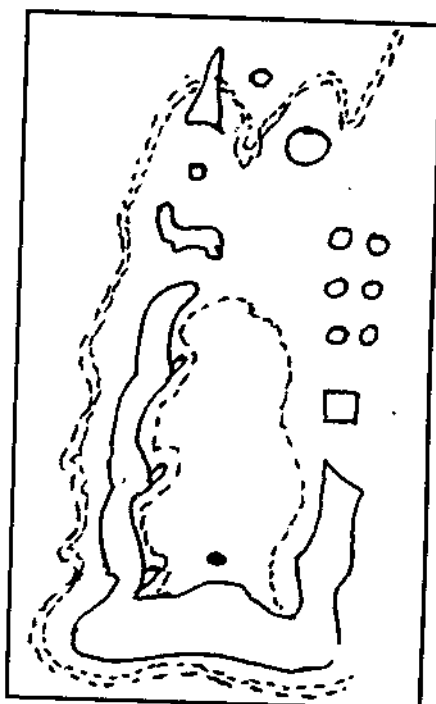
Cuộc đất "Kỳ Cổ Trận Môn"

Sinh Long hình thế tấu như bàn
Đảo xứ tử hành bạch mộ gian
Kỳ cổ phô trần môn ngoại vũ (宇)
Chính binh viễn ứng án tiền quan
Long biên thủ chấp đao thương khí (器)
Hồ bạn thân thừa ngọc bội san
Nhược kiến thủy triều phùng tắc chỉ
Nhi tôn tất dã đảo cao quan

Tạm dịch:

Rồng lượn mà như thế cuốn tròn
Đến nơi kết huyết đáng khoan khoan
Phước cờ vũ trụ bày la liệt
Chiêng trống cần khôn thúc dập dồn

Cảnh hồ núi liền như đỉnh ngọc
 Suồn rồng đao dựng tường thư son
 Lại thêm lưu thủy châu sau trước
 Mưa móc ơn triều nhuận cháu con



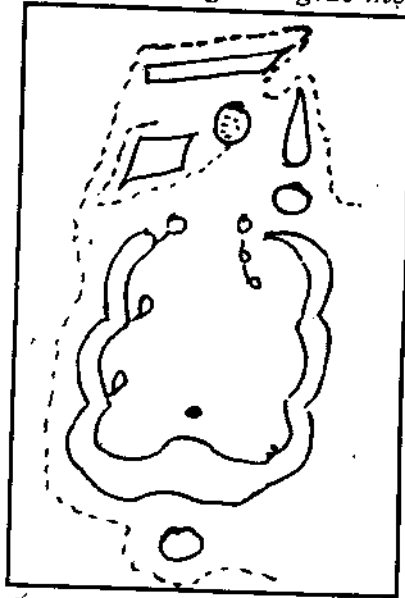
Kỳ Cổ Trần Môn

Cuộc đất "kỳ cổ kiếm cung"

Quý địa thiên sinh thể dạng kỳ
 Vương hầu sở phát lý nan khuy
 Long đầu đá án kiem khuê hốt
 Hồ vĩ thủy châu liệt trường duy
 Hậu khởi tinh phong chiêm thủy nguyệt
 Tiên sinh thương cổ lập đao kỳ
 Quốc trung đại trạch chân vi diệu
 Thử địa vương hầu tín hữu kỳ (cơ)

Tam dịch:

Đất bầu trời sinh cảnh lạ lùng
Vương hầu phát tích khó xem thông
Long môn ẩn kiếm cùng khuê hốt
Hổ trưởng thù châu với giáp nhung
Huyền vũ núi gươm trăng dọi nước
Nam phương trống trận giáo như rừng
Đại hồ một côi trời riêng ấy
Đừng tưởng vương hầu giấc mộng nông



Ký Cổ Kiếm Cung

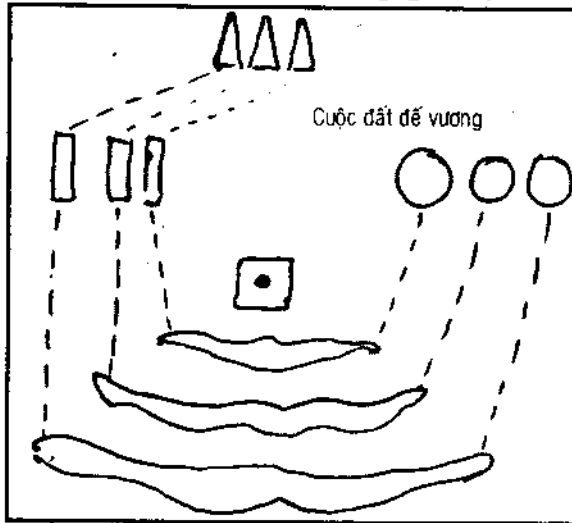
8. CUỘC ĐẤT THỨ 9

Ngũ tinh cách tứ triều nguyên
Kim mộc thủy hỏa bốn bên loan hoàn
Thổ tinh kết huyết trung ương
Ấy đất sinh thánh sinh vương đời đời
Thiên sơn vạn thủy triều lai
Can chi bát quái trong ngoài tôn nghinh

Nhị thập bát tú thiên tinh

Tại thiên chiếu địa rành rành chẳng sai...

Chú thích: Huyệt trường lại là một gò vuông đó là dạng thổ tinh. Huyền Vũ là những gò đất dài (hoặc núi) nhấp nhô dạng thủy, chuyển sang Thanh Long là những gò Mộc tinh (Thủy sinh Mộc), chuyển sang phương Nam là những ngọn hỏa sơn như bút lập, từ đó hỏa khí tiềm lưu về trung ương (tức là Mộc sinh Hỏa, Thổ sinh Kim), rồi tiềm khí ấy chuyển về Tây, hiện thành những gò tròn thuộc Kim. Cuộc đất này hình thành một kỳ địa, tất nhiên gồm đủ các chi tiết chính phụ. Một kỳ địa nằm trong La Thành Viên Cự, khí thể sum nghiêm châu mật có đủ quân thần tá sứ!...



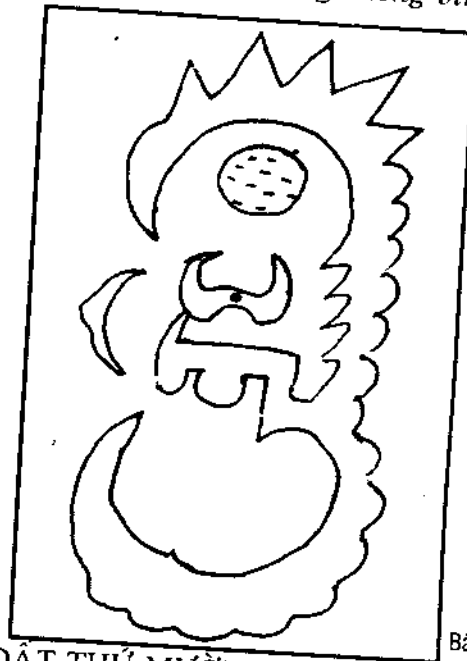
Đại cuộc như thế đó, nhưng các sách địa lý Phong Thủy cổ ít khi dám bàn đến. Cổ nhân bảo: “Khả giới thời sư đương cấm thiết, di kỳ vô phúc tội phi khinh” (Nhấn các thầy phong thủy giữ kín miệng, việc đại sự ấy nếu nói ra thì tội không nhỏ). Tuy vậy trong Hồng Vũ Cấm Thư kín đáo tiết lộ một đế huyệt, đủ bốn dạng Kim Mộc Thủy Hỏa (không có Thổ):

*Bàn bàn chân khí tối anh linh
Bách mẫu thâm hồ cố mẫu hình
Mạch tại tị đầu thiên tử huyệt
Cơ đồ đế nghiệp tộ quang minh*

Trong sơ đồ này khó mà nhận ra dạng gì chứ đừng nói chi ngoài thật. Sách gọi dạng này là “Bàn Long cố mẫu” (Rồng con

cuốn tròn trong lòng rồng mẹ), còn gọi là “Cơ đồ đế nghiệp
Tạm dịch:

*Khí lành quyền quyền rất anh linh
Trăm mẫu hồ sâu rồng ẩn mình
Huyết đóng ngang đầu là đế huyết
Dân giàu vận nước cũng xương vinh (4)*



Bản Long Cổ Mẫu

9. CUỘC ĐẤT THỨ MƯỜI

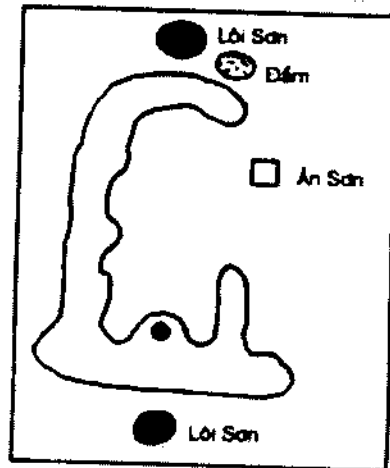
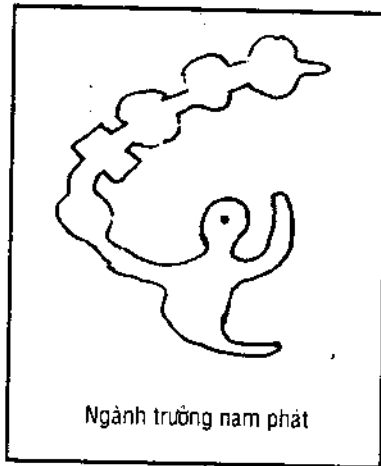
*Muốn cho con trưởng phát tiên
Thì tìm Long nội đất liền quá cung
Thanh Long liên châu cao phong
Kim tinh Thổ phụ phát giòng trưởng nam*

Chú thích: Cuộc đất tuy đơn giản nhưng cũng có phần “đa
sự”. Vì tay Long (phía Đông thuộc Chấn) dài hơn tay Hổ, bao
bọc Minh Đường (Long nội đất liền quá cung). Vậy ta ngầm

hiều rằng, khí mạch ở bên Long nhiều hơn bên Hồ, nên ngành nam phát hơn ngành nữ.

Tác giả còn nhấn mạnh thêm, bên Long thì: “liên châu, cao phong Kim tinh, Thổ phụ”, việc đó chẳng qua là phụ đề.

Trong Cẩm Thư chỉ có một cuộc đất như vậy; song nhà địa lý Dương Quân Tùng cho rằng, tuy con trai trưởng của gia đình đó phát, nhưng con trai út thì bị mù lòa. Sự thể không biết thế nào, xin trích ra đây để bạn đọc tiện việc tham khảo.



Long thân vi án thiếu nhân tri
 Đầm tắm môn tiên dị sở vi
 Thủy nhiều long thân lương dương thủy
 Chi liên hồ án uất liên chi
 Trưởng nam đại phát, quý minh mục
 Thiếu nữ vinh phu dư thực y
 Nhược luận thử trung hà sự tối
 Đoan đo sơn thủy tú vi kỳ

Tạm dịch:

Thân rồng làm án mấy ai hay
 Lại có đầm sâu mặt trước bày

Bảo dưỡng Thanh Long hồ sẵn nước
Núi che Bạch Hồ ẩn liền tay
Trưởng nam phấn phát em lòe mắt
Gái có chồng sang lúa gạo đầy
Tìm được đất này đâu phải dễ
Tốn công vì thủy tú sơn kỳ
Từ cuộc đất trên ta suy ra, khi tay Hồ dài quá cung thì c
gái phát. Tả Ao nói:

Con gái về bên Hồ Sơn,

Hồ cao thì phát sơn bàn cho thông.

“Sơn bàn” là núi gần bên huyết. Núi gần bên huyết ph
doan chính, không rời ren nghiêng lệch.

Trở lên là những huyết lành, tiên sinh chỉ ghi lại vài né
đại cương để làm kiểu mẫu. Sau đây tiên sinh cũng chỉ ra và
huyết đáng ngừa, xin trích và đối chiếu:

10. CUỘC ĐẤT THỨ MƯỜI MỘT

Huyết hung Minh Đường bất khai

Sơn tà Thủy xạ hướng ngoài tà thiên

Táng xuống kinh sản bất yên

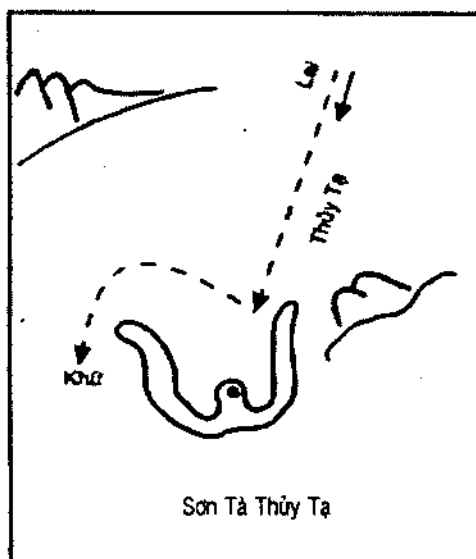
Con cháu thường thường phát bệnh, ốm đau

Chú thích: Minh Đường bất khai: Minh Đường như đóng
cửa không đón nhận nước, đó là cách diễn tả văn chương. Trên
thực tế, nước không chảy tới Minh Đường được, từ đó không có
sinh khí nơi huyết.

Sơn tà: Núi nghiêng lệch. Đó là hiểu theo nghĩa chính, còn
nhiều nghĩa phụ khác:

- Núi lách mình né tránh không chịu chầu về huyết.
- Núi không quay mặt lại (diện hướng) mà quay lưng (bối hướng).

– Các thế núi không chịu nhằm vào những phương vị tốt, các thế núi chạy hướng vào “hoàng tuyến bát sát” (chỗ này có thể gọi là mê tín, nhưng sự việc đã trải qua nhiều đời, dầu không tin mấy ở thuyết lý khí, nhưng ta không nên đã phá một cách vội vã. Truyện Kiều có câu: “Đã tin điều trước ắt nhằm việc sau”). Trong hình vẽ, núi xa không chiếu tới (ngoài tà thiên), núi gần không chính hướng.



Thủy xạ: Nước từ xa chạy xộc tới, như hăm dọa, như bức sát không chút e dè, dịu dàng.

Kinh sân bát yên: các chứng thuộc về phụ khoa (không hiểu sao, với cảnh cuộc như vậy chỉ có đàn bà và trẻ con lãnh đủ?).

Còn trong Cẩm Thư diễn tả nó như sau:

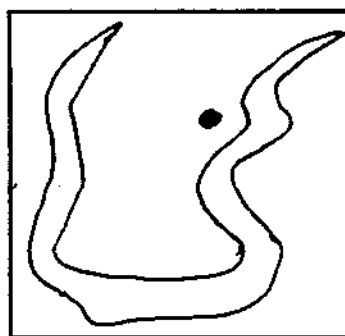
Hổ Long hình, chính huyết mê thiên (偏)

Tôn tử sinh nhân mệnh bất toàn

Doan, bản thời sư mê mục điểm

Hại nhân tôn tử vĩnh thiên niên.

Ta để ý thấy, Minh Đường không có nước đã đành, chung quanh cũng khô ráo. Cặp Long Hồ bị thiên lệch. Vậy, nếu có huyết thì huyết cũng phải thiên lệch. Với huyết này dù phong thủy sư Lại Văn Tuấn dùng hết 12 đảo trượng cũng không cứu được. Xin dịch:



*Vu vơ Long Hồ huyết không ngay
Con cháu về đâu phúc chẳng dày?
Tiền mất tật mang, còn hại nữa
Truy ra mới biết tại ông thầy!*

11. CUỘC ĐẤT THỨ MƯỜI HAI

*Long Hồ ví như chân tay
Chẳng có tả hữu bằng ngay chẳng lành*

*.....
Vô Long như người không chân
Vô Hồ như đứa ở trần không tay*

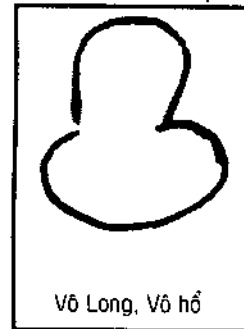
Chú thích: Ta đã từng biết là, Tả Long Hữu Hồ được ví như cánh tay trái, cánh tay phải (vì thế Tả Long Hữu Hồ còn gọi là “Tả Tỉ Sa”, “Hữu Tỉ Sa” – Tỉ là cánh tay – Xem lại H.44). Một cuộc đất mà không có Long Hồ, ngó vào thấy trụi lủi đến trơ trên. Dẫu người mù cũng không dám liều mạng mà táng ở nơi này. Tả Ao chỉ phác họa tổng quát, còn Cầm Thư thì rõ chi tiết hơn. Xin trích:

a) Hữu Long vô hồ

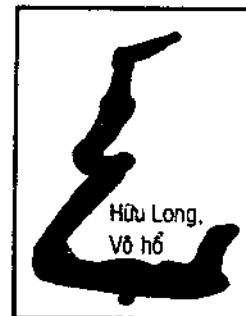
*Hữu Long vô hồ nữ vô nhi
Tất kiến huyền tôn bất thọ kỳ
Hạnh hữu nam nhân an ngưỡng chủ
Cơ hàn nan miễn định vô nghi*

Cuộc đất “vô hồ” khiến ta giật mình, vì hình dạng của nó giống chữ Khất 乞, có nghĩa ăn xin. Không cần giải thích nhiều. Bốn câu trên có nghĩa là:

Vô hồ con gái không con, và thấy rõ ràng con cháu cũng chẳng thọ. May mắn lắm bên giòng nam cũng còn kiếm ăn được. (5)



Vô Long, Vô hồ



Hữu Long,
Vô hồ

b) Hữu Hổ vô Long

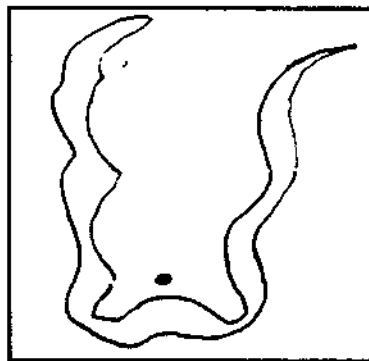
Từ trên mà suy. Gia đình nào có người táng vào cuộc đất này cũng mệt luôn. Đó cũng là chữ khát lật trái. Cấm Thư nói: “Có Hổ mà không có Long thì con trai chết yếu, con cháu mang bệnh không bao giờ dứt. May ra ngành gái có chút khăm khá” (Hạnh hữu nữ nhân mệnh ích xương).

Tả Ao còn nói:

Phản Hổ con gái lộn chồng.

Phản Long trai nọ ra lòng bất lương.

Phản Hổ và phản Long, được hiểu là, hai Sa ấy không ôm lấy huyết, chỉ bật nảy trót quớt ra ngoài. Cấm Thư chỉ cho một ví dụ, “Hổ trót quớt” gọi là “Hổ đầu đình”:



Phản Hổ (Hổ Đầu Đình)

Bạch Hổ đình đầu bất khả quan

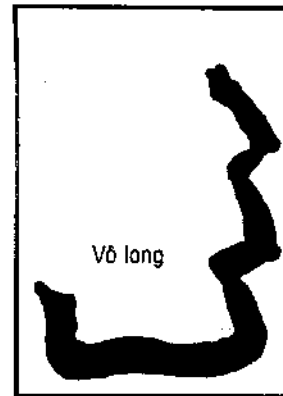
Kỳ gia tiên tử bị gian nan

Toán lai hà phạm thành hung phạm

Tất bản đình đầu phá hổ san.

(Bạch Hổ đầu đình chẳng muốn nhìn

Ất là nhà nó bị truân chuyên



Vô long

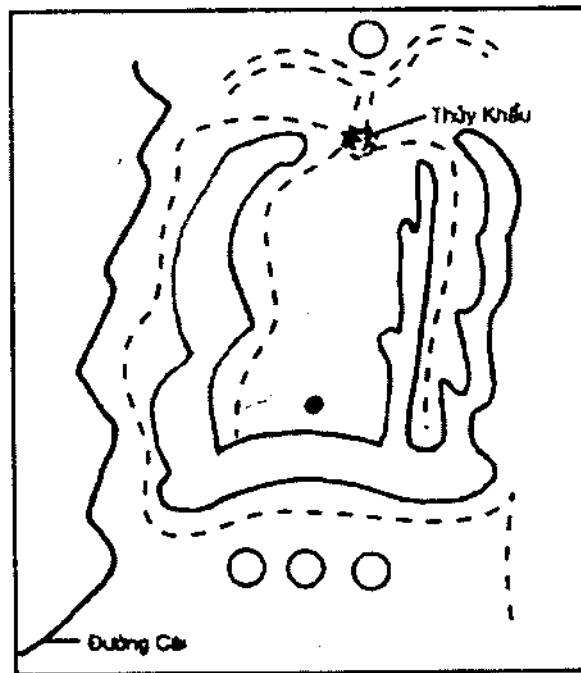
Xem ra mới biết ai hung phạm?

Bạch Hổ đầu đình thật chẳng oan).

Để ý một chút, sẽ thấy tay Hổ giống như chữ Đinh 丁 viết thảo, nên gọi là “Bạch Hổ đầu đình” (cũng có thể hiểu đầu Bạch Hổ nhọn như đình).

12. CUỘC ĐẤT THỦ MƯỜI BA

Sách “Địa Đạo” (phương pháp xem đất) của Tả Ao chỉ để lại 13 cuộc đất vừa lành vừa dữ. Đây là cuộc đất cuối cùng, vốn là đất lành, nhưng tác giả lại không nói cuộc đất ấy phát ra làm sao. Mặc dù tác giả không nói, nhưng ta cũng hiểu được “lành là tốt rồi”. Tả Ao viết lặp lại các ý tưởng đã nói là để nhấn mạnh những điều đáng chú ý.



Tiến Quan Hậu Quĩ

Thấy đâu Long Hồ triều lai
Minh Đường thủy tụ huyết tài mới hay
Tiền Quan hậu Quĩ sắp bày
An rày phải thấp Triều rày phải cao

Cầm Thư diễn tả ý đó như sau:

Thủy hội môn tiền định tiền quan
Sơn lai viễn vọng hướng long bàn
Nam môn thủy bao vi thần thủy
Bắc Chấm sơn bài thị Quĩ sơn
Hổ bân ngoại tùy chân hổ lưỡng
Long biên nội trực thị long đơn
Tiền hữu thiên phong gia vạn điệp
Bất như thái thất thổ tam hoàn

Cuộc đất này gồm đủ Long, Hồ (hổ kếp), Cầm diệu tiền Quan hậu Quĩ. Không hiểu sao Dương Quân Tùng (Đường) cho rằng thế đất đó chỉ phát có hai đời là chấm dứt.

Tạm dịch:

Nước tụ Minh Đường núi ấy Quan (*)
Xa trông thế núi tựa long bàn (*2)
Cửa Nam nước bọc kêu thần thủy
Gối Bắc non bày gọi Quĩ sơn (*3)
Bạch Hồ liền đôi là hổ kếp
Thanh Long chỉ một tức long đơn
Dầu ngàn ngọn núi trông thêm rồi
Sao sánh Huyền cung (*4) đất mấy hòn?!

Chú:

(*) Ngọn núi đứng trước Minh Đường gọi là Quan (tiền Quan). Trong nguyên tác không có chữ "sơn", nhưng vì khổ thơ nên tác giả viết ẩn ngữ.

(*2) Long bàn: rồng cuộn mình, rồng quấn tròn.

(*3) Quĩ Sơn: Ngọn núi sau Huyền Vũ (hậu Quĩ). Tả Ao nói: "Tiền Quan hậu Quĩ sắp bày".

(*4) Huyền cung tức Huyền Vũ. Huyền Vũ dùng thay cho Thái Thất. Thái Thất nguyên là cái nhà lớn của phái Đạo Gia (Võ Đang) ở phía sau động. Mọi sinh hoạt của bốn đạo ở nơi đó (ở phái Thiếu Lâm thì có động Thiếu Thất).

Chú thích:

(1) Có dị bản là “Phương Nam có bút phương Đoài có nghiên”. Xét ra câu này cũng có lý, vì bút có hình nhọn đầu, thuộc Hòa, phương Nam. Vd một cuộc đất khác trong Cấm Thư:

Hậu hữu bình quan tiền tiêm thương

(Sau có mào bình quan, trước có ngọn thương nhọn)

Chỉ tiếc một điều với dị bản người ta không vẽ bút phương Nam mà lại vẽ bút phương đông!

(2) Trong bài thơ “Lương Châu từ” của Vương Chi Hoán (Đường) có câu:

Hoàng Hà viễn thượng bạch vân gian

Nhất phiến cô thành vạn nhận san

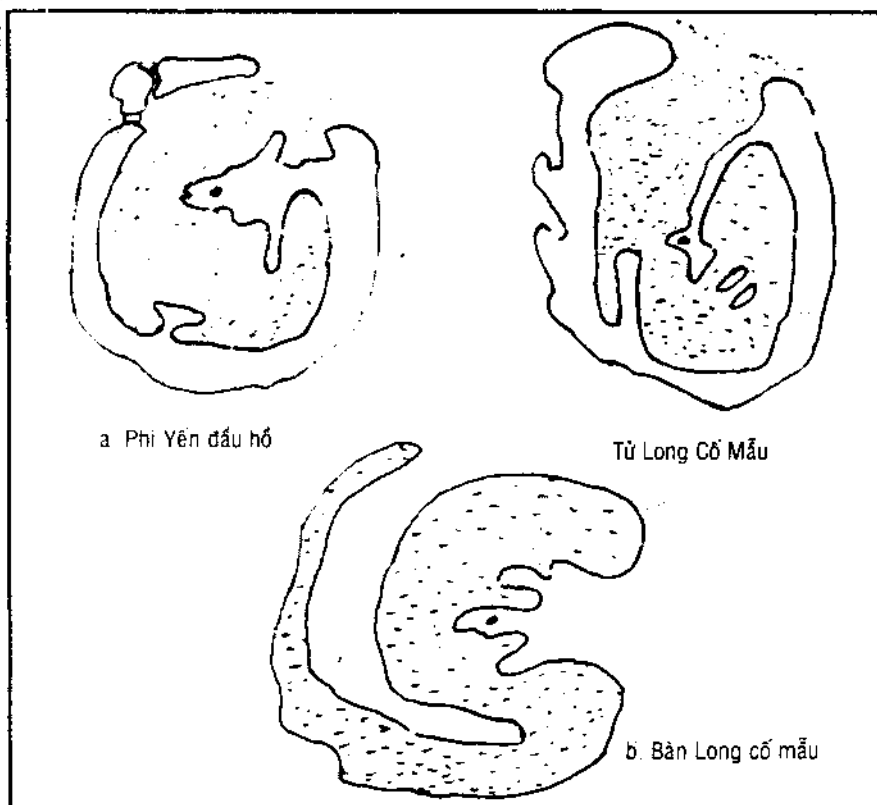
nghĩa là, Giòng sông Hoàng Hà chảy lên trên vùng mây trắng

Một ngôi thành cô quanh kia nằm giữa vạn ngọn núi nhọn đầu (thì sá gì ở đây chỉ có 7 ngọn núi nhọn?!).

(3) Huyền Vũ ở phía Bắc, trong Tiên Thiên thuộc quẻ Khôn chỉ cho người Mẹ. Trong Đạo Đức Kinh, Lão Tử dùng chữ “Huyền Tần” (huyền chỉ phương Bắc, Tần là giống cái, Huyền Tần chỉ cho người mẹ).

(4) Trong bộ Phong Thủy “Quỳnh Lâm Quốc Bảo Kinh” của Tôn Bá Cương (Tống) có cuộc đất na ná với cuộc đất “Bàn Long Cố Mẫu” gọi là “Tứ Long Cố Mẫu” (Rồng con trong lòng Rồng mẹ), có chú rằng: “Rồng mẹ và Rồng con hú hí nhau. Huyệt này tất sinh con hiếu thảo tiết nghĩa, hậu vận sẽ có phúc lộc dồi dào, gia đình sum họp hạnh phúc!”

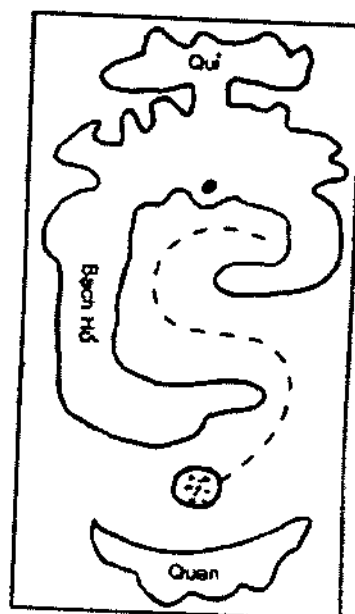
Hai cuộc đất khác mẫu dạng cũng tương tự như vậy, có tên gọi là “Phi Yến đầu hồ” (chim Yến lao xuống hồ). Họ chú hình (b) là: “Cuộc đất sản sinh bậc lãnh tụ”. Còn hình (a) được chú là: “Chim Yến bay vào hồ, hình dạng quá thẳng, cuộc đất ấy sẽ sản sinh ra người thông minh, nhưng không được làm quan”.



Xuyên qua ba sơ đồ, hình vẽ có khác nhau chút ít trên mặt giấy, nếu ở ngoài thật thì có gì khác nhau? Có cái thì “Tử long cổ mẩu” có cái thì “Yên tử đầu hồ”, có cái dự đoán là sẽ làm quan, còn có cuộc thì trượt quớt! Làm quan hay làm phó thường dân, hầu hết do các thầy Phong Thủy “quyết định” mà thôi!

(5) Cuộc đất này giữa Thanh Long và Bạch Hổ không cân đối. Tay Long ẻo ọt phát triển không được vẫn được xem là vô Long, còn tay Hổ ôm choàng qua huyết, nhưng Bạch Hổ có vẻ thô bạo, Minh Thái Tổ giảng là “Bộc Hổ quá đường” (bộc hổ = xác cộp), cuộc đất như vậy rất xấu. Người con gái trong cuộc đất này có thể giết chồng, có thể chết chồng.

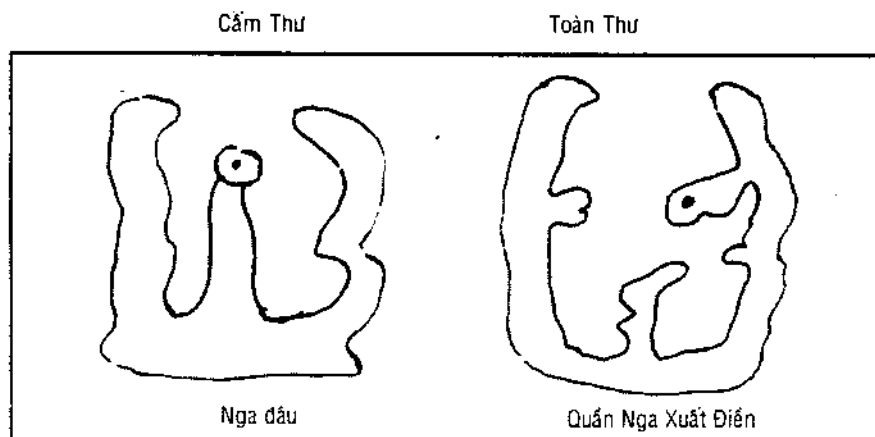
Theo tôi, không đến nỗi người con gái giết chồng. Vì chủ sơn của cuộc đất dày dặn, có Huyền Vũ với ngọn quỷ sơn che chắn những ngọn gió bắc cát từ phương Bắc, có quan sơn làm triều, cuộc đất trở nên uy nghiêm châu mật, có hồ nước làm dịu sát khí, có giòng nước uyển chuyển đi qua trước huyệt. Với cuộc đất ấy ngày nay phụ nữ làm “đại quan” là chuyện thường! Đã có biết bao nữ bộ trưởng, nữ quốc trưởng? Người phụ nữ có quyền như vậy nên có thể lấn lướt chồng.



Bộc hồ quá đường (đại sát)

C. SO SÁNH NHỮNG CUỘC ĐẤT LẠ

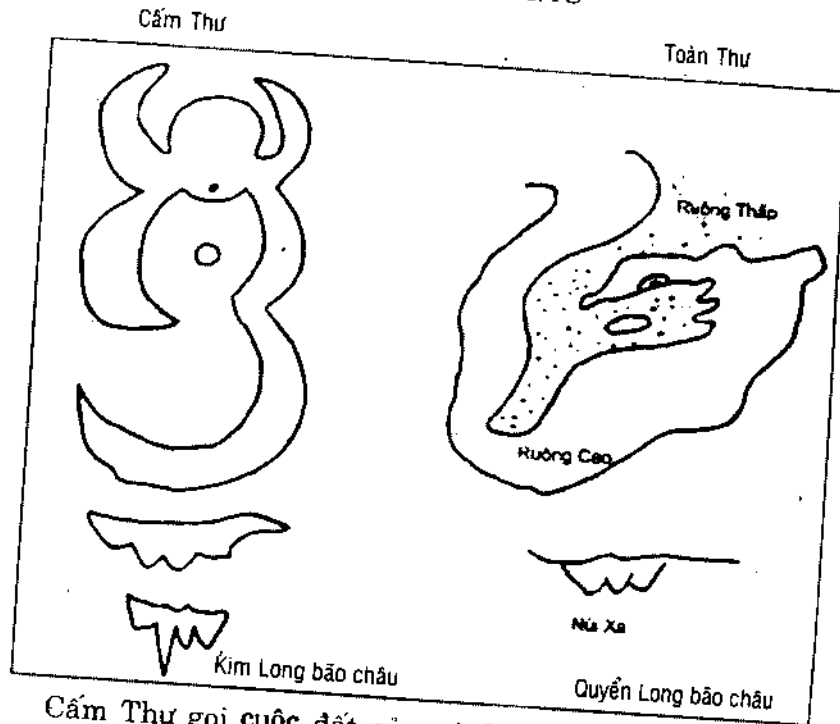
1) CUỘC ĐẤT NGA ĐẦU



Cấm Thư cho rằng, cuộc đất “Nga đầu” là Hung địa. Họ cho rằng, Nga là loài kiếm ăn bơi chải trên sông nước quần quật suốt ngày, nên có ảnh hưởng đến người có quan hệ với đất này, hẳn người ấy phải vất vả, chẳng mấy ai được may mắn, suốt đời có thể phiêu bạt giang hồ, tính tình khô khốc khắc nghiệt. *(Nhận xét: Hình dạng cuộc đất không giống hình ảnh con vịt trời (thiên nga), Cấm Thư gán cho cái tên rồi tưởng tượng ra như vậy. Cuộc đất này không có vẻ hung hiểm, chỉ có điều người ta không thêm vào những án sơn triều thủy mà thôi. NNP).*

Toàn Thư gọi cuộc đất đó là “Quần Nga Xuất Diện” và bàn rằng: Bầy thiên nga bơi lội trong nước, trong ruộng sâu, con cháu có nhiều tài lộc. *(Nhận xét: Cuộc đất cũng không ra hình dạng bầy thiên nga. Hơn nữa điểm huyết trên một nhánh của tay Hổ. Đây là lối điểm huyết phá cách. Tuy là sáng kiến, nhưng sáng kiến ấy không hợp lệ, vì làm tay Long, tay Hổ mất tác dụng. Người chủ trương việc này là ông Hứa Đạm Viên. Ông Hứa tom góp các sách lại rồi phê phán theo ý mình. NNP).*

2) CUỘC ĐẤT LONG THỦ CHÂU



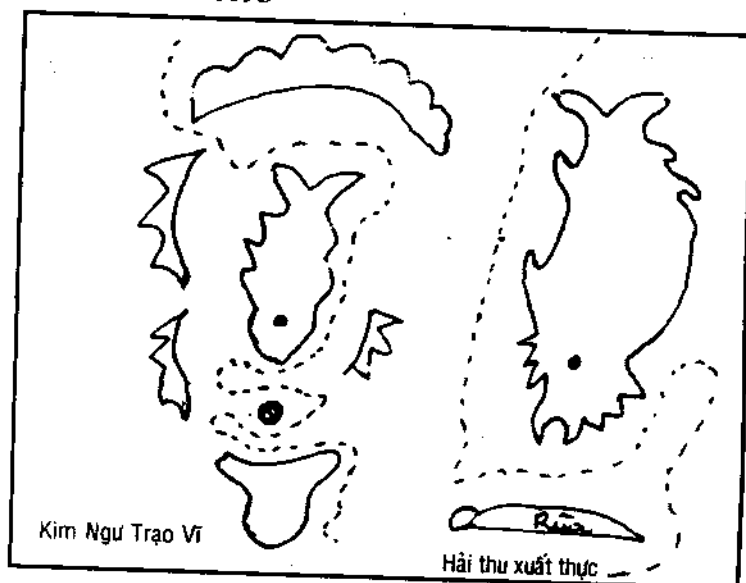
Cầm Thư gọi cuộc đất của mình là “Kim Long bão châu”. Giải thích rằng, hình dạng cuộn đất giống như Rồng ôm Ngọc. Trước huyệt là một án sơn tròn trịa mượt mà tựa như viên ngọc, hai bên có 2 tay Long Hồ ôm lại. Lại có nửa cánh tay Long làm án bên ngoài còn có mấy dãy Triều Sơn. Người ảnh hưởng của đất này, năm 18 tuổi đỗ khôi nguyên. (Nhận xét: Chính sơn, Long, Hồ đều có những nét cong, nên Cầm Thư gọi là “Kim Long”. Cuộc đất có khí thế. 18 tuổi đỗ Khôi Nguyên thì phải đoán rằng, người ấy đỗ tú tài hạng ưu – tức điểm trung bình 18/20 trở lên. Ở số điểm này ngày nay nhiều lắm. NNP).

Toàn Thư gọi tên cuộc đất của mình là “Quyển Long Bão Châu” (Rồng cuộn mình ôm châu). Hình dáng cũng khá có nét.

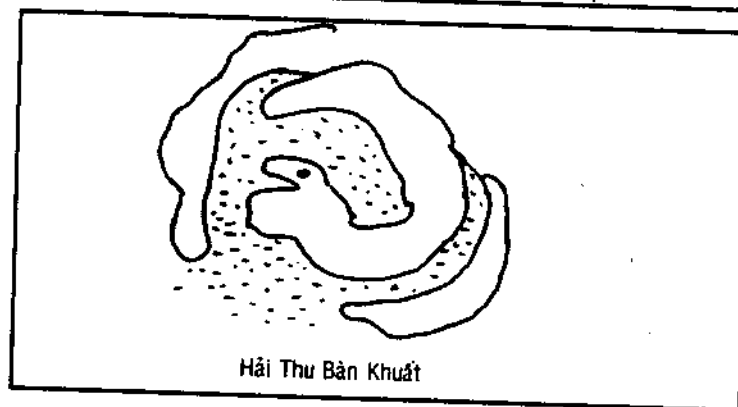
Toàn Thư nói: "Rồng đang cuộn mình ôm châu, bỗng nghe lệnh gọi từ trên trời, rồng ta phóng ngay lên mây mà tung hoành".
 (Nhận xét: giải thích ngắn gọn, nhưng giàu chất tiểu thuyết kinh dị. Huyết điểm không nhằm vào chỗ bí hiểm kín đáo. Rồng nghe lệnh và phóng mình lên mây để tung hoành, bỏ viên ngọc quý đâu mất. Tác giả không kết luận, cuộc đất này có quý hay không, nhưng nghe danh xưng thì có vẻ quý. NNP).

3) CUỘC ĐẤT CÁ THU

Cầm Thu



Toàn Thu



Cắm Thư thuyết minh “Kim ngư trạo vĩ” (Cá vàng vẫy đuôi) như sau:

*Kim Ngư trạo vĩ khóa ba đào
Yếu tại Đoài phương quan tối cao
Hoặc dĩ huyết cư đầu ngạch thượng
Khoa khô tảo chiếm cấm y bào
(Chú cá vàng kia quẫy sóng chơi
Phương Đoài, quan lớn thành thời ngồi
Huyết nơi đầu trán, nơi con mắt
Sớm đổ khô khoa (hắn Tú Tài?!))*

(Nhận xét: Chữ “Phương Đoài” trong lời thuyết minh này rất mơ hồ. Đứng ở vị trí nào để nhìn cuộc đất đỏ nằm ở phương Đoài? Với cuộc đất khá lạ này dù nằm ở phương nào đương nhân cũng có thể phát tích được, chứ không cần ở phương Đoài. Tác giả tự đặt cuộc đất đỏ là chữ “Kim Ngư” – Kim thuộc phương Tây – nên cố ép như vậy. NNP).

Cắm Thư thuyết minh cuộc đất “Hải Thu xuất thực” (cá thu kiếm mồi) như sau:

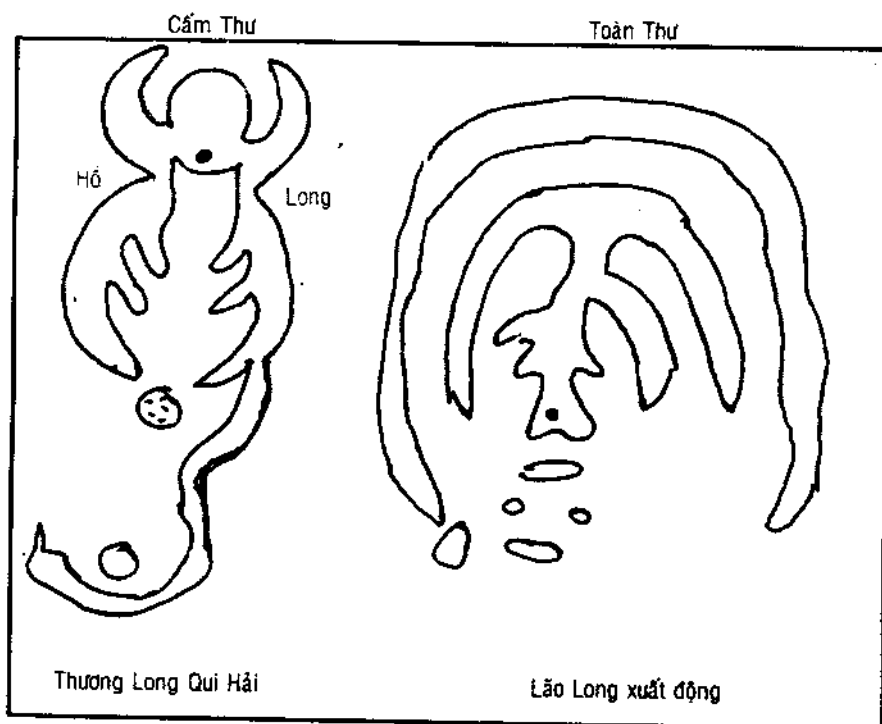
*Thiên lý trường kinh hiệu hải thu
Yếu nghị đề sáu thủy loan cù
Phục qui quang chiếu lai triều án
Tôn tử dăng khoa thượng đế đô
(Vạn dặm tìm mồi chú cá thu
Rất nên gây ố, nước vòng vo
Rùa kia đâu đến, làm nên án
Sớm chiếm bằng vàng chốn đế đô)*

(Nhận xét: Hình dạng chú cá trên mà gọi là cá thu thì thật là khéo tưởng tượng, nó giống như loại cá “ba gà” ở biển, hình dạng dữ tợn, con nào lớn lắm cũng bằng cổ chân, chích một phát là sớt 3 ngày chưa hết. Nhờ có tiền án là rùa là một linh

vật nên cuộc đất trở nên quý. Cả hai cuộc đất hình con cá đều cho ta biết Huyền Vũ rất dày ắt là phúc thọ. Còn con cháu có đỗ đạt hay không thì việc chưa chắc được. Ta cũng biết rằng rất nhiều hòn đảo, hòn núi có nhiều kỳ hình dị tượng hơn nữa, dù dạng các con vật nhưng ở đó hầu hết đều thuộc nhóm dân bán khai, có học hành thì cử gì đâu. NNP).

Toàn Thư gọi cuộc đất mình là “Hải Thu bàn khuất” (Cá Thu uốn mình) và nói: “Giòng sông cuộn sóng, nước chảy xiết, cá thu tự do tung tăng uốn lượn, huyết vị này có người ắt sẽ giàu to. (Nhận xét: Cuộc đất chồm mình ra nước, có thể là đầm, vịnh, hồ... Địa mạo cũng có vẻ cốt cách. Văn Long Hồ An Chấn, hậu vận sẽ khá giả như Toàn Thư đã nói. NNP).

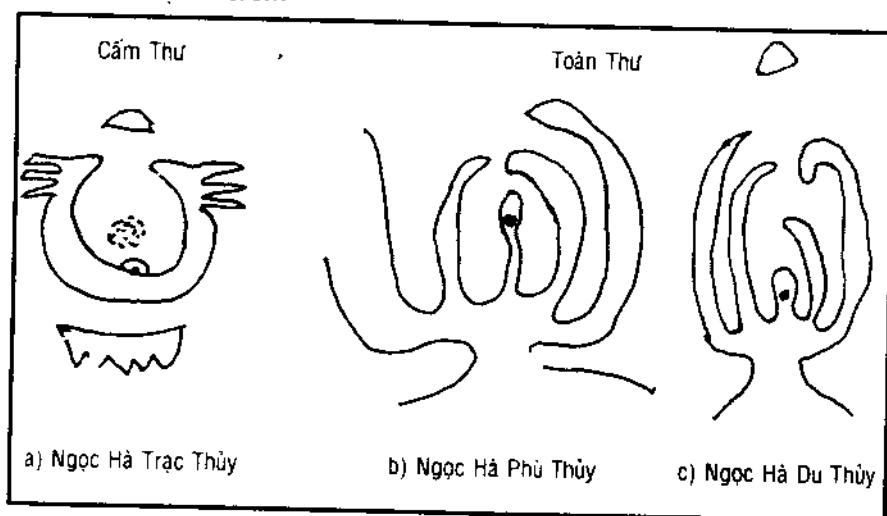
4) CUỘC ĐẤT LONG QUI HẢI



Cuộc đất mà Cấm Thư gọi là “Thương Long Qui Hải” có hình dạng rất kỳ vĩ. Huyệt vị ở ngay mũi rồng, móng vuốt tạo thành án. Có đầm hồ phía trước, lại có ngọn Ấn sơn hình tròn, đuôi Long ngoằn ngoèo chạy quanh sau Ấn sơn làm Triều sơn. Cuộc đất đó Cấm Thư gọi là đất “Công hầu khanh tướng” (Nhận xét: Cuộc đất này chia làm 2 phần, phần trên quay về hướng Nam, Long Hồ không đủ che kín gò Kim sơn, không có Thủy, không có Ấn, nên không thể cấm huyệt được. Phần dưới hệ thống núi non quay về hướng Bắc, cảnh trí sum nghiêm, đây là địa cuộc tốt. NNP).

Toàn Thư thuyết minh cuộc đất này: “Hình dạng con rồng bò ra khỏi đây. Đất có ấn sơn, triều sơn nằm trong một địa cuộc kín đáo. Con cháu chủ nhân đây kế tục trúng bằng vàng, hưởng vinh hoa phú quý”. (Nhận xét: Cuộc đất này nếu có được đất con cháu chủ nhân được toại nguyện. Hai cuộc đất này cũng đánh gọi là quý long).

5) NGỌC HÀ...



a) Cấm Thư gọi cuộc đất này là “Ngọc Hà Trắc Thủy” (Tôm ngọc tắm), với lời thuyết minh:

*Kim Tinh loan bối hướng giang hồ
Trạc thủy quang minh án ngọc phô
Huyết tại yêu trung hồ tác án
Cung phi tú nữ kẻ hoàng đô
Kim tinh nay yếu diệu giang hồ
Tắm rửa phi phu bày án ngọc
Huyết tại giữa lưng án ấy hồ
Gái đẹp vào cung mừng đến khóc)*

(Nhận xét: Vì viết theo thể thơ nên tác giả dùng chữ “bối hướng”. Bối hướng (quay lưng) là không chuẩn. Đại khái cuộc đất ấy ôm lấy hồ, theo tác giả, trong trường hợp này, lấy hồ làm Án, nhưng Án phải là một ngọn núi thấp mới đúng. Trong hình vẽ đã có ngọn núi trước mặt rồi thì cần gì lấy hồ làm Án? Nhưng dù ai muốn lấy kiểu Án nào đi nữa, cuộc đất vẫn không đổi được. Có điều cô “tôm ngọc” ấy có dạng như tôm hùm càng que tua tủa, không biết cuộc đất ấy có “đào tạo” được giai nhân không? NNP)

b) Toàn Thư gọi cuộc đất này là “Ngọc Hà Phù Thủy” (Tôm ngọc nổi trên nước) và thuyết minh: “Cuộc đất nhô ra giữa nước mênh mông, có nhiều hồ sơn bảo vệ long huyết một cách kín đáo. Có cả Long và Hồ, đó là cuộc đất vô cùng kỳ diệu, chỉ đòi hỏi là, hiện trường phải rộng rãi, con cháu chủ nhân mới tuyệt đỉnh phú quý.

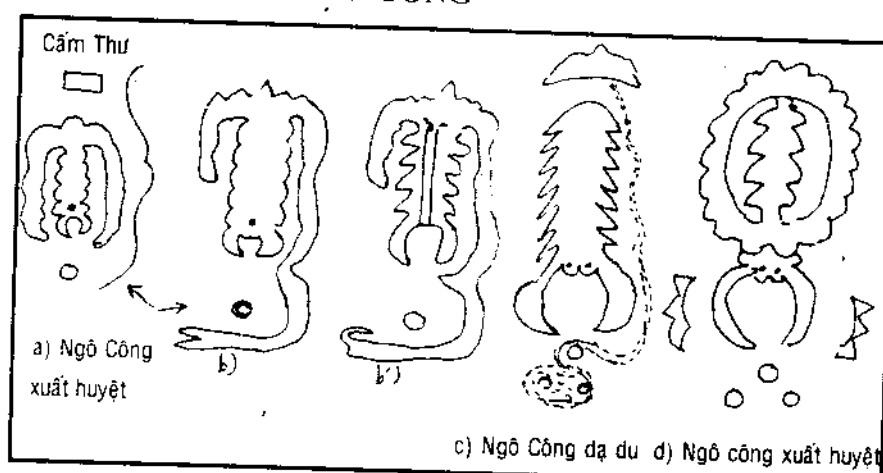
(Nhận xét: Chỉ e những sa sơn mảnh mai đó nằm giữa hồ biển mênh mông, sợ không thủ nổi với bão lụt điên cuồng. Giữ nổi nó chỉ là những thạch sơn và như vậy sẽ không còn là cuộc đất tốt nữa. NNP).

c) Toàn Thư gọi cuộc đất này là “Ngọc Hà du thủy” (Tôm ngọc đi rong) và thuyết minh: “Đã có ngọn Án sơn nhô ra phía trước thì có thể an tâm điểm huyết được. Nếu không có “Án sơn thì “Ngọc Hà du thủy” tất bị lộ liễu, thủy kia có thể xâm thực Ngọc Hà, ắt không nên lập huyết”.

(Nhận xét: Hình b) và hình c) chỉ khác nhau có ngọn án

son, thế mà hình b) cho là phú quý tuyệt đỉnh, còn hình c) thì có vẻ hoài nghi. Các thầy phong thủy ngày trước vẫn để ý đến huyết trong biển cả ao hồ, cái e ngại của các vị đó là huyết có bị sóng nước phủ đầu hay không. Hình c) có hòn cù lao giữa hồ làm án cho “ngọc hà”, cuộc diện như vậy là rất tốt. Thế nhưng nó còn đòi hỏi che chắn được hướng nước hay không. Nếu khi thế hoàn hảo, cuộc đất này còn tốt hơn cuộc đất b) NNP).

6) CUỘC ĐẤT NGÔ CÔNG



Cấm, Thư có 5 cuộc đất về Ngô Công (Rít Chúa), hết 4 cuộc có tên là “Ngô Công xuất huyết”, và một cuộc là “Ngô Công dạ du”. Mỗi cuộc đất có lời thuyết minh khác nhau. Sau đây, xin trích đủ lời thuyết minh cuộc đất.

- a) Ngô công xuất huyết thế xà diên
 Khai khẩu hàm châu chính diện tiền
 Bất đặc xà diên tu khuất khúc
 Hoặc phùng phương án yếu trường miên
 Huyết cư ngoại xứ an nhân đắc
 Thế hạ thủy hồi phong nhiều liên
 Hồ bạn nữ châu toàn nữ quý
 Thủy uyên thâm xứ trực vân thiên

Tạm dịch:

*Rít chúa rời hang thế nhấn nha
Hả mỏm toan ngậm ngọc đằng xa
Nhấn nha dường chẳng bằng ngọn nguẩy
Nên án sang hơn án ngọc ngà
Vẫn biết ở hang là tĩnh mịch
Ai ngờ khỏi cửa gặp phong ba
Sườn non Bạch Hổ phò giai nữ
Nước chảy lên trời mây trắng pha!*

Cầm Thư chú: “Đất này, con trai đều phát quan từ 25 hoặc 27 tuổi có thể tới chức Tam Công, nhưng chỉ phát có hai đời”.

(Nhận xét: Nếu được 2 đời cũng là nhiều, nhưng căn cứ vào đầu mà nói chỉ hai đời? Trong hình vẽ tuy không nói Thủy nhưng trong lời thuyết minh có nói: “Thủy uyên thâm xứ trực vân thiên”. Câu này cho ta biết giòng nước mạnh mẽ, sâu thăm thẳm và dài, không thấy nguồn lai, không thấy bến khứ. Câu này và câu Vương Chi Hoán “Hoàng Hà viễn thương bạch vân gian” cùng một tứ! NNP).

b) Cầm Thư thuyết minh: “Hình thế cuộc đất thuộc dạng “Kim” (tròn), huyết tại đầu rít, ngọn núi tròn đằng trước làm Ân. Con cháu đời đời làm đến công khanh”.

(Nhận xét: Cuộc đất này đặc thế hơn cuộc đất trước ở tay Long dài ra có thể làm triều sơn, nhưng kém thế hơn là không có án vuông ở Huyền Vũ. Nói rằng cuộc đất đó đời đời làm công khanh thì hơi quá. NNP).

b) Vẫn là “Ngô Công xuất huyết”. “Cuộc đất không khác gì b), chỉ khác trên lưng rít có con đường mòn, hoặc cái hố nứt nẻ, khó mà đạt được quan chức”.

(Nhận xét: thường thì trên Long mạch người ta rất kỵ đường mòn, họ cho đó là động. Thật hư khó nói. Kinh nghiệm chưa dạn dày, không dám bàn. NNP).

d) Vẫn “Ngô Công xuất huyết”. Đây là huyết tốt, con cháu đời đời làm quan. Nhưng nếu có ác thạch dựng hai bên, hoặc

đón trước đầu thì ắt có tai vạ xảy ra liên liên”.

(Nhận xét: Dạng rít chúa này rất lạ, không biết ai đã từng gặp nó chưa? Tin rằng tạo hóa đã có cuộc đất đó thì những ác thạch kia cũng biến thành châu ngọc để những người có duyên phúc được toại nguyện. NNP).

c) Cấm Thư gọi cuộc đất này là “Ngô Công dạ du” (Rít chúa chơi đêm) và thuyết minh

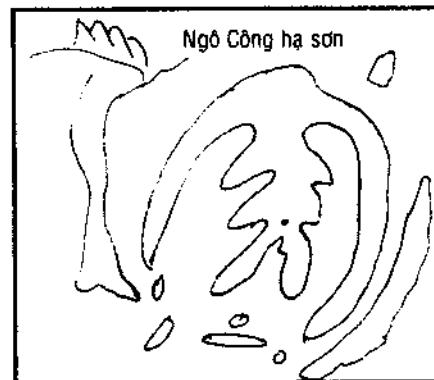
Kim tinh điệp điệp kẻ long hành
Thủy nhiễu loạn hoàn châu tối minh
Hải ngoại diên du triều tác án
Vương hầu thế thế vỹ công khanh
(Kim tinh nược nược đáng rống đi
Bao bọc lấy châu nước cũng kỳ
Ngoài cõi diên du làm án dựng
Trai thì khanh tướng gái vương phi)

(Nhận xét: Rít đi rong ban đêm, hay rít xuất động chẳng qua là tên gọi, quan trọng là cảnh cuộc của nó. Trên mây bay nhìn xuống những sườn núi có dạng rít không nhiều lắm, nhưng không phải là hiếm. Dường như các nhà Phong Thủy Việt Nam trước đây chưa ai chứng minh được thế đất này như lý thuyết đã nói. Dù vậy ở đây cũng xin được trình bày đầy đủ. Không chừng có người hữu duyên lại đắc thành như ý. “Diên du” là loài động vật nhuyễn thể đa túc. Myriapodes – NNP).

e) Toàn Thư:

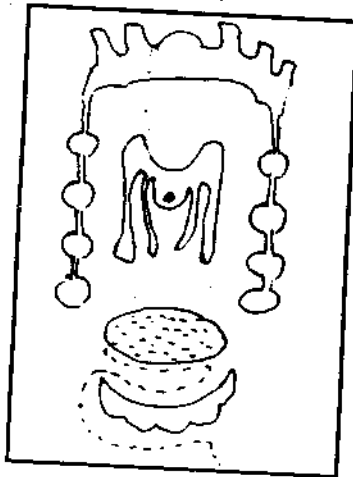
Toàn Thư cũng có cuộc đất hình dạng rít, gọi là “Ngô Công hạ sơn” (Rít chúa xuống núi). Họ thuyết minh: “Cuộc đất giống như hình con rít đang bò xuống, chủ nhân nơi đây có con cháu làm đến chức Tam Công, hiển hách trong triều”.

(Nhận xét: Sự suy đoán không khác gì Cấm Thư. NNP).



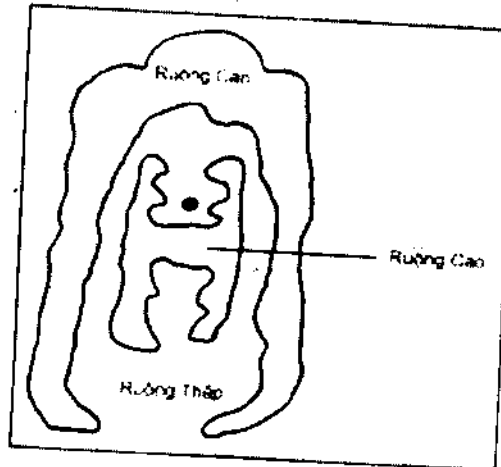
7) CUỘC ĐẤT BÀNH GIẢI

Cấm Thư



Bành giải du nguyệt

Toàn Thư



Bành giải xuất điển

Cấm Thư thuyết minh:

Vân sơn điệp điệp xuất thiên tầng
 Thiên Mã đầu cao tử túc dằng
 Tiền hữu sơn tôn quang chiếu án
 Lương đồ tướng tượng tịnh cao thăng
 (Núi mây trùng điệp mấy tầng cao
 Thiên Mã bay theo gió cuốn ào
 Trước có núi quang tươi rọi án
 Đôi đường vân vô trái bao triều)

(Nhận xét: Cua tuy xấu xí nhưng nhiều mĩ danh như “Trúc tràng công tử” (Chàng công tử ruột thẳng) “vô tràng công tử” (công tử không ruột) hay “Hoành Hành tú sĩ” (Anh học trò bò ngang). Vì tính bò ngang nên gọi xuất điển (ra khỏi ruộng) cũng được. Lại có tính chất thư sinh (tú sĩ) nên chàng ta cũng thưởng nguyệt như ai. Cua chắc chắn là cần đến ruộng, nước. Nếu được đặc thể đặc vị, thì con cháu của chủ nhân ắt “phùng trường tác hỉ” (gặp cuộc thì cứ chơi). NNP).

Toàn Thư chú: “Cua bò ngang ra khỏi ruộng, chủ về tiền, bạc giàu có, nhưng tính tình thô kệch, chỉ hoành hành ở nơi thôn dã”.

(Nhận xét: Lời chú của Toàn Thư hẹp hòi và hiệp Cua quá. Cổ ngôn có câu “Phá điền thiên tử xuất”, chốn thôn dã không có anh tài sao? NNP).

8) NHẬN XÉT TỔNG QUÁT:

Các nhà nghiên cứu về Phong Thủy thường hay lấy các con vật để làm biểu tượng cho cuộc đất. Điều ấy đã bắt nguồn từ thời tối cổ, khi 28 tòa tinh tú trên Hoàng Đạo là 28 con vật biểu tượng của các ngôi sao. Phong Thủy cũng vậy, 4 yếu tố đầu tiên phải mượn hình ảnh 4 con vật: Phương Đông tượng Rồng Xanh, Phương Tây tượng Cọp Trắng, Bắc tượng con Rùa Đen, Nam tượng chim Sẻ Đỏ. Nguyên ủy của nó là tượng của 4 khái niệm về tinh tú. Dần dà về sau, mỗi cuộc đất thấy phong thủy hình dung ra mỗi con vật sao cho xứng hợp với hình thế, và ít ra những con vật ấy phải có gì đặc biệt. Ví dụ khi người ta tưởng tượng cuộc đất ấy có hình dạng “con cóc” (Thiền Thử), thì con cóc ấy đã có “tiền sự tiền án” là có quan hệ với mặt trăng; tưởng tượng ra con rít, thì con rít đã từng ngậm ngọc, tưởng tượng ra con tôm, ít ra tôm cũng có liên hệ với biển cả nó cũng có râu ria càng gọng.

Ngoài ra cũng có nhiều cuộc đất người ta tưởng ra lâu đài, cung điện, bảo tháp ngấm chỉ người ấy là quý nhân hay bậc thoát tục, nếu là giai nhân họ sẽ nghĩ đến liên điệp, hà hoa (sen), phù dung, thược dược, rèm, màn, trướng, châu ngọc... Những tưởng tượng ấy thật tế nhị và xứng hợp để người ta dễ liên hệ đến sự lành dữ của cuộc đất.

D. THẨM ĐỊNH LẠI CÁC KIỂU ĐẤT

Trong các bộ sách Phong Thủy cổ điển Trung Quốc hiện tại chưa thấy bộ nào tái bản. Trước đây năm 1924 có bộ “Địa Lý Toàn Thư” do ông Ngụy Lý Hứa Minh bỏ công ra sao chép từ bộ “Địa Lý Đại Toàn” của Lý Quốc Mô (Minh) biên soạn, rồi thêm vào đó một phần của mỗi bộ sách cho khác đi, vd như lấy thêm trong “Linh Thành Tinh Nghĩa” của Hà Bạc, “Bì Can Lộ Đám Kinh” của Lưu Cơ (Minh)... rồi tự ý biên tập và bình chú. Sau đó đến con ông là Hứa Vinh nối chí cha cũng làm việc biên tập và bình chú, rồi cho in tiếp theo (Thượng Hải 1932). Dem đó mà so lại với các bản đã được tái bản ở Đài Loan (từ 1949–1956) như Thủy Long Vịnh (của Đại Hồng Tướng Bình Giai), Táng Kinh Dục (Liêu Hi Ung – Minh), Bác Sơn Thiên (Hoàng Diệu Ứng – Tống)... thì sai lạc bản nghĩa. Đây là một điều đáng buồn. Nếu không hiểu gì về phong thủy, thì chỉ nên sao chép cho đúng nguyên văn, sau đó nếu có vị nào uyên thâm và đạo đức đứng ra làm việc bình giải thì hay biết bao nhiêu? vd, trong nguyên bản viết chữ “Tuất, Tị” thì pho bản ghi là “Mậu kỷ” rồi đem ra bình chú thì còn gì tệ hơn nữa!

Còn bộ “Hong Vũ Cấm Thư”, theo sách đó nói được biên soạn từ đời Minh Thái Tổ (1368–1399), nước ta có ông Nguyễn Văn Minh dịch (Bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản – Sài Gòn 1962), thời đó cũng có một số tại tiếng. Một số học giả cho rằng đây là bộ “ngụy thư”, họ có nhiều lý do để nói về việc này. Một là, trong “Tứ khố toàn thư” của nhà Thanh không có ghi tên bộ này; hai là, trong lời nói đầu sách của Hồng Vũ Cấm Thư, viết: “... Rồi một ngày kia vua khiến ông Lý Bá Truyền biên chép những thế đất nào là đệ nhất, ngò hầu giúp nhà vua biết được đến chỗ tinh vi huyền diệu. Ông Lý Bá Truyền được ở bên nhà vua biên tập thành một quyển sách bút ký bao la, mấy ngày viết xong dâng lên vua ngự lãm, vua lấy làm ưng ý lắm, mới đề mục rằng: “Một thiên đại lục”. Liền phong cho Lý Bá Truyền làm Tĩnh An Tiên Sinh cho cả mũ áo chức ngự sử.

Thời bấy giờ là niên hiệu Hồng Vũ, năm Canh Tý tháng Thân giỗ Thần, đức quí đông mà chứa ở trong cung Ngọc Hoa”...

Xét lại ta thấy “niên hiệu Hồng Vũ năm Canh Tý” thì không đúng. Vì Chu Nguyên Chương lên ngôi là năm Mậu Thân – 1368 và mất năm Kỷ Mão – 1399, trong khoảng thời gian này không có năm nào là Canh Tý cả. Và lại ở thời khoảng đó Canh Tý 1360, Chu Nguyên Chương chưa lên ngôi (tức niên hiệu Hồng Vũ chưa có) và Canh Tý 1420 nhằm vào Minh Thành Tổ. Vì lẽ đó nhiều người cho Hồng Vũ Cấm Thư là sách bịa đặt!

Nay ta xét lại có mấy điểm cần thuyết minh:

– Một quyển sách bịa đặt cốt lương gạt người đương thời và cả hậu thế, thì không ai dại gì không tính lại 31 năm Hồng Vũ. Đây có lẽ là do sự khắc bản sai sót, rồi người đời sau chuyển chép, không chịu tính lại, cuối cùng để hổ một lỗi lớn.

– Sách đề là Cấm Thư và có bút ký của Minh Thái Tổ, ắt Hoàng tộc nhà Chu sẽ coi đó là quốc bảo ắt không rời vật quý này. Nhà Minh thiên đô tất cả 5 lần, lần đầu là Minh Thành Tổ dời đô từ Nam Kinh lên Bắc Kinh, và những năm Minh mạt, nhà Minh thiên đô nhiều lượt nữa, lúc thì ở Nam Kinh, rồi Phúc Kiến, Quảng Đông, Miến Điện... nên Hồng Vũ Cấm Thư không thể lọt vào kho sách nhà Thanh được, mà nó được xuất hiện dưới thời Mạt Thanh.

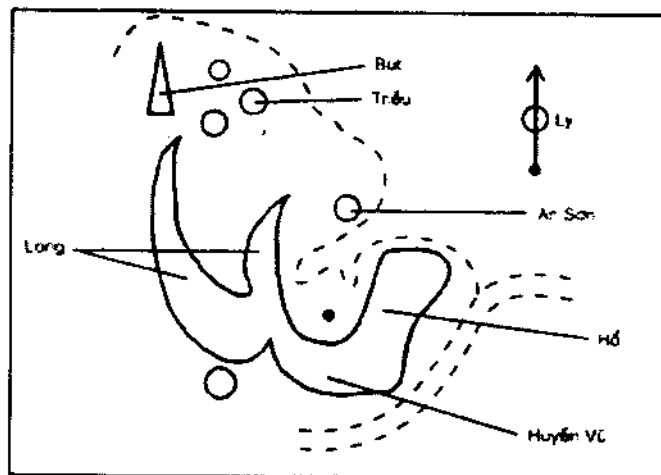
– Hồng Vũ Cấm Thư có tiết lộ một việc, nhà vua sai quan Đô Bộ là Tô Doãn Khanh chép lại bộ Cấm Thư cho thật cẩn thận. Không ngờ ông Tô Doãn Khanh muốn có riêng một quyển, nên sao thêm một bản. Sự việc đó bề, nên ông Khanh bị vua Hồng Vũ xử tử. Tất nhiên việc này không thể dựng đứng được.

– Điều quan trọng là, cứ cho rằng sách này là ngụy thư, nhưng xét về ý nghĩa của sách, những lời bình giải về phong thủy, người viết sách tỏ ra uyên bác, hình vẽ rõ ràng, ghi chú xác đáng trình bày đúng phương pháp, chưa một bộ phong thủy nào đạt đến trình độ đó. Trong sách đã loại bỏ đi rất nhiều phần mê tín dị đoan (mà ta thường thấy ở trong sách

dời Minh Thanh về sau) như các chương: Thôi Quan Thiên, Đào Trượng Pháp... hoặc phần bùa chú của Hoàng Đế Trạch Kinh, Thanh Nang Hải Giác Kinh...

Tôi bỏ một thời gian khá lâu để đối chiếu bộ này với năm bảy bộ Phong Thủy khác (cả ta lẫn Tàu, cổ thư và tân thư) mới dám quyết chắc rằng Hồng Vũ Cấm Thư là một bộ sách có giá trị nhất trong các bộ Phong Thủy, dầu là ngụy thư cũng không hại gì, vì ta cần đến cái lịch lãm của sách chứ không cần cái lốt bên ngoài. Do đó, trong phần thẩm định về các kiểu đất, ở đây lấy bộ Hồng Vũ Cấm Thư làm nòng cốt. Ngoài ra, để nội dung sách được phong phú, tất nhiên sẽ chọn một ít các kiểu đất khác trong vài bộ Phong Thủy khác và có ghi chú kèm theo.

I. CUỘC ĐẤT THỨ NHẤT

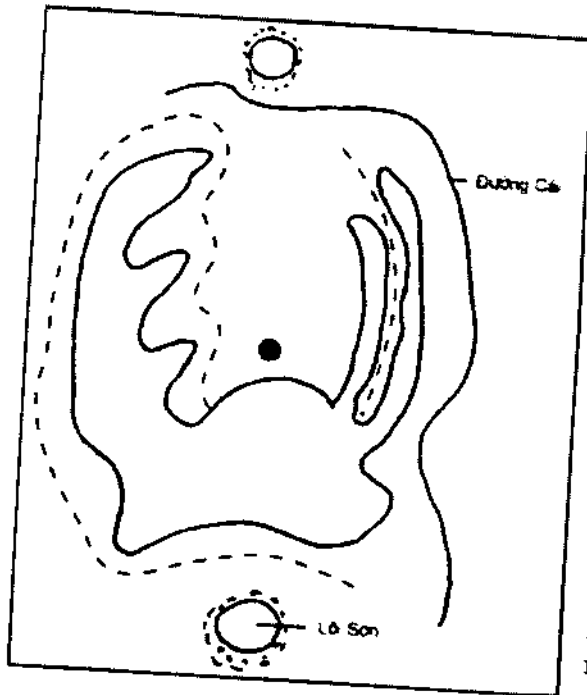


- Núi Huyền Vũ bằng phẳng.
- Thanh Long có 2 chi nối nhau đều có khuynh hướng ôm lấy huyết.
- Kế bên Thanh Long có ngọn núi đỉnh nhọn (làm Bút sơn).
- Một ngọn núi tròn lớn giữa quảng Long, Hồ, làm Án sơn, rồi vài ba ngọn núi tròn khác làm Triều sơn.

- Bên cạnh Hồ có thủy lưu đổ vào sông lớn.
Đó là cuộc đất Trạng Nguyên

Nhận xét: So với những cuộc đất khác, cuộc đất này đ
giản hơn. Có điều đầu núi Thanh Long quá nhọn e có sát k
chăng? Và lại cuộc đất này chưa trải qua một "quá hiệp" (r
hẹp như eo ong, như cổ bầu) thì chưa thể gọi là quý địa đư
Xin nhắc lại, dấu hiệu duy nhất để cuộc đất có kết huyết, c
sơn phải trải qua một lần "thoát cốt", tức là chun vào nơi c
hẹp ấy rồi mới phình ra. Đó là điều kiện tối thiểu. Có t
trong lời văn không mô tả nhưng hình vẽ không nên thiế
Theo hình vẽ ở đây, cái quý là có thủy lưu bao bọc (với dạn
nghịch sơn thuận thủy, hoặc thuận sơn nghịch thủy), lại có Á
Triều, và Bút ở phương Tốn Tị. Với thời đại ngày nay, chúc
Trạng Nguyên tương đương với Tiến sĩ ưu hạng, có thể giả
lược đi vài ngọn Triều sơn vẫn đạt được.

2. CUỘC ĐẤT THỨ HAI



- Bạch Hồ là ha
núi song song cùng
xuất từ chánh sơn (chủ
sơn). Dưới chân Bạch
Hồ có đường mòn.
- Thanh Long
đầu không nhọn, lại
có nhiều chi.
- Cả Long và Hồ
đều có khuynh hướng
chầu vào huyết.
- Một Án sơn
nằm bên kia đường
cái, có nước chảy
vòng quanh.
- Một ngọn núi
tròn nằm phía sau
Huyền Vũ cũng có
nước bao quanh.

– Giòng thủy lưu bao bọc cả Thanh Long, vòng qua Huyền Vũ.

– Có giòng nước nhỏ chảy lờn vào giữa 2 nhánh Hồ.

Đó là cuộc đất khoa giáp.

Lời sách chú: “Kiểu đất này phát cho trưởng nam. Còn con trai út bị phạm sát. Năm 20 tuổi hoặc năm 17 tuổi anh em đồng băng đều lấy vợ nhà sang làm nên bậc công hầu truyền thế, là nhà phúc hậu”.

Nhận xét: Không rõ tại sao người con trai út phạm sát? Có phải vì Bạch Hồ là núi kếp? Hay vì Bạch Hồ nằm gần bên đường đi? Có lẽ đây dựa theo ý của ông Dương Quân Tùng (trong cuộc đoán đất của ông Dương thường hay pha năm tháng vào, và cũng thường hay nói một cách quyết định từng người phải thế này, thế kia...). Cảnh bên Hồ thuộc về ngành nữ. Không lý bên Long có 3 doi núi mọc ra, có doi núi gần Huyền Vũ nhỏ nhất mà gọi là đứa em út phạm sát? Nếu vậy thì vô lý quá. Vì chi cận Huyền Vũ chỉ cho trưởng nam, vì đó là chi gốc. Theo hình vẽ này thì không đủ kết luận như lời sách đã chú. Hoặc có thể do người biên chép lại mà thêm bớt chăng? Cảnh quan của cuộc đất thấy có tình nghĩa, ấm cúng. Ý trong bài “thi” thì cuộc đất này tốt cả nam lẫn nữ. Như vậy thì chuẩn xác hơn. Xin trích một đoạn:

Lưỡng Hồ đới hồng thành triết phụ

Trùng Long biên bút xuất hiên nhân

Minh Đường hữu lộ tu tương hợp

Huyền Vũ lôi sơn cần bất phân

Tu tả thử đồ đoan tại thị

Đông Tây trầm luận diệc vân vân

(Hồ kếp cầu vòng sinh triết phụ

Long chi văn bút ất văn nhân

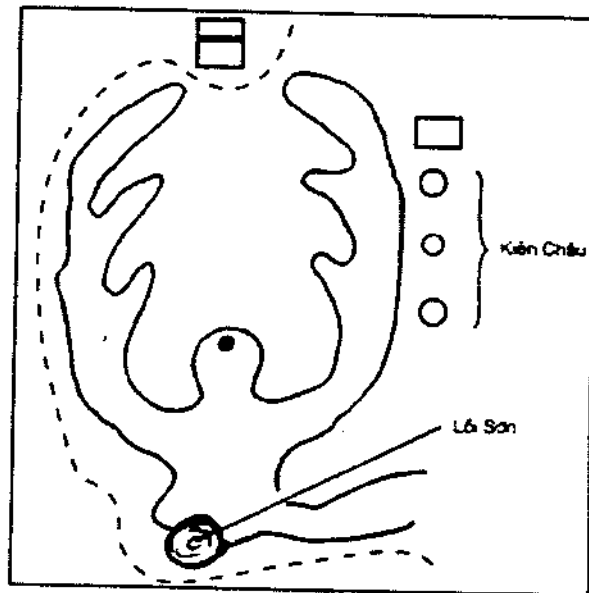
Minh Đường có lối càng thêm hợp

Huyền Vũ bày non chớ ngại ngần

*Về lại cuộc này đoan đúng vậy
Mặc ai bàn bạc ý phân vân).*

Xuyên qua đoạn thơ trên, ta biết người làm thơ và người ghi chú là hai nhân vật khác nhau. Cuộc đất có đủ quân thần tả sứ châu trước nâng sau một cách hoàn hảo thì không có gì để gọi là... phạm sát (vì không có kiếm sơn chia vào Thanh Long).

3. CUỘC ĐẤT THỨ BA



- Long, Hồ đều có 3 chi.
 - Bên Long có thủy lưu.
 - Bên Hồ có 3 ngọn núi tròn.
 - Huyền Vũ có ngọn núi tròn (Lôi sơn).
 - Tiền án là 2 núi dạng vuông.
- Đó là cuộc đất phát Chánh khoa.

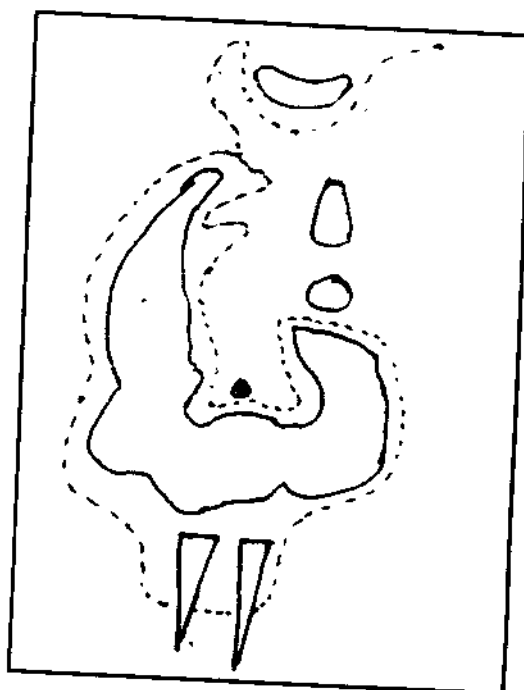
Lời chú trong sách: "Đất này các con trai đều phát. Năm 20 hoặc 25 hoặc 27 tuổi anh em đều thi đỗ".

Nhận xét: Cuộc đất này đại thể cũng giống như những cuộc đất trước, vẫn có Thủy lưu, vẫn Ấn, Chấm. Nhưng ở bên Hồ Sơn có thêm 3 ngọn núi tròn, người ta hình dung như ba hạt châu. Từ đó, sách thuyết minh: "Huỳnh đệ đồng khoa". Lời chưa thêm vào sách: "Năm 20 hoặc 25 hoặc 27 tuổi anh em đều thi đỗ". Lời chưa này không đáng tin. Chẳng qua tuổi ứng thi ở cao khoa thường từ 20 đến 30. Để khỏi bị nhầm chúng ta có thể lược bỏ những cuộc đất tương tự.

Qua ba cuộc đất vừa rồi, tuy có phần dị biệt chút ít, cuộc đất thứ nhất có Bút Sơn con của chủ nhân đồ Trạng. Cuộc đất thứ nhì chỉ có Ấn Chấm, gia đình cũng thuộc về khoa giáp, cuộc đất thứ ba có ba băng sơn, thì anh em đều đỗ đạt. Bút và băng tương tự cho học văn khoa cử, thế mà cuộc đất thứ nhì cũng thuộc về khoa bảng, các nhà địa lý giải thích sao đây? Lấy cuộc đất thứ hai mà nhận xét, cuộc đất không có bút, băng, vẫn là cuộc đất khoa bảng, thì phần chính của nó vẫn Sơn và Thủy. Sơn phải triều cùng hộ vệ, Thủy thì phải lưu luyện bảo bọc, cảnh cuộc phải hài hòa ấm cúng, không xô lấn áp bức nhau; còn bút, băng, châu, kiếm, ấn... đều là thứ yếu. Tất nhiên nếu có cờ xí, chiêng trống, bút bảng, châu ngọc, hân môn, hoa biểu... cuộc diện càng tôn quý, và người liên hệ với cảnh cuộc ấy theo thuật phong thủy ắt phú quý tốt bậc.

4. CUỘC ĐẤT THỨ TƯ

- Huyền Vũ cao dày.
- Hai ngọn bút sơn phía sau Huyền Vũ có thủy lưu chạy ngang qua.
- Ấn sơn như hình trăng khuyết.
- Hồ sơn hơi ngắn (theo nguyên tắc Hồ sơn phải ngắn hơn Long sơn chỉ ít) nhưng vẫn chầu vào huyệt.
- Hai ngọn núi bên Hồ sơn, một ngọn tròn, một ngọn hơi giống như cái lọng (Hoa cái).
- Thủy bao hết cả khu vực.



Đây là cuộc đất khoa bảng.

Cám Thư giới thiệu cuộc đất đó như sau:

Dục tri vinh quý địa như hà?

Doan đắc tiêm phong tại hậu gia

Tiền hữu nhất sơn dê tự nguyệt

Hậu như xà vĩ đảo hoành qua (𠂇)

Tiền thành dĩ hữu quân vương trọng

Hậu hữu phong nhiêu tiền lộc đa

Chính thị long bàn đầu quyển bảo

Nhi tôn phú quý trạc đăng khoa

Tạm dịch:

Đất này phú quý bởi vì đâu?

Huyền Vũ hai sơn nhọn rất mâu

*Mặt trước Ấn sơn vàng nguyệt khuyết
Đằng sau đuôi rắn dựng cượng mâu
Vua ban chức tước lòng thêm trọng
Nước giúp lộc tiền nghĩa thâm sâu
Cũng bởi thủy lưu bao bọc núi
Khoa khoa con cháu chiếm công hầu.*

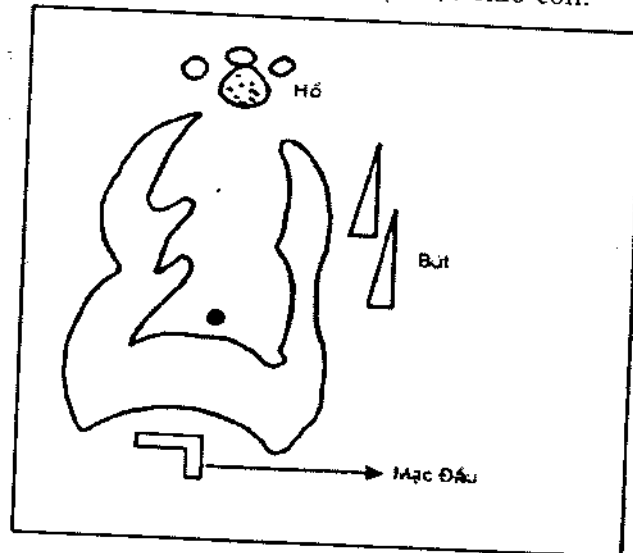
Nhận xét: Núi nhon phía sau Huyền Vũ chưa đáng gọi là Bút sơn (Tả Ao: Muốn cho con cháu trạng nguyên, thì tìm bút lập hai bên sắp bày. Nhất là Tân Tồn mới nhay, Bính Đinh Đoài Cấn sắp bày đột lên.). Hai ngọn núi ấy cũng không phải là Hân Môn Hoa Biểu, vì Hân Môn Hoa Biểu ở trước Minh Đường gần bên thủy khẩu. Nó cũng không phải là Quỷ sơn, vì Quỷ sơn tuy đứng sau Huyền Vũ, nhưng phải có hình thù kỳ dị. Ngọn núi đó dùng điểm tuyết cho cảnh trí có phần sum nghiêm, kín đáo, chứ không phải giải quyết như Cấm Thư: “đoan đặc tiêm phong tại hậu gia” (đoan chắc rằng, nhờ có hai ngọn núi nhon mới tạo được cảnh cuộc vinh quý). Ấn sơn hình trăng khuyết, nó có vẻ gần gũi với bốn văn nhân, và nó vẫn có dạng yên ngựa thì phải luận rằng, hai ngọn tiêm phong kia chính là Kiếm sơn. Xác định, thế đất này vẫn vô đều đặc dụng. Chỉ có điều giòng nước bao bọc cảnh cục một cách... nhân tạo quá, thành ra thiếu tính thiên nhiên.

5. CUỘC ĐẤT THỬ NĂM

- Tả Long, hữu Hổ cân phân.
 - Trước Minh Đường có hồ nước và 3 Ấn sơn có dạng tròn, người ta sẽ gọi đó là “Ấn chữ phẩm”.
 - Huyền Vũ có “mạc đầu sơn”, đó là ngọn núi như bức màn giăng.
 - Bạch Hổ có 2 ngọn bút sơn.
 - Thanh Long nứt ra 2 chi sơn.
- Lời sách nói rằng: “Nhờ mạc đầu ở Huyền Vũ mà người

thêm thọ, và do 2 ngọn bút ở Hồ sơn mà danh thơm truyền đến vạn đại”.

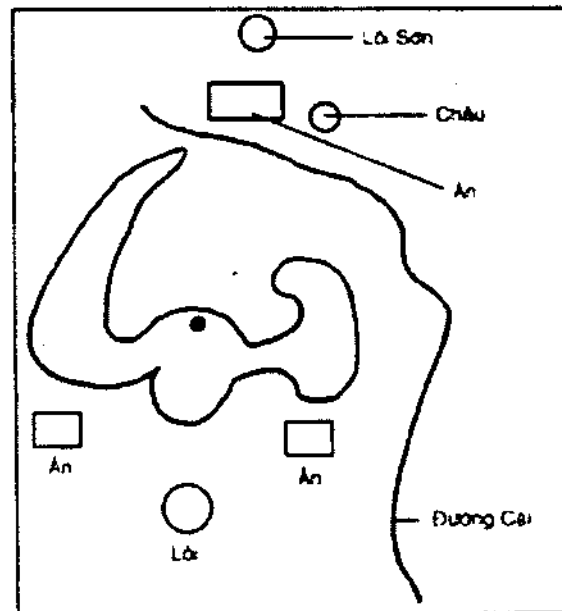
Đây là cuộc đất Quan quý rất lợi cho hào con.



Nhận xét: Cuộc địa này có phần đơn giản trước nhất là không thủy lưu, chỉ có hồ nước tức là thủy tĩnh. “Tĩnh” hợp với phái nữ. Hai ngọn bút ở phương Đoài rất đắc thế đắc vị. Do đó có thể lấy hồ làm nghiên, và lấy nước làm mực ắt là... tiện lắm. Án sơn là “phẩm”, cảnh ấy có “chất lượng” lắm! Đằng sau Huyền Vũ là Châm sơn như hình chiếc gối vuông, tượng trưng cho sự yên ổn. Tác giả của Cẩm Thư nói rằng, cuộc đất này sẽ sinh ra Tam Công (chức vụ đầu triều được Vua gia phong “cửu tích” quyền hạn chỉ sau vua) và lưu danh vạn đại thì cũng hơi quá! Vì nhìn vào sơ đồ, ta thấy cuộc đất bị “gồng” một bên, thế đất không được cân đối, châm đường như bị mất một chân. Đồ đạc và làm cấp quan bậc trung là khá rồi.

6. CUỘC ĐẤT THỨ SÁU

- Thanh Long nhọn và dài hơn Bạch Hồ. Bạch Hồ ngắn và tròn đầu. Long và Hồ đều có ý muốn chầu vào huyệt.



- Trước Minh Đường có An sơn hình chữ nhật giống như chiếc bàn.
- Lôi sơn làm Triều sơn.
- Kế bàn về phía Bạch hồ có Châu sơn.
- Lôi, An, Châu đều nằm phía bên kia đường.
- Huyền Vũ cũng có Lôi Sơn, và 2 ấn nằm về hai bên một cách cân phân.

Đây là cuộc đất thế khoa. Sách thuyết minh: “Đất này phát con trai út, con trai trưởng, cháu chất đời này qua đời khác, phát đạt mãi chẳng dứt”!

Nhận xét: Nhìn vào cuộc đất chính ta thấy có dạng như con dơi (Bức = con dơi, đồng âm với “phúc”. Nên người Hoa thường vẽ 5 con dơi để tượng trưng cho ngũ phúc). Hình vẽ không thấy thủy lưu, nhưng trong bài thơ thiệu thì thấy nói:

*“Long bút phù thân thêm thủy dưỡng
Hố châu ngoại lộ xuất mao tiên*

- Một dải châu sơn gồm 3 ngọn (liên châu).

Sách viết: "Đất này phát cho con trưởng, con út, làm quan tước lộc giàu sang, tiếng tăm lừng lẫy..."

Đây là cuộc đất "huynh đệ đồng khoa".

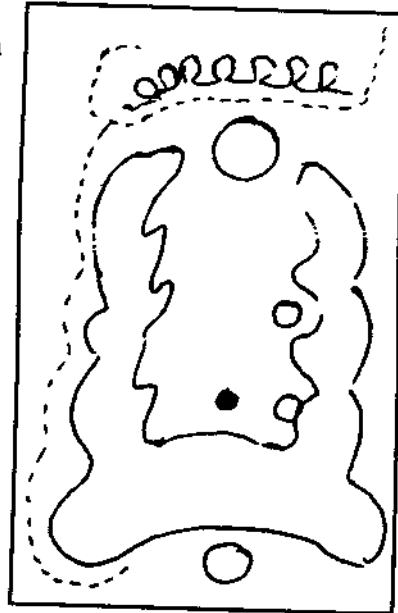
Nhận xét: Dù "long bút", nhưng Thanh Long, Bạch Hổ đều là hộ vệ của huyệt. Thanh Long không thẳng, lại cong và nhọn như dao gươm ắt sẽ có sát khí tiềm phục nơi đó. Khi sự việc xảy ra dù ẩn bìa cờ lọng cũng không che chở được. Với đất này tất phải nhờ cậy ở Âm đức. Cuộc đất tuy lạ nhưng không sang. Thực tế, cổ kim có ai thấy cuộc đất này chưa? Có lẽ đâu vì Long-kép mà nói là huynh đệ đồng khoa?

8. CUỘC ĐẤT THỨ TÁM

- Trước Minh Đường Lôi sơn làm Ấn sơn.
- Phía ngoài Lôi sơn là thủy lưu diễn ra.
- Ngoài thủy lưu, một rặng núi có 7 ngọn hình tròn. Khí thế như doanh trại.
- Giòng thủy lưu dọc qua Thanh Long quần qua Huyền Vũ.
- Phía trong Hồ sơn có vài ngọn núi hình tròn.
- Một ngọn Lôi sơn sau Huyền Vũ.

Sách viết: "Với cuộc địa đó, con cháu đều nắm quyền binh, nhất là về võ nghiệp".

Nhận xét: Cuộc đất này không lạ, chỉ khác với những cuộc đất kia là, một loạt bảy ngọn núi tròn đứng kề bên bờ sông hướng về long huyệt. Hai bên Long Hổ cân phân. Cuộc đất đầy đặn vững



vàng, đầy ấp sinh khí. Đây quả là một cuộc đất báu phát lớn cho cả giòng họ, kể cả nam nữ. Chỉ ngại trên thực tế không có một loạt 7 ngọn núi tròn như vậy.

Cám Thư viết bài tán về cuộc đất này rất có hồn, xin trích:

*Long Hồ khiên lai tại án tiền
An bài địa giả bản hoàng thiên
Long biên ngoại ứng giang hồ kiến
Hổ bân trung sinh hoa cái viên
Vạn giáp đình kiêm nhưng dĩ tú
Tam quân môn ngoại tử chi tuyến
Nhược ư thủy đới tùy loan xứ
Tất hữu nhi tôn bình tướng quyền.*

Tạm dịch:

*Tả hữu sa, nay hội mé ngoài
Đất kia sắp đặt bởi do trời
Sông hồ bao quát Thanh Long ấy
Hoa cái bong che Bạch Hổ chơi,
Binh giáp uy nghi dàn trước cửa
Tam quân hùng hổ khí xa khơi
Lượn lờ con nước vòng quanh xứ
Con cháu nhà ai phát mấy đời!*

9. CUỘC ĐẤT THỨ CHÍN

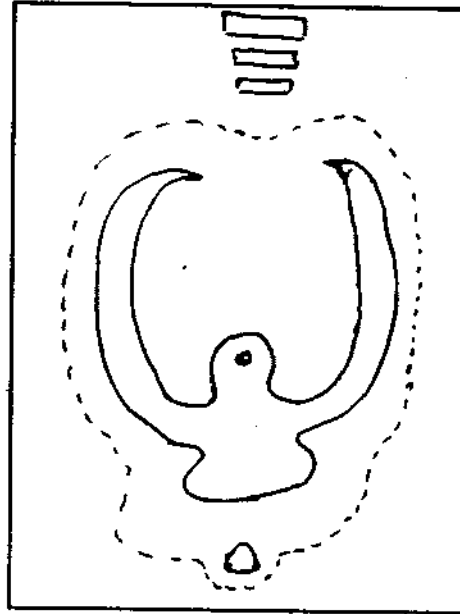
- Án sơn là ba lớp núi bằng mặt nom như ba đợt sóng cuộn cuộn đổ đến (Tam lãng).

- Một giòng nước trong veo bao vòng quanh cánh cuộc.

- Tả Long, hữu Hồ cân phân nhưng nhọn đầu.

- Sau Huyền Vũ là Lô sơn.

Lời chua của sách: "Đất này phát năm 27 tuổi, làm quan tước lộc đã có ít nhiều". Bài tán còn có câu: "Nhược đắc trường giang y hậu chấm; tử tôn tất hữu quý quan thời" (Nếu được dòng sông bao phía sau, con cháu ắt có quan phận).



Nhận xét: Cái hiểm ở cuộc đất này là nước chảy giáp vòng. Đó là cách phác họa tổng quát của sơ đồ, ta chỉ nên xem nó là tập hợp các thứ nước nối tiếp nhau, như đoạn sông nối đoạn suối, rồi nối với con lạch, kể cả ao hồ nhỏ dài... tất nhiên cũng có chỗ cách quãng nhưng không xa lắm. Án sơn là ba ngọn núi dài bằng mặt nằm song nhau giống như 3 đợt sóng. Cuộc đất này tạm tốt, “gia cang nghi cùng thường thường bạc trung”.

10. CUỘC ĐẤT THỨ MƯỜI

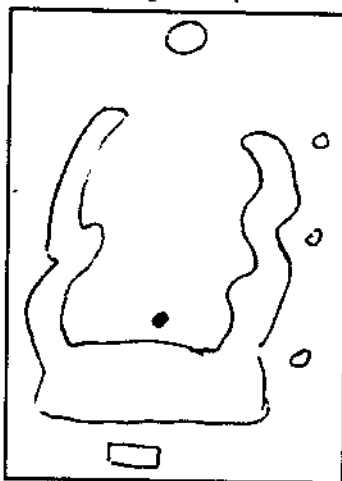
– Thanh Long Bạch Hổ trên thân mọc ra những ngọn núi bất thường.

– Có Án Chấm.

– Bên cánh Hổ có nhiều ngọn núi tròn (có thể nhọn chóp).

Lời sách chua: “Đây là cuộc đất phát phú quý. Các cậu trai đều phát đạt, các cô gái đều lấy chồng giàu sang. Gia đình hầu như đều có duyên phận với khoa trường”.

Nhận xét: Cuộc đất nằm vào bậc trung. Cuộc đời êm đềm, không lên voi xuống chó là tốt rồi. Long Hồ không nhọn đầu, Ấn Chấm tự nhiên. Gia đình phú hộ có tiếng ở thôn lân.



CUỘC ĐẤT THỨ MƯỜI MỘT

- Thanh Long Bạch Hồ đều đặn hướng nội.
- Không có Ấn, chỉ có Chấm và Triều sơn ở xa Huyền Vũ.

Bài tán nói:

Tứ thế hình như chuông điện trung

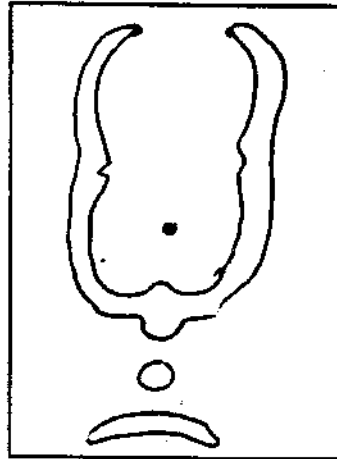
Toàn gia phú thọ diễn衍 vô cùng

Nam nhi tất hữu đa tài bạch

Nữ tử năng tình nghệ nghiệp thông

(Long Hồ như hai bàn tay áp vào. Cả gia đình đều giàu có và sống lâu. Con trai nhiều tiền bạc, con gái cũng có nghề nghiệp).

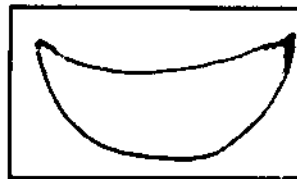
Nhận xét: Hai cánh tay ôm chầu (cũng có thể giống như hai bàn tay úp lại) tượng trưng cho sự che chở, bảo vệ cất giữ. Cửa vô thì nhiều, cửa ra thì ít, giàu có chắc là đúng rồi. Con trai con gái đều chân chính và phúc hậu. Cuộc đất này ngày càng phát.



12. CUỘC ĐẤT THỨ MƯỜI HAI

Cuộc đất hình bán nguyệt, không thêm một chút sơn thủy nào.

Lời sách chua: “Nhà giàu có, vượng nhất là trưởng nam đã phú quý lại thọ khang, còn con trai út phải phiêu bạt giang hồ.”



Nhận xét: Trong sơ đồ không có vết tích gì để chứng tỏ con trưởng hay con thứ giàu sang hay phiêu bạt. Cuộc đất quá khiêm tốn, ai có liên hệ với nó cũng an nhàn một đời. Từ đó ta biết thêm rằng, nếu cuộc đất này có thêm “tiền hô hậu ứng” thì công danh phú quý không biết đâu mà lường.

13. CUỘC ĐẤT THỨ MƯỜI BA

– Một dãy viễn sơn làm Triều sơn gồm nhiều ngọn, Triều sơn cũng là một dãy núi, hai đầu gồm 2 ngọn núi tròn.

– Một dãy sơn chạy vòng tròn nhấp nhô nhấp nhô để làm Long Hồ và bao bên trong một ngọn núi thấp có dáng như “chó nằm”.

– Một giòng nước bao quanh chú khuyển rồi chảy vào đầm trước mặt.

- Ấn sơn tọa phía trước.
- Ngọn núi nhọn phía sau chú khuyển.

Bài tán viết:

Hình như khuyển ngoạ thiếu phiêu lưu

Kỳ thực quyền gia đặc sở ưu

Nhất tự thánh quân chuyên binh dụng

Quyền sức ư thế thụ công hầu

(Thế núi hình như chó nằm, ngay từ thiếu thời đã phật bạt giang hồ, kỳ thực gia đình y vốn là quyền quý. Khi hấn trưởng thành ắt sẽ được bậc quân vương trọng dụng, chức tước đến công hầu).

Sách còn chưa: "Đất hình khuyển ngoạ có phiêu lưu ít nhiều, nhưng sau được thánh quân giao cho chức quyền. Quyền hành vượt cả vương hầu".

Nhận xét: Đây là cuộc đất kỳ lạ. Tự thân chú khuyển tạo thành một cuộc đất. Núi non chung quanh chỉ là phần ngoại vi, đại địa như một La Thành viên cực. "Khuyển ngoạ" chỉ là tên gọi, có thể gọi ngưu ngoạ, hổ ngoạ, dương ngoạ hay miêu ngoạ cũng không có gì thay đổi. Nếu quả thật có cuộc đất như vậy thì đó là bảo địa, không nơi nào sánh được.

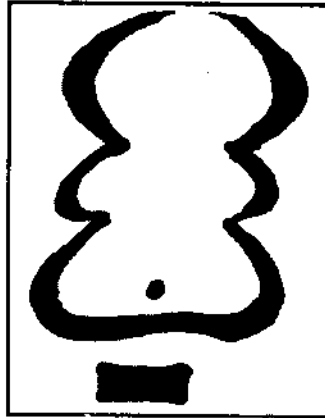


14. CUỘC ĐẤT THỨ MƯỜI BỐN

- Hai bên Long Hồ giống nhau một cách đối xứng.
- Có hậu Chấm.
- Ngoài ra không thêm phần nào khác.

Bài tán:

*Hổ long giao hoán phú gia ông
Bút tiền điền trang nhất thế hùng
Hi kiến quý nam niên cập đệ
Gia trung nữ tử diễn vô cùng
(Long Hồ tương đương, đất phú ông
Hồ Long là bút cũng tay hùng
Vui mừng con út danh đề bằng
Và gái trong nhà vận cũng thông).*



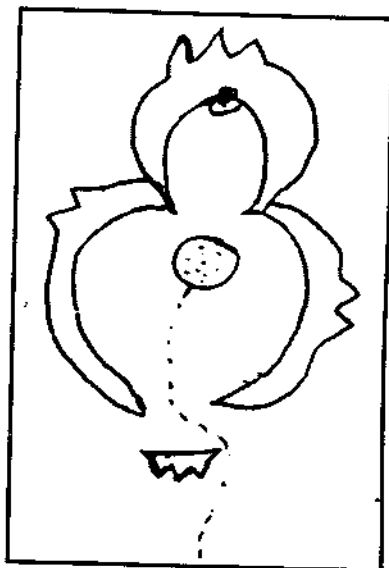
Nhận xét: Cuộc đất Long Hồ tương xứng với nhau chỉ cho con trai con gái đều phát như nhau, vợ chồng tâm đắc, đời ít bị hoạn nạn và có phúc thọ (là nhờ có hậu Chấm bằng phẳng yên ổn). Gia đình cũng có học thức, với thời nay ít nhất cũng là tú tài, không riêng gì cho con út, mà các con nam nữ.

15. CUỘC ĐẤT THỨ MƯỜI LĂM

- Ngọn chủ sơn cong vòng. Trên chủ sơn có thêm chi nhánh.
- Hai bên Long Hồ nổi thêm hai tay Long Hồ về phía trước, toàn bộ giống như chiếc còng.
- Có Án sơn đỉnh nhọn (dạng hòa)
- Có hồ và giòng thủy lưu.

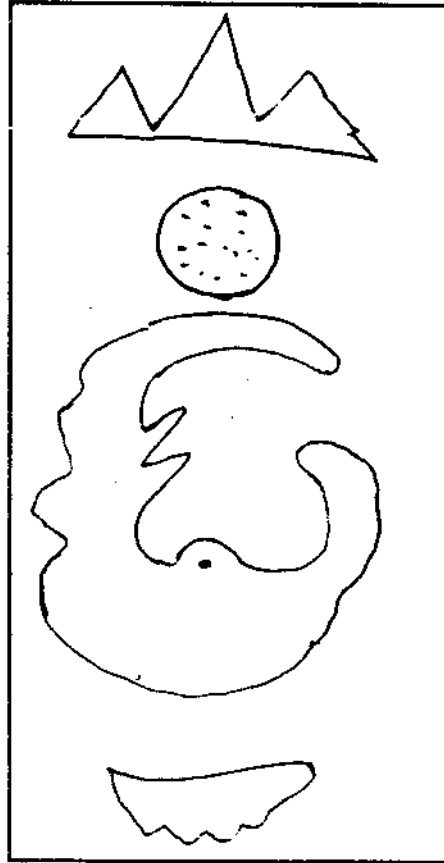
Lời tán viết:

*Hỏa tinh quang chiếu tại sơn tiền
Hạ hữu thâm hồ hoặc đại uyên
Ngọc bằng hồ thân triều tác án
Nhất khoa phụ tử cộng khôi nguyên.
(Hỏa tinh rực chiếu trước sơn môn
Dưới có hồ, sâu nước phủ cồn
Núi bằng ngọc hồ cùng tác án
Cha con đều đỗ tiếng thơm đồn)*



Nhận xét: Cuộc đất tuy đơn giản nhưng có vẻ nhân tạo quá. Thế đất hình gọng kìm, tuy kín đáo, nhưng hai tay Long Hồ đều nhọn đầu. Núi non quanh huyệt có nhiều chóp nhọn (hỏa sơn), hoành phát mà cũng hoành phá. May nhờ có được hồ sâu tiết giảm sát khí của Hỏa. Giòng nước cợ mình vào Ấn sơn, ở đây nên hiểu là nước đến (lai thủy), có vậy cuộc đất mới sinh ra phú quý. Lấy hồ làm kho, lấy nước làm lộc, như thế là rõ nghĩa. Trong bài nói: “Ngọc bằng Hồ thân triều tác Ấn” e không hợp với sơ đồ.

16. CUỘC ĐẤT THỨ MƯỜI SÁU



- Dây núi xa nhọn đầu làm Triều sơn.
 - Hồ lớn.
 - Thanh Long quá cung làm Ân.
 - Rặng núi sau Huyền Vũ làm Triều sơn.
- Sách gọi thế đất này là “Trạng Nguyên Địa”.

Có bài tán:

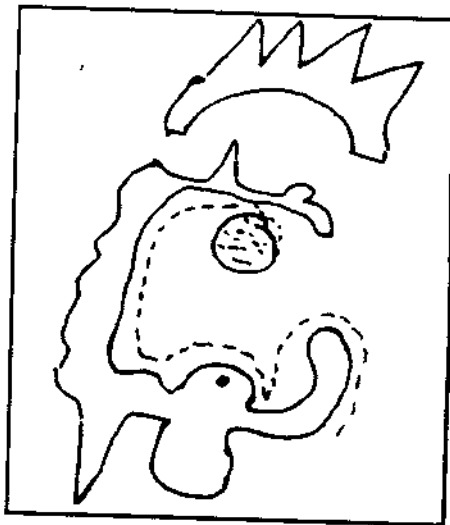
*Mạch thoát kim tinh ngoại quảng nguyên
Tiền đường nguyệt chiếu bút tinh (并) nghiên*

*Danh vi Thái Bạch Kim Ngưu ngoạ
 Thế thế thường sinh ấu trạng nguyên.
 (Núi dáng Kim tinh giữa đất bằng
 Nghiên hồ bút núi ánh vàng trắng
 Gọi là thế núi "Kim Ngưu ngoạ"
 Sớm chiếm khô khoa chốn bút văn)*

Nhận xét: Các bộ phận chủ sơn luôn luôn là hình cong (thuộc Kim), ba ngọn bút sơn và hồ. Hình thế chủ sơn giống như trâu nằm (nhìn từ trước ra sau). Trâu tượng trưng bậc đạt nhân. Đây là cuộc đất tốt, phát triển, văn chương võ nghệ.

17. CUỘC ĐẤT THỨ MƯỜI BẢY

- Tay Long dài hơn tay Hồ, quá cung làm án. Trên Long có bút sơn.
- Triều sơn là những ngọn núi nhọn cũng làm bút sơn.
- Hồ tròn như gương trắng.
- Có giòng thủy lưu trong nội địa và bao bọc Hồ sơn.

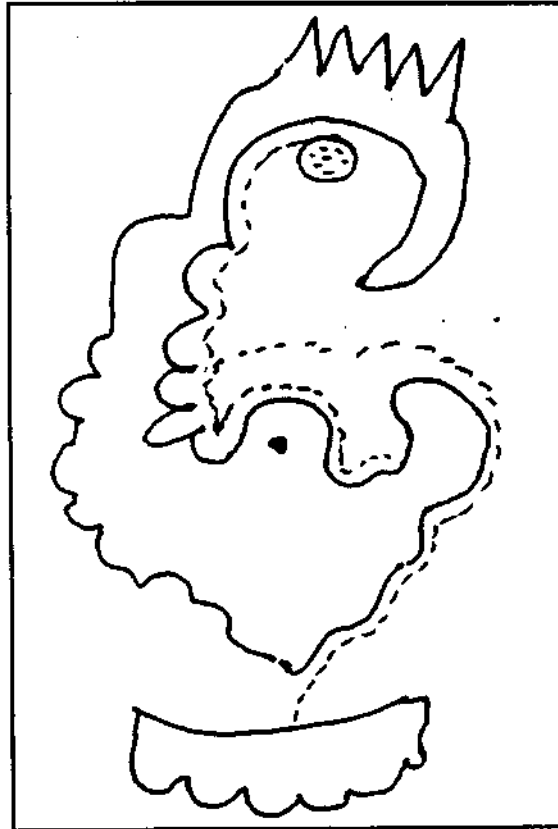


Cuộc đất có tên là: "Lực sĩ khiên kỳ" (Lực sĩ vác cờ). Lời tán có câu:

*Hướng thượng tổ sơn kỳ cổ án
Quân trung bạt thảo tướng cao quyền
(Kỳ cổ làm án đều hướng về tổ sơn
Tướng quân đánh trận giỏi, giữ quyền cao)*

Nhận xét: Khí thế hùng vĩ, sơn thủy hữu tình. Cuộc đất này chấp nhận cả nghề văn nghiệp võ một thời hiển hách.

18. CUỘC ĐẤT THỨ MƯỜI TÁM



- Án sơn tua tủa như đao kiếm.
- Huyền Vũ dày.
- Long Hồ nổi gò cuộn cuộn như đôi tay lực sĩ.

- Dây núi sau Huyền Vũ như nhiều chuông úp.
- Một hồ trước Ấn sơn.
- Giòng thủy lưu từ Triều sơn vòng qua Bạch Hồ, chuyển sang Thanh Long rồi đổ vào hồ.

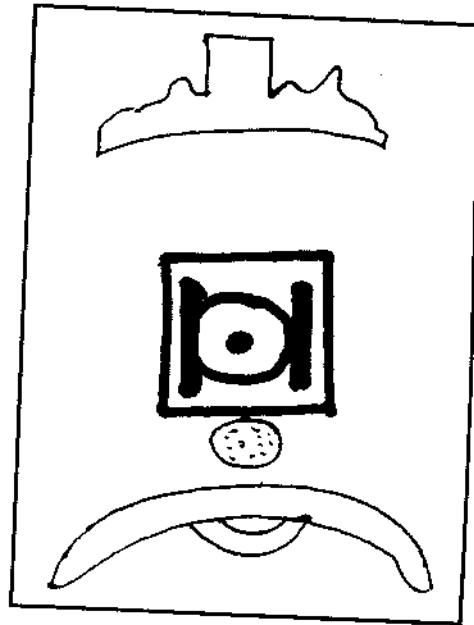
Cuộc đất đó có tên là “Tướng quân lạc mã” (Tướng quân bắt ngựa). Bài tán:

*Kim Tinh hoạt tẩu hạ bình nguyên
Thủ vĩ chấn hình giá ngọc tiên
Đầu hướng tổ sơn kỳ cổ ấn
Tử tôn khanh tướng thị vương tiên
(Giơ roi giục ngựa xuống bình nguyên
Cuộc đất Kim tinh rất thế quyền
Đầu hướng tổ sơn cờ trống ấn
Giúp vua, con cháu bậc tôi hiền)*

Nhận xét: Thế đất nhìn từ trên cao xuống, giống như một người đang trấn phục con ngựa chững. Cuộc đất đầy uy khí bức bách như một kỳ quan dị địa, nếu như có ác thạch thì nơi này là hung địa. Gia đình thất đức không ai cả gan mai táng người thân ở đây. Và cũng cần nói thêm, tất nhiên đây là dị địa rất xa nơi làng xóm dân cư, đời nay rất ít người nữ đem ông bà cha mẹ “xiêu tán” vào một cõi “biệt hữu thiên địa” như vậy!

19. CUỘC ĐẤT THỨ MƯỜI CHÍN

- Giữa Ấn sơn có một đụn vuông (nếu cao thuộc về dạng Mộc, ở đây nó là dạng Thổ), đó làm Ấn sơn, y như tấm bia dựng trên núi.
- Kế đến là một gò vuông mường tượng như mặt ấn.
- Bên trong gò vuông là một gò tròn.
- Tiếp giáp gò tròn và song song với cạnh gò vuông là hai giồng đất.
- Huyệt nằm tại trung tâm.
- Dưới chân gò là hồ nước.



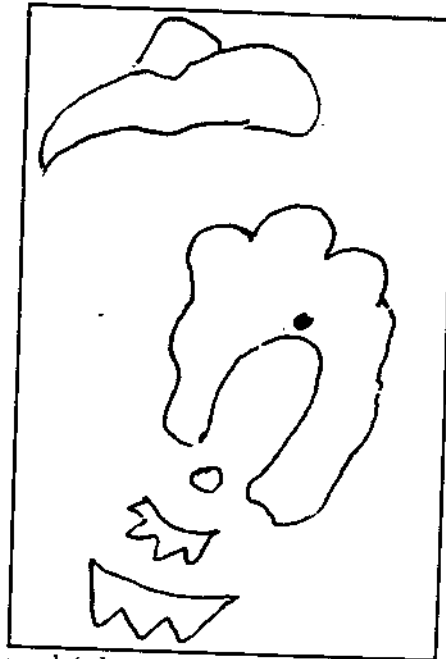
– Kế nữa là dãy núi, giống chân mày, người ta gọi cho sang là “nga mi” (mày của cô gái đẹp).

Cuộc đất đỏ sách vở gọi là “Ngọc nữ châu hình”, và nói rằng, “Cuộc đất này con gái sẽ làm cung phi, hoàng hậu”.

Nhận xét: Cái lạ của cuộc đất là một gò vuông, trong vuông lại có tròn. Hai chữ “Thiên Địa” (hay là Càn Khôn) nằm ngay tại cuộc đất này. Bởi vì Triều sơn là núi nga mi chỉ cho người con gái đẹp cho nên các nhà phong thủy nói rằng, đất này sinh cung phi hoàng hậu, giả sử chung quanh đó có cờ trống binh giáp kiếm cung... thì họ phải đoán là đất sinh ra bậc vua chúa. Những gò đất vuông (đừng quá vuông vức) ở nước ta dường như tỉnh nào cũng có, nhưng trong đó có gò tròn nữa – mà phải của thiên nhiên, thì thật là gay. Và cũng thật khó tìm trên núi nhô ra một tấm bia như vậy.

20. CUỘC ĐẤT THỨ HAI MƯƠI

– Những ngọn núi sau Huyền Vũ là Triều sơn.



- Một Ân sơn chính tròn ví như ngọc châu.
- Hai dãy Ân sơn phụ (có thể là Triều sơn có dạng bút).
- Không có thủy.

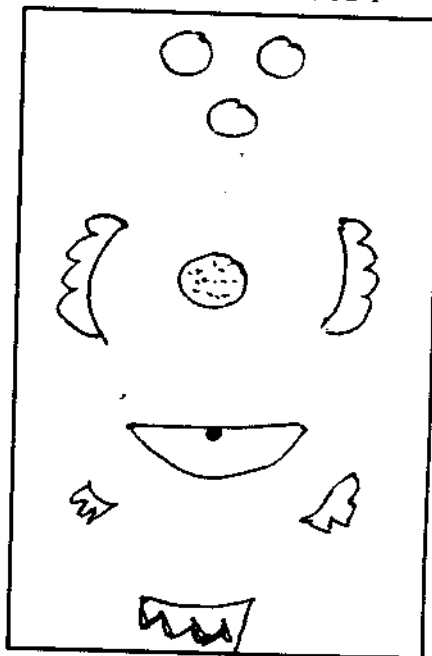
Cuộc đất này sách gọi là “Hải loa thổ châu” (ốc nhả ngọc).
Có bài tán:

*Kim Tinh phúc ngộ tại bình nguyên
Thủ vĩ đề thủy khúc bối viên
Tiên hữu minh châu lai tác án
Cung phi hoàng hậu thị vương tiên
(Kim tinh nằm sắp ở bình nguyên
Bốn phía trông như thể rũ rềm
Trước có ngọc châu làm án đẹp
Vương phi hoàng hậu đã nên duyên)*

Nhận xét: Loài nhuyễn thể như ốc, trai thường hay có ngọc hoặc xa cừ. Cuộc đất ở đây giống hình con ốc tai tượng

(một loại ốc – đúng hơn là một loại sò gồm 2 nắp đối xứng nhau, miệng ốc hình răng cưa, có con mỗi nắp vỏ nặng đến 2 tạ!). Vì gọi là ốc nên ngọn núi nào trước Minh Đường chỉ cần dáng hơi tròn đều “hóa thành châu”. Ân là châu ngọc, Triều là bút sơn, thế núi như màn trướng rèm mảnh che phủ, ắt sinh quý nhân. Vương phi mệnh phụ đều là bậc quý nhân.

21. CUỘC ĐẤT THỦ HAI MƯƠI MỐT



- 3 ngọn núi tròn hình chữ phẩm 品 làm Ân.
- Các núi chung quanh làm Triều.
- Giữa 2 đôi sơn có hồ nước làm tôn vẻ long trọng.
- Chủ sơn là núi hình dạng trăng non.

Đây là cuộc đất phát vương phi, tên gọi là “Sơ nguyệt” (trăng ngày mỏng – trăng non).

Nhận xét: Cuộc đất này dễ gặp nơi bình nguyên, trên thực tế có thay đổi chút ít. Nói rằng đây là đất phát vương phi, không lấy gì làm chắc. Quý nữ ắt phải có trâm thoa xiêm y.

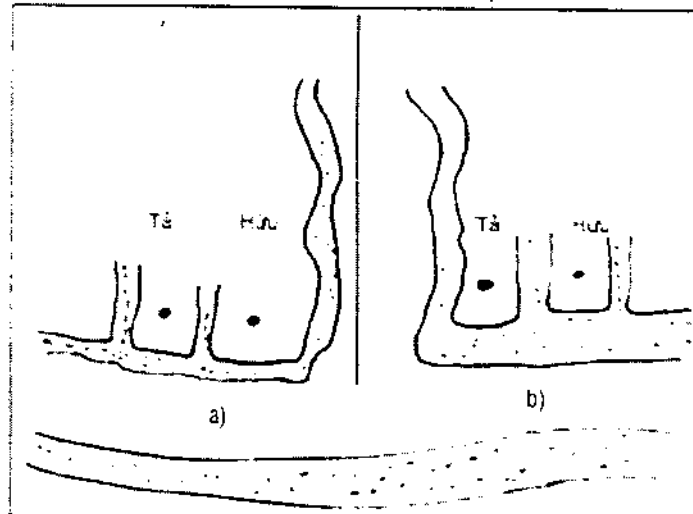
Những ngọn núi cong cong hình kim chỉ vừa tượng trưng cho đôi mây thanh tú. Bọn nam nhân cũng có thể có mi thanh mục tú. Nên nói rộng thêm, đất này cũng có thể sinh ra bọn văn nhân thi sĩ hay con nhà khoa bảng quyền quý. Dù sao đây cũng là quý địa.

22. CUỘC ĐẤT THỨ HAI MƯƠI HAI

Cuộc đất này trích theo “Thủy Long Kinh” của Tướng Đại Hồng (Minh). Theo hình vẽ đất này dễ gặp nơi đồng quê, bình nguyên. Một ngòi nước nhỏ chảy uốn éo, dịu dàng tạo thành hai ngòi nhỏ khác, mưa nắng điều nước không thay đổi bao nhiêu. Thế đất cân đối vuông vức, vậy 2 bên đều có kết huyết.

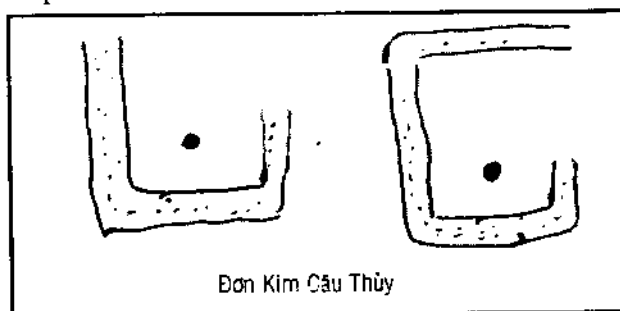
Theo sách, nếu cất nhà (dương trạch) nên chọn khu đất bên trái (vì bên trái là Dương), còn mai táng tất nhiên chọn đất bên phải.

Theo ông Tướng, đây là cuộc đất quý. Cần nói thêm: Tướng Đại Hồng (tên là Bình Giai) là nhân vật rất uyên thâm về phong thủy, được lớp người sau tôn là Đại sư.

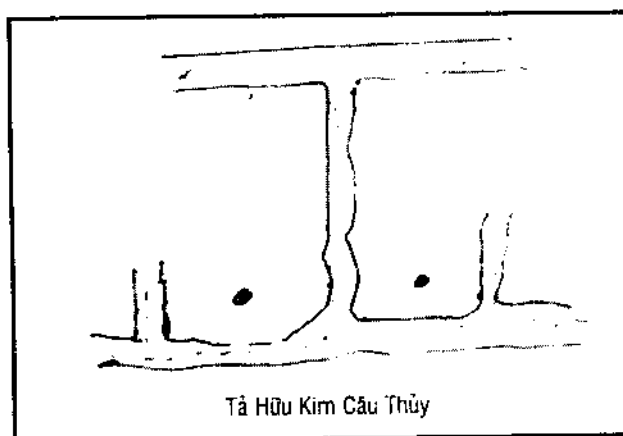


Song Kim Cầu Thủy

- Đơn Kim Câu Thủy tính chất không khác Song Kim Câu Thủy. Ông Tướng nói: “Giòng nước uốn lượn tựa như lưỡi câu vàng, phú quý ở nơi đó”.



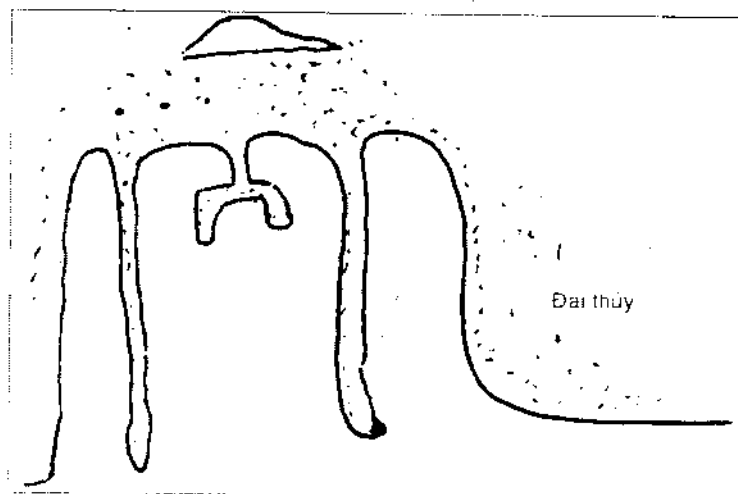
- Nếu ngôi nước chia cuộc đất làm hai bên tả hữu, theo trên, tất nhiên hai bên đều kết huyệt. Nếu dựng nhà thì chọn bên trái, nếu mai táng thì chọn bên phải.



- Từ đó suy ra, một khu vực có nhiều cuộc đất tương tự.
 Những trường hợp này ở bình nguyên rất nhiều. Vậy muốn xác định huyệt khỏi nhầm, trước nhất ta phải xét phương hướng của giòng nước, đồng thời cần phân định giòng chính (lớn), giòng phụ (nhỏ).

23. CUỘC ĐẤT THỦ HẦM BA

Bạn hãy tự xác định huyết của cuộc đất này.



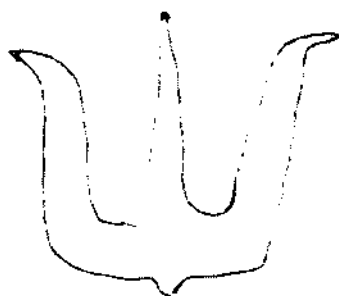
E. NHỮNG CUỘC ĐẤT HUNG

Phàm những cuộc đất hung hầu hết do sự cấu tạo pha cách của địa chất, như có Long không Hồ, có Hồ không Long, cảnh cuộc loi thoi không có núi sông hộ vệ, Huyệt không cao dày, Long Hồ bắn phá nhau, tất nhiên nơi ấy linh khí bị lưu tán. Những cuộc đất ấy dù dựng nhà hay mai táng cũng đều bất lợi. Sau đây chúng ta khảo sát thêm một ít cuộc đất hung nữa để có thêm nhận thức về phong thủy một cách vững chắc.

1. CUỘC ĐẤT THỨ NHẤT: NHẤT HỎA XẠ ĐƯỜNG

Tay Long, tay Hồ đều nhọn và hướng ra ngoài. Giữa lòng Long Hồ có ngọn Hỏa sơn dựng đứng, khí thế hung hiểm, sách nói, cuộc đất như vậy, một số người trong gia đình chết trẻ, còn lại góa bụa nghèo khó.

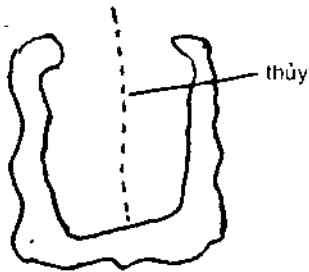
Nhận xét: Long Hồ đều nhọn, cuộc đất này có nhiều sát khí đã đành, lại còn ngọn Hỏa sơn chia hai Minh Đường. Thế là 3 ngọn đều nhọn. Đó chính là chữ “tai” 災 trong “tai nạn”. Long Hồ hướng ngoại, tất nhiên cuộc đất ấy không thể nào tồn tại được phúc khí. Sơn không châu, Thủy không tụ đó là hiện tượng cô cùng, giống như người không có thân nhân bạn bè. Xin lập lại lần nữa: “Sơn không châu, Thủy không tụ, đó là cô cùng”.



2. CUỘC ĐẤT THỨ HAI: NHẤT THỦY PHÁ ĐƯỜNG

Long Hồ tuy không nhọn không quất ra ngoài, nhưng vẫn không có Sơn châu Thủy tụ. Lại thêm một giòng nước bắn xối vào giữa lòng Minh Đường. Sách nói cuộc đất này: “Cháu con chết non, họ hàng tuyệt diệt”.

Nhận xét: Cuộc đất này giống như Tả Ao đã nói: “Huyệt hung Minh Đường bất khai, Sơn tả Thủy xạ hướng ngoài tả”.

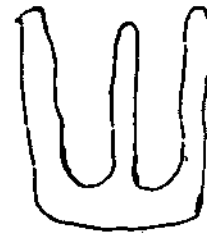


thiên". Nơi đây không có sơn, có
giòng nước tuôn xối xả cắt đôi Minh
Đường. Ngày nay khoa học đã tiến
bộ, không chắc giòng họ tuyệt diệt,
thế nhưng cái hung hiểm của cuộc
đất đó luôn luôn đe dọa, và sẽ có
nhiều việc phiền muộn đưa tới.

3. CUỘC ĐẤT THỨ BA: NHẤT MỘC XUYÊN ĐƯỜNG

Cuộc đất Hồ Long không có gì đặc biệt.
Sơn bất triều Thủy bất tụ. Một ngọn núi hình
Mộc sơn phân đôi Minh Đường. Sách nói:
"Con cháu đều ngu đần, bệnh hoạn, chết non".

Nhận xét: Cuộc đất này như những cuộc
đất khác đều không cất đầu lên được, chẳng
cần phải có Mộc Thổ, Hỏa Thủy... chia cắt
Minh Đường. Riêng về cuộc đất này, nhất
mộc đóng về phía bên nào cũng đều hiểm nghèo.



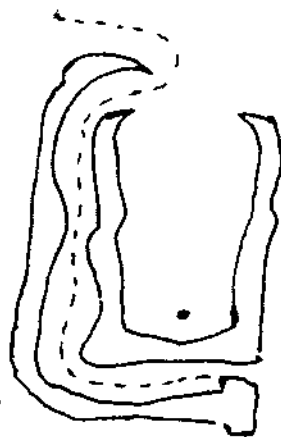
4. CUỘC ĐẤT THỨ TƯ: TRÙNG

LONG

Long Hồ đều nhọn. Thêm một
Long bên ngoài bao lấy Long trong.
Một giòng nước chảy vào giữa hai
Long. Sách nói: "Đàn ông nhiều lần
cưới vợ mới yên".

Nhận xét: Sách tuy không nói
đến chết chóc, nhưng ta ngầm biết
người con trai trong gia đình bị khó
khăn về hôn phối, vẫn là vô phúc.

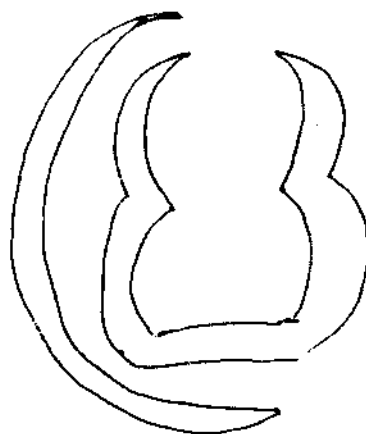
Chuyến cuộc đất này qua bên Hồ
(vẫn có giòng nước chẻ đôi Hồ) thì
người con gái cũng ba bốn lần lập gia đình.



5. CUỘC ĐẤT THỨ NĂM: LOAN CUNG BẢO NGOẠI (VÒNG CUNG ÔM NGOÀI)

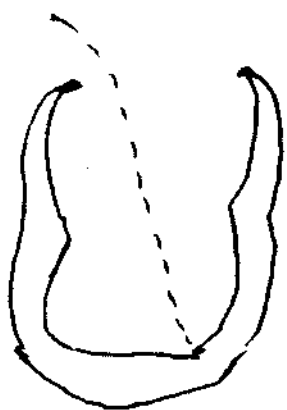
Tương tự như trùng Long, các đầu của Thanh Long Bạch Hồ đều nhọn, vòng cung bên ngoài 2 đầu đều nhọn “chủ sự tha phương cầu thực” (lời sách). Sách còn nói thêm: “Nữ tử vong gia tử ngoại phương” (người con gái đó không nhà chết ngoài đường).

Nhận xét: Với cuộc đất này sách còn nói: “Nếu đuôi Hồ xê lại gần một chút nữa, thì người con gái kia ắt giàu có phúc thọ”. Đuôi Hồ nào? Tức là phần loan cung vòng qua Huyền Vũ hướng về Bạch Hồ. Theo tôi, cuộc đất trở trụi thế này dù đuôi Hồ kéo lên tận mũi nhọn của Bạch Hồ cũng không chuyển được cuộc địa.



6. CUỘC ĐẤT THỨ SÁU: THỦY XUYÊN BẠCH HỒ

Long Hồ đều nhọn. Giòng nước chảy qua Minh Đường rồi thọc thẳng vào nách Hồ. Lời sách: “Thủy xuyên Bạch Hồ, con gái dâm phong, may ra có người con trai giàu có mới rửa được cái nhục cho nhà, nhưng sau đó phải mù mắt”.

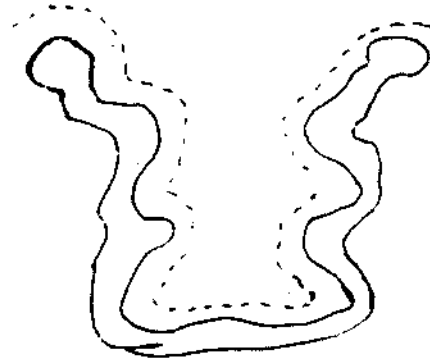


Nhận xét: Giòng nước đâm thẳng vào Bạch Hồ đó là ác Thủy, dù Long Hồ có cân phân cũng vô ích. Những chuyện như lời sách đã nói chưa biết như thế nào, vì không có gì để chứng minh đúng hay sai. Có một điều chắc chắn rằng cuộc đất đó là hung địa.

7. CUỘC ĐẤT THỬ BẢY: LONG PHI HỔ KHỬ

Hai tay Long Hồ đang ra ngoài tựa hình muốn bay ra khỏi địa phận. Lời sách: “Con trai cũng theo Long Hồ bay đi khỏi quê nhà, suốt đời cơ cực. Con cháu cũng tiếp tục xin ăn”.

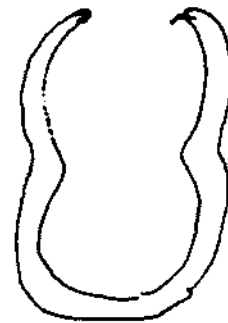
Nhận xét: Cho đến giòng nước cũng dọc theo Long Hồ mà bay biến đi nơi khác. Giòng nước kiểu này nhiều nhà phong thủy dễ lầm. Thủy đây không phải là thủy tụ, hay bàn hoàn chín khúc, chỉ là loại Thủy dựa vào Long Hồ để “do thám” Minh Đường rồi đi biệt tâm biệt tích như một tên đạo chích.



8. CUỘC ĐẤT THỬ TÁM: PHÚC CHUÔNG (HAI BÀN TAY ÁP VÀO NHAU)

Trước đây trong “D – Cuộc đất thử mười một”, cũng có một lần với hai bàn tay úp nhau (xin xem lại phần này), nhưng ở đó có một vài ngọn núi làm vốn liếng, còn ở đây thì trơn trợt. Lời sách: “Bàn tay úp chỉ bệnh tật. Nam nữ đều cơ hàn”.

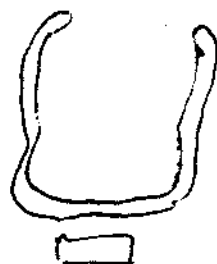
Nhận xét: Phúc chuông chưa hẳn đã xấu, nhưng do thiếu Sơn châu Thủy tụ, thì cái gì mà chẳng tuột luột kể cả tính mệnh?!



9. CUỘC ĐẤT THỬ CHÍN: THẦN MIẾU TIỀN TRẠCH (MIẾU THẦN TRƯỚC MINH ĐƯỜNG)

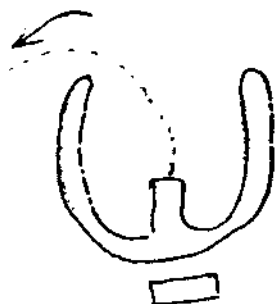
Trước mộ hay trước nhà có miếu thần là đại hung. Lời sách: “Người trong nhà bị nhiều chứng dị tật, cảm điếc điên loạn, mù, liệt...”

Nhận xét: Việc ấy đúng hay không, không thể biết, riêng tôi tin là... có! Vì đã hai lần chứng kiến tận mắt. Cần nói thêm, không cần thiết miếu và Minh Đường đối môn với nhau, Huyền Vũ của phần mộ (hay nhà) nằm trước miếu thần cũng là đại hung rồi. Vì nơi nào có miếu, đều nơi đó tâm tối, âm khí dày đặc, dương khí tức sinh khí tản mát.



10. CUỘC ĐẤT THỨ MƯỜI: MINH ĐƯỜNG ĐẦU TẢ

Một cuộc đất mà nước từ Minh Đường thoát đi gọi là “đầu tả” đó là hung địa. Lời sách: “Nhà sẽ bị mất của chết người côi cút góa bụa”.

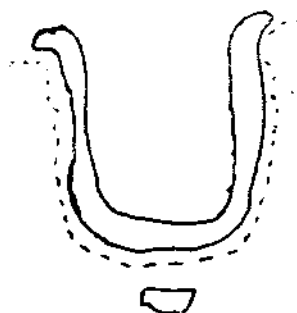


Nhận xét: Đáng lý Minh Đường là nơi nhận được nước, ở đây Minh Đường là nơi rót nước đi, thì cũng phải tự hỏi, nước ở đâu có sẵn trong Minh Đường? Đó là nước ở bên ngoài thâm nhập qua tay Long hay tay Hổ, hay dưới đó có mạch ngầm. Dù sao thứ nước đầu tả đã

mang đi sinh khí của cuộc đất.

CUỘC ĐẤT THỨ MƯỜI MỘT: LƯƠNG THỦY TỀ PHI

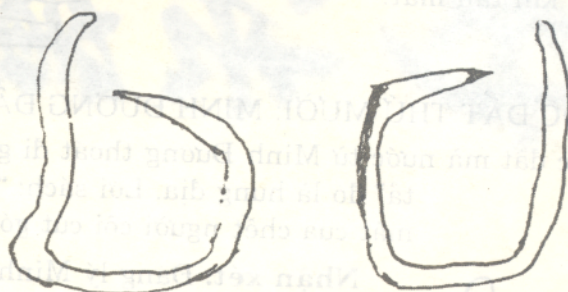
Nước bao vòng ngoài sát chân Thanh Long Bạch Hổ đây không có dạng “nước lưu Huyền Vũ đôi đào kim ngân” vì Long Hổ như hai cánh cò vỗ cánh bay cao, nước nương theo đó mà bay! Cuộc đất ngoài Chấm sơn ra thì không còn gì để hộ tống. Lời sách: “Kỳ gia trưởng nữ tẩu bồi hồi, cấp tốc phiêu lưu bại tất thôi” (con gái lớn nhà đó



đi... giang hồ và suy bại).

Nhận xét: Vẫn là cuộc đất tro tro, thủy lưu ở trong Minh Đường hay bên ngoài Long Hồ đều là bại thủy. Cái thắc mắc ở đây tại sao không nói trường nam mà lại nói trường nữ? Bạch hồ thủy có khác gì Thanh Long thủy? Và Long Hồ cân phân với nhau đâu có bên nào nặng nhẹ? Ta có thể nói tóm, với cuộc đất tro tro thì mọi người trong gia đình đều bất lợi.

11. CUỘC ĐẤT THỨ MƯỜI HAI: LONG HỒ TƯƠNG XA



Có khi có cuộc đất Thanh Long xạ vào Bạch Hồ, cũng có cuộc đất Bạch Hồ xạ vào Thanh Long. Gọi chung cho hai trường hợp là Long xạ Hồ và Hồ xạ Long.

Nếu Long xạ Hồ, thì người con gái trong gia đình bị nhiều tai nạn oan khiên.

Còn nếu Hồ xạ Long, thì con trai trong gia đình cũng bị tai nạn liên miên vậy.

Nhận xét: Hai thế xạ này rất nguy hiểm. Cuộc đất dù có Long châu Hồ phục chẳng nữa gặp cảnh xạ này cũng phải bỏ cuộc.

Tất cả những điều trên đây nếu suy xét thật thấu đáo thì thấy đây chính là hiện tượng. Hiện tượng đã báo sẵn như vậy thì ta nên phân tích thật tỉ mỉ rồi hãy khởi sự, có vậy lòng khỏi ám ảnh triu nặng.

CHƯƠNG HAI

SÔNG NÚI VIỆT NAM

ĐỊA LÝ THIÊN NHIÊN

Nước ta có một bề dày lịch sử đáng được chiêm ngưỡng. Bên cạnh một đế quốc vĩ đại luôn luôn có ý thôn tính, đồng hóa hoặc tiêu diệt, chúng ta vẫn tồn tại một cách phi thường tất phải có nguyên nhân xác đáng của nó. Nguyễn Trãi trong “Bình Ngô Đại Cáo” có nói: *“Duy ngã Đại Việt chi quốc, thực vi văn hiến chi bang. Sơn xuyên chi phong vực ký thù, Nam Bắc chi phong tục diệc dị. Tự Triệu, Đinh, Lý, Trần chi triều tạo ngã quốc, dũ Hán, Đường, Tống, Nguyên nhi các đế nhất phương. Tuy cường nhược thì hữu bất đồng, nhi hào kiệt thế vi thường pháp”*... (Như nước Việt ta từ trước vốn xưng văn hiến đã lâu. Sơn hà phong vực đã chia, phong tục Bắc Nam cũng khác. Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần gây nên độc lập; cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên hùng cứ một phương. Dầu cường nhược có lúc khác nhau, song hào kiệt đời nào cũng có...). Lời của Nguyễn Ước Trai trên đây chỉ là lời xác định lại một hệ quả tất nhiên. Sự tồn tại của dân tộc Việt là một sự kết hợp những kỳ đặc của dân tộc rất tế nhị. Tâm hồn và ngoại cảnh vốn là một khối đã hòa quyện vào nhau. Hàng triệu tấm lòng và hàng vạn xóm làng đời này qua đời khác đã kết thành những bức tường kiên cố. Núi sông là “màn” là “cảnh”, con người là “diễn viên”, lịch sử trong một giai đoạn nào đó là bối cảnh, là cốt truyện. Sự tương quan mật thiết ấy nào phải riêng cho chúng ta, mà cho mọi quốc gia. Đó chính là khí thiêng sông núi. Màn cảnh là hình thức, tâm hồn là nội dung. Hình thức là sự thể hiện của nội dung.

Trong sự lâu dài của vạn đại, cuộc sống con người đã thành nếp sinh hoạt cá biệt theo đặc tính của từng dân tộc. Phong thủy là một nghệ thuật nghiên cứu về sông núi qua một nếp tư duy khác, đó là cách nhìn từng bộ phận dù lớn dù nhỏ của sông núi đều như có thần... khi một địa cuộc hữu thần và hữu tình thì nơi đó đã từng xảy ra – hoặc sắp xảy ra, những điều hạnh ngộ. Nơi mà địa cuộc khô khan lở lói nghiêng lệch, vô tình... nơi đó chắc chắn phải xảy ra những điều không ưng ý. Và như vậy chúng ta có cơ sở nhìn về sông núi Việt Nam qua nhãn quan phong thủy.

VÀI NÉT VỀ ĐỊA LÝ THIÊN NHIÊN NƯỚC VIỆT NAM

Việt Nam là nước cực Đông Nam Á trên bán đảo Đông Dương, vị trí 8°30' đến 23°23' vĩ bắc và 104° đến 111° kinh đông với diện tích 330 ngàn cây số vuông. Việt Nam được xem là vị trí thuận lợi trong giao thông kinh tế và chiến lược là “Bao lơn trông ra Thái Bình dương” (Balcon du Pacifique). Việt Nam còn là nơi “dừng chân” của thập vạn đại sơn của Nam Trung Quốc. Trong phong thủy đã ấn định: “Những Long huyết bao giờ cũng ở những nơi sơn đình thủy tụ” (sơn đình thủy tụ = núi dừng và nước tụ). Vì thế miền Bắc nước ta có rất nhiều quý huyết.

Chu vi nước Việt Nam khoảng 6.400 km. Nơi nào cũng có quý địa, phúc địa. Vì sao? Vì từ Móng Cái đến Lạng Sơn, ta và Trung Quốc giao thông buôn bán với nhau ở biên giới đã hàng ngàn năm nay. Ngoài ra, sông Hồng là cửa khẩu của Vân Nam và Quý Châu. Từ giữa thế kỷ 19, người Pháp từng lợi dụng sông Hồng để buôn bán với người Tàu, rồi đến thập niên 40 của thế kỷ 20 đến lượt người Nhật cũng vậy. Dọc theo biên giới phía Tây và phía Tây Nam, chính là bộ hồ hấp của Lào và Miên. Còn bờ biển nước ta dài đến 3200 cây số, cứ trung bình 20 cây số là một cửa sông. Trong tương lai, những cửa sông chưa được mở mang, sẽ lần lượt được cải tạo thành những cửa khẩu hữu dụng. Việc này quyết định một phần rất lớn sự phồn vinh của nước ta trong mai hậu.

Trên thế giới, đỉnh cao nhất là Everest (cao 8886m) và vực

sâu nhất là Mindanao (10.800m), đường nối hai điểm này sẽ bằng ngang qua Hà Nội (cách mỗi nơi là 2.800 km). Ta cần phải để ý thêm, đảo Hải Nam (Trung Quốc) rộng 30.000 cây số vuông án ngữ vịnh Bắc Việt, đó là tiền án lớn nhất của nước ta, có rất nhiều nhiệm vụ như chắn gió bão, nuôi dưỡng hải sản và “bảo lưu” mọi giống cá Biển Đông về với vịnh Bắc Việt. Nguồn thủy sản ở đây thật bất tận. Còn nguồn thủy sản ở miền Nam nước ta cũng dồi dào không kém nhất là từ Bình Thuận vào đến Hà Tiên, mỗi năm đánh bắt được hàng triệu tấn cá các loại.

Công dụng của đảo Hải Nam là vậy, còn của Biển Hồ (Campuchia) thì sao? Sông Mekong thông với Biển Hồ qua sông Tonlé Sap, nhờ nó mà vùng đồng bằng Cửu Long giảm rất nhiều về lũ lụt. Biển Hồ là “hậu cần” rất lớn về ngành đánh bắt cá nước ngọt của nước ta. Cá từ Biển Hồ theo 2 nhánh sông Tiền sông Hậu mà tràn xuống hạ lưu. Ta còn lưu ý một điều, Huế là vùng tâm điểm của Hải Nam và Biển Hồ! .

Các nước Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia và Việt Nam đều gọi Mekong là “sông mẹ”, riêng về Phong Thủy, Mekong là Thái Tổ Giang. Cuối cùng, Mekong định trên hai giong sông Tiền và sông Hậu, để rồi phân thân thành chín cửa biển. Nên có thể nói, Mekong đã tụ trên đồng bằng Cửu Long. Sơn đình và Thủy tụ chính là nơi phát huyệt, đó là công thức chính của phong thủy. Trên máy bay nhìn xuống, chín nhánh sông này chẳng khác gì chín con Rồng uốn khúc, vừa hùng vĩ vừa nên thơ.

Theo các nhà phong thủy, Nhị Hà và Cửu Long là hai “Thái Tổ giang”. Nơi phát xuất Nhị Hà là tỉnh Tứ Xuyên, toàn bộ sông dài gần 2000km, trên địa phận nước ta, Nhị Hà dài gần 500km, sông Mekong phát xuất từ Tây Tạng, trườn mình qua không biết bao nhiêu ghềnh thác, chẳng hạn ở thác Rhône cao 18m... Nơi phát xuất của hai sông này vẫn gọi là Long khởi tổ. Mỗi năm hai sông đó cung cấp cho hai đồng bằng Bắc và Nam hàng triệu mét khối phù sa màu mỡ. Rõ ràng, đất vẫn là đất cù, nhưng chất đất luôn luôn mới, cây cối luôn luôn xanh màu, đó là hai động mạch chủ của nước ta.

Cũng xin nhắc lại, Miền Bắc, ngoài sông Hồng ra còn có các

sông quan trọng khác đó là sông Đà khởi từ Tây Nam tỉnh Vân Nam Trung Quốc chảy qua Sơn La, chảy về Hoà Bình, qua kho hồ Hoà Bình, uốn mình chảy ngược lên hướng Bắc ngót trăm cây số, hòa nhập với sông Hồng tại Hưng Hóa, rồi chảy qua Ngã Ba Hạc hòa mình với sông Lô, xuôi về Hà Nội. Ngoài ra còn các sông nổi tiếng khác như sông Chảy, sông Gầm (Nộ giang), sông Lô, sông Thương, sông Lục Nam, sông Đuống, sông Luộc và sông Thái Bình. Những sông này đã tạo thành vùng châu thổ Bắc bộ rộng hơn 15 ngàn cây số vuông và tạo thành mạng lưới giao thông thủy lộ quan trọng.

Trong khi đó đồng bằng miền Nam có nhiều điểm mà ta cần chú ý, đó là một đồng bằng thấp, có nhiều vùng ngập mặn, mỗi năm – kể từ thập niên 70 (của thế kỷ 20) về trước – mùa nước ròng chỉ chừng một tháng, hoặc hơn một tháng, nhưng từ thập niên 90 lại đây (và về sau), đồng bằng này thường hay sinh ra nạn lũ lụt. Đầu thế kỷ 19 vua Gia Long đã có dụ “khai cấu phá úng” Kinh Vĩnh Tế dài ngót trăm cây số. Tuy là con kênh chiến lược, nhưng cũng chia bớt sức nước ở sông Tân Châu (thượng nguồn của sông Hậu). Từ đó về sau, thỉnh thoảng lại đào thêm nhiều kênh lạch khác. Việc “dầu biển” này, dưới con mắt của nhà phong thủy có thể là “thủy long trực phá”, giòng nước xối thẳng đến sẽ gây nhiều thiệt hại.



Ảnh 18 (NNP): Một đoạn kênh Vĩnh Tế. Kênh này bắt đầu đào vào năm 1818, do Thoại Ngọc Hầu chỉ huy và hoàn thành năm 1823.

Núi non và sông ngòi của nước ta, phần trên đã nói qua, giờ xin nhắc thêm vài nét đặc biệt khác. Phía Bắc và Đông – Bắc Bắc Việt, tức là tả ngạn sông Hồng, các rặng núi uốn theo hình cánh cung lòng ngựa về hướng Tây Bắc, mặt lồi quay về hướng Đông – Đông Nam, một cánh đồng qui về phía Hà Nội – Tam Đảo. Đó là các sơn hệ thuộc sông Gầm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều. Càng tiến về phía Bắc núi càng cao (từ 2000 mét trở lên). Các vùng thuộc Yên Bái, Tuyên Quang, Phú Thọ, Thái Nguyên... chạy về hướng Đông và Đông Nam đến sát biển, núi thoải thoải và thấp dần cuối cùng độ cao chỉ còn một đôi mét so với mặt biển. Và nói theo ngôn ngữ của phong thủy, dư khí của nó nhập vào biển và bắt đầu nổi lên khỏi mặt nước gần 2000 đảo lớn nhỏ, trong vịnh Hạ Long, dường tượng như những “trứng Rồng” nằm ngổn ngang trong biển xanh. Các rặng núi phía hữu ngạn sông Hồng cũng nhắm hướng Hà Nội, mà đồng qui. Vậy có thể kết luận: “Thăng Long là tâm đồng qui của các núi, Hạ Long là nơi tập hợp các đảo”. Thăng Long là “thánh địa” của lịch sử nước ta, và Hạ Long là thánh địa của



Ảnh 19: Một đoạn sông Sérépok: nước đang cuốn cuộn đổ về hướng Bắc (NNP).

kỳ quan. Trên khắp lãnh thổ nước ta chỉ có hai đoạn sông đáng chú ý nhất đó là sông Đà ở Bắc bộ và sông Sérépok ở Trung Nguyên. Từ hồ thủy điện Hòa Bình, sông Đà uốn mình chảy ngược về hướng 360° (hướng chính Bắc) đến Ngã Ba Hạc gần trăm cây số, để rồi cùng với các sông kia hòa thành một dòng chảy về Hà Nội.

Còn sông Sérépok phát nguyên từ cao nguyên Lâm Viên chảy ngược lên Ban Mê Thuột, qua Buôn Đôn vẫn theo hướng Nam Bắc, dài trên 150 km, rồi thông thả chảy vào địa phận Campuchia, hòa mình vào sông Mêkông. Tất nhiên những trường hợp đặc biệt ấy, phong thủy có một cách nhìn khác.

CHÚ THÍCH

(1) Trong "Cao Biền Tấu Thư Địa Lý Kiều Tự" do Cao Biền viết trong thời gian làm Giao Châu Thứ Sử (864-874) có nói "Đất Giao Châu có 632 huyện chính và 1517 huyện bàng, xin thống kê ra đây:

Hà Đông	81 huyện chính	246 huyện bàng
Sơn Tây	36	85
Vinh Yên		
Phúc Yên	65	135
Phủ Thọ		
Hải dương		
Hưng Yên	183	483
Kiến An		
Gia Lâm		
Bắc Ninh		
Đáp Cầu	134	223
Bắc Giang		
Lạng Sơn		
Hà Nam		
Nam Định		
Thái Bình	133	325
Ninh Bình		

Quyển Tấu Thư ghi rõ địa danh từng tổng, châu, huyện phủ... Tài liệu này có thật chăng nữa, hôm nay cũng không còn giá trị gì về tính chất phong thủy. Hơn 1100 năm trôi qua, biết bao vật đổi sao dời.

(2) Sông Tiền và sông Hậu của ta chính là hai lỗ mũi của Campuchia, đó 2 nhánh chẻ của Mekong. Các cửa khẩu của nhiều tỉnh ở miền Trung và Tây nguyên là nơi lưu thông bằng đường bộ của Lào và Campuchia về đông rất thuận tiện.

(3) Địa thế của nước ta lúc nào cũng có khuynh hướng phía Tây cao phía Đông thấp, phía Bắc cao phía Nam thấp, Tây bắc cao đông Nam thấp. Ở Bắc, phía tả ngạn sông Hồng thì Đông Bắc cao, Tây Nam thấp. Đó là cách cấu tạo đặc biệt, về địa chất ở nước ta. Vùng Hòa Bình, và vùng Ban Mê Thuột, thì có phần đặc biệt, cứ nhìn các giòng sông chảy ngược thì đủ hiểu. Ở Trung Quốc, các ông vua Triều Tống có một "mê tín" đặt biệt là mộ của ông ấy phải chôn trên một cuộc đất phía Nam cao, phía Bắc thấp! Địa thế của Trung Quốc cũng khó tìm ra một cuộc đất như vậy trừ huyện Củng của Hà Nam. Lăng mộ của 7 ông vua triều Bắc Tống nằm trên phần đất này.

B. NHỮNG CUỘC ĐẤT LỚN

I. HÀ NỘI

Hà Nội nằm giữa vùng bình nguyên bát ngát của Bắc bộ, chung quanh vùng bình nguyên ấy – trừ mặt Đông giáp biển, là đồi núi và cao nguyên, liên thông với hệ cao nguyên Vân Quý và Quảng Tây, nó được hình dung như một chiếc ngai, ba mặt Bắc, Tây, Nam là thành ngai phủ gấm, mặt Đông và Đông Nam thoáng thị.

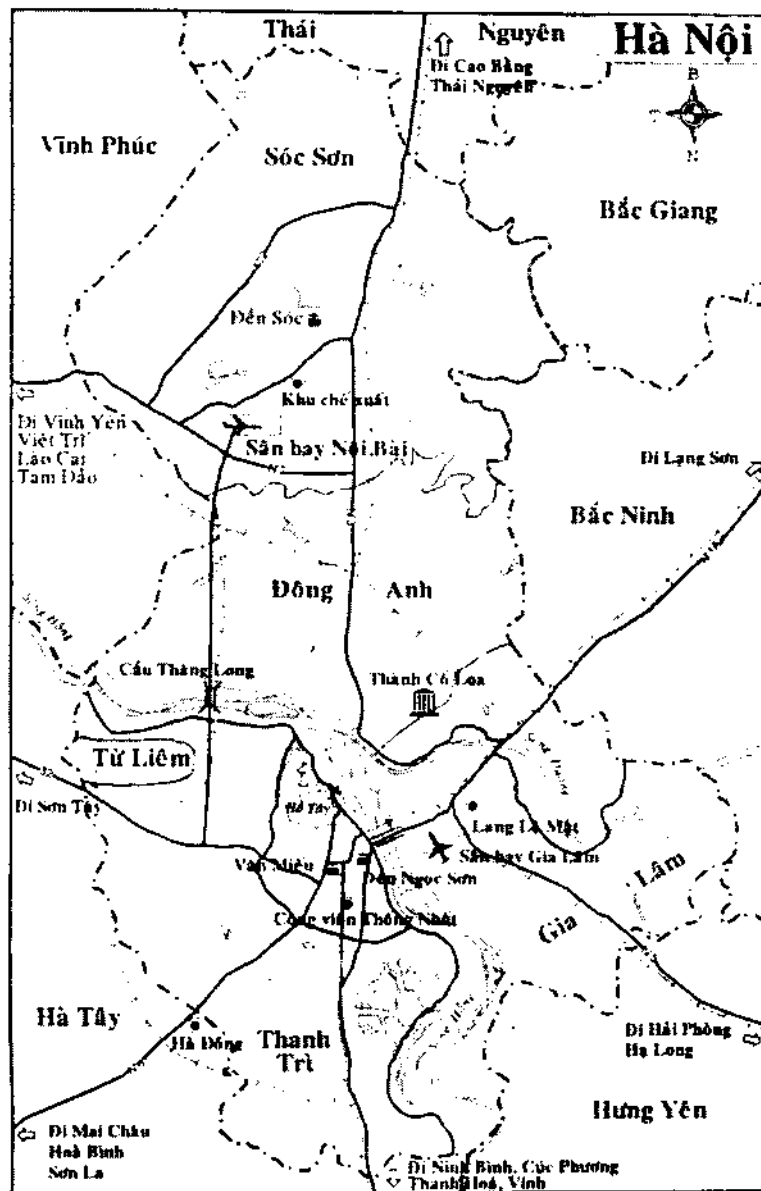
Từ Hà Nội noi theo hướng sông Hồng thì đảo Hải Nam là Án sơn cho một đại Quý Địa, còn Châm sơn là suốt vùng cao nguyên Tây Bắc liên đến Vân Quý (Vân Nam – Quý Châu Trung Quốc). Trông ngang theo hướng vĩ tuyến, mặt Đông là một “Ô trứng rồng” ngổn ngang trong Vịnh Hạ Long; trông phía Tây qua đất Lào đó là vùng đất của “Vạn con voi”, thì đất Thăng Long có khí tượng lắm vậy.

Hà Nội ngày nay, vẫn trên nền đất cũ, vì điều kiện lịch sử, Hà Nội hôm nay được mở rộng gấp nhiều lần so với cố đô Thăng Long nằm giữa 2 vĩ độ Bắc $20^{\circ}25'$ và $21^{\circ}23'$ (do đó ta biết khoảng cách giữa 2 cực Nam– Bắc Hà Nội là 110 km) và nằm giữa 2 kinh độ Đông $105^{\circ}15'$ và $106^{\circ}03'$.

Con sông nổi danh nhất Việt Nam là sông Hồng chảy xuyên qua Hà Nội theo chiều Tây Bắc – Đông Nam, mang nặng phù sa màu đỏ gạch. Từ đời nhà Lý trở về sau, sông Hồng đã cuốn trôi không biết bao nhiêu xác quân thù: quân Tống, quân Nguyên, quân Minh, quân Thanh và quân Pháp. Người Hà Nội trầm mặc như điệu nước sông Hồng, nhưng khi giòng sông ấy phẫn nộ thì khó có gì ngăn chặn được.

Kinh đô Thăng Long trước đây chỉ nằm bên hữu ngạn sông Hồng. Tham dự với sông Hồng vào cố đô này còn có Tô Lịch và Kim Ngưu.

Hà Nội ngày nay được mở rộng nên nhận thêm mấy con sông mà trước đây chúng vốn chảy quanh ngoại ô:



Bản đồ trích trong Non Nước Việt Nam (của Tổng Cục Du Lịch)

– Phía Bắc có sông Cà Lồ làm ranh giới giữa hai huyện ngoại thành Sóc Sơn và Đông Anh.

– Sông Công là một trong hai nhánh của Cà Lồ làm ranh giới giữa Sóc Sơn và Thái Nguyên.

– Ngũ Hương Khê phát sinh từ gốc sông Đuống trong huyện Đông Anh chạy qua Bắc Ninh trong 5 huyện ngoại thành Hà Nội) đến thị xã Hà Đông rồi xuôi về Nam.

– Sông Đuống là nhánh sông lớn của sông Hồng có một đoạn là ranh giới giữa hai huyện ngoại thành Đông Anh và Gia Lâm, trên tổng thể, nó chảy theo hướng Tây Đông băng qua Bắc Ninh đổ vào sông Thái Bình.

– Sông Thiếp phát xuất từ đầu Vân Tri (thuộc huyện Đông Anh) chảy đến Cổ Loa, sang đất Bắc Ninh nó chảy vào Ngũ Hương Khê.

Với những hồ nổi tiếng:

– Hồ Sóc Sơn nằm trước đền Sóc Sơn thuộc huyện Sóc Sơn, đó là hồ trung tâm huyện, nước trong sạch, nhiều cá, diện tích ước chừng 100ha, đó là nguồn nước làm tươi mát cả một vùng.

– Đầm Vân Tri thuộc huyện Đông Anh, đầm này có nhiều nhánh, giống như sừng nai, là nguồn tài nguyên cần thiết cho một nửa huyện này.

– Hồ Tây nằm trong nội thành Hà Nội, thuộc quận Tây Hồ, đó là hồ lớn nhất của thủ đô, diện tích ước chừng 5 km². Hình dạng Hồ Tây trong giống như bao tử. Theo sử, trước 1514 Hồ Tây và Hồ Trúc Bạch vốn liền nhau là một hồ, nhưng đến đời bạo chúa Lê Tương Dực, vua sai người đắp đất ngăn Hồ Tây làm đôi, con đường ngăn đó, bây giờ chính là đường “Thanh Niên” (tên cũ là đường Cổ Ngư). Hồ nhỏ được ngăn ở phía Đông – Nam gọi là Hồ Trúc Bạch. Trúc Bạch là tên của một thứ lụa do các cung nữ ở phủ chúa cung vua bị phạm lỗi đày ra hồ này để dệt lụa, nhân đó mà gọi tên.

Trong hồ Tây về phía Nam có chùa Trấn Quốc, là ngôi chùa cổ nhất Việt Nam, được khởi công từ năm 541 trên một hòn đảo nhỏ ở hồ, ở cuối đường Thanh Niên đi lại thì gặp.

– Hồ Hoàn Kiếm nằm trong quận Hoàn Kiếm. Hồ này rất nổi tiếng trong lịch sử. Trải các triều Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, hồ Hoàn Kiếm đã có những lễ hội đua thuyền, hội hoa đăng để mừng đất nước thanh bình. Hồ này là một thắng cảnh vào bậc nhất của nước ta.

Trong hồ có Tháp Rùa ghi dấu sự tích vua Lê Thái Tổ trả kiếm lại cho Thần Kim Qui.

Trong hồ Hoàn Kiếm còn có đền Ngọc Sơn được xây dựng vào thế kỷ 19, trong đền thờ Văn Xương Tinh Quân là vị Sao chủ về văn chương. Hạ bán thế kỷ 19, nhà đại bút Nguyễn Văn Siêu (hiệu là Phương Đình, hân danh là Thần Siêu) cho xây, ở trước đền về mé Tây một Tháp Bút, tự tay ông viết ba chữ: “Tả Thanh Thiên”, nghĩa là viết lên trời xanh – Thời chiến là Gươm, thời bình là Bút. “Tả Thanh Thiên” có một phong thái ngang tàng đâu kém gì những đường gươm địch khái! Bút tháp



Ảnh thứ 20: Hồ Tây nhìn từ bến nước chùa Thiên Niên (Ảnh của BS Lê Quang Đông)

đặt tại Cố Đô (đối với triều Tự Đức, Thăng Long là Cố Đô) và ngay tại Hồ Gươm để nói lên tâm hồn dân tộc thanh cao trang nhã và khẳng khái

Ngoài ra, Hà Nội còn có các hồ rất nổi tiếng khác như Hồ Thủ Lệ (Q. Ba Đình), Hồ Ngọc Khánh (BD), Hồ Giảng Võ (BD), Hồ Thanh Công (BD), Hồ Đống Đa (Q. Đống Đa), Hồ Xã Đàn (ĐĐ), Hồ Huy Văn (ĐĐ), Hồ Giám (ĐĐ), Hồ Văn Chương (ĐĐ), Hồ Kim Liên, Hồ Thiền Quang (Q. Hai Bà Trưng), Hồ Bảy Mẫu (HBT), Hồ Thanh Nhàn (HBT), Đầm Khuông Đình (huyện Thanh Xuân)...

Ở nội thành, Hà Nội có những núi như núi Voi, núi Khán, núi Nùng, núi Sưa. Các núi này đã thành... cổ tích. Ở ngoại thành còn được các núi như Sóc Sơn, Ba Tượng, Chân Chim, nhưng không được nguyên vẹn như trước.



Ảnh 21: Hồ Hoàn Kiếm (NNP)

BÀI ĐỌC THÊM

ĐỊA LÝ KIỂU TỰ

Cao Biền

(Trích một đoạn trong Địa Lý Kiểu Tự, viết về tỉnh Hà Đông. Những địa danh của tỉnh này viết vào thời trung cổ bây giờ có lẽ thay đổi nhiều. Mặc dù đây là tài liệu cổ nhưng không hẳn đã tránh khỏi nạn man thư. Và lại những cuộc đất mà cách đây hơn 1100 năm thì dù chính thư hay man thư cũng không còn một giá trị thực hữu, chỉ dùng để tham khảo mà thôi. Những thuật ngữ dùng trong bài này rất lạ, rất nhiều hình ảnh và phức tạp, nếu dựa theo nguyên tác mà dịch theo thể tứ ngôn thì không lột được nghĩa. Tôi cũng gắng hết sức dịch theo sát chữ. Những chỗ gay cán sẽ có lời ghi chú. Bởi vì tin rằng, với ngôn ngữ có động của nguyên tác chưa chắc người dịch đã hiểu được chính xác, nên phải ghi thêm nguyên tác để bạn đọc dễ so sánh. NNP).

HÀ ĐÔNG

Thanh Oai

- Đề nhất: Thanh Oai Phong

*Ấp trung Thanh Oai, hình thế tối kỳ
Thủy lưu tứ vương, án khơi tam qui (1)
Mạch tông hữu kết, khí định tả y
Thần đồng tiền lập, quĩ sử hậu tỳ (2)
Khôi khoa táo chiếm, phúc lộc vĩnh tuy
Tu phòng mạch tận, thừa tự vô nhi*

- Đề nhị: Cao Xá Phong

*Thanh Oai Cao Xá, chân vi quĩ long
Thủy Khê tùy mạch, bình dương lai tung
Hoa khai hữu Hồ, tinh hiện tả Long (3)
Sơn thủy trù mật, khí thế sung dung*

*Hà tu hợp hải, ngưi giác loan cung (4)
Chủ khách hoàn mỹ, tả hữu hộ tông
Hoa tâm khả hạ (5), thể xuất anh hùng
Văn khôi khoa giáp, võ tổng binh nhung
Phú quý thọ khảo, kiêm hữu kỳ công*

- Đệ tam: Vô Lăng Phong

*Thanh Oai vô lăng, hình thể khả sung
Tả Sơn thuận giáng, hữu Thủy nghịch thăng
Đường tâm tích ngọc (6) an diện phô tắng
Cận Thủy chúc kết, viễn Sơn tăng lãng
Thố tinh lạc xứ, cách huyết thị bằng
Nhuộc năng hiện nhận, khoa đệ điệp dăng*

- Đệ tứ: Cổ Hoạch Phong

*Thanh Oai Cổ Hoạch, đoản hình trường nhạc
Thế giáng hữu cung, mạch sinh tả giác
Bút giá sâm vân, đón sang sáp ngọc (7)
Hữu Thủy tâm hoành, tả Sơn hồi thác
Phân minh kỳ cổ, la liệt thành quách
Văn chiếm khôi khoa, võ chuyên tướng trách
Nội thể tuy giai, ngoại hình cận bách
Họa khôi nhân chiêu, nghiệt do kỳ tác*

- Đệ ngũ: Đại Định Phong

*Thanh Oai Đại Định, di tích kỳ tung
Long hóa Hổ hóa, chủ tông khách tông
Tiêu giang dẫn mạch, bình địa sinh phong
Sơn thuận Sơn nghịch, Thủy chủ Thủy cung
Quần Sơn điệp điệp, chúng Thủy trùng trùng
Trâm hốt khuê thích, tú bút giá dung
Thừa dư thủ tức, huyết tại viên trung
Văn chiếm khoa giáp, võ tổng binh nhung*

*Bàng hữu huyết quái, âm mạch khí trung
Nữ phát nhi hậu, phủ qui xương long*

– Đề lục: Kim Bài Phong

*Thanh Oai Kim Bài, lưỡng phượng phi lai
Song đồng hoàn trĩ, lục tử nhập hoài (8)
Nội hình tương ứng, nội thể tương lai
Thiền tâm khí kết, long não tinh tài (9)
Chủ minh khách mĩ, sơn tinh thủy giai
Huyết cư trung cấp, táng pháp vô sai
Vô xuất khanh tướng, văn trạc khoa đài*

– Đề thất: Bối Khê Phong

*Bối Khê chi địa, hình như thảo xà
Sơn Thủy chức kết, Long Hồ bài nha
Văn bút đảo địa, bình dương khai oa
Viên phụ giảng thể, giang Thủy giao la (10)
Hà tu giới Thủy, thiền đức loan sa
Thế xuất khanh tướng, đại đại vinh hoa*

Đề bát: Sinh Quả Phong

*Thanh Oai Sinh Quả, cát địa diệp khá
Hồ sơn Long hồi, Long sơn Hồ hóa
Đại phụ khí tàng, tiểu khê quan tòa
Bát hoán vì kỳ, tiền tài lương hạ
Tảo trạc khôi khoa, viên đăng thanh giá
Hiềm Thủy phản lưu, dụng trung hữu xả*

Đề cửu: Bảo Đà Phong

*Thanh Oai Bảo Đà, Thủy thế mị thi
Đại giang loan quá, tiêu thủy trừng qui
Lục Long triều hội, lưỡng Phượng giao phi (11)
Văn tinh tiêu án, viên phụ hậu thủy
Huyết tại trung cấp, thừa dư khả y
Công hầu thế xuất, hòa kiệt tế thì*

*Danh cao Hồ trưởng, uy chấn hoa di
Nhuộc táng Long dịch (12), nữ phát vương phi
Nam trúng khoa giáp, phát đạt vô nghi*

CHƯƠNG ĐỨC VÀ MỸ ĐỨC

Đệ nhất: Vinh Lữ Phong

*Chương Đức Vinh Lữ, kỳ mạch cận tự
Tứ thế cao Sơn, chúng thủy đề trứ
Huynh đệ tương đặng, quân thân tương dữ
Huyết thú tức dư, danh khôi khoa cử
Thừa hưởng thiên nhiên, vô ưu trát sự*

Đệ nhị: Công Khê Phong

*Chương Đức Công Khê, hình thể khả kỳ
Tứ Sơn giai cũng, chúng Thủy hàm qui
Long trùng Hồ điệp, chủ nghênh khách tùy
Sa sinh trâm hốt, Thủy hội nghiêng trì
Cao Sơn thú tức, phú quý vô nghi
Nam phát vô tướng, nữ phát cung phi
Nam nữ giai quý, phúc lộc vĩnh tuy*

Đệ tam: Thanh Áng Phong

*Chương Đức Thanh Áng, cánh lưỡng Long lai
Đại hà vệ khi, Ngọc nữ hoài thai
Long Hồ triều cũng, hình thể phô bài
La liệt thành quách, hiệu khiết lâu đài
Chủ minh khách mĩ, Thủy tinh Sơn giai
Đường thiên Thủy đế, Ân vạn Sơn nhai
Thủy long dự nhũ, cát huyết khả tài
Vô sinh tướng sủng, văn chiêm khoa dài
Đại địa cực quý, đoán dịch vô sai*

Đệ tứ: Chi Nê Phong

Chương Đức Chi Nê, Sơn hình vũ trụ

*Long hồi Hổ hoán, mạch tàng khi tỵ
Hạ hợp thượng phân, tả giao hữu cố
Ấn đới Hổ yêu, phong sinh Long thủ
Khí kết hoa tâm, huyết tông Long nhũ
Khí xuất công khanh, sĩ dăng để phụ*

Đệ ngũ: Lai Tảo Phong

*Chương Đức Lai Tảo, địa hình diệp hảo
Khí như tuyến hồi, mạch như xà thảo
Bình dương Sơn loan, đại hà Thủy đảo
Chủ khách tương tùy, Long Hổ hoàn bao
Huyết tại hoa tâm, mạch tại long não
Thế xuất công khanh, phú quý vinh cửu*

Đệ lục: Tiểu Ứng Phong

*Chương Đức Tiểu Ứng, phương tường lưỡng dục
Thủy tỵ trùng trùng, Sơn lai sức sức
Vạn thủy thiên Sơn, tam hoành tứ trực
Thảo vĩ khí tài, hoa tâm khả thực
Vân vô phát vinh, tam công vị cực
Phú quý thời ưu, đại đại phó tức*

Đệ thất: Liễu Nội Phong

*Liễu Nội chi địa, thị diệp qui long
Ấm Sơn bãi tướng, dương Sơn phú trung (13)
Chung Thủy lưu trữ, quân Sơn lai lung
Huyết tại thương phúc, vô chi hầu phong
Nữ phát phi hậu, phú quý xương long
Bàng hữu cát huyết, ấn đới thanh long
Tam thái chu tước, văn sĩ tam công*

Đệ bát: Trạng Cốc Phong

*Địa danh Trạng Cốc, hình như phượng hoàng
Nội kỳ ngoại cố, tiền cương hậu giang*

Long Hồ hoàn bão, chủ khách huy hoàng
Bình nguyên Thủy diệu, viên phụ khí tàng
Thế xuất vô tướng, vị trí hầu vương

Đệ cửu: Yên Ninh Phong

Chương Đức Yên Ninh, khi tụ long đình
Tả toàn hữu cố, Hồ ấn Long tinh
Sơn hợp Thủy chỉ, khách tựu chủ nghinh
Huyền qui ứng hậu, chu tước bãi đình
Huyệt tại trung cấp, công hầu phát sinh
Kế thế vô tướng, kiêm vương nhân đình

Đệ thập: Do Lê Phong

Chương Đức Do Lễ, chân Long sở chỉ
Đại lâm loan Sơn, thâm đàm chủ Thủy
Tiểu giang tế long, đại hà lương khí
Long Hồ bài nha, quần thần giao hỉ
Huyệt tại viên trung, công hầu đăng đối
Phủ qui kiêm ưu, khả vị toàn nữ

Đệ thập nhất: Chúc Sơn Phong

Chương Đức Chúc Sơn, Long Hồ hồi hoàn
Tiền hữu Thủy chủ, hậu hữu Sơn loan
Đại hà dẫn mạch, hồng kỳ trấn quan
Hình thế tương hợp, chủ khách tương hoàn
Huyệt tại trung phúc, thế xuất cao quan
Vô đa văn thiếu, danh quán chiêu ban

Sơn Minh (Ứng Hòa)

- Đệ nhất: Xà Kiều Phong

Sơn Minh Xà Kiều, hình như phượng vũ
Giang lưu thoát tung, tinh phong lạc nhũ
Thiên thế dung tâm, địa khí anh ngũ (14)
Hồ bão loan đầu, Long toàn cung thủ

*Khanh tướng thời sinh, khả văn khả vũ
Vị liệt thai dài, danh cao sủy phủ*

Đệ nhị: Lưu Khê Phong

*Sơn Minh Lưu Khê, án chỉnh sơn tề
Qui tăng bích động, hoa thổ kim chi
Sơn Thủy loan cung, Long Hồ giao thi
Âm lai dương thụ, huyết tủng tả y
Thế xuất khanh tướng, phúc lộc trùng lai*

Đệ tam: Đông Phí Phong

*Sơn Minh Đông Phí, Long Hồ giao ti
Tứ Thủy nhập hoài, bát thần vệ khí (15)
Tam cấp mạch sinh, ngũ thốn Sơn trì (16)
Huyết tại thừa dư, chủ dăng khoa sĩ
Vị liệt công khanh, phúc lộc phủ qui*

Đệ tứ: Tảo Khê Phong

*Tảo Khê chân Long, hình thể sung dung
Long bàn Hồ hóa, Thủy tợn Sơn cùng
Đại Khê dẫn mạch, bình địa sinh phong
Tam thai hoàn trĩ, chủng Thủy triều cung
Thiên trung viên tọa, thế thượng hầu công
Đại đại phủ qui, phúc lộc xương Long*

Đệ ngũ: Dương Khê Phong

*Dương Khê chi địa, hình thể khả quan
Sơn đình Thủy tụ, Hồ cử Long bàn
Tiền phân tam Thủy, hậu ứng quân Sơn
Tả hữu dăng đối, chủ khách tương hoan
Hoa tâm khả hạ, thảo vĩ khả an
Thế xuất khanh tướng, phủ qui bình an*

Đệ lục: Đông Dương Phong

*Sơn Minh Đông Dương, thế giáng bình dương
Long vệ tống mạch, Hồ bão triều đường*

Kỳ cổ bài liệt, hình thể la trương
Sơn tòng Thủy đảo, bút giá Long bàng
Thế xuất khoa giáp, vi cận quân vương

Đệ thất: Tử Dương Phong

Sơn Minh Tử Dương, thế chỉnh hình ngang
Thủy đàm Long khẩu, Sơn giục Hồ giường (trương)
Thủy triều Sơn bão, thái án châu trang (17)
Khí Thủy dư tức, huyết tại trung trường
Thế xuất khanh tướng, cận hầu quân vương
Nhược thủy viên nhũ, nữ phát phi hoàng
Nam nữ toàn mỹ, phú qui vĩnh xương
Hiên nhận bất thực, khủng sinh bất thường
Nhi nhậm giả huyết, tất thụ tai tương

Đệ bát: Đạo Tú Phong

Sơn Minh Đạo Tú, Long hoành Hồ cổ
Hình thể bài nha, khí mạch ngưng chú
Hữu Sơn bão triều, tư giang triển hộ
Thủy nội ẩn phù, đường tâm khí tụ
Huyết tại tổn sơn, thời sinh tử phụ
Nhược tại Càn Sơn, phát vương phi phụ
Thuận nghịch lưỡng thủ, nam nữ câu ưu

Đệ cửu: Sơn Minh Phong

Sơn Minh khí trung, Long Hồ phù cung
Đại giang chiết Thủy, bình dương lai tung
Hoa khai đoá đoá, tình kiện trùng trùng (18)
Khí tàng thảo vĩ, huyết tại viên trung
Chu phát khanh tướng, đại đại vô cùng

Dịch:

HÀ ĐÔNG

Thanh Oai

1) Cuộc đất Thanh Oai

Ở ấp Thanh Oai, hình thế lạ lùng
Thủy lưu tứ vượng, án hợp ba bên
Mạch kết bên hữu, khí tựa bên tả
Mặt trước có quan, mặt sau có quí
Sớm chiêm khôi khoa, phúc lộc mãi mãi
Nên phòng mạch đứt, không con nối dõi

2) Cuộc đất Cao Xá

Thanh Oai Cao Xá, đất có quí Long
Nước khe dẫn mạch, chảy vào bình dương
Hổ có Hoa Cái, Long hợp thiên tinh
Sơn Thủy hòa hợp, khí thế dồi dào
Hà tu đến biển, Long Hổ ôm vòng
Chủ khách đều tốt (19), tả hữu hộ tông
Văn chiêm khoa giáp, võ quyền binh hung
Giàu sang phúc thọ, thêm lập kỳ công

3) Cuộc đất Võ Lăng

Thanh Oai Võ Lăng, hình thế khá tốt
Tả Sơn trườn xuống, hữu Thủy ngược lên
Minh Đường ẩn ngọc, tiền án xinh xinh
Thủy gần đàn dật, Sơn xa chấp chùng
Thổ tinh chiếu xuống huyết tốt rõ ràng
Nếu mà nhận ra, đỗ đạt liên khoa

4. Cuộc đất Cổ Hoạch

Thanh Oai Cổ Hoạch, hình ngắn núi dài
Thế xuống hữu cung, mạch sinh tả giác
Bút núi đùn mây, núi như dát ngọc
Thủy khẩu hữu sinh, núi tả ngoẹo ngoắt

*Cờ trống phân minh, thành quách la liệt
Văn đồ khôi khoa, võ lên tướng ngạch
Thế trong dấu đẹp, hình ngoài bức bách
Minh đem họa đến, tự tạo nghiệt ra*

5) Cuộc đất Đại Định

*Thanh Oai Đại Định, tung tích dị kỳ
Long Hồ biến hóa, khách chủ chiều nhau
Tiêu Thủy dẫn mạch, bình dương sinh phong
Núi thuận núi nghịch, nước chảy nước vòng
Núi đồi điệp điệp, sông hồ trùng trùng
Trâm hốt khuê nhon, bút đẹp dựng lên
Khí lưu thông thả, huyết ấn giữa vùng
Hữu có cái huyết, khí lưu mạch âm
Nữ làm hậu phi, phú quý vô cùng*

6) Cuộc đất Kim Bài

*Thanh Oai Kim Bài, đôi phụng bay lại
Núi trẻ sánh đôi, "lục tử" hướng vào
Hình trổ tương ứng, thế trong tiếp lai
Huyết tám khí tụ, đầu rồng sao soi
Chủ khách mừng rỡ, Sơn Thủy hòa hài
Huyết cư ở đầu, mai táng không sai
Vô dự khanh tướng, văn dự khoa đài*

7) Cuộc đất Bối Khê

*Cuộc đất Bối Khê, hình như rắn bò
Sơn Thủy đan dệt, Long Hồ phô bày
Bút giương dây đất, bình dương hiện oa
Hà tu ngăn nước, sa ôm cánh ve (thiên dục)
Thế xuất khanh tướng, đời đời vinh hoa*

8) Cuộc đất Sinh Quả

*Sinh Quả Thanh Oai, có thế đất lành
Bạch Hồ kéo Long, Thanh Long quyền hổ*

*Khí ẩn gò cao, tiểu Khê khóa kín
Sơn thủy bát hoán (lộn xộn), tiền tài lương hạ (?)
Sớm chiếm đầu băng, rạng danh muôn ngàn
Chỉ hiềm nước ngược, cuối cùng cũng nên*

9) Cuộc đất Bảo Đà

*Thanh Oai Bảo Đà, hình thế rất đẹp (mị thi = đẹp
và thiêng)*

*Đại giang ôm vòng, tiêu thủy hội tụ
Lục Long châu báu, lưỡng Phượng bay chào
Văn tinh làm án, gôi cao là gò
Huyệt tại giữa đầu, dư khí tựa vào
Thế xuất công hầu, hào kiệt giúp đời
Danh lừng Hồ tướng, oai trùm thiên hạ
Tàng vào Long dịch, nữ phát vương phi
Nam đỗ đầu băng, phát đạt khôn bâu!*

Chương Đức và Mỹ Đức

1) Cuộc đất Vinh Lữ

*Chương Đức Vinh Lữ, mạch lạ gần chùa
Bốn bên núi dựng, nước chứa gần xa
Huỳnh đệ cùng đỗ, vua tôi vui hòa
Huyệt nằm thông thả, thi chiếm khôi khoa
Cả đời vô sự, hưởng của trời cho*

2) Cuộc đất Cống Khê

*Chương Đức Cống Khê, hình thế khá kỳ
Bốn bên núi vãi, sông suối hội về
Long Hồ trùng điệp, chủ khách mừng nhau
Sa như trâm hốt, Thủy như nghiêng mực
Núi cao nghỉ ngơi, phú quý miễn bàn
Nam phát võ tướng, nữ phát vương phi
Nam nữ đều sang, phúc lộc đời đời*

- 3) Cuộc đất Thanh Áng
*Chương Đức Thanh Áng, có hình lưỡng Long
 Sông lớn ôm khí, Ngọc nữ (chỉ cho huyết trường)*
hoài thai
*Long Hồ châu vãi, hình thế phô bày
 La liệt thành quách, gần xa lâu dài
 Chủ khách vui vẻ, Sơn Thủy hòa hài
 Minh Đường tiếp Thủy, ngàn vạn án đài
 Võ hàng tường soái, văn hàng khoa đài
 Đại địa cực quý, quả quyết không sai*
- 4) Cuộc đất Chi Nê
*Cuộc đất Chi Nê, núi riêng một cỏi
 Long Hồ muốn gần, mạch ẩn khí tụ
 Thượng phân hạ hợp, tá giao hữu ngọt (chỉ cho*
thuyết)
*Hồng Hồ mang ấn, phong sinh Long đầu
 Khí kết hoa tâm (lòng huyết), huyết có dạng nhũ
 Khí xuất công khanh, sĩ làm tể tướng*
- 5) Cuộc đất Lai Tảo
*Chương Đức Lai Tảo, địa hình cũng tốt
 Khí bốc mù mịt, mạch như rắn trườn
 Bình dương sơn vòng, đại hà nước ôm
 Chu khách chiêu nhau, Long Hồ ôm nhau
 Huyết giữa Minh Đường, chứ không ở đầu
 Thế xuất công khanh, phu quý dài lâu*
- 6) Cuộc đất Tiểu Ứng
*Chương Đức Tiểu Ứng, phượng bày đôi cánh
 Nước tụ nồm nượp, Sơn đến rắn rắn
 Vạn nước ngàn non, giếng ngang bữa dọc
 Ngọn co khí đầy, hoa tâm ấy huyết*

Văn võ phát vinh, tam công cực phẩm
Phú quý vẫn lo, đời đời chẳng nghỉ

7) Cuộc đất Liễu Nội

Cuộc đất Liễu Nội, xem cũng rất quý
Núi hữu phát tướng, núi tả phát giàu
Nước luôn đầy đủ, núi dày khắp nơi
Huyệt đóng ở ngực, võ được phong hầu
Nữ phát vương phi, giàu sang rất mực
Bàng huyết cũng lành, Thanh Long mang ấn
Tước (chu tước) có tam thai, sĩ đến tam công

8) Cuộc đất Tràng Cốc

Địa danh Tràng Cốc, hình như phượng hoàng
Trong ngoài cờ trống, trước đôi sau sông
Long Hồ ôm nhau, chủ khách rục rờ
Bình nguyên nước mẫu, gò cao khi ẩn
Thế phát vô tướng, ngôi đến công hầu

9) Cuộc đất Yên Ninh

Chương Đức Yên Ninh, khí tụ long dùng
Tả hữu quanh lại (hướng vào nhau), ấn Hồ sao Long (20)
Sơn tụ Thủy dùng, khách đến chủ nghênh (tiếp)
Huyền Vũ ứng sau, Chu Tước châu trước
Huyệt ở nơi đầu, công hầu phát sinh
Đời đời tướng võ, lại thêm đông người

10) Cuộc đất Do Lễ

Chương Đức Do Lễ, chân Long ở đây
Rừng già núi ôm, đầm sâu nước chảy
Sông nhỏ giúp long, sông lớn bồi khi
Long Hồ phô bày, núi non mừng rỡ
Huyệt trong khu vực, công hầu song song
Phú quý vẫn lo, có thể toàn mi

11) Cuộc đất Chúc Sơn

Chương Đúc Chúc Sơn, Long Hồ hồi hoàn

(trở lại và cùng hưởng vào nhau)

Trước có bến nước, sau có núi vòng

Sông to dẫn mạch, cò hồng trấn quan

Hình thế cùng hợp, chủ khách cùng chào

Huyệt ngay giữa bụng, thế xuất cao quan

Vô nhiều văn ít, danh quán nhân gian

Sơn Minh (Ứng Hòa)

1) Cuộc đất Xà Kiều

Sơn Minh Xà Kiều, hình như phụng múa

Nước chảy bốn bên, đỉnh núi như nhũ

Một vùng chứa huyệt, khí lưu rộng rãi

Hồ uốn vòng quanh, Long như vòng tay

Phát sinh khanh tướng, cá văn lẫn võ

Bước lên lâu đài, danh cao trường phủ

2) Cuộc đất Lưu Khê

Sơn Minh Lưu Khê, Sơn án chỉnh tề

Rùa ẩn động biếc, hoa nhả kim chi

Sơn Thủy ôm vòng, Long Hồ giao thoa

Âm đến Dương tiếp, huyệt nương tả Long

Thế xuất khanh tướng, phúc lộc vô song

3) Cuộc đất Đông Phí

Sơn Minh Đông Phí, Long Hồ "bắt tay"

Bốn Thủy hướng vào, tám thần giữ khí

Ba bước có mạch, năm thốn (tấc) núi chặn

Huyệt vùng dư khí, chủ phát quan văn

Tước đến công khanh, phúc lộc phú quý

4) Cuộc đất Tảo Khê

Tảo Khê chân Long, hình thế sừng dung (dồi dào)
Rồng nằm, cạp ẩn, Sơn Thủy mệnh mông
Sông suối dẫn mạch, đất bằng sinh phong
Núi dựng Tam thai, sông suối triều cung (hướng về
Minh Đường)

Giữa như vườn ngôi, tước vị hầu công
Đời đời phú quý, phúc lộc xương long

5) Cuộc đất Dương Khê

Đất này Dương Khê, hình thế khá đẹp
Sơn dừng Thủy tụ, rồng nằm cạp ẩn
Nước trước chia ba, núi sau ứng hợp
Tả hữu cân đối, chủ khách vui mừng
Mai táng huyết này, trong ngoài yên ổn
Thế xuất khanh tướng, phú quý bình yên

6) Cuộc đất Đông Dương

Sơn Minh Đông Dương, nằm giữa bình nguyên
Long hộ tổng mạch, Hồ ôm Minh Đường
Cờ trống phô bày, hình thế lưới giăng
Núi theo sông đến, bút dựng Long nằm
Đất sinh khoa giáp, được gần quân vương

7) Cuộc đất Tử Dương

Sơn Minh Tử Dương, hình thế đàn hoàng
Đầm nước Thủy khẩu, Sơn giục Hồ giương
Nước châu núi ôm, án sơn sinh châu
Thủy khí điều hòa, huyết tại trong ruột
Thế sinh khanh tướng, được gần quân vương
Huyết như nũm vú, nữ phát vương phi
Nam nữ đều tốt, phú quý vinh xương

*Nhận huyết không rõ, sinh chuyện không lành
Táng nhầm huyết giả, ắt chịu tai ương*

8) Cuộc đất Đạo Tú

*Sơn Minh Đạo Tú, Long hồi Hồ hồi
Hình thể răng nhe, khí mạch ngưng đọng
Bạch Hồ châu vào, nước tả lượn theo
Ấn phù treo trong, Minh Đường khí tụ
Huyết tại phương tốn, ắt làm tể tướng
Nếu tại phương Càn, ắt sinh vương, hi
Long Hồ thuận nghịch, nam nữ âu lo*

9) Cuộc đất Sơn Minh

*Khí lành Sơn Minh, Long Hồ ôm vòng
Đại giang phân nhánh, chảy vào bình dương
Đất đẹp gò gò, khí đẹp lớp lớp
Khí đủ cỏ cây, huyết đóng minh đường
Chủ phát khanh tướng, đời đời giàu sang*

Chú thích:

(1) Tứ Vượng: Thủy trong âm trạch tính theo vòng Trường Sinh. Nếu Trường sinh khởi thuận từ Dần Thân Tị Hợi, thì phương Đế Vượng (Vượng) sẽ là Ngọ, Tí, Dậu, Mão.

Tam qui: Chỉ có Ấn nằm ở vị trí tam hợp với Thủy. Ví dụ, Long Tọa Tí hướng Ngọ, thì Ấn phải ở hướng Ngọ (vì Ấn có thể là Chu Tước), dùng Huyền Không Ngũ Hành xác định vòng sao Trường Sinh, ta sẽ thấy Ngọ là một trong tam hợp của Dần Ngọ Tuất.

(2) Thần đồng tiên lập, Quĩ sứ hậu tỳ: Chỉ cho Quan và Quĩ, đứng liền kề phía sau Chu Tước và Huyền Vũ.

(3) Riêng trường hợp này ta hiểu đó là Cầm và Diêu, đứng liền kề sau Bạch Hổ và Thanh Long. Diêu có nghĩa là sao.

(4) Hà Tu: Trong cuộc đất có huyết tốt, thường có hai ngòi nước chảy từ huyết ra đến bữa (hợp ra), giống như hai Râu Tôm

(hà tu).

Ngưu giác: Thanh Long và Bạch Hổ cân phân, cong vòng giống như hai sừng trâu (ngưu giác). (Loan: cong vòng cung; một vùng núi có dạng cong như sừng trâu).

(5) Hoa tâm: trường hợp này nên hiểu là huyết; hạ: hạ huyết, mai táng.

(6) Đường Tâm: giữa Minh Đường. Đường tâm tích ngọc = Huyết nằm ở giữa Minh Đường.

(7) Sang: là một loại vũ khí nhọn. Đốm sang: ngọn núi hơi thấp và nhọn để đối tri với “bút giá sâm vân”.

(8) Song đồng: hai đứa trẻ. Đây chỉ là 2 ngọn núi nhỏ nằm phía trước Minh Đường đó là Chu Tước và Quan; hoàn tri = núi vòng lại, hướng về.

Lục tử: Sáu người con. Nhập hoài: vào bụng. Thanh Long kèm theo Diêu, Bạch Hổ kèm theo Cầm; (Chu Tước kèm theo Quan, đây là Song Đồng) Huyền Vũ kèm theo Quỷ. Sáu bộ phận này có khuynh hướng chầu vào huyết (nhập hoài).

(9) Thiêm tâm: Thế huyết có dạng “oa” giống như hình con cóc.

Long não: bên trong đầu rồng – Rồng từ xa bay lại (lại long), nơi để chia 2 nhánh tả Long hữu Hổ, nơi đó thường được ví là Long Thủ (đầu rồng), ẩn bên trong Long Thủ là Long não. “Long não tinh tài”, chỉ cho gò đất trên đầu rồng có vẻ “khí tượng”, đó là một “point remarquable” (điểm nhấn) để các nhà phong thủy ước lượng...

(10) Viên: khu vực. Trong thiên văn người ta chia ra “3 viên” chính: Tử Vi Viên, Thái Vi Viên và Thiên Thị Viên. Ngoài ra, còn có một “tiểu viên” đó là Thiệu Vi Viên. “Viên phụ giáng thế” ám chỉ địa cuộc này rất linh hiển vì có thiên tinh chiếu dọi. “Viên phụ” là khu vực có nhiều gò đồng hình như cờ, trống, chiêng, ấn...

(11) Xem chú thích (8)

(12) Long dịch: Long đình dịch: nơi rồng dừng lại – Địa thế

ấy uy nghi khí tượng, kỳ vĩ và trầm mặc.

(13) Âm Sơn, Dương Sơn: Âm chỉ cho bên hữu, Dương chỉ cho bên tả (trái).

(14) Thiên thế: một địa cuộc ứng với một thiên khu trên trời. "Thiên thế dung tâm" chỉ cho nơi có huyết tốt.

Anh ngũ: sáng sủa, tỏ rõ.

(15) Tứ thủy: nước bốn phương hội tụ lại, có khuynh hướng chảy vào.

Bát thần: Thanh Long, Bạch Hổ, Chu Tước, Huyền Vũ kèm theo, Diêu, Cầm, Quan, Quỷ.

(16) Câu này chỉ cho địa cuộc nơi đó sum mật, ba bậc có mạch, năm thốn có sơn. Trong phong thủy người ta thường dùng cách cực tả để gây sự chú ý cho người đọc.

(17) Thai án: một Án sơn thấp (như với vừa tượng hình).

Châu trang: điểm trang bằng ngọc. Đây chỉ là một Án sơn đẹp, cây cối tươi tốt như ngọc.

(18) Câu này chỉ cho cuộc đất ở đó nhiều gò đồi như kỳ cổ ẩn kiếm. Một quý địa.

(19) Chủ, khách: Chủ chỉ cho chính Long (chủ của một địa cuộc).

Khách: chỉ cho các triều Sơn ở xa, chạy tới hay chảy về.

(20) Cuộc đất tốt, có đủ tứ thú, lại có các phần phụ.

II. BẮC NINH VÀ BẮC GIANG

Tháng 4 năm 1963, Bắc Ninh (diện tích 800km²) và Bắc Giang (diện tích 3800km²) sáp nhập vào nhau, gọi là tỉnh Hà Bắc. Khoảng năm 1990, hai tỉnh này lại tách rời. Về mặt địa lý và lịch sử hai tỉnh này rất gắn bó với nhau. Để cho tiện, ta vẫn gọi chung là tỉnh Hà Bắc.

Hà Bắc nằm về phía Đông Hà Nội. Một phần đất cũ của Bắc Ninh được nhập vào thành phố Hà Nội, diện tích tổng cộng là 4.500 km², dân số khoảng 2 triệu rưỡi người (1998). Là tỉnh có nhiều danh nhân, nhiều di tích lịch sử và nhiều thắng cảnh nhất của nước ta.

Các núi nổi tiếng như:

- Núi Tiên Sơn: ngọn núi nằm giữa cánh đồng bát ngát của huyện Tiên Sơn (do hai huyện Từ Sơn và Tiên Du ghép lại). Trong núi có ngôi cổ tự Trùng Liên là ngôi chùa cổ nổi tiếng, tục gọi là chùa Láo. Núi cao gần 300 mét – Cự đô Long Biên nằm ở nơi này (từ thời Hán thuộc) – mẹ của vua Lý Thái Tổ đi lễ chùa Tiên Sơn, “cầm thần” hạ sinh Lý Công Uẩn.

- Núi Tam Sơn: cạnh bên Tiên Sơn nổi lên ba ngọn núi, ngọn chính giữa cao hơn hai ngọn bên, có dạng hình chữ Sơn, xa trông như ba hạt châu. Chân núi có gân như hình Rồng, Rắn, trên đỉnh có 2 cái hang gọi là Long huyết.

- Núi Nguyệt Hằng: còn có tên là Trà Sơn, núi Chè, núi Con Tiên. Núi giống như một thiếu nữ khỏa thân nằm ngửa. Con gái xứ này đa tình đa cảm cũng là việc tất nhiên. Bà Vương phi Đặng Thị Huệ (vợ Trịnh Sâm) tục gọi là Bà Chúa Chè vốn người làng Chè ở đây.

- Núi Lạn Kha: ở huyện Tiên Sơn. Có truyền thuyết rằng, Vương Chất đi đón củi một hôm vào núi gặp Tiên đánh cờ liền chống búa đứng xem, chừng quay lại thì cán búa đã mục nát. Vương Chất trở lại nhân gian thì con cháu đã trải qua năm đời!

Từ Thức cởi áo chuộc cho tiên nữ cũng xảy ra ở núi này. Đời Lý dựng chùa Phật Tích, đời Trần lập thư viện Lạn Kha tại núi

này. Phía Bắc của núi có chùa Kim Ngưu, nên núi này còn có tên là núi Kim Ngưu với truyền thuyết là Trâu Vàng. Mặt sau của núi là toàn bộ di tích của Man Nương với thiền sư người Thiên Trúc Khuư Đa La. Lại còn có tên là núi Mã Man, hoặc Non Tiên, Non Xi (Xi là một huyết đã bị yếm ở giữa núi theo truyền thuyết của dân gian).

– Núi Lâm Sơn: ở huyện Quế Võ (huyện này là huyện ghép của hai huyện Quế Dương và Võ Giang). Trong núi có chùa Đại Lâm, tục gọi là chùa Dạm rất nổi tiếng.

– Núi Trâu (Trâu Sơn): còn gọi là núi Vũ Ninh nằm cuối huyện Quế Võ. Trên núi có giếng Việt Tĩnh. Về thời Hùng Vương, Thánh Gióng đánh thắng giặc Ân là Thạch Linh tại núi này. Về sau Triệu Đà cũng đặt đại bản doanh ở đây mà chống với An Dương Vương. Đền thờ Thạch Linh và đền thờ Tiên nữ Ma Cô đến nay vẫn còn tại núi này.

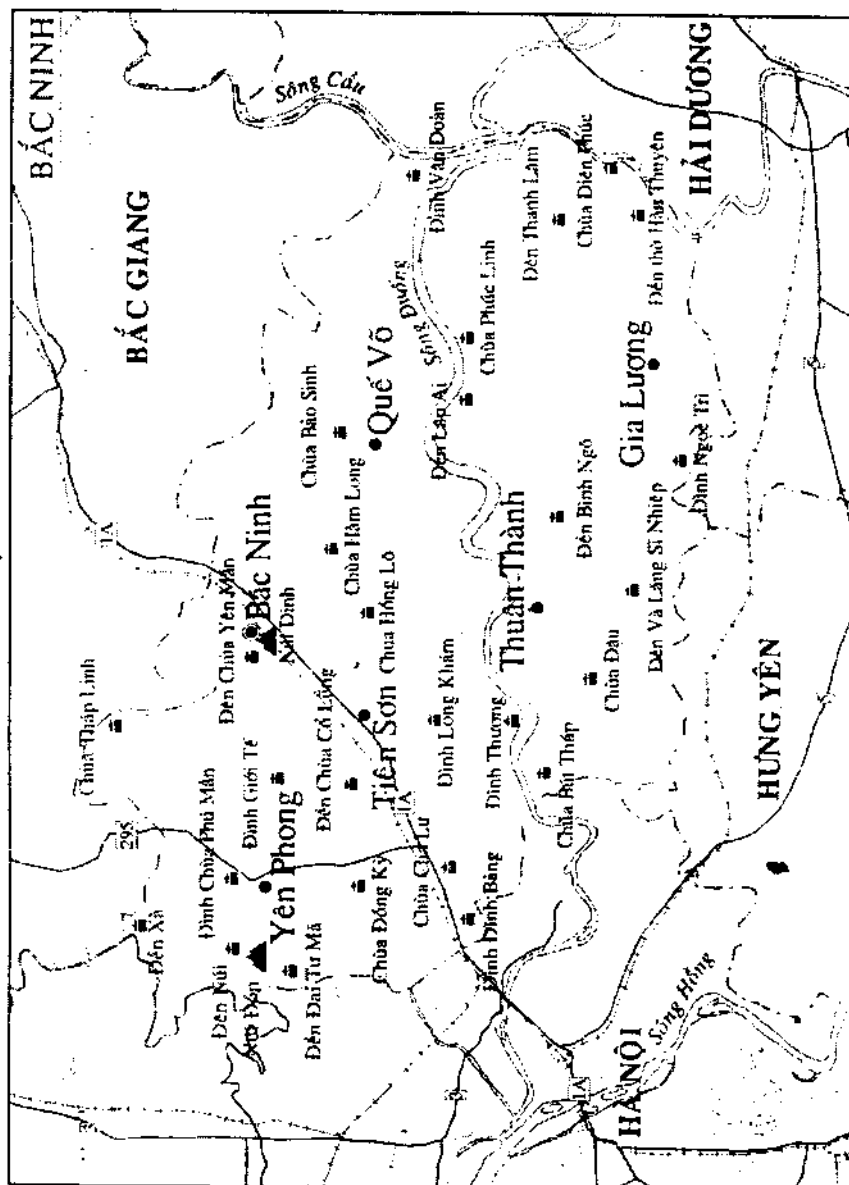
– Núi Yên Thế: thuộc huyện Yên Thế giáp với Thái Nguyên cao khoảng 200m, Tổng hành dinh của Thủ lĩnh Hoàng Hoa Thám đóng ở đây.

– Núi Cai Kinh: Cho đến người địa phương cũng không biết núi này trước kia tên là gì. Núi này là nơi phát nguyên của sông Thương một chi nhánh của sông Thái Bình. Năm 1884 ông Hoàng Đình Kinh làm chức Cai đã chiếm núi này làm căn cứ địa chống Pháp. Núi Cai Kinh và ông Cai Kinh có lẽ là “duyên” chăng?

Trên đây là những núi nổi tiếng nhất của Hà Bắc.

Các sông nổi tiếng ở Hà Bắc:

– Sông Thương: Sông Thương tên chữ là Nhật Đức (tên của một ngôi sao tốt) là một phụ lưu của sông Thái Bình. Sông chảy qua giữa hẻm của hai núi Cai Kinh và Bảo Đài. Từ thị xã Bắc Giang sông chảy theo hướng Đông Bắc – Tây Nam làm ranh giới giữa hai huyện Lục Ngạn và Yên Dũng. Về hữu ngạn sông Thương có suối Giai và suối Tiên Hồ, ngoài ra còn có suối Mồ Phiến, sông Rống, sông Đáp Cầu (tức là ngòi Đa-Mai).



Bản đồ trích trong "Non Nước Việt Nam" (của Tổng Cục Du Lịch)

Những sông nhỏ này đã “góp rất nhiều công” chống Nguyên Minh và cả quân Thanh nữa. Ngòi Đa Mai lúc nào cũng đổ. Ngòi này đổ vào sông Thương nhưng nước không chịu hòa tan, chảy chung một sông nhưng phân ra hai màu riêng biệt. Dân gian có ca dao:

Sông Thương nước chảy hai giòng

Đèn chong hai ngọn anh trông ngọn nào

Bên tả ngạn sông Thương có sông Hóa, suối Nghe, suối Ren, suối Nỗ Phiền...

- Sông Lục Nam: còn có tên là Minh Đức phụ lưu của sông Thái Bình, phát nguyên từ Đình Lập (Lạng Sơn) chảy qua các huyện Sơn Đông, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Dũng (của Hà Bắc) dài lối 150 km, sau đó hợp với sông Cầu và sông Thương làm thành sông Thái Bình. Sông Lục Nam rất sâu và không triển dắc, tàu thuyền có thể lên đến Bảo Đài. Lục Nam là sông đẹp nhất Việt Nam.

- Sông Cầu: còn có tên là Nguyệt Đức, Như Nguyệt, còn có tên là Phú Lương. Sông Cầu cùng với nhiều chi lưu của sông này nổi danh trong lịch sử và văn chương.

- Hồ Cấm Sơn: Đây là một hồ rất lớn. Về mùa khô diện tích hồ khoảng 26km², về mùa mưa hồ nước đầy, diện tích mặt hồ rộng đến 30km², trông như một cái biển. Hồ nằm phía Đông - Bắc của tỉnh, giáp với Lạng Sơn, thuộc huyện Lục Ngạn - Bờ hồ là chân các ngọn núi trùng điệp. Hồ còn là nguồn kinh tế quan trọng bao đời của Lạng Sơn và Bắc Giang.

Hà Bắc là tỉnh có nhiều sự kiện lịch sử đứng vào hàng đầu của lịch sử nước nhà. Từ dị nhân, danh nhân, quân, thần, tá, sứ, vương phi, hoàng hậu, thái tử, công chúa cho đến các huyền thoại, giai thoại, văn chương, tôn giáo chính trị không sót mặt nào. Nơi đây có rất nhiều di tích lịch sử, lăng mộ, điện miếu, chùa chiền, đạo quán như, sự tích Kinh Dương Vương (cách nay gần năm ngàn năm) ở thôn Á Lữ (huyện Thuận Thành), rồi đến di tích Lạc Long Quân, Âu Cơ, Thánh Gióng (Trâu Sơn - Tiên

Du), anh em Nghiêm Xá, Cao Vũ, rồi Thục, Triệu đánh nhau ở Trâu Sơn để cho Luy Lâu, đối diện với Phiên Ngung, Thương Ngô. Trận tuyến trên sông Như Nguyệt của Lý Thường Kiệt đánh Tống (1076), các phòng tuyến Sa Lý, Động Bản, Bình Nội (để ý các từ Sa, Động, Bình... là những từ trong chiến tranh) của Trần Hưng Đạo phá quân Nguyên; trận tuyến Cần Trạm, Xương Giang, Đa Mai của quân Lam Sơn đánh Minh (1427); trận tuyến Xương Giang, Tam Tầng của quân Tây Sơn do Đô đốc Phan Văn Lân và Tư mã Ngô Văn Sở (1788). Đầu năm Kỷ Dậu (1789) hai Đô đốc Lộc, Tuyết chặn đánh quân Thanh trên đường rút lui của chúng không còn manh giáp. Từ năm 1873 đến năm 1913 các tướng Nguyễn Cao, Cai Kinh, Đề Thám lập căn cứ chống nhau với Pháp.

Và trên lãnh vực ngoại giao, nơi này cũng là nơi tiếp xúc các sứ thần phương Bắc.

oOo

III. TÂY ĐÔ VÀ HỒ QUÍ LY

I. HỒ QUÍ LY

Một chính trị gia lỗi lạc của thập niên đầu thế kỷ XV... Người huyện Quỳnh Lưu (Nghệ An). Trong triều ông rất có thế lực.

Hoàn cảnh Hồ Quý Ly đối với các vua Trần bấy giờ cũng giống như Trần Thủ Độ đối với hoàng tộc nhà Lý ngày trước.

Dưới triều Trần Nghệ Tôn, Hồ Quý Ly làm đến chức Khu Mật Đại Sư tước Trung Tuyên Hầu, kết duyên cùng Huy Ninh công chúa. Đến thời Trần Phế Đế ông thăng đến chức Thống Chế Đô Hải Tây, lên làm phụ chính Thái Sư. Năm 1400 ông bỏ Trần Thiếu Đế, tự mình lên ngai đặt quốc hiệu là Đại Ngu. Ông làm vua chưa đầy một năm thì nhường ngôi cho con thứ là Hồ Hán Thương và ông giữ chức Thái Thượng Hoàng nắm cả quyền hành trong nước.

Trong vòng bảy năm nhà Hồ cải cách rất nhiều trong công

cuộc phục hưng quốc gia.

Trước hết Hồ Quý Ly đã chinh đốn lại mặt võ bị, lập những phòng tuyến hào lũy chạy dài từ tả Ngạn sông Hồng lên Hải Dương dài 400 km.

- Cải cách về chính trị, thuyền chuyển và trọng dụng nhân tài dựa theo chính sách tự cứu.

- Cải cách văn học dùng trực tiếp chữ Nôm thay cho chữ Hán ngay trong việc hành chánh.

- Thay đổi ruộng đất theo một tiêu chuẩn cấp phát cho người không có ruộng và miễn thuế gọi là chính sách quân điền.

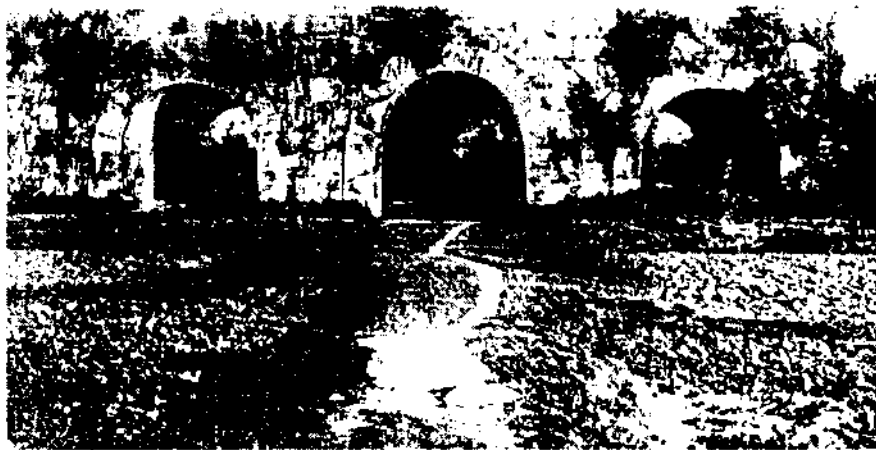
- Phục hưng nền kinh tế bằng cách in tiền giấy.

- Ban hành những đơn vị đo lường.

- Thi cử có chế độ, thêm vào môn toán pháp trong các kỳ thi.

- Lập viện y tế công cộng.

Và còn rất nhiều chánh sách cải cách nữa. Qua những việc cải cách đó, ông cho mở rộng đất về phương Nam, bắt vua Chăm phải nạp đất Chiêm Động, Chiêm Lũy đến giáp Sa Huỳnh...



Cửa Nam thành nhà Hồ (Vĩnh Lộc, Thanh Hóa) (Tái liệu của NXB KHXH)

Một số thần tử nhà Trần bấy giờ chạy qua Kim Lăng cầu cứu nhà Minh, tạo điều kiện cho nhà Minh có cơ để xua quân qua nước ta.

Tháng 4 năm Bính Tuất 1406 quân Minh ào ạt kéo vào nước ta như vỡ bờ. Qua một năm chiến đấu với quân Minh, cha con Hồ Quý Ly bị bắt (1407) đưa về Kim Lăng.

2. TÂY ĐÔ VÀ PHONG THỦY HỌC

Năm Đinh Sửu 1397, Hồ Quý Ly bắt đầu cho xây thành Tây Đô ở Thanh Hóa. Vì đất nước ta bấy giờ đã đến giáp Quảng Nam, Thượng thư Bộ Lại Đỗ Tĩnh lãnh trách nhiệm làm việc này. Thành xây xong đúng bốn năm rông mới xong. Thành tọa lạc ở động Ân Tôn xưa kia là các ấp Hoa Nhai, Phương Nhai, Tây Nhai, Đông Môn. Bốn mặt thành đều lót đá xanh, bằng và đứng thẳng. Phía cửa Nam đá chất cao như cửa Châu Tước ở thành Thăng Long, trên dựng lầu cao chín tầng. Chung quanh bốn cửa đều trồng đá xanh làm nền, lát gạch nung vuông.

Trong thành có núi Thọ Kỳ có hồ Dục Tượng, phía ngoài chân thành rộng 36 tầm cùng làm đường đi, một dòng nước bao quanh bốn mùa xanh biếc, bốn cửa đều có cầu đá bắc vào. Mở cửa phía Nam, một con đường rộng chạy thẳng đến Đốn Sơn, dài vài dặm lát bằng đá hoa nên gọi là Hoa Nhai. Cửa Tây thông thẳng đến núi Thọ Đôn, qua Cẩm Thúy, chạy thẳng đến Ai Lao.

Cửa phía Đông thông thẳng đến các núi Bảo Sơn, Trác Sơn, qua các huyện Quảng Bình, Thạch Thành, có thể thông đến đạo Sơn Tây. Bên tả có nhà tù, có đường nhỏ dẫn đến các núi Cù Đông, Yên Luân, nhắm về hướng Bắc ra đến huyện Phụng Hóa, qua Quyết Độ rồi thẳng đến thành Đông Quan.

Ở cửa Bắc thì có núi Cẩm Bào, Xuân Án chạy dài, phía sau lại có một dòng suối sâu bao vòng.

Phía tả thành, từ chân núi Biện Sách ngang qua các núi Đinh Bút Cổ Diệp, dọc theo sông Bái chạy thẳng đến núi Đốn Sơn ở hướng Nam. Phía hữu thành có quận Hoàng Sách, ven bờ

sông Mã chạy đến núi Ân Tôn ở hướng Đông. Hai phía tả hữu đều dài đến vài vạn trượng. Kể về đại thế thì có sông Bái ôm phía Đông, sông Mã áp phía Tây, lại có sông Lương hơi nhỏ chạy từ Ai Lao sang thọc thẳng về hướng thành. Hai ngọn Sát Sơn và Hoa Sơn đối diện nhau làm thành then khóa. Bên tả, phía trong một lớp núi là Hồng Lĩnh, Mông Cù, bên hữu phía trong một lớp là Thúy Đại, Đồng Cổ. Phía ngoài một lớp là Lôi Dương, Đông Sơn, Nông Cống, Ngọc Sơn. Các dãy núi ấy vòng bọc bao quanh như triều phục.

Đó là thành Tây Đô, sử gọi là thành nhà Hồ, dựa trên một cuộc đất phát vương, cuộc đất đó nằm trên phủ Quảng Xương.

Trước mặt thành có một dãy núi bao quanh gọi là Cung Sơn, vì núi giống hình cái cung, tượng trưng cho uy lực. Thành rộng 5 km², mỗi tháng vua Hồ ngự vào một lần.

Khi thành xây xong, tướng Trần Khát Chân là đại thần của nhà Hồ mà lại là người có lòng trung với nhà Trần, không muốn để nghiệp của nhà họ Hồ lâu dài, mà ông là người tinh thông địa lý, nên tâu với vua rằng: “Bệ hạ chọn đất vàng xây thành này hay lắm, phía trước có Cung Sơn làm tiền án, thiết tướng cung mà không có tên cũng như vua không có uy, vậy theo ý thần nên đắp một đường ngay trước Cung Sơn chạy thẳng đến trước Tây Đô như một mũi tên. Có cung, có tên mới đủ vẻ hùng tráng của đức thiên tử.

Đường ấy thần sẽ đặt tên là “Tiễn Lộ”.

Nhà vua nghe theo lời Trần Khát Chân. Đó là Trần Khát chân dụng ý yểm Tây Đô và Cung Sơn.

Đứng về mặt phong thủy học mà nhận xét thì việc làm “Tiễn Lộ” đó rất tệ hại.

– Trước nhất mũi tên ấy thọc thẳng ngay diện vua. Mũi tên lại đã được giăng sẵn rồi, chỉ cần bay ra thôi. Ý nghĩa tượng trưng cho sự gấp gáp và nguy hiểm.

– Trong phong thủy học một cuộc đất kết phải có tiền Ấn hậu Chấn (trước án, sau gối): có Ấn sơn trước mặt thì phía sau

phải có Chấm sơn mới đúng. Chấm sơn đã có rồi thì cần gì phải tiền lộ nữa.

– Từ khi bắt đầu xây thành Tây Đô cho đến khi Bình Định Vương Lê Lợi lên ngôi là 30 năm. Đất Thanh Hóa phát vương. Tây Đô ở Thanh Hóa nhưng Lê Thái Tổ không ngự ở đây mà ngự ở Đông Đô (Thăng Long).

IV. ĐẤT LAM SƠN VÀ LÊ LỢI

Ngay từ thế kỷ thứ III trước công nguyên, Thanh Hóa đã thuộc về nước Âu Lạc của Thục An Dương Vương rồi. Vị trí Thanh Hóa từ đời Lý, Trần về sau hình thế không thay đổi. Bắc giáp Sơn La, Hòa Bình, Ninh Bình (có đèo Tam Điệp làm ranh giới), Tây giáp Lào, Đông giáp biển, Nam giáp Nghệ An, diện tích độ 11 ngàn cây số vuông. Chỉ trừ mặt biển, còn vòng cung từ phía Bắc sang đến phía Tây, Tây – Nam hoàn toàn núi non trùng điệp. Có hai con sông lớn là sông Mã và sông Chu phát nguyên từ Lào chảy sang. Nhìn tổng thể tỉnh Thanh Hóa như một vương miện, đầu quay về phía Tây Bắc, miệng hướng về biển Đông. Đây là một tỉnh có nhiều phát tích đế vương: Tiền Lê, Hậu Lê, nhà Hồ, chúa Trịnh, chúa Nguyễn (tất nhiên sau này kéo dài đến vương hệ Nguyễn Gia Miêu. Gia Miêu là một làng của tỉnh này). Tỉnh này cũng là nơi có nhiều tiềm năng du lịch nổi tiếng như biển Đồ Sơn, động Hồ Công, núi Hàm Rồng. Ai có lòng hoài cổ thì viếng Tây Đô và Lam Kinh. Thanh Hóa còn là những nơi lưu lại kỷ niệm của các nhân vật lịch sử như đền Bà Triệu, thành nhà Hồ, đền Độc Cước (chỉ cho vị anh hùng dân gian một giờ từng đánh giặc trên biển và đất liền), đền Cô Tiên, di tích Lam Sơn...

1. ĐỊA THỂ LAM SƠN: Lam Sơn nay thuộc xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, nằm về tả ngạn sông Chu cách thị xã Thanh Hóa khoảng 50km, dưới Bái Thượng 3km. Ngay tại thị xã có thể theo sông Mã tiến về đến ngã ba sông, rồi theo dòng sông Chu đi đến nơi, hoặc theo tỉnh lộ cũng đi đến Lam Sơn.

Lam Sơn, phía trên tiếp giáp miền thượng Thanh Hóa với những núi rừng bạt ngàn, đó là vùng hoạt động của nghĩa quân trong thời chống quân Minh. Xứ này nhiều rừng thưa, đồi núi chen kẽ nhau, chia ra những cánh đồng chật hẹp. Phía Tây Bắc có ngọn núi Dầu, núi đó chính là núi Lam Sơn ngày trước. Trên núi có rất nhiều cây chàm màu lam. Bên kia làng Như Áng có núi Đồi Đá. Đây là ngọn núi cao hơn hết cả ngọn núi xung quanh, trên đỉnh có một khoảng đất rộng bằng phẳng, có một cái giếng nhỏ. Núi này là nơi nghĩa binh luyện tập chuẩn bị khởi nghĩa.

2. NÚI CHÍ LINH: Các sử gia Việt Nam khi nói núi Chí Linh thì mỗi người nói mỗi khác. Có người cho núi Chí Linh ở Nghệ An nhưng Trần Trọng Kim thì nói không phải. Đào Duy Anh thì nói đó là núi Pù Rình đọc trại... Vì thế khi khảo cứu vị trí của núi Chí Linh không đủ tài liệu chính xác. Tuy nhiên, trong văn học sử lại có chép 2 bài "Chí Linh Sơn Phú". Một bài của Nguyễn Trãi, và một bài nữa, theo các nhà văn học miền Nam (trước 1975) cho là của Vũ Mộng Nguyên.

Lam Sơn là nơi khởi nghĩa, nhưng ở đất này cũng như ở Lũng Nhai không có bài phú bài văn nào của những tác giả đương thời, riêng Chí Linh được hai bài phú đủ biết Chí Linh quan trọng như thế nào.

3. SƠ LƯỢC VỀ LÊ LỢI: Ông tổ của Lê Lợi là Lê Hối ở thôn Như Áng. Ông Hối sinh ra Lê Đình. Đình sinh ra Tông và Khoáng. Lê Khoáng lấy bà Trịnh Thị Ngọc Phương sinh ra Học, Trừ, Lợi và ba người con gái. Lê Lợi sinh ngày 6 tháng 8 năm Ất Sửu (10/9/1385) tại quê mẹ làng Chư Sơn, huyện Lôi Dương. Ông thông minh khỏe mạnh.

Với số thủ hạ trong trang trại của ông sẵn có hàng ngàn người, năm 1418 ông khởi nghĩa tại Lam Sơn tự xưng là Bình Định Vương, cùng với các tướng Lê Thạch, Lê Liêu, Phạm Văn Xảo. Thắng trận đầu tại Lạc Thủy, năm 1419 ông rút về Chí Linh lần thứ nhất, lấy được đồn Nga Lạc (huyện Nga Sơn) năm 1420 dùng Nguyễn Trãi làm tham mưu. Trong mười năm chinh

chiến rùng rã, ông đã ba lần về Chí Linh sau các trận: Ba Lâm, Quang Gia, Bồ Lạp, Nghệ An, Đông Đô, Đông Quan, Cổ Lâm, Tuy Động, Phả Luy, Ai Truy... và cuối cùng là Xương Giang. Năm 1428 ông lên ngôi Hoàng đế, đóng đô ở Thăng Long (Đông đô) đặt quốc hiệu là Đại Việt. Nhà Lê kéo dài 360 năm (1788).

oOo

Trong Lam Sơn Thực Lục có ghi một đoạn: “Nhà vua (chỉ cho Lê Lợi khi chưa khởi nghĩa) đi gấp đến sách Quân Đội, huyện Lôi Dương thấy một thẻ tre ghi rằng: Thiên Đức thụ mệnh, thế trung tứ thập, số chỉ dĩ định, tích tại vị cập” (Đức trời chịu mệnh, tuổi đến 40, số đã định rồi, tiếc thay chưa kịp). Vua thấy chữ để rất mừng lại theo gấp. Bấy giờ có rồng vàng che lấy vua, bỗng thấy nhà sư báo vua rằng: “Tôi từ Ai Lao xuống, họ Trịnh, tự là Bạch Thạch Sơn Tăng, nay thấy vua khí tượng khác thường, tất có thể làm được việc lớn”. Vua quì xuống thưa rằng: “Mạch đất của đệ tử sang hèn thế nào xin thầy báo cho biết”. Nhà sư nói: “Xứ Phật Hoàng động Chiêu Nghi có mảnh đất độ nửa sào hình như quả ấn, bên tả có Thái Thất là núi Chí Linh ở Mường Giao Lão, trong có gò Tiên Bạ, lấy Chiêu Sơn xã An Khôi làm Ấn, phía trước có nước Long Sơn, trong đó có nước Long Hồ là đất xoáy ruột ốc (thôn Như Áng)... đem thi thế mà táng ở đó, con cháu có thể phát đến 500 năm...”

V. THỪA THIÊN – HUẾ

Thừa Thiên là một tỉnh của miền Trung, Bắc giáp Quảng Trị, Tây giáp Lào, Nam giáp Quảng Nam – Đà Nẵng ngăn cách bởi đèo Hải Vân, diện tích áng chừng 5.000 km², dân số 1.100.000 (1998), thủ phủ là thành phố Huế.

Thừa Thiên Huế là tỉnh nắm giữ vai trò quan trọng trong suốt 4 thế kỷ. Hồi chúa Nguyễn Hoàng cùng với Chúa Trịnh để kháng nhau (1626), trung tâm đầu não không phải là Huế bây giờ mà ở Quảng Trị. Đến đời Chúa Sãi (Nguyễn Phúc Nguyên)

mới dời tạm đô vào Thừa Thiên đóng tại Phúc An (cách Huế bây giờ 12 km về phía Bắc). Năm 1636, chúa Thượng (Nguyễn Phúc Lan) mới dời về Huế bây giờ (sự thật chỉ cách Huế chừng vài cây số về phía Bắc), và mãi đến 1683 Chúa Hiền (Nguyễn Phúc Tần) mới định đô đúng tại Phú Xuân (Thành phố Huế).

Nhìn từ biển Đông vào, tỉnh Thừa Thiên có dạng như một con ốc ngọc đang trườn mình vào Nam, thuật ngữ phong thủy gọi đại địa đó là “Hải Loa Thổ Châu” (Ốc nhà ngọc). “Viên ngọc” ấy chính là thành phố Đà Nẵng ngày nay.

Thừa Thiên có sông lớn là sông Hương dài khoảng 7, 8 chục cây số, do những con suối trên nguồn hợp thành rồi chảy theo hướng Nam-Bắc, đến vùng núi Vung, hợp với sông Hữu Trạch, sông Hương bây giờ rộng ra. Từ Điện Hòn Chén, sông Hương uốn mình chảy về hướng Tây Bắc, đến Nguyệt Biều nó lại uốn mình chảy về hướng Đông Bắc, ngang qua trước mặt Kinh thành Huế, rồi nhắm hướng Bắc đổ vào đầm Thuận An. Lưu vực của sông rộng đến 300 km². Về phía Nam kinh thành là đồi



Ảnh 24: Sông Hương (ảnh của Bảo Cường)

núi chập chùng, hai bên tả hữu ngạn của sông là những cánh đồng màu mỡ. Tất cả các đền đài lăng miếu của vua chúa triều Nguyễn đều nằm ở vùng này.

Ngoài ra Thừa Thiên còn có nhiều sông nhỏ bắt nguồn từ Trường Sơn chảy xuyên qua vùng đồng bằng miền Bắc của tỉnh rồi đổ vào đầm phá, sông Bồ, Ô Lâu, sông Truồi... Bờ biển của tỉnh dài khoảng 120km, có cảng Thuận An, vịnh Chân Mây (tức Vịnh Cảnh Dương) nước sâu khoảng 20m, rất tiện cho việc thành lập những hải cảng lớn.

Dọc theo bờ biển Thừa Thiên là một cồn cát dài ngót trăm cây số, rộng trung bình khoảng nửa cây số, bên trong Cồn Cát là đầm phá (như phá Tam Giang), nước ở đầm này là nước “xà hai”. Cuối đầm dài về phía Nam là một đầm lớn hình “bao tử”, tên là đầm Cầu Hai. Từ Bắc đèo Hải Vân đến đầm Cầu Hai có nhiều phong cảnh đẹp như hồ Lập An, bãi Lăng Cô. Toàn bộ Thừa Thiên Huế là một vùng du lịch lớn, có nhiều tiểu cảnh cực kỳ đẹp và lý thú.

Kinh thành Huế thuộc dạng tọa Hợi hướng Tị, thuộc quái Trạch Lôi Tuy, chứ không theo hướng Bắc Nam như thông lệ.

Lăng mộ của các vua triều Nguyễn đều có tính chất phong thủy. Ví dụ như khu ngôi lăng của Minh Mệnh, các nhà phong thủy phải lục lạo cân nhắc suốt 14 năm mới có cuộc đất “Vạn niên cát địa”. Ngôi mộ nào cũng dùng công thức “tiền Án hậu Chấm, Tả Phụ Hữu Bật”. Ở Huế còn có “Cửu đỉnh” và “Cửu Vị Thần công” – Số Cửu là số của phong thủy – Cửu đỉnh có ý mô phỏng theo Cửu đỉnh của vua Đại Vũ bên Tàu thời cổ đại cách nay hơn 4000 năm. Cửu đỉnh bên Tàu tượng trưng cho 9 châu trong thiên hạ bèn vững như đỉnh như vạc. Cửu đỉnh của triều Nguyễn đúc vào thời Minh Mệnh trong suốt 3 năm (1835–1837), trên 20 tấn đồng, có tất cả 153 hình nổi (con số chia hẳn cho 9) ghi đủ toàn cảnh nước Việt Nam: sông núi, thực vật, động vật, ghe thuyền, xe cộ, vũ khí... chẳng khác gì một bộ bách khoa. Còn cửu vị thần công là 9 khẩu đại bác đặt tại Kỳ đài và cửa Ngọ môn, nòng cỡ 230mm, mỗi khẩu nặng đến 10

tấn, số đồng lấy từ súng của Triều Tây Sơn nấu chảy và đúc lại vào năm 1803. Chín khẩu đại pháo này chưa hề tham dự một trận đánh nào, kể cả binh biến năm Ất Dậu (1885).

Để biết thêm tính chất phong thủy ở Huế, xin giới thiệu dưới đây bài viết của Linh mục Cadière, viết vào năm 1916 dưới tựa đề “La Merveilleuse Capitale”, do Diên Chi dịch. Bài nguyên tắc đăng trong “*Bulletin des Amis du Vieux Huế*”. Những chữ trong ngoặc đơn do NNP chú thích. Bài dịch của Diên Chi lược bớt, sát nghĩa, nay xin sao lại làm tài liệu “đọc thêm”.

ĐẾ ĐÔ KỲ DIỆU

Nguyên tác L.Cadière

Bản dịch của Diên Chi

Đế đô kỳ diệu: do là mỹ danh của vua Thiệu Trị dùng để chỉ Huế khi ngài miêu tả 20 thắng cảnh đặc sắc đất thần kinh. Ngài không những chỉ muốn nói đến cái phong cảnh mê hồn nơi kinh thành tọa lạc, giòng “sông Thơm” mỹ miều giữa hai bờ bích ngọc, những ngọn đồi màu hỏa hoàng với rừng thông bao quanh trên đỉnh, những đồng bằng phì nhiêu, những cung điện sắc sỡ hay rêu phong thành quách nâu đỏ, những vọng lâu nghiêm ngặt, những kiều lương đồ sộ, làng mạc ẩn hiện trong rừng tre rậm rạp, vòm trời chói lọi, dãy núi đằng xa như ôm lấy toàn diện cảnh trí, nơi đó thấm lẫn màu lá cây, xa hơn lại xanh đục màu sữa điểm vàng lung pha tím.

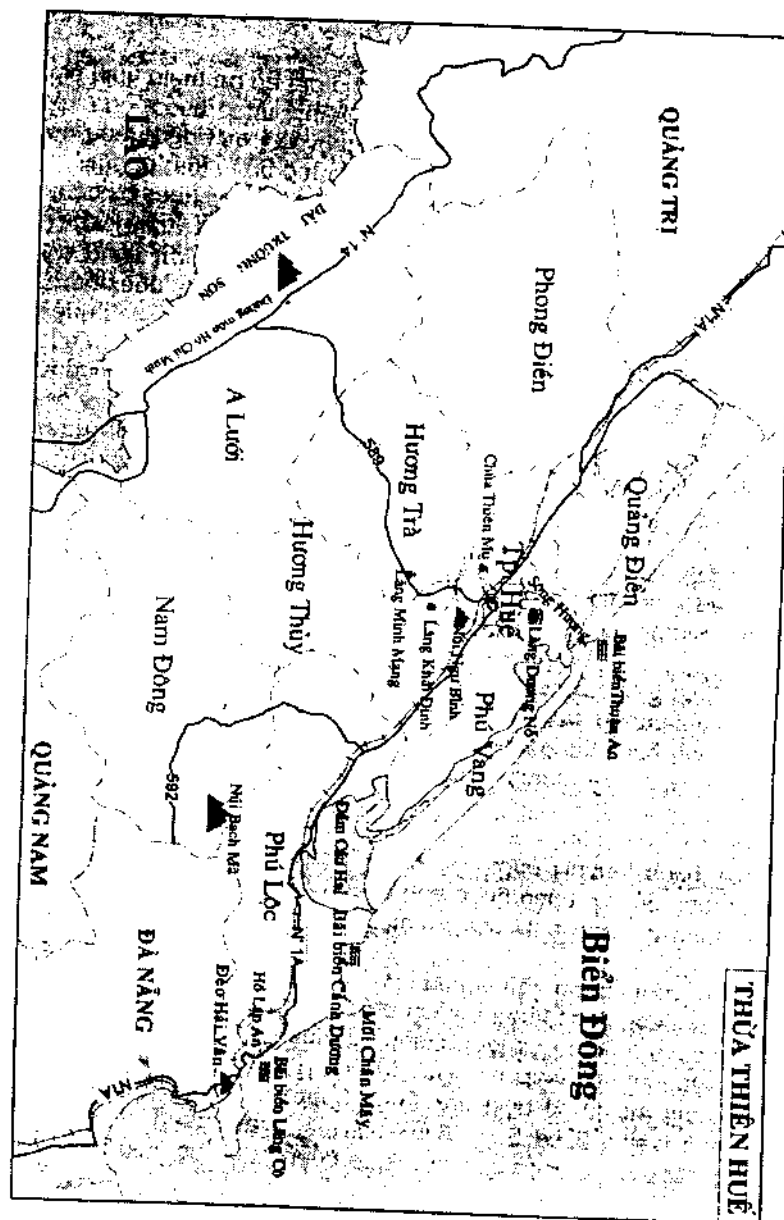
Vị hoàng đế trẻ tuổi đã ca ngợi tất cả thắng cảnh này trong thi ca ngự chế. Nhưng điều quan trọng ngài muốn nhấn mạnh là tính cách huyền bí đã tạo nên vẻ hùng tráng của kinh đô nhà Nguyễn. Chính cái mãnh lực thần kỳ của địa thế Huế đã chiêu tụ những năng lực thiên nhiên và thế giới vô hình. Đó là sức mạnh huyền diệu toát lên từ những hình thể phòng ngự có tính cách thần kỳ, thiên nhiên, hoặc do bàn tay con người xây dựng đã bao vệ che chở đế đô đầy xa những tai họa từ mọi phía. Đó là vẻ oai vệ vô song, đáng an toàn thuận thoải, nét

lầu dài trường cửu, ảnh hưởng vô hình của trời đất: Tất cả qui tụ về đây, nơi chốn kinh đô thần diệu cũng như triều đại đang trị vì. Quyền uy thần bí của riêng kinh đô Huế đã luôn luôn gây ấn tượng mạnh mẽ cho các vị vua triều Nguyễn. Có thể nói từ lâu lắm, trước khi có nhà Nguyễn, cảnh trí chung quanh đất thần kinh đã được chú ý vì địa hình thuận lợi của nó về phương diện phong thủy.

Chúng ta không biết lý do nào đã thúc đẩy các tướng lãnh nhà Hán, năm 111 trước Thiên Chúa xây dựng quận lý thị trấn Nhật Nam tại Tây Quyển, thành phố sau này người Chăm vào thế kỷ thứ 3, thứ 4 sau Tây Lịch đã đổi tên là Khu Túc; và theo dự đoán gần đây, trong tương lai phải tìm tòi phát hiện thêm những di tích còn lưu lại xung quanh vùng Hồ Quyển.

Các sử gia triều Nguyễn đã ghi lại truyền thuyết, theo đó vào thế kỷ thứ 9, một tướng Tàu Thái Thú An Nam là Cao Biền nổi danh vì những chiến công hiển hách cũng như những am hiểu về địa lý phong thủy, đã đoán biết và lo ngại về tầm quan trọng sau này của vùng đất Huế. Người ta tìm thấy một cái hào dài sau ngọn đồi có tháp chùa Thiên Mụ, có lẽ do Cao Biền cho đào vét để yểm trừ mãnh lực huyền bí của gò Hà Khê chăng?

Cẩn thận cũng vô ích thôi! Vị sang lập nhà Nguyễn đã để ý đến ngọn đồi "có dáng dấp như một con rồng ngóc đầu lên nhìn về phía sau". Và cũng chính trên ngọn đồi này "Bà Già Trời-Thiên Mụ", người đã cho tên mình làm danh xưng ngôi chùa, "Bà Già có tóc và lông mày trắng như cước, dáng điệu còn trẻ, phục sức với chiếc áo dài màu đỏ và quần lục" đã tiên đoán rằng, rồi đây sẽ có vị đế vương chân chính đến lấp đầy long mạch đã bị cắt đứt từ mấy thế kỷ trước. Để kết tụ ảnh hưởng siêu hình trở lại vùng đất tiền định này, chúa Nguyễn Hoàng cho dựng lên, tháng 6 năm 1601, ngôi chùa: sự chiếm hữu đầu tiên của nhà Nguyễn đối với vùng đất sau này sẽ là kinh đô, một sự chiếm hữu có tính cách tín ngưỡng, cũng như lý do khiến chúa Nguyễn Hoàng chú ý là lý do thuộc lãnh vực huyền bí.



Bản đồ trích trong "Non Nước Việt Nam" (của Tổng Cục Du Lịch)

Đi dọc theo hai bờ sông Hương hướng về Văn Thánh, du khách nhìn thấy dãy đồi núi chạy dài chồng chất lên nhau trông thật ngoạn mục với màu sắc tương phản. Giòng Hương Giang trải dài giữa hai ngọn đồi, một bên đồi Thiên Mụ có ngôi chùa “An Lạc Nguyên” trên đỉnh, ngôi chùa với tháp 7 tầng lao vút lên vòm trời đem xuống ân phúc tốt lành, bên phía hữu ngạn, gò Long Thọ mệnh danh là “Trường cửu vô tận”. Gò này cũng có phép nhiệm màu các nhà địa lý của triều đình gần đây đã nêu rõ. Gò Long Thọ ngăn chặn giòng sông Hương tựa mình vào giòng nước như một cái gối đối diện nghiêng nghiêng với gò Thiên Mụ, tạo nên một địa hình, địa lý gọi là “Thiên Môn và Địa Hộ”. Danh từ này cũng đủ làm cho những ai nếu không muốn tin những mãnh lực siêu hình cũng phải nhìn thấy tầm quan trọng của phong cảnh xung quanh. Năm 1824, vua Minh Mệnh cho dựng Long đình bát giác trên ngọn đồi này. Có lẽ vị đế vương rất yêu thích thơ văn và phong cảnh đẹp thường đến đây trầm tư mơ mộng dưới bóng thông và thưởng ngoạn cảnh đẹp hoàng hôn.

Có những buổi chiều phong cảnh nơi đây thật tuyệt vời! Mặt trời xuống đầu Thiên Thọ Sơn, hai chóp đỉnh chế ngự vùng đồi núi chất chồng về phía Tây kinh thành, ánh sáng nhạt dần làm nổi bật sắc màu óng ánh rực sáng trên những áng mây lấp lánh phía chân trời, hoặc lướt nhanh trên sườn núi. Sắc chiều nhòa dần hay trở nên thật dịu nhạt: giòng sông bớt xanh, ruộng đồng bớt lục và những rừng tre bao quanh thôn xóm âm u hơn. Mặt trời càng lặn thấp, nước sông trông càng giống như chiếc gương kim loại vĩ đại, thoát nhìn như bằng bạc ròng, bỗng chốc trở thành màu đồng bóng loáng hay màu hoàng kim lấp lánh. Vài con đò nhỏ thật nhỏ nổi bật như những đường gạch đen tuyền trên gương nước chói lòa, tạo nên những hình ảnh sinh hoạt của con người trên dòng sông...

Những đỉnh núi nổi bật lên thật đậm nét trong giây lát trên màu trời rực đỏ. Bây giờ vầng ô đã lặn, bỗng chốc nước sông mất vẻ chói lọi, chìm dần vào những sắc màu héo nhạt rồi tắt hẳn trong bóng đêm...

Hãy dừng lại giây lát vào khoảng giữa đường từ Kỳ Đài thành nội đến Văn Thánh. Ngôi chợ bên đường ghi dấu ngày xưa Công Thượng Vương (tức Chúa Thượng, Nguyễn Phúc Lan) vị chúa thứ ba của Huế đã dựng kinh đô năm 1636. Thân phụ ngài là Tế Vương (tức chúa Sãi, Nguyễn Phúc Nguyên) đã lựa bỏ vùng Quảng Trị và định đô tại Phúc An, chừng 12 cây số về phía Bắc Huế. Sử sách ghi rõ lý do khiến Công Thượng Vương quyết định rời bỏ nơi này.

“Địa thế Phúc An quá chật hẹp”, Chúa cho rằng địa hình sông núi Kim Long mới thật đáng chú ý, liền ra lệnh cho xây cung điện tại đây và thiết trí thành lũy cùng những cơ sở phòng vệ kinh đô.

Câu trên bao hàm một ý nghĩa phong thủy. Một cuộc đất rộng có nghĩa là, khi trở thành mộ phần người chết sẽ thoải mái ở đó, và vùng đất ấy sẽ làm cho hậu duệ người chết thịnh vượng. Ngược lại, cuộc đất nhỏ hẹp người chết sẽ bị đè ép bởi âm khí, sẽ mang lại tai họa cho con cháu. Do đó khi chọn nơi định cư, không nên chọn cuộc đất hẹp: gia tộc sẽ không vượng phát được. Tế Vương đã sơ sót không nghĩ đến điều này khi Chúa định đô tại Phúc An. Hẳn nhiên là vùng đồng bằng nơi Chúa xây dựng cung điện không có cái vẻ đẹp mỹ miều như vùng đất chung quanh Huế. Không có núi non cao rộng; khắp nơi đều là ruộng đồng san sát, chỉ có sông với hói, rạch. Tuy vậy, đất đai cũng tạm rộng để triều đình các chúa phương Nam, thời đó chưa quan trọng mấy, có thể dung thân thoải mái. Dù sao không thể đặt nền móng một hoàng thành quan trọng như kiểu hoàng thành Huế tại đây. Công Thượng Vương trong tiền bán thế kỷ 17 có tiên liệu được là kinh thành của ngài, 2 thế kỷ sau sẽ bành trướng đến độ ấy chăng? Dĩ nhiên sự chật hẹp về phương diện địa lý của giang khẩu bao quanh đất đai Phúc An đã là một trong những lý do khiến Chúa quyết định dời đô. Với những ai am hiểu tâm lý người An Nam thì lý do chính không chối cãi được, là sự co hẹp về phương diện phong thủy. Đất đai nhỏ hẹp ngăn cản sức bành trướng trong

tương lai, sự hưng thịnh của triều đại. Hay đúng hơn, hai lý do chỉ gồm lại một, vì trong trí óc người dân, những điều kiện phong thủy và ưu điểm siêu hình của vị trí được chọn, ảnh hưởng của cuộc đất đối với họa và phúc của con người, tất cả tùy thuộc, kết hợp nhau chặt chẽ hay nói rõ hơn chỉ là hai bộ mặt của một sự việc độc nhất.

Kim Long, ngược lại, địa hình sông núi thật độc nhất vô nhị. Quả đúng vậy, từ bờ sông Kim Long, ngắm nhìn phong cảnh bao quanh, cảnh trí ở đây đẹp hơn cảnh trí Phúc An.

Ở đây cũng vậy, không phải nói về cái đẹp cho cặp mắt thưởng ngoạn. Dưới mắt người An Nam, vị trí hòa hài tự nhiên của sông núi phương hướng thiên nhiên ít ra phù hợp với định mạng mỗi người, là những yếu tố rất quan trọng đối với phúc hay họa của cá nhân hay giòng họ. Quan điểm đó hẳn rằng đã làm Công Thượng Vương quyết định chọn nơi định đô mới. Trong giai đoạn mà Chúa Trịnh ở Đàng Ngoài đang dồn hết nỗ lực bóp chết kinh đô Đàng Trong, và ngay tại triều đình chúa đang phải đương đầu với những người trong giòng họ mình đang âm mưu hợp tác với kẻ thù (chỉ cho Nguyễn Phúc Anh con của Chúa Sãi trấn thủ ở Quảng Nam, làm phản vào năm 1636), Công Thượng Vương muốn đặt an toàn của cá nhân mình và tương lai triều đại mình dưới ảnh hưởng của một địa thế phong thủy thuận lợi.

Chỉ 50 năm sau, năm 1683, Ngãi Vương (Nguyễn Phúc Tần 1687 – 1691. Con số 1683 e không đúng. Vì năm này còn chúa Nguyễn Phúc Tần trị vì. Theo sử gia Trần Trọng Kim, trong Việt Nam Sử Lược viết: “Chúa Nghĩa lập phu ở Phú Xuân là chỗ kinh đô bây giờ”), vị Chúa thứ năm của Huế lại dời đô về phía Nam chừng một hai cây số trên địa phận Phú Xuân. Từ đó vị trí kinh đô nhà Nguyễn chỉ xê xích chừng vài trăm mét là cùng.

Hãy khảo sát kỹ những lợi thế thần bí vùng đất Ngãi Vương vừa chọn xong và đã được hậu duệ của ngài gìn giữ và bảo vệ đến ngày nay.

Bất cứ kinh đô nào theo truyền thống lâu đời nhất cũng phải có phần tiền diện quay về hướng Nam. Đó là điều được trình tâu lên vua Minh Mạng năm 1833 khi ngài thực hiện những việc tái thiết quan trọng bên trong nội thành: dời điện Thái Hòa, xây cất đại Cung Môn và cửa Ngọ Môn. Trục hoàng cung nằm trên đường Tí Ngọ hay đường Quý Đinh, hoặc từ Nhâm sang Bính hay từ Càn sang Tốn (sự thật kinh thành Huế ngày nay chỉ gần với phương Càn Tốn – đúng hơn là phương Tị Hợi). Mọi đường hướng trong địa bàn phong thủy phải phù hợp với phương hướng qui định giữa Tây-Bắc-Đông-Nam và giữa Bắc-Đông-Bắc Nam-Tây-Nam, đôi khi hay nghiêng về hướng Tây hay Đông.

Phương hướng truyền thống này, có tính cách dù nghi thức, đã là sự bảo đảm cho nền hưng thịnh hùng mạnh của kinh đô, của triều đại trị vì, của toàn thể vương quốc mà Phú Xuân là trung tâm. Những hình thức thiên nhiên của đất đai, sông núi, sẽ còn làm tăng thêm ảnh hưởng hưng thịnh và chính đó là điểm đặc trưng của kinh đô kỳ diệu mà người ta có thể cho rằng nhờ chọn đúng phương hướng và sự kết hợp thuận lợi của những đặc điểm địa hình, là những dấu chỉ tác động nhiệm màu của các yếu tố thần bí tiềm tàng, những uy lực vô hình, Thanh Long, Bạch Hổ.

Cách Kỳ Đài 3 cây số về hướng Nam, có một ngọn đồi, “Ngự Bình”: Danh xưng “Ecran Du Roi” (Án Sơn) này người Âu Châu dùng không phải là một sáng kiến vô căn cứ. Đó chính là sự phiên dịch chính xác tên gọi người Trung Hoa và An Nam đã dùng để chỉ vai trò của ngọn đồi. Trước mỗi chùa, đôi khi trước những phần mộ, hoặc trước nhà ở nếu có thể được, người ta thường đặt một bình phong, chỗ thì xây bằng gạch, trang trí đẹp đẽ hay đơn sơ, chỗ thì bằng đất hay do vài cụm cây nhỏ hợp lại: đó là “bình phong chắn gió”. Nên hiểu rằng đây không phải là ngọn gió độc hay chướng khí có hại; hệ thống che chắn đó sẽ buồn cười, vì có hay không những cơn gió gieo rắc bệnh hoạn, độc khí đều có thể đến được từ phía sau, phía trước, và

hai bên. Nhưng ở đây sự bảo vệ khỏi ảnh hưởng hung ác đến từ trong không khí có tính cách thần bí, ít nhiều được nhân cách hóa để khi vào nhà cũng dùng lối đi thông thường như chúng ta là công trước. Chính vì mục đích để tà ma quỷ dữ phải đổi hướng tránh đi mà người ta dựng cái bình phong. Đó chính là vai trò của núi Ngự Bình đối với hoàng thành và với cả kinh đô. Ngự Bình bảo vệ triều đình nhà Nguyễn và dân cư Huế chống lại những ảnh hưởng tai hại từ phía Nam. Sử sách nói rõ rằng: Khi Ngài Vương dời đô về Phú Xuân năm 1687 “người ta xem ngọn núi phía trước ngày nay gọi là núi Ngự Bình, như một bình phong phòng vệ”. Hình dáng ngọn núi, nhìn từ phương Bắc, hai sườn đều đặn, đỉnh núi bằng phẳng gợi lên hình ảnh cái bình phong. Tôi tin là chúng ta không đi xa sự thật khi nói rằng chính vì để hưởng thụ ảnh hưởng tốt của chiếc bình phong thiên nhiên này mà Ngài Vương đã cho dời đô về Phú Xuân.

Phải chăng chỉ vì muốn cho Kỳ Đài có trụ điểm vững chắc và lá quốc kỳ nhà Nguyễn phất phới bay cao trên không trung mà ở tiền điện phía Nam hoàng thành, cùng một trục hướng với các cung điện chính của hoàng cung, người ta đã nâng cao Kỳ Đài lên ba tầng. Hay đúng hơn chính vì muốn hoàn bị thêm hơn việc phòng thủ huyền nhiệm kinh đô, và tăng cường ảnh hưởng bảo vệ của núi Ngự Bình.

Và những khuyết đài chế ngự ba mặt Bắc, Đông và Tây, những thành quách bao bọc hoàng thành có phải được xây cất chỉ để làm nơi hóng mát, làm đài quan sát chống lại kẻ thù có thật; hay đúng hơn vì mục đích phòng vệ chống lại kẻ thù khuất mặt có thể làm nguy hại đế đô!

Và đài Nam Thắng nhô lên như một khối thép với sườn nhọn thén, nơi góc Tây Nam thành nội, phải chăng cũng có cái công dụng huyền bí riêng?

Có thể giả thiết rằng vua Gia Long ngày Kỷ Vị 9-5-1804, khi khởi đầu công tác xây cất Hoàng Thành và Tử Cấm Thành, ngày 1-5 năm 1803 (Ất Vị), khi vạch định ranh giới thành nội, và ngày Quý Vị 28-5-1805 khi xây hào thành, chính ngài có ý

muốn tận lực khai thác và củng cố những hình thể phòng vệ thần bí thiên nhiên chúa Ngải Vương ngày trước đã sử dụng.

Nếu Ngải Vương, khi dời đô về Phú Xuân, đã đặt hoàng cung dưới sự che chở của ngọn núi Ngự Bình, thì mặt khác, ngài lại đặt Phú Xuân dưới một nguy hiểm khác, vừa thiên nhiên vừa huyền bí: nước sông đe dọa sự an toàn của kinh đô.

Vào thời đó, hệ thống thủy đạo xung quanh Huế không phải như bây giờ. Việc xây cất thành nội, việc đào vét những nhánh sông phía ngoài và những lạch nước dẫn thủy nhập điền, sự lấp đầy một số lạch, hói đã làm thay đổi toàn diện hệ thống thủy đạo. Sông Hương, vào khoảng chợ Kim Long, có một nhánh đâm chéo ngang thành nội hiện giờ, từ hướng Tây sang Đông, ngày nay người ta còn trông thấy dấu tích ở miệt trên và miệt dưới dãy hào thành. Vào trọng thu, nhánh sông này nước dâng cao vỗ mạnh vào hông phía Tây của hoàng thành. Vì vậy có lệnh truyền xây bờ đê bằng đất để ngăn chặn kinh thành khỏi bị nước sông làm hư hại.

Hãy để ý rằng khi một đoạn sông nào đó đâm thẳng vào một thôn xóm, ngôi nhà hay chùa miếu, người ta liền dựng lên giữa người và con nước một tảng đá, một bờ đê nhỏ bằng đất, chỉ dài độ vài ba thước, cao chừng vài tấc. Một lối phòng vệ có tính cách thần bí che chở con người khỏi ảnh hưởng tai hại của sông ngòi. Đi chung quanh vùng phụ cận Huế, chúng ta sẽ thấy rất nhiều những con đê tương tự suốt dọc theo những hói, lạch hai bên đường.

Thật khó mà chấp nhận rằng công sự bằng đất chúa Ngải Vương cho dựng bên phải kinh thành là con đê dài và kiên cố có thể ngăn chặn sức tàn phá của sông Hương vào mùa nước lớn. Theo thiên ý chúng tôi, đó chính là một công trình tương tự như những con đê vừa nói trên, nghĩa là một hệ thống phòng thủ có tính cách thần bí để bảo vệ hoàng cung.

Con người sinh ra, lớn lên, bon chen một thời gian, bị đưa đẩy giữa hai thái cực, đau khổ và hoan lạc. Với tất cả nghị lực

của lòng ham muốn, con người lao đầu vào hoan lạc, nhưng vẫn bị xô đẩy không ngừng về khổ đau bởi định mệnh ngược chiều cho đến khi từ già cuộc đời. Sự hiện diện của con người trên cõi đời này, cuộc sống của họ, hành động của họ, cái chết sau cùng, tất cả đều nối liền chặt chẽ với toàn bộ những năng lực huyền bí xoay vần trên đầu mỗi người. Những năng lực này lại liên hợp với những tinh tú trên trời hay ẩn nấp trong lòng đất, mạch đất để tác động dưới chân mỗi người. Năng lực của trời và đất không phải là hai cõi riêng biệt, chúng phối hợp chặt chẽ với nhau cấu thành toàn bộ rất điều hòa, dù rằng vô cùng phức tạp.

Muốn đạt đến hạnh phúc, muốn tránh khổ đau, phải làm sao để đời mình, ngay cả những chi tiết nhỏ nhất nhất, phù hợp trọn vẹn với chiều hướng toàn bộ những năng lực siêu hình đã vạch sẵn cho mỗi người; vì rằng số phận con người một phần được an bài theo thiên mệnh, nhưng số phận ấy cũng tùy thuộc một phần nơi cuộc sống con người có hòa hợp với thiên lý, thiên đạo không.

Đời sống kinh đô cũng vậy, sự xây dựng điện đài cung các, thành lũy, phương hướng kiến trúc, cũng không ra ngoài những định luật đó.

Chính là để phù hợp với ảnh hưởng của trời đất, do đó có sự hội hiệp của tinh tế, sự vận chuyển của những chòm sao, sự xoay vần của mặt trời, mặt trăng, sự thu hút của bốn phương hướng mà người ta phải chọn thật chính xác bằng những phép tính rất phức tạp – chỉ có những vị quan Khâm Thiên Giám mới am hiểu và làm được – ngày, giờ dựng cột kèo mỗi lâu đài, cung điện, miếu vũ trong hoàng thành và Tử Cấm Thành; và để mọi người đều phải nhớ, ngày giờ ấy được ghi rõ trong châu bản và biên chép kỹ càng trong Khâm định điển lệ của triều đình.

Ảnh hưởng đất đai địa lý gồm hai mặt, cũng như nguyên lý cấu tạo và điều hòa toàn thể vũ trụ. Thanh Long, Bạch Hổ biểu

tượng những năng lực nói trên được nhân cách hóa theo truyền thống phong thủy, đôi khi liên hợp, đôi khi xung khắc. Bên ngoài hai uy lực này biểu hiện qua núi đồi – đôi khi một gò đất tằm thường – qua sông ngòi, hồ ao. Núi Ngự Bình, đồi Thiên Mụ, gò Long Thọ là những phát hiện tự nhiên của những mãnh lực địa tiềm. Những gò đất chung quanh thành nội vừa đề cập trên, dĩ nhiên cũng là những hiện thực do bàn tay con người xây dựng nên để châm chế hay bổ sung địa hình thiên nhiên.

Thứ nhìn bản đồ vùng phụ cận Huế ngày nay đối diện với hoàng cung, về phía Nam, núi Ngự Bình bình phong siêu nhiên. Miệt dưới và miệt trên thành nội, có 2 cồn nhỏ nằm dài giữa dòng sông, đầu hướng về kinh thành. Cù lao phía hạ lưu, nằm phía trái đối với điện Thái Hòa, xoay mặt về hướng Nam, tượng trưng cho Thanh Long, và cồn nằm phía thượng lưu, bên phải hoành trục hoàng cung là Bạch Hổ. Có nghĩa là, theo quy luật phong thủy, một vùng đất muốn được phát thịnh thì Long phai ở bên trái và Hổ ở bên phải. Hai uy lực đồng quy vào Hoàng Thành và phối hợp tại đó. Để xác định địa hình báo hiệu điềm tốt lành này, năm 1830, vua Minh Mạng cho dựng cây cầu đồ sộ về phía cực Đông của kênh đào xuyên ngang thành nội, gọi là cầu Thanh Long, và cây cầu kia bắc ngang kênh đào phía Tây thành nội trên đường lên Văn Thánh, cầu Bạch Hổ. Hai danh xưng này công nhận một sự kiện: sự phát hiện rõ rệt của uy lực Rồng Xanh và Cọp Trắng về phía Đông và Tây của kinh thành, phương hướng thường được dành cho hai linh vật này. Tuy vậy, dù cho điều này không có thật đi nữa thì việc đặt tên Long, Hổ cho hai phía Đông, Tây kinh thành cũng đủ để thu hút oai lực hai linh vật này và giữ gìn uy lực đó vì sự hưng thịnh của triều đại và đế đô.

Những năng lực siêu hình chúng ta vừa nhìn thấy qui định sự xây dựng kinh đô; sự trường tồn, thịnh đạt của chốn đế kinh có thể được bảo đảm nơi điều kiện các năng lực siêu hình đó củng cố những địa tầng cơ bản vào đúng lúc và trên một vùng

đất thuận lợi. Sự bảo vệ kinh thành, sự canh phòng liên tục hàng ngày những thành, hào, cửa ra vào kho tàng Nội Vụ được giao phó cho những năng lực siêu nhiên khác, không phải lơ mờ không chính xác, mà được nhân cách hóa, đôi khi rất rõ rệt, đôi khi mơ hồ, nhưng luôn luôn có thật: đó là những vị thần phò trợ.

Đứng đầu là Đô Thành Hoàng. Danh vị của thần này có tính cách tượng trưng. Thành Hoàng có nghĩa đen là “tường thành” và “hào sâu” phía ngoài thành nội. Người An Nam, trong vài trường hợp khi dùng thành ngữ “sông núi”, là có ý muốn nói những vị thần che chở sông núi. Ở đây cũng vậy, thành hoàng không chỉ có nghĩa là những hố hào được đào trong đất, những bức tường bằng gạch, những cơ sở phòng thủ thuần túy vật chất, mà bao hàm những thực tại vô hình hiện thân cho quyền lực phòng vệ những cơ sở đó. Nói khác đi, những vị thần siêu hình đã thật sự bảo vệ kinh thành bằng cách giúp cho những thành lũy hào hố này có sức mạnh phòng vệ kiến hiệu hơn.

Vị Thành Hoàng của kinh đô rất linh thiêng và mọi người phải kính nể. Vị thần này có đền thờ đặc biệt được dựng lên vào năm Gia Long thứ 8 (1809), mấy năm sau cuộc tái thiết kinh đô; đền tọa lạc bên trong kinh thành về phía Tây. Mỗi năm hai lần, xuân thu nhị kỳ, các võ quan đại diện nhà vua dâng cúng lễ vật. Trong những trường hợp quan trọng người ta cầu nguyện ngài. Vì vậy lúc vua Thiệu Trị băng hà, trước ngày tứ cung (quan tài) rời khỏi điện Hòa Khiêm khói hương nghi ngút, nơi ngài an vị trước khi ninh lăng, triều đình cử hành lễ “cáo thỉnh” đúng giờ Ngọ tại Đô Thành Hoàng. Một sự tấu trình lên Thành Hoàng là vị hoàng đế được thần bảo vệ trước đây đã cõi hạc về trời.

Đồng thời bộ Lễ cũng có lễ cáo tri đến linh thần các cổng thành, kiều lộ, các núi non, sông nước trong kinh thành. Nghĩa là cũng như vị Thành Hoàng phòng vệ tổng quát kinh thành,

những vị thần khác cũng được giao phó trông nom từng phần nhiệm vụ bảo vệ đế đô và những cơ sở tập trung tại đây.

Giòng Ngự Hà từ nội thành chảy ra, về phía Đông và Tây, xuyên qua 2 cây cầu đá rất đẹp.

Cầu Khánh Ninh về phía Tây, xây năm 1826 dưới triều Minh Mạng, có một đồn lính canh gác. Chỉ huy toán lính này là "ông cai", một chức vị vừa chính thức, vừa không chính thức, có tính cách tình nguyện đúng hơn, vì thật ra không có gì chính thức trong nhiệm vụ thờ cúng khá đặc biệt và kỳ lạ này.

Một hôm có việc đi qua đây, tôi trông thấy nơi tám biển bằng đá cẩm thạch mấy chữ "cổng Thủy Quan" có treo 2 vòng hoa đã héo. Bên bức hoành bằng đá, vài cây nhang cháy dở cắm trong bình thật thô sơ. Tôi hỏi người gác cầu đang tiến tới phía tôi, ý hấn ông ta đang để ý sự có mặt của tôi. Và người ấy giải thích: Họ có bốn phận canh gác cổng vào nội thành qua ngã sông đào. Ban đêm, gian phi có thể đột nhập vào kinh thành bằng cổng này làm chuyện bất chính và đồn gác này sẽ chịu trách nhiệm. Vì vậy họ cầu xin những vị thần; "những kẻ khuất mặt" trên phương diện huyền bí cũng có một sứ mệnh như đồn gác là canh phòng cửa ra vào. Sự thành công của công tác chung tùy thuộc sự cộng tác của các vị thần. Ngày xưa, ban đêm cửa cổng bằng gỗ được hạ xuống bít kín lối ra vào bằng những trục kéo theo những đường kẻ của mấy cây trụ đầu cầu, việc canh gác cũng vẫn phải nhờ đến sự phò trợ linh thiêng của thần linh. Huống chi bây giờ vài cầu mở rộng toang hoác ngày đêm (8).

Vào những ngày được ấn định theo truyền thống nghi lễ, những người có nhiệm vụ canh gác dâng cúng lễ vật cầu xin thần linh.

Ồ! Chẳng có là bao, quan quân nhà nước chẳng giàu có gì. Lẻ bạc nhưng tâm thành, một nải chuối trước tám biển ghi tên cầu, nơi người ta tin rằng có thần linh vai vác phò hộ. Thấp vài cây nhang, lạy 4 lạy, rồi đứng lên, mình hơi nghiêng về phía

- Trước, tay chắp trước ngực, đôi mắt nhìn xuống, dáng điệu vô cùng kính cẩn, người chủ lễ cầu khẩn thần linh:

“Kính lạy ngài, các đấng linh thần sông ngòi và cống thủy quan... từ xa đến đây, lạ nơi lạ chốn, chúng con tấu lạy ngài. Đây chút lễ mọn lòng thành kính dâng lên một nải chuối, cau trầu, trà rượu, giấy vàng bạc. Xin ngài phù hộ cho, điều lành đưa tới, điều dữ tống ra”.

Người chủ lễ quỳ lạy. Sau mấy tuần rượu trắng rót vào một cái chung nhỏ đặt giữa cái khay dưới tấm biển bằng cẩm thạch; tiếp đến tuần trà, rồi đốt vàng bạc để thần linh tiêu dùng. Buổi lễ kết thúc, người chủ lễ đứng thẳng, nghiêng mình, hai tay chắp trước ngực, xá vài xá cảm tạ thần linh rồi xin phép cáo lui. “Vị thần linh cống Thủy Quan” sẽ canh phòng cùng với đồn lính, cống ra vào sông Ngự Hà và đây xa tất cả những việc không lành có thể làm mấy người lính bị quở phạt.

Không phải chỉ có mấy người lính canh cống Thủy Quan mới làm việc này. Vào những ngày đã ấn định sẵn; lính gác các cửa thành, các vọng lâu, cũng đều cúng lễ vị thần linh bảo vệ cửa thành. Tại các kho, tàng phủ Nội Vụ – nơi cất giữ xe cộ, cang, kiệu, phù hiệu hay tự khí, tóm lại tất cả những đồ ngự dụng – người ta thấy trong vòng cung chính giữa, bàn thờ trang hoàng khá sang trọng thờ vị thần linh bảo vệ những đồ vật cất giữ trong kho.

VI. QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG

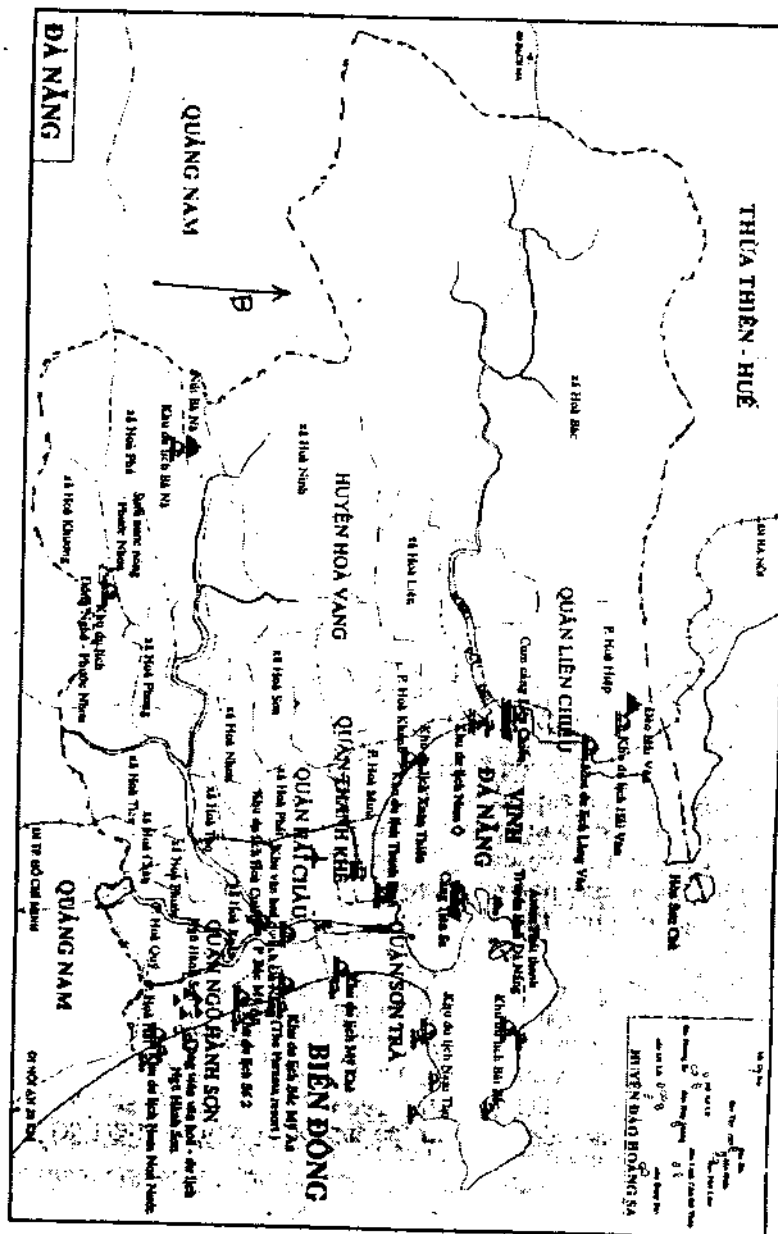
1. ĐÀ NẴNG

Đà Nẵng ngày xưa nằm trong tỉnh Quảng Nam nhưng khoác lớp áo tân thời trẻ trung và náo nhiệt. Thành phố Đà Nẵng ngày nay được mở rộng, diện tích gần 950 cây số vuông, dân số 680.000 người, các quận nội thành gồm: Hải Châu, Sơn Khê, Thanh Trà, Ngũ Hành Sơn, Liên Chiểu (5 quận) và hai huyện ngoại thành Hòa Vang và Trường Sa (hải đảo). Phía Bắc Đà Nẵng giáp đèo Hải Vân, đèo này có một vị trí địa lý rất lợi hại. Đèo Hải Vân tạo nên một sự khác biệt về khí hậu giữa Thừa Thiên Huế và Quảng Nam Đà Nẵng – mặt Đông là vịnh Đà Nẵng, bán đảo Sơn Trà như một bức bình phong, đó là một hạ tầng vô cùng thuận lợi cho mọi loại tàu.

Thành phố Đà Nẵng lấy Sơn Trà làm Ấn theo hướng Canh Giáp xê xích vài độ về hướng Thân Dần. Bên tả có mũi Hải Vân và đảo Sơn Trà, bên hữu có Ngũ Hành Sơn. Hai bên có Sơn Trà là vịnh Tiên Sa và biển Mỹ Khê, điểm vào thành phố là hai con sông Hàn và Cu Đê. Phía Tây thành phố là rừng Bà Nà cảnh trí nên thơ, khí hậu mát mẻ, cách Đà Nẵng chừng 40km, núi cao từ 1000m đến 1.400m. Khoảng năm 1920, người Pháp xây nhiều biệt thự nghỉ mát ở đây. Mây lưng chừng núi màu sắc thiên nhiên biến đổi hằng giờ. Đất Hà Tây có động Hương Tích, Chúa Trịnh Sâm châu phê là “Nam Thiên đệ nhất động”, thì Ngũ Hành Sơn (tên do vua Gia Long đặt) vua Minh Mệnh gọi là đệ nhất thắng cảnh (1837). Đà Nẵng còn là cửa thông hơi của Nam Lào và Bắc Campuchia. Về vị thế chiến lược, Đà Nẵng so với Hải Phòng bắc đồng cân với nhau.

2. QUẢNG NAM

Phía Tây Quảng Nam giáp Lào, một khu vực rừng núi mênh mông bạt ngàn, phía Nam giáp Quảng Ngãi, phía Đông giáp biển, diện tích ước chừng 11 ngàn cây số vuông, dân số 1 triệu rưỡi người, tỉnh lỵ thị xã Tam Kỳ, gồm thị xã Hội An và các



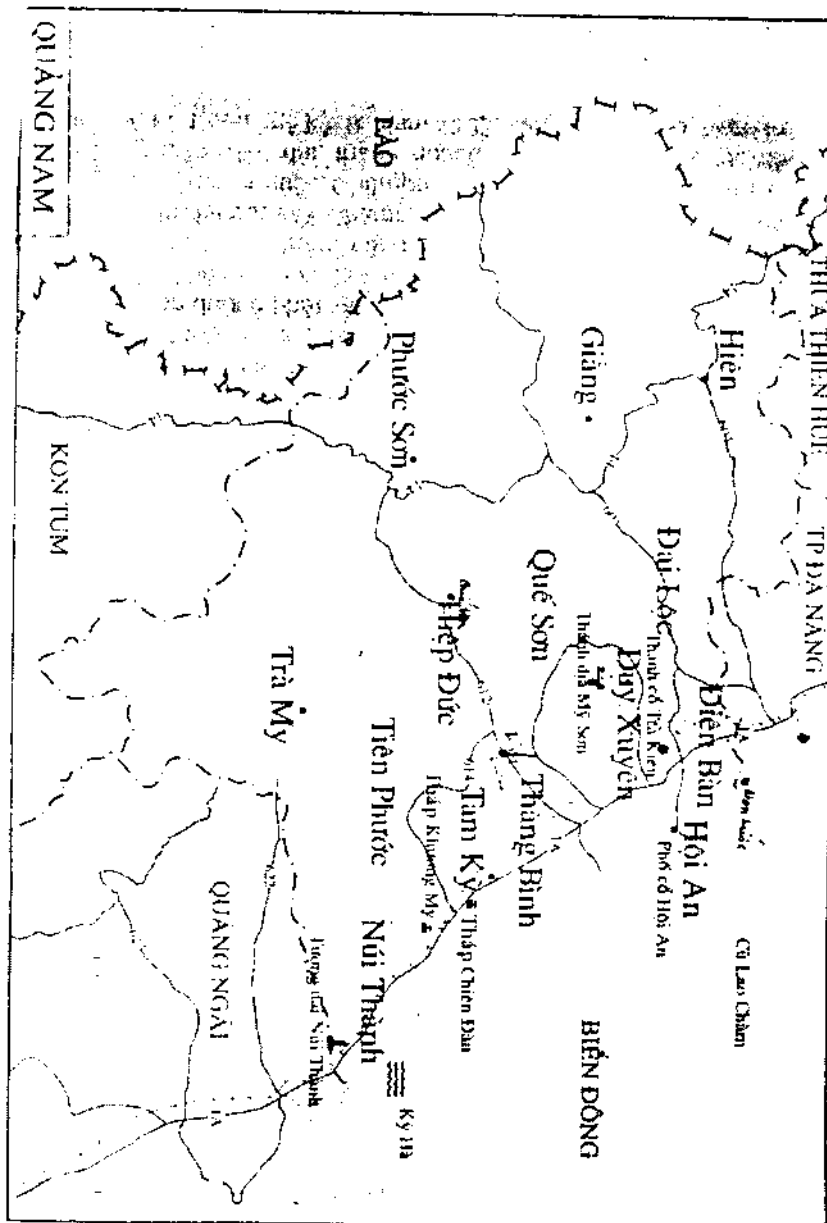
Bản đồ trích trong "Non Nước Việt Nam" (của Tổng Cục Du Lịch)

huyện: Hiên, Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên, Giồng, Thăng Bình, Quế Sơn, Hiệp Đức, Tiên Phước, Phước Sơn, Trà Mi, Núi Thành. Ngoài khơi quần đảo Chiêm Bất Lao cách đất liền khoảng 25 km (nếu đi từ cửa Đại bằng thuyền máy mất khoảng 1 giờ rưỡi), gồm 7 đảo với diện tích tổng cộng 15km² và dân số chừng 3.000 người. Cù Lao Chàm đối với Hội An là một tiền An quan trọng. Cù Lao Chàm là tiềm năng du lịch của người đất liền rất cần thiết. Các đảo nhỏ như hòn La, hòn Tai, hòn Giỏi... cũng là những nơi dạo chơi lý tưởng. Ở đó vào mùa hè có vô số trứng chim nhạn. Có hai sông lớn là Thu Bồn và Vu Gia chảy từ Trường Sơn xuôi về Đông. Lưu vực hai sông này rất rộng, về mùa lũ thường gây ngập lụt.

Quảng Nam là đất văn học nổi tiếng bậc nhất ở miền Trung. Ở Bắc Việt có làng Mộ Trạch tỉnh Hải Dương từ thế kỷ 17 về trước có tới 36 vị tiến sĩ. Giòng họ Phan ở Hà Tĩnh có hơn một trăm vị tiến sĩ, trong đó 7 vị đỗ thủ khoa, thì ở Quảng Nam cùng một lúc có “Ngũ Phụng tế phi”. Danh nhân ở Quảng Nam



Ảnh 25: Nhà thờ cụ Huỳnh Thúc Kháng (Ảnh NNP)



Bản đồ trích trong "Non Nước Việt Nam" (của Tổng Cục Du Lịch)

hậu bán thế kỷ 19 đến tiền bán thế kỷ 20 chiếm rất nhiều. Hoàng Diệu, Trần Quý Cáp, Trần Cao Vân, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Chu Trinh, Phan Khôi...

Ở Quảng Nam, về mặt văn hóa ta đặc biệt chú ý đến vùng đất thiêng Mỹ Sơn. Khu vực này vừa xác vừa hồn có đến trên 70 ngôi tháp được người Pháp phát hiện năm 1898 trong dịp kéo đường điện báo ngang qua đây. Từ năm 1940 đến 1975 suốt 30 năm chiến tranh, vùng đất thiêng này bị tàn phá nặng nề nhất là bị máy bay Mỹ ném bom từ 1965-1969 phá hủy hơn một nửa số tháp, hiện chỉ còn 20 ngôi nguyên vẹn, còn mười mấy ngôi phải trùng tu vá vúi. Sách sử không ghi lại vùng đất tháp ấy tên gì, chỉ lấy thôn Mỹ Sơn (thuộc xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên) mà gọi tên: Thánh địa Mỹ Sơn. Những tháp đó có cái xây từ thế kỷ thứ 4, thế kỷ nào cũng có xây tháp, mãi đến thế kỷ thứ 13. Đọc những bi ký được tìm thấy của Chăm ở vùng đó (1902) cho biết, quốc vương Bhadresvara là người cho xây tháp đầu tiên vào thế kỷ thứ 4 của vùng này. Có lẽ bấy giờ Trà Kiệu chưa phải là kinh đô của Champa. Thế kỷ thứ 7 vua Sambhuvarman lại tiếp tục cho xây. Tháp thờ thần Civa, lại thờ Linga, Yoni... theo văn hóa Bà La Môn.

Trà Kiệu người Chăm gọi là Cibapura (Kinh thành Sư Tử), con Đồng Dương tiếng Chăm gọi là Indrapura (Thành phố Ấn). Năm 1306, vua Chăm Chế Mân đem đất Châu Ô - Lý làm cống phẩm cho Đại Việt. Tỉnh Quảng Nam thuộc về châu này. 94 năm sau, gần toàn bộ đất Quảng Ngãi cũng thuộc về Đại Việt. Nền có thể nói, đất Quảng Nam là thế đất tiềm tàng khí chất văn hóa.

3. HỘI AN

Hội An là một thị xã nằm trong tỉnh Quảng Nam. Người Âu châu thường gọi Hội An là Faifo - Đầu thế kỷ 15, người Việt tiếp quản đất Quảng Nam, người Chăm bắt đầu rút lui dần về phương Nam. Cuối thế kỷ 16 những người ngoại quốc bắt đầu đến Hội An xin phép chúa Nguyễn lập phố và dựng

chùa (có thể từ năm 1598). Thời kỳ cực thịnh của Hội An là trọn thế kỷ 17 đến giữa thế kỷ 18, thương gia các nước Trung Hoa, Nhật Bản, Tây Ban Nha, Hòa Lan, Pháp, A Rập, Ấn Độ, Indonesia, Mã Lai, Philippin tới buôn bán và mở thương điểm. Khu phố Hội An trở nên rộn rịp.

Tên gọi Hội An đã được phát hiện đầu tiên trên một văn bia tại động Hoa Nghiêm của Ngũ Hành Sơn, bia này dựng vào năm 1640. Phố Hội An ngày ấy đóng trên 2 bờ sông Thu Bồn, đoạn sông cửa khẩu này xưa gọi là sông Sài Giang. Vào thời kỳ cực thịnh, ngoài biển nó còn bao gồm cả Chiêm Bát Lao, trên đất liền bao gồm cả các xã Cẩm Châu, Cẩm Hà, Cầu Lầu, Chợ Cui, chạy đến Bà Rắn – Thu Bồn – Trường Giang. Hải cảng mà tàu bè tới đậu, gọi là Đại Chiêm Hải Khẩu, gọi gom là Đại Khẩu. Ở Hội An ngày xưa có phố Tàu, phố Nhật, nay chỉ còn lại phố Tàu, và người Nhật còn lưu lại Chùa Cầu rất nổi tiếng. Hội An ở Đàng Trong cũng như Phố Hiến ở Đàng Ngoài, là những thương cảng rộn rịp khách thương quốc tế. Phố Hội An



Ảnh 26: Chùa Cầu ở Hội An (NNP)

bị tàn phá vào thời chiến tranh Nguyên Tây Sơn. Năm 1999, Hội An được Tổ chức UNESCO thừa nhận di sản văn hóa nhân loại (cố đô Huế và cổ phố Hội An.)

Ta cần để ý một sự ngẫu nhiên: 2 cựu đô Đồng Dương, Trà Kiệu và Đà Nẵng nằm trên đường Ngọ-Tí. Ngoài ra, suối nước khoáng Quế Tân, khu tháp Mỹ Sơn, tháp Bằng An và Ngũ Hành Sơn cũng nằm trên một đường thẳng theo hướng Mùi-Suu (tức là hướng 30°).

VII. CẦN THƠ

Cần Thơ là trung tâm đồng bằng sông Cửu Long giáp 6 tỉnh: An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Đồng Tháp, diện tích khoảng 3000km², dân số 2 triệu người, tỉnh lỵ là thành phố Cần Thơ và sáu quận: Thốt Nốt, Ô Môn, Châu Thành, Phụng Hiệp, Long Mỹ, Vị Thanh.

Hình dáng tỉnh Cần Thơ như ngón tay trở của bàn tay trái cong lại. Phía mặt Đông là dòng Hậu Giang chảy thẳng vượt lam ranh giới giữa Cần Thơ và các tỉnh Vĩnh Long, Đồng Tháp. Thành phố Cần Thơ nằm bên ngã ba sông Hậu và sông Cần Thơ (còn gọi là kênh Xà No), địa thế như vậy rất hợp với phong thủy.

Về hệ thống giao thông cả hai mặt thủy bộ đều thuận tiện. Bến cảng Cần Thơ hiện nay có thể chứa được tàu 10.000 tấn. Nguồn kinh tế Cần Thơ dồi dào nhất so với các tỉnh miền Tây, lại có thêm sân bay Trà Nóc yểm trợ. Viện Đại học Cần Thơ được thành lập từ tháng mười năm 1965, cũng là Viện Đại học lâu tiên của miền Tây. Cần Thơ phát triển rất nhanh về mọi mặt. Tâm hồn của người Cần Thơ có nét chung của người miền Nam là cần cù, chất phác. Toàn tỉnh Cần Thơ là một vùng đồng bằng "nguyên chất", với thế đất "lục diện thủy bao", còn gọi là "Liên Hoa phù thủy".

Nói tóm, thành phố Cần Thơ đáng nhận danh hiệu là "Kinh đô của miền Tây" (Tây Đô):

như: Chùa Ông – tức là Quảng Triệu Hội Quán bắt đầu xây dựng vào năm 1894 do nhóm người Hoa. Chùa thờ rất nhiều vị: thờ Quan Thánh Đế Quân (Quan Công); Thái Bạch Kim Tinh; Quan Âm Bồ Tát...

– Hội Linh Cổ Tự, dựng năm 1907: thờ nhiều vị Phật.

– Chùa Nam Nhã xây dựng vào năm 1895, chùa thờ ba vị giáo chủ Phật, Lão, Khổng.

– Đình Bình Thủy còn gọi là đình Long Tuyền, xây dựng vào tiền bán thế kỷ thứ 19. Năm 1853, vua Tự Đức sắc phong đình này là “Bốn Cảnh Thành Hoàng”, chùa này thờ những nhân vật có công với đất nước. Về sau còn thờ thêm Nguyễn Trung Trực, Bùi Hữu Nghĩa...

Vườn cò Bằng Lăng ở Cần Thơ qui tụ đến hàng trăm ngàn con cò còng gọi thêm sự thanh nhã cho tỉnh này.



Ảnh của BS Dương Đình Hùng